

SỐNG ĐẠO

(ĐƯỜNG VỀ)



TÂY-NINH THÁNH-ĐỊA
Ngày vào Thu, năm kỷ-sửu (DI 2009)
Soạn-giả.
Nguyễn-Thủy.

ĐỨC HỘ-PHÁP NÓI:

Mấy em chưa nắm được hoàn ngọc thì chưa đủ bảo toàn Vạn Linh con cái của Chí Tôn.

Qua nói Qua ẽ mở cửa Bát -Quái-Đài diu dắt mấy em mà mấy em có đến được cùng chăng là do tâm lý của mấy em đó.

Ấy vậy mấy em phải rán sức, định tâm lấy tinh thần vi chủ nêu gương cho mấy em sau này đi theo. Nếu khối phàm còn trong óc mấy em thì không bao giờ đoạt mục đích tối cao, tối trọng được, phải có khối óc thiêng-liêng mới mong thay hình Thánh-Thể Chí-Tôn đối với con cái Ngài là quần linh.

Đức Chí-Tôn nói:

Người dưới thế này, muốn giàu có phải kiếm phương thế mà làm ra của. Ấy là về phần xác thịt. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đắc đạo, phải có công quả.

Thầy đến độ rồi các con là thành lập một trường công đức cho các con nên đạo. Vậy đắc đạo cùng chăng, tại nơi các con muốn cùng chẳng muốn. Thầy nói cho con nghe. K... ôi! Nếu chẳng đi đến trường Thầy lập mà đoạt thủ địa vị mình, thì chẳng đi nơi nào khác mà đắc đạo bao giờ.

**Tường quang nhứt khí chiếu minh đông,
Tam giáo qui nguyên đữ cộng đồng.
Phật pháp khuyến nhơn qui mỹ tục,
Nho Tông phục thể hưởng thuần phong.
Diệu huyền chơn đạo tu tông hướng,
Mê hoặc tà mưu khả tự phòng.
Thế thượng dục tri Thiên sứ đáo,
Tam Kỳ Phổ Độ lập kỳ công.
(TNHT)**



Sách lưu hành nội-bộ
KÍNH BIỂU

LỜI NÓI ĐẦU.

Cùng chư vị Đạo-tâm,

Chúng ta thường ngày đi cúng ,phần nhiều người hay đến Đền-Thánh chớ ít khi đi cúng ở Báo Ân-Tử cũng là nơi thờ phượng Đức “ Diêu -Trì-Kim-Mẫu” là mẹ sanh của nhân-loại, mà nếu có đi cúng ở đây thì chắc cũng ít ai để ý và đọc được hai câu đối treo ở trước Điện thờ:

八品真魂造世界化眾生萬物有形從此道

(Bát phẩm chơn hồn tạo thế-giới, hoá chúng-sanh, vạn-vật hữu-hình tòng thử đạo).

卦爻博優定乾坤分等法一神非將治期心

(Quái hào bác-ái, định càn-khôn, phân đẳng pháp, nhứt thần phi tướng trị kỳ tâm.).

Câu đối bên phải, ở đầu câu là chữ **BÁT**, ở cuối câu là chữ **ĐẠO** . Câu đối bên trái, ở trên là chữ **QUÁI**, ở dưới là chữ **TÂM**. Nếu ghép hai chữ trên dưới lại với nhau thì sẽ thấy:

Trên là **BÁT-QUÁI** 八卦

Dưới là **ĐẠO-TÂM** 道心

Hai câu đối liền này ý nghĩa ra sao? muốn nói lên điều gì trong thời kỳ ba chuyển thế này . Đó là mục-đích đề-tài: “Sống -Đạo ”của Soạn-giả Nguyên-Thủy được thành hình , thành sách hôm nay, xin chân thành trao đến tay quý đấng -đạo với nỗi hoài mong “ Hiệp-đồng chư môn-đệ gìn luật-lệ Cao-Đài”.

Thưa quý đồng Đạo,

“ Cơ Trời mầu nhiệm đối với Đời, mà máy Thiên cơ đối với Đạo, lại càng huyền vi thậm trọng hơn nữa, có lẽ tâm phàm dầu cao kiến đến đâu cũng chưa đạt thấu được. Những vai tuồng của Chí Tôn sắp đặt trên sân khấu Đạo, nếu so sánh lại chẳng khác chi những bậc Nguyên nhân lãnh phận sự diu đời từ xưa đến nay mà thôi.

Muốn an tâm tĩnh trí và đề nén lửa lòng, cần phải có một nghị lực vô biên, một tâm trung quảng đại, thì mới khỏi bực tức với những trò đã vì mạng linh thiêng liêng phô diễn ở nơi thâm hiểm nặng nề này.

Nên biết rằng, mỗi việc chi đều có hạn định, có căn nguyên, dầu các bậc tiền bối cũng vậy. **Phải lấy nét đạo đức mà đoán xét thì mới hiểu thấu sự mầu nhiệm vĩ đại của Chí Tôn sắp đặt.**

Ngày chung qui chỉ đem về Thầy một chữ Tâm và những công nghiệp đã gây thành cho sanh chúng.

Tây-Ninh Thánh-Địa, Ngày sang Thu: 7/6 năm Kỷ-sửu (DL 2009).

**Soạn-giả
Nguyễn-Thủy**

THAY ĐỀ TỰA

Sau đây soạn giả xin trích lời thuyết đạo của Đức Hộ-Pháp và Đức Thượng-Sanh thay cho đề tựa để làm quà mọn gửi đến quý đạo hữu nhân mùa Hội -Yến.(Đl 2009).

Đức Hộ-Pháp thuyết tại Đền-Thánh 26-11 năm Tân-Mão (Đl 24-12-1951).

CHẾT ĐỜI ĐỂ SỐNG ĐẠO.

“Phải biết làm sao cái chết thật, mà phải biết làm sao cái sống là thật. Cái sống và cái chết, ta cũng nên tìm hiểu điều ấy. Và chẳng chúng ta sanh ra có hai cái sống và có hai cái chết. Chúng ta ngó th ấy xác thịt của chúng ta không phải là cái sống, bởi vật thể nó phải chịu tiêu hủy tức nhiên nó phải chết mà thiệt cái chết của nó, chẳng phải chết vì cái xác thịt mà thôi, mà chết vì danh giá, kiếp sống của mình, cái lời nói là chết. Còn bây giờ cái sống không phải cái xác thịt chúng ta đã ngó thấy trước mắt, bất quá con người sanh ra một trăm năm là nhiều rồi chết trước mắt. Ấy vậy cái sống thật chỗ nào? **Cái sống thật của chúng ta là cái sống về tinh thần hiện tại của chúng ta cho trường tồn, tức nhiên nó về linh hồn chúng ta vậy.** Cái đó mới thiệt sống, cái sống với linh hồn là cái sống thật, sống với xác thịt tức nhiên sống giả. Bây giờ còn cái sống nữa, sống thế nào đồng sống cả vạn loại, cả cái sống đại đồng sống trong cái sống ấy mà muốn đồng sống, chúng ta phải hiệp làm một cùng vạn loại, biết nó là cái sống của mình, biết mình là cái sống của nó. Cái sống ấy là cái sống của Đức Chí Tôn nắm trong tay của Ngài đó vậy. **Cái sống trên cảnh Thiên Liêng Hằng Sống của Ngài đã tạo dựng cho nó,** trước khi ta đến đầu

kiếp làm con người ở mặt thể gian này, cái sống ấy phải sống.

Bây giờ luận theo Đức Chúa Jésus Christ, phải biết hy sinh cái chết, mới tìm cái sống. Đạo giáo nào kiếm mắc mỏ khó khăn, chớ Đạo giáo Cao Đài Đức Chí Tôn **để bí pháp ấy trong Thánh Thể của Ngài. Ngài nói những kẻ nào dám chết về đời, sống vì Đạo, những kẻ ấy mới đáng làm Thánh Thể của ta nơi mặt thể gian này.** Cả toàn Thánh Thể đã hiểu lắm, tới phẩm Giáo Hữu phải chết, chết vì đời rồi sống lại, sống vì Đạo. Tức nhiên Đức Chúa Jésus Christ nói cao sâu rằng: Nếu ai đã biết, ai đã biết cái sống của chúng ta đã ban cho mà dám hy sinh cái kiếp chết của họ, là cái xác thịt này thì mới đạt đặng cái sống trường tồn vĩnh cửu, tức nhiên Thiêng Liêng Hằng Sống của Cha ta đã dành để.

Bản Đạo thuyết điều ấy cốt yếu nói cả toàn thể con cái của Đức Chí Tôn, dầu cho hàng tín đồ nam nữ dĩ *chí Đại Thiên Phong* cũng vậy, **mỗi phần tử Thánh Thể của Ngài phải biết cái mạnh của mình là cái sống thật, cái yếu của mình là cái sống giả, phải có can đảm hy sinh cái chết, cái thi hài thúi tha của ta đây đặng mà đạt cho đặng cái danh hằng sống và chúng ta đặng ngôi vị Thiêng Liêng Hằng Sống nơi của Thiêng Liêng kia của Ngài đã dành để, tức nhiên là đại nghiệp của Ngài đã chia chung cho mỗi đứa con. Đức Chí Tôn nói rằng: Thầy đành để đại nghiệp cho các con, Thầy không có quyền đem cho kẻ khác duy có kẻ nào từ bỏ, thì Thầy mới có quyền đem cho kẻ khác mà thôi. Cái sống đó mới sống thật, sống trường tồn sống vĩnh cửu. Sống Thiêng Liêng Hằng Sống của Đức Chí Tôn mới thật sống đó.**

CON ĐƯỜNG GIẢI THOÁT

(Bài Thuyết Đạo của Đức Thượng Sanh).

Kính Thưa Quý Vị,

Mỗi Tôn Giáo, dẫu Thích giáo, Lão giáo hay Nho giáo đều có tôn chỉ khuyên người lánh dữ làm lành, dưỡng tánh tu tâm để đi đến con đường giải thoát.

Phật giáo gọi Đồi là bể khổ, nước mắt chúng sanh trong ba nghìn thế giới, đem chứa tích lại còn nhiều hơn nước trong bốn biển.

Đức CHỈ TÔN NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ dạy rằng: **Cõi Đồi là nơi con người bị đầy đọa, đặng trả cho xong nợ tiền khiên. Nếu trả chưa dứt nợ, thì phải chịu trầm luân mãi cho đến khi vay trả vẹn toàn mới được giải thoát.**

Muốn được giải thoát, con người phải lo tu hành, phải sống một đời thanh bạch, tránh chốn cạnh tranh giành giựt, trau dồi hạnh đức để làm nấc thang bước lên khỏi chốn mê đồ, thoát vòng và lập công quả tục lụy.

Điêu dứt con người đi trọn vẹn trên đường Thánh đức, là mục đích chung của các Đạo giáo.

Mục đích đó, người theo Đạo có thể quên đi, nhưng nó vẫn có sẵn trong kinh điển.

Muốn vạch con đường cho nhơn sanh thoát nơi biển khổ, tránh đọa luân hồi, Đức Phật THÍCH CA dạy phải diệt cái bản ngã, dứt hết mọi tình lưu luyến, coi sự đời là mộng ảo, đoạn tuyệt sự ham muốn, trừ khử vô minh để về với chân như bất sanh bất diệt.

Đức LÃO TỬ thì coi thường mọi việc thế tình, cho công danh phú quý là phù vân, nên chủ trương cái thái độ hờ hững lãnh đạm với ngoại giới.

Đức Ngài quan niệm cái nguyên lý sinh tồn tự thể của con người, với cái nguyên tắc sinh tồn bản thể của

vũ trụ, có những mối tương quan vô hình nhưng chắc chắn, làm nhân duyên sinh khởi tồn tại cho nhau, nên muốn thanh tịnh vô vi để hòa mình cùng Đạo, hầu tìm phương trường sanh bất tử.

Chúa JÉSUS thì long trọng phán truyền cho nhân loại: **"Các con hãy trở nên hoàn thiện như Cha các con trên trời"**.

Đức KHỔNG TỬ thì áp dụng triệt để khẩu hiệu: "Thành chi" tức là tiến tới hoàn thiện. Thuyết "Thành chi" của Đức Ngài chia ra làm hai giai đoạn: Thành kỹ và Thành nhân, tức là hoàn thiện mình trước, rồi giúp người hoàn thiện như mình, để phối hiệp cùng Đấng THƯỢNG ĐẾ.

Vì hiểu thấu con người tuy hèn mọn đối với vũ trụ, nhưng được ban cho một định luật linh diệu là có thể tu tâm dưỡng tánh, để phối hợp với Trời, và Trời bao giờ cũng ở trong tâm hồn chúng ta, nên Đức KHỔNG TỬ cảm thấy mình tràn ngập vui sướng mới dám nói lên: **"Triêu văn Đạo, tịch tử khả hỷ", có nghĩa: Sáng nghe biết Đạo, chiều chết cũng vui.**

Để hoàn thiện mình, Đức Ngài áp dụng định luật "Trật tự" và "Hòa hợp" của Trời đất.

Quan niệm của Đức Ngài là **phải đem trật tự lại trong con người, tức là phải sửa ngay ngắn lại những gì chệch lệch, phải chấn chỉnh lại những gì gian tà, phải đem thành thực lại thế cho những gì giả dối.** Để thực hành việc đó, Đức Ngài dùng những phương pháp: Ý thành, Tâm chánh, Thân tu, Giới, tQuốc trị, Thiên hạ bình.

Trật tự tu tĩnh lại bản thân đó gọi là Trung. Kẻ đó đem trật tự gieo lại cho người khác, cho họ hoàn thiện như mình gọi là Thứ.

Trung và Thứ hòa hợp với nhau, để đem công bình, bác ái lại cho thiên hạ, cùng nhau góp sức chung vai nâng đỡ nhau về cùng Thượng Đế toàn thiện toàn mỹ.

Như vậy bản thân mình sẽ là khúc nhạc, gia đình mình là khúc nhạc và quốc gia, xã hội cũng là khúc nhạc.

Khúc nhạc nhưn quân đó sẽ hòa tấu cùng khúc nhạc vũ trụ.

Huyền diệu thay! Hòa bình vĩnh cửu, hạnh phúc trường tồn sẽ do đó mà phát sinh.

Tánh ích kỷ của phạm phu, lòng ganh tỵ của tục tử không còn có nữa.

Nơi bến chợ đời, người ta không còn trông thấy sự cău xé giết hại nhau vì một miếng ăn hay mảnh áo. Lễ nghĩa ngập tràn trong xã hội, trẻ biết kính già, lớn biết thương nhỏ, đi đường nhường bước, của rơi không mất. Kẻ nghèo khó được đỡ nâng, thì đạo tặc phải vắng bóng.

Cái đời thái bình thịnh trị đó là đời Thánh đức của nhà Châu dưới quyền thống trị của vua Văn Vương ở vào năm 1120 trước Tây lịch.

Nhơn dân được vui hưởng hạnh phúc, gia vô bé hộ, lộ bất thập di, trong nước không có nhà tù, vì không có tội nhơn. Nếu vạ bắt đắc dĩ phải răn phạt người sai phép, thì nhà cầm quyền chỉ vẽ một vòng tròn nơi một khoản đất nào, rồi bắt người phạm tội vào ngồi trong đó một hay là nhiều ngày, gọi là cách giam phạt tội nhơn. Mặc dù không cắt người canh giữ, nhưng tội nhơn không khi nào dám bước ra khỏi cái vòng vẽ đó và đợi đến mãn giờ phạt, có lệnh cho đi mới dám đi.

Đời Thánh Đức đó Đức KHÔNG TỬ muốn đem Đạo của Đức Ngài mà tạo trở lại trên nước Trung Hoa.

Đó cũng là cơ giải thoát hữu hình do thuyết Trung Hòa mà Đức Ngài hằng lập tâm thực hiện.

Nhưng Đức Ngài đã thất bại, vì gặp nhằm Xuân Thu thời đại, loạn lạc bốn phương, dân tình khổ sở, Vua thì yếu đuối, mất hết quyền hành, các chư hầu thì đua nhau tranh bá xưng hùng, không ai để ý đến ơn nghĩa.

Ngày nay từ Âu sang Á, làn sóng văn minh tràn ngập khắp nơi, vật chất lấn áp tinh thần khiến cho nền luân lý cổ truyền cõi Á đông phải luân lạc.

Bởi Hạ ngươn hậu mãn, nên Đức CHỈ TÔN NGỌC HOÀNG THUỘNG ĐẾ dùng huyền diệu cơ bút lập ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỔ ĐỘ với tôn chỉ qui nguyên Tam giáo, hiệp nhất Ngũ chi.

Lấy Nho tông chuyển thế, lấy sự thương yêu là phương pháp thực hành chánh Đạo. Đức CHỈ TÔN quyết cứu vớt những kẻ hữu căn thoát vòng khổ hải, tránh đọa luân hồi hầu vui hưởng một hạnh phúc vĩnh cửu.

Cơ giải thoát chúng sanh lần này là lần cuối cùng, Đức CHỈ TÔN phải ra công dạy dỗ cho toàn thể tín hữu biết hồi tâm hướng thiện, quay về đường chánh giáo tu tâm dưỡng tánh, lập công bồi đức hầu ngày chung qui được hội hiệp với Người nơi cõi Thiêng Liêng hằng sống.

Mở rộng trường thi công quả, Đức CHỈ TÔN quyết lòng chỉ bảo cho các môn đệ có thể lập vị cho mình và độ rỗi nhơn sanh còn sa ngã trong vòng tục lụy.

Đại Từ Phụ lại sợ cơ thử thách quá cay nghiệt, nên có dạy rằng: "Ngày nào Đạo đã khai tức là tà khởi. Các con phải hết sức mà gìn giữ lấy mình. Chẳng những giữ mình các con mà thôi, lại còn phải giữ gìn cả môn đệ Thầy nữa. Những mưu chước của tà mỵ làm ngăn trở bước

đường Thánh đạo của các con, đó là do Thầy dùng để thử các con. Vì vậy, Thầy đã thả một lũ hổ lang ở lộn cùng các con, chúng nó lừng thừa dịp cắn xé các con. Song trước, Thầy đã cho các con mặc một bộ thiết giáp chúng nó chẳng hề thấy đặng, đó là đạo đức của các con. Thầy lại khuyên các con gìn giữ bộ thiết giáp cho đến ngày hội hiệp cùng Thầy.

Ấy vậy, Đạo rất hữu ích cho con người như giáp hữu ích cho thân các con. Nếu các con bỏ giáp thì thân các con ra trần lổ, còn bỏ Đạo thì các con ở dưới phép tà thần".

Đức CHỈ TÔN lo lắng cho môn sinh như thế, là vì trên trường đời đầy dẫy những cạm bẫy hiểm nguy. Lòng ham muốn của con người lại vô bờ bến: Nào lợi, nào danh, nào tiền tài, nào tứ sắc.

Trước bao nhiêu cuộc quỵến rũ, con người mất hết huệ khí thiên lương nên phải sa ngã vào đường tội lỗi.

Nhưng, người đã quyết chí tu hành, quyết lánh già tầm chơn, đã xả thân cầu Đạo, xả phú cầu bần thì sự quỵến rũ nào lôi cuốn được?

May duyên gặp thời kỳ đại ân xá này, đó là cơ hội "Ngàn năm một thuở" Đức CHỈ TÔN ĐẠI TỪ PHỤ, lại tha thiết nhủ khuyên, ân cần dìu dắt, thì hỡi ai, còn tiếc chi tuồng đời mộng ảo mà phải để cho công phu lỡ dở?

Đời người qua thắm thoát như cửa sổ thoát vó câu, như ngọn đèn treo trước gió, người tu hành chẳng nên bỏ mất thì giờ, phải mau chơn tiến bước trên đường nghĩa vụ.

Giữa trường đời gió bụi, mạnh được yếu thua, khôn sống mống chết, người Tín hữu CAO ĐÀI lại may mắn được che chở dưới bóng từ bi của Đức THƯỢNG ĐẾ, lại

được On Trên ban cho một món báu mẫu nhiệm riêng biệt mà từ ngàn xưa chưa hề có trên thế gian.

Đó là ơ gũĩ thoát, mà muốn đạt được, người hành đạo duy có trải tâm chơn thành, giỏi trau hạnh đức hầu tế độ nhơn sanh quay về chánh giác. Các ân huệ đó lớn lao biết bao nhiêu!

Hội Thánh trông mong mỗi Tín hữu nên lưu tâm và đừng để mất cơ hội./.

NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ~~Đ~~ BỒ TÁT MA HA TÁT.

(Trích Thông Tin số 7, ngày 28/06/1970)



CHƯƠNG I
THEO BƯỚC CHÂN ĐẠI TỪ-PHỤ
A - LỜI CẢNH TỈNH CỦA CHÍ-TÔN.

Màu thu cảnh ướm trở về đông,
Đạo đức soi gương đã vẹn lòng.
Non xé nhành thung oanh nhật thúc,
Rừng tà đánh hạc khách trông mong.
Đường trần dù muốn dùng chơn tục,
Nguồn suối tìm nơi rửa bụi hồng.
Thìn dạ bước điu sanh chúng độ,
Nương thuyền mới trọn thoát qua sông.

Lòng đạo đức của con, Thầy đã thấu rõ, nhưng gương khổ hạnh rán giới thêm, hầu dìu dắt sanh linh vào nẻo chánh giáo, mà lánh khỏi đọa luân hồi, sanh nhằm thời buổi nhơn sanh dụng gương bắt đức mà gieo họa cho bước trần; khiến cho sai sót nẻo luân thường; bèn khổ đường mê vẫn cứ tìm vào mà làm cho biển trần chẳng biết bao nhiêu chìm đắm, đạo đức chẳng rèn lòng mà tội tình càng chác lầy; nếu chẳng có một Đấng Từ Bi lấy đức háo sanh mở Đạo Tam Kỳ đặng vớt những kẻ hữu căn, thì toàn thể giới sẽ bị dần dần tiêu diệt, ngôi cự vị ở chốn non thẳm rừng xưa, cũng chẳng có một bậc Tiên Thánh đọa trần nào đoạt lại được. Họa Âu tai Á sẽ vì Thiên Điều mà phạt kẻ bạo tàn tội lỗi; Càn Khôn tiêu tụy, mà bước tục hời chần chờ, nếu chẳng sớm xét mình để buổi ác xé trắng tà, nước đời cạn bực, ***thuyền Bát Nhã đã lướt qua, nhành dương liễu hết rơi giọt từ bi, thì ăn năn rất muộn. Khá biết lầy,*** chư chúng sanh hãy nghe.

Nguồn Tiên, nẻo Phật, từ trước đến giờ vẫn chờ kẻ hữu phân, hữu đức, hữu công, tu thân, dưỡng tánh, mà lánh khỏi thói đời mê muội nầy. Biển khổ lắm chơi vui,

mà khách phàm hằng đeo đuổi; Đài Nghiệt Cảnh rọi chẳng biết bao nhiêu tội tình, mà chôn tội tình lấm người đưa chơn tìm đến. Kiếp phù sanh không mấy chốc, đời mộng ảo chẳng là bao, sanh đứng nên người chen vai vào vòng thế cuộc, có khác chi kẻ bị đày vào biển khổ để làm xong nhân sự đặng chuộc thừa tội tiền khiên; bao nhiêu tiếng khóc câu còi, thế lộ bước đã mòn mà gấc mộng trần chưa thức tỉnh. ***Cang thường điên đảo, phong hóa suy vi, những mảng ghét lẫn nhau, giành xé nhau; mỗi Tôn Giáo phân chia, Đạo nước nhà chẳng đoái, chánh tà, tà chánh nan phân, còn chút bi thử ở cõi trần, mà tính tình dọc ngang chưa chịu dứt, một mai hồn xuống Diêm Đài, khổ A Tỳ bảo sao không buộc trôi.***

Đạo Trời khai dẫn bước lỗi lầm, đem kẻ hữu căn lánh vòng phền não, nếu chẳng bả bươn nhật thúc bóng thiêu, kiếp phù sinh qua đường nháy mắt. Hãy biết lấy!

Vậy gắng khổ tâm, giữ lòng đạo đức, mà vẽ bước cho đời sau, lập công quả đặng chờ ngày chung cuộc, phủi nợ trần ai đem tẩm lòng thiện niệm đến Tam Giáo Đài mà phục hồi cảnh cũ; rừng vắng non nhân suối chảy tòng đưa, lánh chôn đọa đày đã bấy lâu ràng buộc.

Ai ôi! Tự nghĩ biết lo xa,
Xa bốn phương trời cũng kiếm ra.
Ra mỗi manh thì tua liệu lấy,
Lấy nền Đạo chánh dẫn truyền ra.

1 - cuối Hạ-nguơn đời nhiều thay-đổi:

Hạ-nguơn là thời kỳ cuối của một nguyên-đại, là buổi xế chiều của một ngày, là lúc mặt Trời đang xuống và sắp lặn ở hướng tây, là lúc ánh nắng mặt trời không còn rực chiếu nữa, là lúc người nhà nông lo thu xếp đồ đạc để chuẩn-bị nghỉ ngơi qua một đêm dài... làm khách trần

đang dong ruổi trên biển khổ trăm luân ta có suy nghĩ gì trong khoảng thời-gian ấy ?

“ *Chớ với biết bao người giữa lượn sóng trăm luân, mà con đường xô đẩy khách trần vào chốn đắm chìm hằng về cảnh cùng sâu cho nhân loại,*

Ngày vui vẻ của sanh linh đã mòn, họa Thiên điều đã cận, càn khôn thế giới còn đeo đuổi, dụng thất đức vô nhân mà gieo thảm sát sâu trong nhân loại. Họa Âu tai Á sẽ lần lần thay phiên nhau, dụng luật Thiên đình mà diệt phạt người vô đạo, càn khôn cũng vì đó mà phải điên đảo. Thầy lấy đức háo sanh mở Đạo lần ba mà vớt kẻ hữu phần, tránh khỏi nơi buộc ràng khổ phạt. Ai hữu phước đặng để chân vào, kẻ vô phần phải bị tà yêu cảm dỗ.

Nào nhân xưa, nào đức trước, nào sách Thánh, nào lời Hiền, trải qua chưa trăm năm mà cuộc cờ đời đã rửa phai hạnh đạo.

Đường tội phước chẳng biết cân, gương đờ lành không để ý. Triền cao, vực thẳm, rừng trước, non xưa, cảnh vẫn đợi kẻ tìm về, nhưng giọng ai oán của khách lạc đường chẳng thể vạch trời xanh soi thấu.

Than ôi! Chớ với cả muôn triệu giữa dòng, mà thuyền Bát Nhã độ người không mấy kẻ, đức thừa ít có mà tài vô dụng chẳng thiếu chi, phong hóa khiến suy tòi, cang thường càng loạn phép. Tài mọn, đức hèn, mượn chước khoe mình, việc kính thành Thánh Giáo, hư thiệt, thiệt hư, đâu qua máy hành tàng của tạo hóa, như luân giữ trọn, ấy là mối đạo nhân, lo Thánh đức trau lòng là phương thoát tục. Mấy ai xét nét thế tình, lắm kẻ khinh khi nguồn Thánh.

2 –Đạo là ngọn đèn Thiêng-liêng.

“Trong các con có nhiều đứa làm tướng hễ vào đạo thì phải phé hết nhơn sự, nên chúng nó ngày đêm mơ tưởng có một điều rất thấp thỏi là vào một chỗ u nhàn mà ẩn thân luyện đạo. Thầy nói cho các con biết nếu công quả chưa đủ, nhơn sự chưa xong, thì không thể nào các con luyện thành đặng đâu mà mong. Vậy muốn đắc quả thì chỉ có một điều phổ độ chúng sanh mà thôi. Như không làm đặng thế này, thì tìm cách khác mà làm âm chất, thì cái công tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể đạt địa vị tối cao. Các con phải hiểu Thánh ý Thầy mà trau dồi chí lớn. Dầu đi lối nào cũng phải cần cái đèn thiêng liêng chiếu rõ mới đặng vững bước. Làm vua, làm thầy, làm công nghệ, làm đạo sĩ cũng cần phải có cái chí lớn mới mong thành tựu đặng. Các nghề dưới thế không có nghề nào là vô dụng mà vô dụng là tại người không chuyên vậy.”

“Màn Trời che lấp dấu trần, Đạo Thánh dắt dìu bước tục, Thế thì nhơn loại, nếu chẳng có mỗi huyền vi để nhắc chừng tâm tánh, sẽ vì mỗi danh lợi, miếng đỉnh chung mà cắn xé giết giành, giết hại lẫn nhau cho đến buổi cùng đường, rồi vì hung bạo ấy mà cõi dinh hoàn này chẳng còn sót dấu chỉ của nhơn vật cả.

Trái cầu sáu mươi tám này bỗng nhiên có một lần yếng sáng thiêng liêng để thức tỉnh khách phàm, chiếu dẫn người hữu căn hầu cứu khỏi họa Thiên điều, sẽ vì hung bạo của sanh linh mà diệt tận. Con đường vô tư để tìm cứu khổ cho chúng sanh là con đường đạo đức. Ngọn đèn thiêng liêng sẽ chực soi tỏ bước của các con; khác với con đường ấy là đường của quỷ vương đem lối. Nên hiểu kỹ lời, bằng chẳng thấu thì tu có ích chi”. Chư chúng sanh khá liệu mình”

3 - Đạo-đức là áo giáp che thân.

“Những sự phạm tục đều là mưu kế của Tà Mị Yêu Quái cốt để ngăn trở bước đường Thánh Đạo của các con. Những mưu quỷ quyết ấy do lệnh Thầy dùng để thử các con. Thầy đã nói: Thầy đã thả một lũ hổ lang ở lộn cùng các con; nó hằng thừa dịp mà cắn xé các con, song trước Thầy đã cho các con mặc một bộ thiết giáp, chúng nó chẳng hề thấy đáng là đạo đức của các con.

Thầy lại khuyên các con gìn giữ bộ thiết giáp cho đến ngày hội hiệp cùng Thầy. Ấy vậy Đạo là vật rất hữu ích như giáp hữu ích cho thân các con, nếu các con bỏ giáp thì thân các con ra trần lổ; còn bỏ Đạo thì các con ở dưới phép Tà Thần.

... Các con chớ ngại. Ngày nay Đạo đã khai tức là Tà khởi. Vậy thì các con phải hết lòng, hết sức mà gìn giữ lấy mình; đã chẳng phải giữ mình các con mà thôi, lại còn gìn giữ cả môn đệ Thầy nữa.

Thầy nói cho các con hiểu trước rằng: Cả môn đệ Thầy đã lựa chọn lọc lựa, còn lồi nửa phần, vì Thầy cho yêu quái ấy danh Thầy mà cảm dỗ... . Cười... Đi bao nhiêu đều mất bấy nhiêu. Các con chớ buồn vì Thiên Cơ phải vậy. Thi nhiều đau ít là lẽ hằng. Các con **liu** phương thế mà nâng đỡ đức tin của môn đệ cao lên hằng ngày; ấy là công quả đầu hết.

Các con phải biết trong Trời Đất, như sanh là con quý của Thầy, nên Thầy hằng để ý lo lường cho chúng con biết hồi ngộ, hầu chung hưởng phước lành. Như luân giữ trọn, ấy là mỗi đạo nhân, lo Thánh đức trau lòng là phương thoát tục.

Thầy chỉ một lòng mơ ước cho các con biết thương yêu nhau trong Thánh đức của Thầy. Sự thương yêu là chìa khóa mở Tam thập lục Thiên, Cực Lạc Thế

Giới và Bạch Ngọc Kinh. Kẻ nào ghét sự thương yêu, thì chẳng hề qua khỏi cửa luân hồi. Có câu này nữa: "Mọi sự khó khăn Thầy gánh vác, chỉ cậy các con thương yêu gắng công độ rồi".

4 – Đạo là tám bản đồ chỉ lối đưa đường.

Trần là cõi khổ, để đọa bậc Thánh, Tiên có làm lỗi. Ấy là cảnh sâu để trả xong quả, hoặc về ngôi cũ, hoặc trả không xong quả, phải mất cả chơn linh là luân hồi, nên kẻ bị đọa trần gọi là khách trần.

Khách trần thì có tới 5 hạng theo như lời thuyết Đạo của Đức Hộ-Pháp, cho dù chúng ta ở vào hạng nào đi nữa mà sống trong cõi trần khổ này rồi cũng có lúc phải trở về nơi xuất-phát... có điắt phải có về . mà đường đời có muôn vạn lối biết đi đâu và về đâu nếu không được người hướng dẫn chỉ vẽ cho đường đi nước bước thì ắt phải bị lạc vào nơi rừng sâu núi thẳm mà chớ!? Còn nếu ta là hạng “Thiên-mạng” thì chắc phải am tường (biết một cách rõ ràng) cách sử-dụng bản đồ thì mới có thể hướng đạo cho người khác được. Tám bản đồ đó là Đạo 道 vậy .Chúng ta nên hiểu Đạo tức là Pháp-luật của thiên-điều, không một ai dưới thế này có thể qua lọt được luật ấy. cho dù một bậc Đại-La xuống trần mà không tu thì cũng không mong trở về ngôi vị đặng.Ấy vậy chúng ta phải cố gắng trau dồi Đạo-đức để làm hành trang trên bước đường phản bôn hoàn nguyên.. Vậy Đạo là gì? Sao gọi Đạo ?

Phân tích chữ Đạo 道 ta thấy: chữ đạo có 12 nét, nét bên tả (丩) là Dương, nét bên hữu (亅) là âm, nét ngang (一) là chữ nhất, với nghĩa là âm dương hiệp nhất là phần của Thiên có ba nét, hợp với chữ tự (自)có 6 nét là

phần của con người thành chữ thủ (首) nghĩa là cái đầu có 9 nét., phía bên tả chữ thủ thêm bộ dẫn (có 3 nét) 廴 tượng trưng cho phần Địa (gồm có Thủy, hoả, Phong), tam bửu . Lại nữa trong chữ tự phía dưới nét chủ (丶) là chữ mục (目) nghĩa là con mắt, mà mắt là chủ tâm hồn. Vậy ta có thể nói rằng: Đạo là do âm dương hợp nhất “ Nhất âm, nhất dương chi vị đạo” (TrỜI có 3, ĐẤT có 3, con người có ba bấu tức Tam âm hiệp với tam dương) mới đủ số 12 là số của Thầy.. Hãy nghe lời thuyết của Đức Chí-Tôn về chữ Đạo:

Đạo, tức là con đường để cho Thánh, Tiên, Phật đọa trần do theo mà hồi cựu vị. Đạo là đường của các nhơn phẩm, do theo mà lánh khỏi luân hồi. Nếu chẳng phải do theo Đạo, thì các bậc ấy đều lạc bước mà mất hết ngôi phẩm. Đạo, nghĩa lý rất sâu xa, nhưng phải hiểu trước bao nhiêu đó, rồi mới học các nghĩa huyền bí khác cho đích xác đặng. Đòi cũng thế, Đạo cũng thế, chẳng Đạo chẳng nên Đòi, Đòi Đạo chẳng trọn, lấy Đạo trau Đòi, mượn Đòi giới Đạo, Đạo nên Đòi rạng, giữ áo phồn hoa, nương bóng khổ trăm năm mãi cuộc, tự thanh cao, ném mùi tự toại, dưỡng chí thanh nhàn thì có chi hơn.

Vậy là mâu, vậy là trí.

5- Tám bản đồ vô-vi.

Tu vô-vi tức là luyện rèn Trí tuệ cho được sáng suốt đó là cơ Đạo-tâm vậy.

Theo hai câu Đòi ở phần “ Lời nói đầu” của quyển “Sống-đạo”. Soạn-giả xin vấn tắt lời giải lý sau đây:

Bát-quái: là 8 cái kỳ lạ, tức là tám quẻ trong Dịch - lý, là Tám biểu -tượng căn bản được hình thành do sự kết hợp lý Âm-dương với lý Tam-tài mà làm nên cho cơ Đạo

của Chí-Tôn Khai mở Kỳ Ba này hầu độ rồi các đấng chơn hồn thoát vòng tục-lụy mà trở về ngôi xưa vị cũ.. Bát-quái là thể-pháp của Đạo Cao-Đài là do Đức Chí-Tôn dựng nên, lấy gốc là Toà-Thánh Tây-Ninh cũng là Bạch-Ngọc-kinh tại thế đó vậy. Có thể-pháp tất nhiên có bí-pháp, tu theo thể pháp là để giải khổ cho phần xác mà thôi, chỉ có tu Bí-pháp mới giải thoát cho mình và cho chúng sanh đặng.

ĐẠO-TÂM: 道心 là Tịch-đạo đến sau Tịch-đạo Thanh-Hương để báo cho chư tín-đồ biết rằng: thời kỳ chuyển-pháp đã đến phải tu vô-vi mới mong tránh khỏi hoạ Thiên-điều hành-phạt. Chúng ta nên biết rằng: ***“Thời kỳ mật pháp này, khiến mới có Tam Kỳ Phổ Độ các sự hữu hình phải hủy phá tiêu diệt.***

Thầy đến chuyển Đạo, lập lại vô vi, các con coi thử bên nào chánh lý: Hữu hình thì bị diệt đặng, chớ vô vi, chẳng thế nào diệt đặng.

Th..., Thầy đã khiến con đi Đé Thiên Đé Thích đặng xem cho tạn mặt hữu hình, nội thế gian này, ngày nay ai cũng nhìn nhận cho là tối đại, mà con đã thấy nó còn bền vững đặng chẳng? Lòng đạo đức con Thầy thấy rõ, nhưng thời giả dối đã qua, thời kỳ chân thật đã đến. Thầy không muốn cho con hao tài, tổn của, mà gìn giữ sự giả dối.

Chẳng cần chi con lo lập Thánh Thất của Thầy và sùng tu Phật tượng chi hết. Con hiểu bốn nguyên "Bảo Sanh" là bốn nguyên "Thánh chất Thầy".

Thầy khuyên con để dạ lo cho nhơn sanh mà thôi; phân hồn về Thầy

Ng... nghe Thầy:

*Nghiệp thành trước đã có On Trên,
Công quả độ sanh khá vẹn đền.
Đạo đức thìn soi gương trí huệ,
Nguồn dào đoạt vị mới hầu nên.*

Hai con có lòng vun nền đạo đức; phải khổ tâm thêm nữa mà giữ cho tròn phận sự. Mùi chung đỉnh bả vinh hoa có khác chi ngọn cỏ phơi sương, vừng mây giữa gió, nét hạnh đức là phương hay để dìu dắt các con bước lên con đường cực lạc, tránh khỏi đọa tam đồ. Thầy vì đức háo sanh nên chẳng kể bực Chí Tôn cầm quyền thế giới, đến lập Đại Đạo Tam Kỳ trong lúc Hụ nguon này mà vớt sanh linh khỏi vòng khổ hải. Ai biết Đạo tức là có duyên phần, ai vô Đạo tức là số chịu hình khổ luân hồi; phải mau chơn, ăng luyện ái sự thế, thì sau ăn năn rất muộn. Than ôi! Thầy đã là Đấng lập khổ hình, chiếu theo phép công bình của tạo hóa, nhưng thấy nhơn sanh càng ngày càng bước vào con đường hắc ám, để đem số phận buộc vào đó thì Thầy cũng bắt đầu lòng, nhưng chẳng lẽ bỏ phép công vì sanh chúng. Ấy vậy Đại Đạo Tam Kỳ chẳng khác chi một trường thi công quả; nếu biết ăn năn trở bước lại nơi đường sáng sửa, giới tâm, trau đức, dặng đến hội diện cùng Thầy, thì mới đạt dặng địa vị thanh cao trong bửi chung qui cho. Chúng sanh khá nghe và xét mình cho lắm”.

6 - Đạo khởi nơi đâu?

“Chư đạo hữu biết trước, muốn rèn lòng đạo đức phải khởi nơi đâu cho chắc bước đường chẳng?”

Cái Tâm là vật người không thấy được, khá giới trau nó trước, nếu bỏ tâm kia ra ngoài mà rèn hình thể thì chẳng khác chi quì đọc kinh, đèn đốt đở hừng mà thiếu bực Thiên Nhân trên diện vậy. Hồn ma bóng quế

cũng lên ngôi, mà ngọc quý vô thường cũng xấp xỉ, đó là phương đem đường cho quý vương chẳng một ai tránh được nghe.”

Ấy vậy, nên biết mà răn mình,

“Đạo đức cần trau nơi tâm là chỗ chẳng ai thấy được. Rèn trau cho thuần tâm mỹ tánh, rồi mới lần đến bề ngoài, trợn hết cả ngoài trong, thì chừng ấy thân hình tâm trí chắc khư, nào ai chuyển lay cho được. Lo ngoài quên trong, che bề trong trau bề ngoài, ấy là cách thức của Hôn Lưu Bang đối đãi với tướng sĩ đó, cũng như có xác không hồn, chuộng hữu hình mà quên các huyền bí chơn truyền. Than ôi! Có hình ~~h~~ xương thịt mà chơn hồn phưởng phất nơi xa thì cái thân vô dụng ấy trợ trợ như khối đá dựa đường, như khúc cây bên trũng. Có đèn dầu đầy mà thiếu hơi lửa nhen lên thì cũng phải mờ mịt thâm u, trông chi soi sáng.”

7 -Hãy mau thức tỉnh cố -gắng lập công để trở về cùng Thầy.

Thầy hằng muốn cho các con hiệp chung nhau mở đường chánh giáo, phải biết tương thân tương ái, chia vui sẻ nỗi cho nhau mà đìu dắt chúng sanh. Nếu vì chút phàm tâm mà chia ~~đ~~ phân nẻo, ghét nghịch lẫn nhau, các con ~~ẽ~~ treo gương bắt chước cho kẻ sau, lại nền Đạo cũng vì đó mà khó mau thành đạo. Các con khá để ý đến, ấy là các con hiến cho Thầy một sự thành kính trọng hậu đó.

“Đạo Trời soi gương rạng, khá bết tình mộng hồn, kiếp sanh chẳng bao lâu, đừng đợi đến ngày cùng tận. Nơi trường thi công quả, nên cần lấy phước phần, chẳng sớm trau thân rình chiều ác xé ”.

Mấy ai xét nét thế tình, lắm kẻ khinh khi nguồn Thánh, chớ chúng sanh khá liệu mình.

8- Đạo đức mới thắng hung bạo

Trong trường đấu tranh quyết-liệt để dành lấy sống còn này (Thời kỳ văn-minh khoa học cực thịnh) giữa các thế-lực đối chọi nhau mà muốn bảo tồn được nhân loại thì không thể nào lấy sức hung-bạo mà đọ nhau được tức không thể lấy bạo-lực chống bạo-lực, mà chỉ có thể dụng nhu mới chế được cương. Cái nhu đó là Đạo -Đức vậy. **Đạo-đức chính là sức mạnh hòa bình** đem lại sự yên vui cho nhân loại cũng như cho vạn vật trong vũ-trụ , thế nên

“Thầy đã nói dụng hòa bình êm ịch mà dẫn các con trong đường Đạo. Các con cũng nên lưu tâm, để hết công trình trí não lo lắng thì bước đường càng bỡ ngỡ càng tới chẳng điều chi cản đặng; duy có một điều là chớ môn đệ và tín đồ xa khuất lời Thánh Giáo, nên phân nhiều để thì giờ mà chăm nom về nhơn sự (thế tục).

“Than ôi! Đều vui sướng lao trần chẳng ai buộc mà nhiều kẻ tìm tới, mới đạo đức trau thân là phương châm thoát tục, mà lắm kẻ trốn lánh, bài bác mới Đạo Trời, khua môi, uốn lưỡi, mà tưởng cho mình hơn đặng các phẩm nhơn sanh, chớ chẳng dè là một hình phạt rất nặng nề đã chực chúng nó nơi chốn A Tỳ.

9 – Thành tâm hành Đạo

Vốn Thầy tạo lập nền Chánh Giáo cho dân Nam Việt chẳng phải là việc nhỏ đâu. Các con ví biết Đạo là quý thì phải ân cần thận trọng;

Sanh nhằm đời có một Đạo chánh chẳng phải dễ, mà bước lên con đường chông gai; lần vào non thẳm kiếm ngọc lại càng khó; khó dễ nơi lòng, chớ đem thói ám muội mờ hồ vào đường đạo đức sau ăn năn rất muộn.

Cơ lập Đạo là nhiệm mầu vô giá, biết Đạo, biết ta, biết người, biết thế, biết thời, biết dinh hư, biết tồn vong ưu liệt rồi mới có biết hổ mặt thẹn lòng, biết sự thế là trò chơi, biết tuồng đời là bể khổ, biết thân nô lệ dẫn kiếp sống thừa, biết nhục vinh mà dạy trở trên con đường tấn thối. Có đâu đường đời còn lăm giành xé, hại lẫn nhau, mong chi đặng tâm Tiên noi Phật. Đợi đến ngày thành tựu các con mới thấy rõ Thiên cơ, thì chùng ấy các con muốn lập công bằng buổi này sao đặng, vì mỗi việc khó khăn trắc trở là lúc sơ khai. Vậy Thầy khuyên các con rán thành tâm hành đạo, mà đạo không phải giữ bằng lỗ miệng không đâu.

B - PHẢI CÓ TÍN NGƯỠNG MẠNH-MẼ VÀO NỀN ĐẠI-ĐẠO.

ĐẠI-ĐẠO TAM KỶ PHỔ-ĐỘ là đạo duy nhất do đức Ngọc-Hoàng Thượng-Đế lập nên với mục-đích là qui nguyên tam-giáo (Nho, Thích, Đạo) phục nhưt Ngũ-chi (Nhơn-đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo) là để đem đến cho loài người một niềm tin mạnh mẽ vào Đạo Trời, bởi thế mới bắt buộc người muốn vào đạo đều phải lập minh-thệ trước Thiên-Bàn rằng: “ Tôi..Tên, Họ.. “Thề rằng : từ đây biết một Đạo Cao-Đài Ngọc-Đế chẳng dối dạ dối lòng, hiệp-đồng chư môn-đệ, gìn luật-lệ Cao-đài, như sau có ông hai thì Thiên truĐịa lục” (gồm có 36 chữ). Ấy vậy , lời minh-thệ là để cho người muốn làm môn-đệ Chí-Tôn trước khi nhập môn cần phải có lòng thành-tín rồi mới quyết định.

Bởi vậy Thầy mới phán rằng:

Các con phải biết: hễ là người thì phải biết Đạo; không biết Đạo không phải là người. Cái chánh cái tà

rồi đây sẽ phân biệt nhau. Nếu các con còn để một vài điểm mờ hồ trong dạ thì làm sao chóng đến nơi, đến chốn đứng?

*Mỗi Đạo Thầy đưa cho các con phăng đầu hết, thì các con phải biết trách nhiệm các con lớn lao cao thượng là chừng nào – Nếu các con không biết nghĩa vụ của Đạo, thì sao cho xứng đáng? Vậy Thầy khuyên các con cứ thìn lòng thìn nết, cho có **tự tự trong Đạo**, thì tức nhiên muôn điều khó nhọc cũng tan như giá.*

Các con phải đồng tâm hiệp lực nhau, bỏ hết các điều tệ theo thường tình, thì mới dễ thành Đạo. Vậy Thầy khuyên các con đưa nào có trí lực bao nhiêu khả đem ra mà thi thố, chớ đừng sụt sè theo thói nữ nhi, vậy cũng uổng cái điểm linh quang của Thầy ban cho các con lắm.

1-Thời đạo loạn.

Nói rằng Đạo loạn chớ thật ra là tâm con người loạn: chỉ biết có vật chất mà không nghĩ gì về tinh-thần, chỉ lo cho thể xác được mập béo mà không kể đến linh hồn đang đói khổ, chỉ biết cái sống của riêng mình mà không nghĩ gì đến đồng-loại rên siết trong nỗi khổ đau., luật-pháp đời nay đời mai đổi theo tham-vọng của kẻ cầm quyền. Ở trên không giữ công chánh thì **ho** sao dưới chẳng loạn cho **đưc**...Luật thương -yêu quyền công -chánh **ư**ca Thượng-Đế bắt buộc phải thể-hiện để lập lại đời mới cho xã hội Thánh-đức mai sau. Thế nên mới có ngày phán xét cuối cùng, điều này hẳn nhiên là phải có và nó đã đến rồi đó.!

Thế-giới phải có chiến-tranh rồi mới có được hoà-bình, cũng như Đạo phải có loạn rồi mới tới trị. Đạo loạn

là do nhơn-sanh không có **h**im tin ở người cầm đầu , không làm theo chơn-truyền luật pháp mà chỉ biết làm theo tư-dục là tánh nét của hầu hết kẻ phàm-phu ở thế-gian này. Không có hạn h-đạo đứng đắn thì làm sao nhơn sanh tin-tưởng được mình là kẻ dẫn lối, đưa đường chỉ nẻo vào đến nước bình-an cho được. Nước mà vô đạo thì làm sao trị được, thế-giới mà vô đạo thì chắc chắn là chiến tranh phải xảy ra mà thôi. Thầy cũng đã cho biết:

*Thầy quyết lấy đức háo sanh mở Đạo, cứu rỗi sanh linh, cho kịp trước kỳ Hạ Nguơn này, nhưng Đạo chẳng hoàn toàn, con đường đi chưa cùng bước, là vì **tại nơi lòng nhiều đũa, chưa để hết tín ngưỡng mà nghe lời Thánh giáo, cho nên lùn hời, nên Đạo phải ra tan tành manh mún.***

Kẻ hữu đức buồn lòng thối bước, đưa chơn thành không vui nắm tay theo; ma hồn quỷ xác loạn vào; kẻ đức thiếu niú đũa không nhân; thành ra nhơn kém đức suy, cứ thẳng một đường tà dung ruổi.(không làm theo chơn-truyền và Tân-luật).

Công Thầy bố hóa, bị lũ học trò tham lam ngu xuẩn, dục lợi cầu danh làm cho tà quái lẫn vào, dùi dắt vào chốn hang sâu vực thẳm; thế mà hồn Đạo phải chịu ngàn năm phưởng phất.

Thầy thấy nhiều đũa xả thân cầu Đạo, diệt tục xử phàm để mình làm hướng đạo. Hỏi vậy có ai xứng đáng chưa?

Áo dà cũng muốn mặc, giày đạo cũng muốn mang, muốn đứng trước cả nhân sinh để cho họ biết mình hướng đạo. Đường Tiên cũng lấp lửng, nguồn Thánh cũng toan vào mà thấy bạc rơi cũng chẳng bỏ, lợi mún chẳng từ, mượn danh Đạo mà tạo danh mình, vô Thánh Điện mà hơi

tà còn phưởng phất. Muốn cho nhà thiết cao, áo thiết tốt, mượn lột cạp dọa cáo bày, bụng trống lỏng, túi thâu đầy toan làm thầy lũ đại.

Thầy vì mấy chục ức nguyên nhân, không nỡ để cho ngôi phẩm tan tành, chỉ lấy luật Thiên thơ thì không một ai dựa vào Kim Bảng.

Ôi! Lột Đạo, lột Đạo, Thầy buồn cho trẻ ngây, chẳng còn biết làm sao đem Thánh giáo vào tai chúng nó được.

Thầy nhớ xưa, kẻ mộ Đạo, chịu ngàn cay muôn đắng, biết có người mà chẳng biết nhọc mình; giày gai áo bã, đội nguyệt mang sao, gió trước lọt chòi tranh, mưa sau hư giậu lá, **bần hàn chẳng quản, tay trắng điều người, một mảy không bợn nhơ, mới có thể lập ngôi cho mình dựng; có đâu lấy của lán nhân, mượn quyền xưa đức, kẻ c hân thành lánh mặt, đưa tà mị áp vào, rồi cùm nùm mang hơi tà, lại đưa nói rằng thờ chánh giáo.**

Thầy hỏi: Ai chứng cho?

2 – Người tu hành chân chính là biết chọn cho mình cái sống vĩnh hằng

Chúng ta thường nghe miệng người đời hay nói câu: “Khôn chết, dại cũng chết duy có biết là sống”, Cái sống đây tức là sống Đạo, sống đạo là cái sống vĩnh-hằng, là sống cho linh-hồn, trái với lối sống này là sống đời, là chỉ biết sống cho xác thịt. Chúng ta lắng nghe Chí-Tôn nói về sự sống và chết thì sẽ hiểu:

“Sự chết, thường thế gian gọi chết là hết, là vì dốt không biết đạo nên tưởng lầm.

Khấp trong nhân loại trên mặt địa cầu này, phân đông vì kính thờ Tà quái, mà Tà quái vốn chứa sự chết, thì

tức nhiên chúng nó ở trong vòng sự chết là phải tiêu diệt, thì bao giờ biết đặng sự hằng sống là gì. Cười . . . Nếu Thầy không đến kịp thì các con cũng vẫn bị trong vòng sự chết.

Tà mị cũng như một hạt lúa bị hằm mà thúi thì thế nào mọc đặng mà sanh bông trở trái.

Còn bực chon tu, tử như một hạt giống tốt, hễ gieo xuống thì cây lên, cây lên thì trở bông, rồi sanh trái mà biến biến sanh sanh càng tăng số. Vì vậy mà các con phải bỏ xác trần, mà bông trái thiêng liêng các con sanh hóa Chon thân, Chon thân lại biến hằng muôn thêm số tăng lên hoài. Ấy là Đạo.

Bởi vậy, một Chon thân Thầy mà sanh hóa thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần, và toàn cả Nhơn loại trong Càn khôn Thế giới. Nên chi, các con là Thầy, Thầy là các con.

- Như kẻ bên Phật giáo hay tặng Nhiên Đăng là Chương giáo, Nhiên Đăng vốn sanh ra đời Hiên Viên Huỳnh Đế.

- Người gọi Quan Âm là Nữ Phật tông, mà Quan Âm vốn là Từ Hàng Đạo Nhân biến thân. Từ Hàng lại sanh ra lúc Phong Thần đời nhà Thương.

- Người gọi Thích Ca Mâu Ni là Phật Tổ, Thích Ca vốn sanh ra đời nhà Châu.

- Người gọi Lão Tử là Tiên Tổ giáo, thì Lão Tử cũng sanh ra đời nhà Châu.

- Người gọi Jésus là Thánh đạo Chương giáo, thì Jésus lại sanh nhằm đời nhà Hờn.

Thầy hỏi: Vậy chớ ai sanh ra các Đấng ấy?

Khí Hư Vô sanh có một Thầy. Còn mấy Đấng Thầy kể đó ai sanh? Ấy là Đạo. Các con nên biết.

Nếu không có Thầy thì không có chi trong Càn khôn Thế giới này, mà nếu không có Hư Vô chi Khí thì không có Thầy.

Máy Thiên cơ các con chưa ỡ, các con ứ tưởng lầm rằng Thầy không kềm chế kẻ vô lương đặng. Các con hằng muốn thấy kẻ ấy bị hành phạt nhãn tiền, thì mới vừa lòng các con. Nhưng Thánh ý Thầy không phải vậy đâu, Thầy đã nói cho các con hay trước rằng: **Nếu các con không tự lập ở cõi thế này, là cái đời tạm của các con, thì Thầy cũng không bồng ẵm các con mà đỡ lên cho đặng.** Ấy vậy cái vấn đề tự lập là vấn đề các con phải lo đó. Thầy vì công lý mà khai đạo cho các con, cũng là một phúc hạnh lớn cho các con. Nếu Thầy còn đưa tay bồng ẵm thì các con chẳng còn để ý chịu nhọc vì Đạo. Thầy lại có nói rằng: Ngày nào các con, còn trông thấy một điều bất bình ở đời này, thì Đạo chưa thành vậy.

Muốn cho cơ đạo sớm được thành tựu thì giờ đây mỗi con người tu của chúng ta phải thật sự hồi đầu và thành tâm lỗi cải, đối diện với chính mình, bỏ ra ngoài những lời thị phi đàm tiếu chạy theo mỗi lợi đường danh, quyết chí tu hành, chết đời sống Đạo...

3- Luyện chơn thần cho mạnh mẽ

Chơn-thần ở đây muốn nói chính là lương tâm, là cái thiên-lương mà trời đã ban cho con người, bản nguyên của nó là sự sống là ánh sáng phát ra từ khối Đại-linh-quang của Trời, nên nó đồng thể với Trời vậy.

Người tu-hành phải biết cách luyện mới có được một chơn thần mạnh-mẽ, cho nên thầy mới nhắc:

Thầy thấy nhiều, tu cũng muốn tu mà thế tục cũng không muốn chừa bỏ. Thế tục là nét dều dặt cho mắt tánh thiêng liêng, phải lấy nghị lực cương tâm mà kèm chế, thì cái lỗi diệt vong mới chẳng làm uổng công phu hành đạo cho.

Tu hành vẫn trái với thế tục, mà trái với thế tục mới dựng gàn ánh thiêng liêng.

Các con hiền mà dữ, các con yếu mà mạnh, các con nhỏ nhoi mà là quyền thế, các con nhịn nhục mà các con hành phật; cứ chỉ các con khá tập sao cho nghịch với cứ chỉ thế tình, thì là gàn ngôi Tiên Phật đó.

Ngôi vị Bạch Ngọc Kinh chẳng wa chứa kẻ hung hăng mà ự một điều là kẻ hung hăng đạo đức thường phá cửa lún đặng vào, địa vị phần nhiều đoạt bởi kẻ ấy.

Phần nhiều trong các con chẳng để lòng thờ kính Thầy, tưởng cho đem thờ Thầy vào nhà là chủ ý cầu một việc lợi riêng chi cho gia quyến vậy thôi, chớ chẳng hiểu là một nguồn trong sạch để rửa các lỗi phạm tục của các con. Nhiều đũa lại còn mờ hồ, đã thờ Thầy mà còn chưa chắc ý rằng thờ đặng chi, và mở Đạo có ích gì?

Than ôi! Đã bước chân vào đường đạo hạnh mà chẳng để công tìm kiếm, học hỏi cho rõ ngọn nguồn, thì làm phận sự môn đệ như thế có ích chi cho nên Thánh giáo đâu? Đạo Trời khai ba lượt, người tục lỗi muôn phần, sanh đứng vào vòng thế cuộc, chưa biết mình đã lãnh một vai tuồng, đặng chờ lúc kết quả hôn qui Thiên ngoại, lánh khỏi xác phạm trở về nơi khởi hành mà phục các điều đã thi hành giữa sân khấu là chốn trần ai khốn đốn này; phận chưa xong phận, thân chẳng nên thân, thân phận lo tính chưa rồi, còn mong môi chi dụng mình vào đường đạo đức để cho có ích chung nữa đặng! Lương tâm

của các con là một khiếu thiêng liêng của Thầy ban để sửa trị riêng các con trong đường tội lỗi và ban thưởng trong việc nhen đứ; làm một việc phải tức là do nơi ý Trời; phạm một nét vạy tà là cãi nơi Thiên luật; phải quấy Thần Thánh chỉnh chép biên, thưởng phạt duy đợi ngày chung cuộc! Khá biết lấy!

4 –Thờ Thiên-nhãn là thờ Trời

Tại sao thờ Thiên-nhãn là thờ Trời?

Thầy nói:

“ Chưa phải hỏi các con biết đặng tại sao vẽ Thánh Tượng "Con Mắt" mà thờ Thầy, song Thầy nói sơ lược cho hiểu chút đỉnh.”

Nhãn thị chủ tâm,

Lưỡng quang chủ tế,

Quang thị Thần,

Thần thị Thiên, Thiên giả, Ngã giả.

Thần là khiếu khuyết của cơ mẫu nhiệm từ ngày Đạo bị bé. Lập Tam Kỳ Phổ Độ này, duy Thầy cho "Thần" hiệp "Tinh-Khí" đặng hiệp đủ "Tam Bửu" là cơ mẫu nhiệm siêu phàm nhập Thánh.

Các con nhớ nói vì có nào thờ Con Mắt Thầy cho chư Đạo Hữu nghe.

... Phạm vị Thần, Thánh, Tiên, Phật, từ ngày bị bé Đạo, thì luật lệ hồi còn nguyên, luyện pháp chẳng đổi, song Thiên Đình mỗi phen đánh tẩn Thần không cho hiệp cùng Tinh Khí.

Thầy đến đặng huờn nguyên Chơn Thần cho các con đấng Đạo. Con hiểu "Thần cư tại Nhãn". Bó trí cho chư Đạo Hữu con hiểu rõ. Nguồn cội Tiên Phật do yếu

nhiệm là tại đó. Thầy khuyên con mỗi phen nói Đạo, hằng nhớ đến danh Thầy.

C-CÀN KHÔN YÊN TỊNH LÀ DO HOÀ

1- Phải dạy cho nhau đặng chữ HOÀ.

Chữ Hòa là đầu mối cơ sanh hóa của Càn Khôn vũ-trụ, là gốc của sự thương yêu, là chiếc chìa khóa để mở cửa Bát-quái-đài và Bạch -ngọc kinh tại thế, nên Thầy mới nói:

Nên hòa-bình và ư yên tịnh là hai điều mà thầy dùng để khai mối Đạo . Điều thầy dạy trước nhất là chữ HÒA . Để có thể sống chung với nhau và hết lòng thương yêu đùm bọc nhau mà đi đến trường của thầy , nên Thầy cho Thi:

*Chẳng quản đồng tông mới một nhà,
Cùng nhau một Đạo tức một Cha,
Nghĩa nhân đành gởi thân trăm tuổi,
Dạy lẫn cho nhau đặng chữ HÒA.*

2-Đức Quan-Âm cũng dạy chữ hoà:

Thiếp mừng mấy em. Mấy em nghe à:
Đạo quý là tại HÒA. Các em nghĩ thử mà coi, tạo Thiên lập Địa cũng bởi Âm Dương hòa hiệp sanh hóa *muôn loài*, cũng bởi một chữ Hòa, đến đổi như thân của người có tạng có phủ, tạng phủ ấy nếu chẳng hòa thì con người chẳng hề sống bao giờ.

Kịp đến tâm hồn bất hòa thì thất tình lục dục đều phát khởi tranh ngôi với thần lương tâm, nếu kém lực thì con người ấy duy có sanh hoạt trong vòng vật dục, chớ chẳng hề biết Thiên lý là gì?

Các em thử nghĩ, cái phẩm giá của kẻ ấy cao hèn là thế nào. Người chẳng có hòa là thế đó.

Còn gia đình chẳng hòa thì cha con mịch nhau, chồng vợ lià tan, anh em ly tán. Còn trong luân lý chẳng hòa thì dân cư bất mục. Nước chẳng hòa thì sanh ly loạn. Còn cả thế giới bất hòa thì nhơn loại đấu tranh. Vì vậy, Thiếp khuyên các em dĩ hòa vi tiên.

3 –Chơn pháp Cao-Đài

Tôn chỉ của Đạo Cao-Đài là : “Qui nguyên tam giáo, phục nhứt ngũ chi”. Câu này ríi nghe qua thì thấy lạ., nhưng xét cho kỹ thì nó là hai con số đại biểu cho Trời đất và người là nói về lý Tam tài :

Trời có ba là Nhật, nguyệt, tinh.

Đất có ba là Thủy, hoả, phong.

Người có ba là Tinh, khí, thần.

Con số năm là tượng trưng cho ngũ khí: Kim, Mộc, Thủy, Hoả, Thổ. Năm khí này là nguồn sống hữu hình của muôn loài vạn-vật. Nói tóm lại, muôn loài vạn vật không vật nào có thể tồn tại được nếu không có ngũ khí tức là khí sanh quang và lý tam Ngôi đó vậy. Hai con số “Ba và Năm” là biểu tượng cho trời Đất và Đức Chí-Tôn lấy đó làm chơn pháp cho thời Tam Kỳ Phổ Độ nói vắn tắt là Đạo Cao-Đài hầu dẫn dắt nhơn loại đến chỗ Thế giới đại đồng cùng nhìn về một chân-lý duy nhất vậy. (xem “Số ba huyền diệu” của Nữ soạn-giả NT sẽ biết rõ hơn về lý tam ngôi nhất thể này).

Dân-tộc Việt-nam đã chịu biết bao sự đau khổ dưới ách thông-trị của Tàu gần cả ngàn năm, chịu sự đô-hộ của Pháp cũng gần Trăm năm, và gần đây là cuộc nội-chiến phi nghĩa suốt ba mươi năm chịu cảnh “ Nôi da xáo thịt”.

Nếu không có Đức Chí-Tôn sớm Khai đạo tại miền Nam nước Việt để gỡ ách nạn cho giống nòi và làm giong cho Thế-giới thì trận-chiến kỳ ba này chưa biết chúng ta sẽ về đâu ! ! ? .Đức Chí -Tôn khai ĐẠI-ĐẠO là đem đến cho nhân-loại niềm tin “ giải-thoát” chúng ta phải tuyệt-đôi tin tưởng . Chúng ta phải biết : Đạo chứ không phải tôn-giáo, vì tôn giáo thì có rất nhiều nhưng đạo thì chỉ có một Đạo Trời là đạo do đức Thượng-Đế khai sáng mà thôi, đó mới là chánh Đạo. Thật là hữu phước may duyên cho những ai được nương thân dưới bóng Cao-Đài trong Kỷ ba mạt pháp này mà biết để tâm hướng về Đại-tử-Phụ.

Thi:

*Mừng thay gặp gỡ Đạo Cao Đài,
Bởi đức ngày xưa có buổi nay.
Rộng mở cửa răn năng cứu chuộc,
Gìn lòng tu tánh chớ đờn sai.*

Có cơ có thể có tinh thần.

Từ đây Thần, Tiên dễ dựng gần.

Dưỡng tánh tu tâm tua gắng sức,

Ngày sau toại hưởng trọn Thiên ân.

4 –Dụng Thánh tâm mà dẫn dắt nhơn sanh.

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ chiếu theo luật Thiên Đình Hội Tam Giáo, mở rộng mối Đạo Trời, ấy cốt để dìu dắt nhơn sanh bước lên con đường Cực Lạc, tránh khỏi đọa luân hồi và dụng Thánh tâm mà dẫn dân sanh, làm cho hoàn toàn trách nhiệm nặng nề của đứng làm người, về bực nhơn phẩm ở cõi trần ai khôn đốn này.

Than ôi! Đờng Thánh ít kẻ tìm, mà nẻo Tà nhiều người đến. Trò đời lằng xằng, cỏi thế biết bao người chìm đắm vào biển khổ, mang nặng xác phàm, miếng dính chung, mỗi danh lợi, giành giựt phân chia mà chẳng kể đạo lý, luân thường, khiến cho mỗi Đạo quý báu ngàn năm đi thành nấc thang để dắt người xuống hang sâu vực thẳm. Nhơn loại dùng thế lực mà cắn xé nhau, giành giựt nhau, quên lừng cỏi trần này như sanh lãnh mỗi đứa một vai tuồng đặc biệt mà trả cho xong căn xưa, quả cũ.

Cần khôn càng náo nhệ, ngày tận diệt đã hầu kê. Kẻ hữu phần đặng nắm mỗi Đạo Trời, dựa chiếc thuyền sen, lặn vào non cao suối lạnh, để rửa bớt chút bợn trần, dưỡng tánh tu thân, để nâng lên địa vị thanh cao, lánh xa đọa luân hồi trong lúc hồn lìa khỏi xác.

Kẻ vô phước dụng tà tâm làm một món lợi riêng, quên cả điều hành phạt đã kể bên mình, chơi với cả muôn triệu giữa dòng mà chẳng chịu sớm tự hối đặng gỡ lằn mối họa sau. Hành trình dài dằng dẳng, mà bước tục hãy còn chờ, chẳng sớm biết mình, họa Trời đâu tránh khỏi. Khá biết cho.

Cảnh nhàn chẳng phải đâu xa, chỉ ở nơi địa đàng đây mà òn như loại không để ý tìm ra, cứ theo một lối thấp hèn mà quên đàng cao thượng.

Thầy vui thấy như sanh biết hối ngộ, chẳng quản dậm dài, đến hội hiệp nhau mà để bước vào đường đạo đức. Các con vì Đạo là việc công lý mà công lý đánh đổ cường quyền, thì Đạo mới phải Đạo. Các con hiểu à!

5 – Bài thi khó buổi sau cùng.

Có học thì ắt phải có thi, mà bài thi càng khó thì người được chấm đậu mới thấy cấp-bằng của mình có giá

trị. Đời cũng thế mà Đạo cũng thế; Đại-hội Long-Hoa cũng sắp kết-thúc cho nên bài thi cuối cùng này chắc không phải dễ đâu, thế nên Đức-Lý mới có lời nhắn nhủ: *“Chư đạo hữu, lúc này đã đến buổi người hành khách phải trải qua một lối chông gai. Muốn bước khỏi, cần phải có bền chí tận tâm, và phải gắng xem đạo đức là trọng hơn muôn việc vui thích ở cõi trần này. Đạo tuy gần thành, nhưng còn phải chịu nhiều việc trắc trở nữa, ấy là lúc các đạo hữu gặp một trường thi rất khó trong buổi rớt. Sự phổ độ Thiên cơ đã định, sức người cũng khó lướt qua, song ngọn đèn Trời đã chiếu tỏ mà dầu dốt các đạo hữu, thì nhiều ít gì rồi sau cũng đến chón được. Hội Tam Giáo đương châu Đức Từ Bi định khai Đạo cho khắp nơi khác đặng hiệp theo lẽ Trời cuối kỳ Hạ Nguyên này.*

CHƯƠNG II

A - TỰ LẬP-VỊ CHO MÌNH

LÀ TÌM CƠ GIẢI-THOÁT

Đức Chí Tôn đã đến, Ngài chỉ Bí Pháp có một điều là: Các con không cần tìm kiếm triết lý cao siêu hơn nữa, các con tìm kiếm cái sống của toàn thể bạn đồng sinh của các con, rồi kính trọng phụng sự cái sống ấy. Hễ các con tận tâm phụng sự cái sống của Vạn Linh, thì cơ quan giải thoát của các con, Thầy đã để nơi tay của các con đó vậy. Giải- thoát là tự mình làm chủ lấy mình, để làm chủ được thân xác này thì chỉ có con đường duy nhất là lo lập-đức tu thân. Thế nên:

1 -**Tu thân là một bổn phận thiêng-liêng** mà tất cả những ai làm người dưới thế này đều phải lo trước nhất, từ

bậc thiên-tử dĩ chí u thứ dân đều phải lấy việc tu thân làm gốc. Đã là khách Tàn thì chẳng ai dám tự -hào là mình hoàn hảo, bởi chưa hoàn hảo cho nên phải có sự tu sửa thân mình để làm cho hoàn mỹ chính bản thân mình đó vậy, là để khôi phục lại cái bản tánh mà Trời đã ban cho từ lúc ban sơ nên mới có câu “Nhân chi sơ tính bản thiện” vậy.

Cuối hạ ngưng tam chuyển này muôn vật đều phải thay đổi. Để đưa nhân loại tiến lên thời Thượng ngưng Tứ chuyển, là đời Thánh đức nên Đức-chí-Tôn mới khai mở Đại-Đạo Tam-Kỳ phổ-Độ là lập một trường thi công-quả để qui tụ con cái của Người lại mà lo lập công bồi đức hầu trở về thiên-liêng vị.

Biết được một đạo chánh không phải dễ, phải để hết lòng lo học hỏi cho đến nơi đến chốn, đó là phương sửa mình nên người hữu ích cho đời. Sửa mình tức là Tu-thân đó. Tu-thân cho đến chỗ tận thiện tận mỹ.

Cái chân thiện mỹ này nếu không nhờ vào Đạo thì lấy gì đánh giá, định mức chuẩn thẳng để noi theo. Ấy vậy Đạo là con đường sáng, là ngọn đèn để cho chúng ta soi bước đi của mình trong cuộc trần ai nhiều gian hiểm này .

Vậy Tu-thân là sao?

Muốn tu được thân thì trước hết hãy làm sáng tỏ cái đức sáng của mình: “Tại minh minh đức”, mà muốn có được đức sáng thì không gì hơn là **tìm hiểu vạn-vật cho đến cùng kỳ lý** (cách vật trí tri).

Sách Nho-giáo dẫn rằng:

“ Cái đạo của bậc Đại-học (Nho-giáo) là ở sự làm cho sáng cái đức-sáng (chữ Minh 明) ở sự thân yêu người, ở sự đến chí-thiện mới thôi.. Có biết đến cùng

(cùng kỳ lý) thì sau mới có Định (Tâm định), định thì sau mới có tĩnh, tĩnh thì sau mới có thể yên, yên thì sau mới có thể tư-lự tinh-tường , tư-lự tinh-tường thì sau mới có thể được cái hay cái phải.

Vật có gốc ngọn, sự có chung thủy (đầu và cuối) , biết rõ trước sau thì gần Đạo vậy.

Để tỏ rõ được cái đức sáng thì phải như thế nào ?

Đời xưa, người muốn làm sáng cái đức sáng ở thiên-hạ, thì trước phải trị nước mình, người muốn trị nước mình, thì trước phải tề nhà (tề-gia) mình; người muốn tề nhà mình, thì trước phải sửa thân mình (TU-thân), người muốn sửa thân mình, thì trước phải chính cái tâm của mình, người muốn chính cái tâm của mình, thì trước phải làm cho tinh thành cái ý của mình, người muốn làm cho tinh thành cái ý của mình, thì trước phải biết đến chỗ cùng-cực (cực-tiểu & cực-đại, theo khoa-học là chỉ hạt-nhân nguyên-tử và vũ trụ của con người giống nhau). **Biết đến chỗ cùng-cực là ở sự suốt tới chỗ uyên-thâm của sự vật.**

Suốt tới chỗ uyên-thâm của sự vật, thì sau mới biết đến chỗ cùng cực; biết đến chỗ cùng-cực, thì sau cái ý mới tinh thành ; cái ý đã tinh thành, thì sau cái tâm mới chính; cái tâm đã chính, thì sau cái thân mới tu; cái thân đã tu, thì sau nhà mới tề , nhà đã tề thì sau nước mới trị; **nước đã trị thì sau thiên-hạ mới bình.**

Từ đấng Thiên-tử (chữ vương王 là chỉ cho người đã suốt được lý tam tài) cho đến kẻ thứ nhân, ai cũng phải lấy sự sửa mình làm gốc. Cái gốc loạn mà cái ngọn trị thì chưa có vậy; cái gốc minh đã ng hậu mà bạc, cái ngọn minh đáng bạc mà hậu, là chưa có bao giờ”.

Thánh-nhân có câu:

“Dục tu Thiên-đạo, tiên tu Nhân-đạo, nhân đạo bất tu Thiên đạo viễn hỹ” (Muốn tu (sửa mình) theo đạo trời, thì trước phải làm theo đạo người, không làm được đạo người thì đạo trời còn xa lắm vậy). Người tu nhân đạo, tôi thiết nghĩ không ai không tu theo thuyết tu, tề, trị, bình: “tu thân, tề gia, trị-quốc, bình thiên-hạ” của Nho-giáo mà có thể thành người quân-tử được.

Đức hạnh của một bậc thành nhân là đạt cái lý của tính-tình, suốt cái biến của vật loại, biết cái có u-minh, rõ cái nguồn du-khí (như là sống chết hồn-phách). Như thế gọi là bậc thành nhân. Đã biết đạo Trời, lại đem mình làm những điều Nhân-nghĩa, trang sức mình bằng Lễ-nhạc. Nhân-nghĩa, Lễ-nhạc là cái hạnh của bậc thành nhân, cùng thần tri hóa, cái đức đến thế thật là thịnh vậy”.

Cái phẩm giá của bậc người quân-tử hoàn toàn cao như thế, sự học vấn rộng như thế, không thể lấy cái tư-cách của hạng người tầm thường chỉ bo-bo những việc thiếu-cần trước mắt mà ví được. Vậy nên người đi học, muốn theo đạo của người quân-tử cần phải cố-gắng lắm.. **Con người nhờ có học mới có hiểu biết, mỗi ngày mỗi hiểu biết thêm lên thì mới gọi là tiến-hóa vậy. Nhưng phải học những gì? Học bằng cách nào?**

Chủ đích của Khổng-giáo là dạy người ta cho thành người nhân nghĩa trung-chính, tức là người quân-tử. Song có dạy mà không có học thì dù cho sự dạy có hay thế nào mặc lòng cũng không sao thành công được. Vậy nên **Khổng-giáo lấy sự học làm một điều rất trọng-yếu**. Sự học của cổ nhân không phải như sự học của số nhiều người ngày nay thường vẫn hiểu. **Cổ nhân nói học là cốt học ĐẠO của Thánh-hiền để hiểu nghĩa-lý, biết phải**

trái mà sửa mình cho thành ng ời có đức-hạnh, chứ không chỉ vụ lấy biết nghề kiếm ăn .

Sách Lễ-ký nói rằng: “Ngọc bất trác bất thành khí , nhân bất học bất tri đạo.(玉不琢不成器 人不學不知道) *Quân-tử học đ ể trí kỳ đạo (君子學以致其道道).* Người quân-tử học đ ể hiểu rõ cái đạo”.

Sự học của quân-tử sở chủ ở điều gì ? *Khổng-tử dạy người ta phải giữ cái Tâm cho trung-chính và việc làm cho thành-thực đ ể sự biết và việc làm hiệp làm một , trong ngoài không có hai: “Quân-tử tiến đức tu nghiệp. Trung-tín, sở dĩ tiến đức dã : Tu từ lập kỳ thành, sở dĩ cư nghiệp dã. Tri chí chí chi, khả dĩ cư dã, tri chung chung chi, khả dĩ tồn nghĩa dã.”* **Quân-tử tiến đức tu nghiệp .Trung-tín là đ ể tiến đức, tu tỉnh ngôn-tử, lập cái thành-thực của mình là đ ể giữ vững cái nghiệp vậy. Biết chỗ đến mà đến chỗ ấy , là có thể gần cái đức ; biết chỗ cuối cùng mà suốt đời giữ vững là có thể giữ cho còn cái Nghĩa vậy. (Dịch: Văn ngôn-truyện). Lời ấy thật là quan-trọng, chứ Nho thường cho là sự trí tri , thành-ý, chính tâm, tu thân đều căn-bản ở đó. **Trung-tín chủ ở tâm; Tu từ, lập kỳ thành chủ ở sự thực-hành. Tri chí chí chi là việc tiến đức , tức là trí tri; Tri chung chung chi là việc tu-nghiệp, tức là lực hành , Tri chí là biết cái chỗ đến của đạo ; Chí chi là thực-hành mà nghiệm cái biết của mình . Tri chung là thấy rõ chỗ cùng-cực của Đạo; chung chi là có lực hành cho đến chỗ qui túc, nghĩa là chỗ trọn đời ở mãi đ ược. Ấy là tri mà hành, hành mà tri. Hai bên giao với nhau mà cảnh phát lẫn nhau, thì cái đ ạo càng ngày càng sáng rõ. Đó thật là cái thi chung việc học của Quân-tử”.****

Đức Hộ Pháp thuyết Đạo nói rõ về chữ tu như sau:

Đền Thánh đêm 14/5 năm Nhâm Thìn (06/6/1952)

Đêm nay Bàn Đạo xin bắt chước các bạn đã lên giảng đài từ thử đến giờ giảng chữ tu.

Chữ tu tiếng Phạn gọi là Dyana, người Miên tức nhiên người Tần Nhơn nói trại lại một chút Xaxona. Tiếng Pháp hay tiếng bên Âu C hâu: “Se perfectioner” nghĩa là Rendre parfait ou plus parfait có nghĩa là làm thế nào cho mình đặng tận thiện tận mỹ. Tiếng tu nó bao quát như thế, thiên kinh vạn điển tiếng của các Tôn Giáo đã để lại duy chỉ trong một chữ đây mà thôi; thành thử chẳng phải đứng trên giảng đài mà giảng chữ tu ấy cho cùng lý được, nhưt là Bàn Đạo có thể lấy cái tinh túy của nó để ra, dầu không trọn vẹn, nhưng cả thể toàn thể con cái của Đức Chí Tôn để ý, định trí cho lắm nghe và hiểu.

Vả chẳng khuôn Luật Thiên Nhiên của Tạo Hóa nó buộc cho các Đấng linh hồn dầu vật loại, phải trau mình thế nào đặng đoạt cho đến nhơn phẩm của mình, rồi khi đã đứng địa vị làm người, mình phải dò mài, sửa cải thế nào đặng đi từ từ đặng đoạt đến Phật Vị.

Chúng ta sanh nơi đây rồi chết, rồi tái sanh lại đặng mỗi kiếp sanh của chúng ta tu, tu đặng từ từ bước lên Thiêng Liêng Vị của mình. Tu nhơn phẩm đoạt đến địa vị tối cao tối trọng là Phật Vị đó vậy.

Trong phương tu của chúng ta buổi nào cũng tu, vừa trong lòng mẹ ra khỏi thì đã tu rồi.

Tu là gì?

Đứa con nít nó không biết nói, không biết gì hết, không biết làm sao đặng mẹ nó cho bú, hễ nó khát sữa nó có phương pháp là nó khóc, rồi mẹ nó làm cho nó bú, tức nhiên nó tu đó.

Rồi khi nó biết cha biết mẹ, biết thương cha mến mẹ, cái đó cũng cái tu của nó nữa. Khi nó có em biết thương em, cái tu nó đấy.

Khi trí khôn ngoan hơn chút nó vô tình học, mỗi ngày học được mấy chữ, Thầy kể rằng học đặng thấu đạt được cái hay cái biết là tu đó; lớn hơn chút nữa có trí khôn ngoan, nó kiếm phương thế làm sao cho nó hay hơn bạn nó, ham làm giỏi hơn bạn, nó biết tranh đua tức nhiên nó tu đấy.

Khi nó bớt khôn ngoan rồi hiểu rằng tôi phải học cho hay hơn thiên hạ trong xã hội hơn quần, nó kiếm thế nào học hiểu cho nhiều đưng đầu, đặng sống cùng xã hội, tu đấy. Khi nó có tuổi, trong tuổi trũng nước đó đến tuổi khôn ngoan hơn nữa, nó biết lựa chọn một người bạn trăm năm là vợ của nó, ấy là nó tu đấy. Đối cùng xã hội hơn quần nó kiếm phương pháp thế nào đứng trong xã hội cho có địa vị của nó, nó nong nả đưng cho nó quá hèn, mỗi ngày nó kiếm thế tiến triển hay ho thêm mãi, tu đó.

À, cái tu từ khi mới thơ sinh lọt lòng mẹ đặng làm người, nó tu về Nhơn Đạo, tức là tu thân. Cái tu thân gọi rằng tu thân là chi? Là nó phải biết cái tu thân ấy mới có phương thế lập công cùng xã hội hơn quần. Nó lập công làm thế nào cho toàn cả hơn loại trên mặt địa cầu này đặng hạnh phúc, nếu như nó có phương thế làm nên cái công nghiệp vĩ đại ấy là tu thân của nó đấy. Bây giờ Bàn Đạo mới thuyết cái phương tu trong chơn truyền của Đức Chí Tôn đã đề nơi cửa Đạo này.

Chúng ta dùng Tam Đu mỗi ngày chúng ta cầu nguyện Đức Chí Tôn đặng dâng hiến ba của báu ấy. Bàn Đạo thuyết tu về Tinh, tu về Thần, đặng lập công, tức nhiên mình thờ phượng cái Tinh của mình, báu đầu tiên của mình là thân thể mình. Bây giờ ta chỉ nói với một kẻ

ngu muội hay là khùng kia cũng vậy, mà mình biết nó khùng mà nó cũng biết nó là khùng, nhưng ta điếm mặt nó nói, mày điên, mày khùng thì nó giận dữ ngay đa và tức mình lắm. Cái giận ấy là trong tinh thần của nó có khuôn luật thiên nhiên bảo nó phải tu, đừng để nó ngu, mà hễ ai nói nó ngu tức nhiên làm nó phạm luật thiên nhiên ấy, nên nó không chịu, nó tức giận lắm, dầu cho nó đã thiệt ngu.

Huống chi con người sanh ra nơi cõi này, Đức Chí Tôn đã ban cho một cái ân đặc biệt hễ khi nào trong lòng mẹ đã xuất hiện ra thì trong cái tinh thần thiên nhiên của ta nó đã có cái quyền năng đạt được cả cái hiểu biết của Nhơn loại, dầu cho Thượng Cổ, Trung Cổ nó cũng tự nhiên am hiểu cho được mới thôi. Cả cái tinh thần của nó đầy có đủ quyền năng đạt đặng khối bao quát thiên nhiên về tinh thần trí não của loài người.

Từ khi loài người đã có nơi mặt thế này, đều muốn thoát ly cái thú tánh của họ. Hễ thoát ly đặng cái thú tánh ấy tức nhiên họ sẽ định tâm sáng suốt thành ra một vị Thánh tại thế gian này. Chúng ta đã ngó thấy biết bao vị Thánh sống xuất hiện trong loài người từ thờ đến giờ, huyền bí vô biên của tạo đoan là do nơi đó.

Ấy vậy cái khuôn luật thiên nhiên kia bảo ta phải tu trí, nếu chúng ngu xuẩn, mê muội thì bao giờ cũng phải chịu làm tôi đòi nô lệ trong kiếp sống của ta, chúng ta vẫn ngó thấy một đứa con nít mà nó vẫn kiếm phương thế đặng hiểu mọi điều thiên hạ đã biết, nó không biết nó hỏi, vẫn nạn cho biết, ấy cái khuôn luật thiên nhiên biểu nó tu trí. Tu trí đặng chi? Đặng đủ khôn ngoan, tu hạnh đức hay hạnh kiếm của mình, rồi mới tu ngôn ngữ của mình, tu trí đặng lập ngôn tại thế gian này, tức nhiên tu về khí đó vậy.

Bây giờ tới tu tâm, hễ khi nào chúng ta đầy đủ trí thức, tâm ta mới sáng suốt, khi tâm đã sáng suốt thì biết rằng: Cảnh tượng kiếp sống của chúng ta đây cả thầy đều là mộng ảo, dầu cho cái ý sống hay cái thân của ta đây cũng là mộng ảo, con vật thân thể đã thế nào, thì thân thể ta cũng thế ấy. Con vật chết như thế nào thì chúng ta cũng chết tương tự như thế đó, không khác. Đã biết kiếp sống của chúng ta là mộng ảo thì chúng ta cần phải tìm gì mà chớ. Tìm cái chi cho bền vững chắc chắn hơn, tức nhiên **cái thiên lương của chúng ta, là căn bản là linh hồn của chúng ta.** Ta đã hiểu được cái chơn linh của chúng ta nó bất di bất dịch, nó tồn tại mãi mãi nơi cõi Hằng Sống, biết được cái sống ấy là hằng sống thì ta phải tô điểm nó, gìn giữ nó cho được trường tồn đẹp đẽ.

Trước các tôn giáo nhưt là nhà Phật, chưa có danh từ thiên lương là gì, và **l**ing hồn mà thiên hạ đã để lấy chữ tâm mà tượng trưng ấy, thì nó vẫn là bóng dáng chớ không phải thiệt tướng. Lấy chữ tâm là bất quá nói cái trí của chúng ta do tinh thần căn bản, nên lấy chữ tâm thay thế cho tinh thần, chớ chưa phải thật tướng tinh thần.

Ấy vậy, khi chúng ta đã qua khỏi tu trí, mới tới giai đoạn tu tâm, thì tu tâm ấy nó buộc chúng ta phải xem xét quan sát cả hành tàng kiếp sống của các bậc Thánh Nhơn, Hiền Triết, lời nói và việc làm của các vị Phật hay các vị Tiên đã lưu lại tại thế này, chúng ta mới lấy nó làm căn bản, đặt kiếm một khuôn khổ, một phương pháp đặc biệt của mình để làm phương tu của mình.

TU TÂM LÀ SAO?

Các bạn cả thầy đều biết sự tu tâm nó chẳng phải để một cái tình cảm đối với vạn vật hay Nhơn loại nơi mặt địa cầu này, mà nó còn **đ**ắt ta đi, đi mãi con đường đi của nó vô

biên vô tận, bởi nó **lấy Càn Khôn Vũ Trụ làm phương tu** của nó. Nó lấy Càn Khôn Vũ Trụ làm nhà, làm căn bản của nó; cho nên trí của ta đối lại tâm ta, nó lại không vừa, vì danh của tâm nó còn cao vọng hơn nữa, nó còn vô tận vô biên hơn nữa. Nơi cảnh vô hình thế nào thì chữ tâm cũng thế ấy, không ai biết rõ. Do chữ tâm mà Đức Chí Tôn để cái tình yêu ái, cái thương với cái công chánh, hai cái đó là hình trạng thay thế chữ Tâm mới thiết tướng của nó mà thôi. Còn ngoài ra nữa nó liên hệ và liên quan với cả Phật tánh, Thiên tánh nữa kia. Muốn đến con đường liên hệ với Thiên tánh, Phật tánh nó có một cái cửa là cửa tịch mịch, cái cửa ấy ở thế gian này thiên hạ muốn lắm, mà phần nhiều đi chưa tới, là cửa Hư Vô tịch diệt trong cảnh Thiêng Liêng kia đó vậy.

Đạo Cao Đài giờ phút này còn thiếu cái đó, tức là Đạo Cao Đài còn thiếu tu tâm vậy. Nếu tu tâm mà thật hiện đặng là "Ái truất thương sanh", hành vi của Thánh Thể của Ngài phụng sự cho Vạn Linh là tu tâm đó.

Nhưng cái tâm mà **chỉ** ra bao nhiêu đây không phải đủ nó còn nữa còn vô ngần vô tận, cả kiếp sanh này chúng ta không có cái năng lực để tạo nó. Ta chỉ nhờ hồng phúc mới tạo nó đặng, nên ta cần nó lắm. Nếu chưa đặng chúng ta không thể nói rằng: Con đường của chúng ta thật hiện còn đi xa vời hơn nữa. Bởi vì phụng sự vạn linh Đức Chí Tôn đã đề là cốt yếu. Ngài nói rằng: **Nếu biết phụng sự Vạn Linh các con mới bước vô con đường tu tâm của các con, mà nói các con chưa tu tâm, bởi cả hình trạng vô biên các con chưa theo đi**, dầu cho các con đặng chữ Từ Bi, Bác Ái và Công Chánh thì cũng chưa đủ gì hết. Ấy, tu tâm ấy mới gọi là tu tâm. Hễ có tâm mới có phương thế lập Đức. Đức Chí Tôn dạy chúng ta phụng sự Vạn Linh cốt yếu biểu chúng ta rón tu tâm, tu tâm chúng ta

mới đổi lại cái quyền năng tinh thần của tâm lý, dựng lập Đức là Tam Lập đó vậy, vì nó liên hệ với nhau như thế đấy.

Cả những lời Bàn Đạo, thuyết từ nãy giờ có thể viết ra một quyển sách mà nói lại có bao nhiêu, về rồi suy nghĩ kiếm hiểu ở trong trần trề ý vị.

2- Con người khi bỏ xác trần rồi thì sẽ đi đâu?

Các con nghe:

“Một sự các con chưa hề biết đến, dựng hiểu đạo quý trọng là đường nào, lo tu tâm dưỡng tánh.

Các con đã sanh ra ại thế này, ở tại thế này chịu khổ não tại thế này, rồi chết cũng tại thế này, Thầy hỏi: Các con chết rồi các con ra thế nào? Các con đi đâu?

Chẳng một đũa nào hiểu dựng cơ mầu nhiệm ấy. Thầy dạy: Cả kiếp luân hồi thay đổi từ trong nơi vật chất mà ra thảo mộc, từ thảo mộc đến thú cầm; loài người phải chịu chuyển kiếp ngàn năm, muôn muôn lần, mới đến địa vị nhơn phẩm. Nhơn phẩm nơi thế này lại còn chia ra phẩm giá mỗi hạng.

*Đứng bực Đế Vương nơi trái địa cầu này, chưa dựng vào bực chót của địa cầu 67. Trong địa cầu 67, nhơn loại cũng phân ra đẳng cấp đường ấy. Cái quý trọng của mỗi địa cầu càng tăng thêm hoài, cho tới Đế nhưt Cầu, Tam Thiên Thế Giới; qua khỏi Tam Thiên Thế Giới thì mới đến Tứ Đại Bộ Châu; qua Tứ Đại Bộ Châu mới vào dựng Tam Thập Lục Thiên; vào Tam Thập Lục Thiên rồi phải chuyển kiếp tu hành nữa, mới dựng lên đến **Bạch Ngọc Kinh**, là nơi Đạo Phật gọi là **Niết Bàn** đó vậy.*

Các con coi đó thấu hiểu, các phẩm trật của các con nó nhiều là đường nào; song ấy là phẩm trật Thiên vị.

Còn phẩm trật Quý vị cũng như thế ấy; nó cũng noi chước Thiên Cung mà lập thành Quý vị, cũng đủ các ngôi,

các phẩm, đặng đày đọa các con, hành hài các con, xử trị các con. Cái quyền hành lớn lao ấy, do Thầy ban cho nó nên đặng quyền cảm dỗ các con, xúi biếu các con, giành giựt các con, mà làm tay chơn bộ hạ trong vòng tôi tớ nó.

Thầy đã thường nói: Hai đầu cân không song bằng, thì tiếng cân chưa đúng lý. Luật công bình thiêng liêng buộc phải vậy. Thầy lăm phen phải bị mất, bị giựt con cái của Thầy vì chúng nó.

Thầy đã chỉ rõ hai nẻo tà chánh, sang hèn rồi, vậy Thầy cũng chỉ phương hướng cho các con đi cho khỏi lầm lạc. Các con hiểu rằng: Trong Tam Thiên Thế Giới còn có Quỷ mị chuyển kiếp ở lộn cùng các con thay, hưởng lựa là Thất Thập Nhị Địa này, sao không có cho đặng?

Hại thay! Lũ quỷ lại là phần nhiều; nó bày bố ra mỗi nơi một giả cuộc, mà dỗ dành các con.

Ấy vậy đạo đức các con là phương pháp khử trừ quỷ mị lại cũng là phương diu dắt các con trở lại cùng Thầy. Các con không đạo, thì là tôi tớ quỷ mị. Thầy đã nói đạo đức cũng như một cái thang vô ngần, bắc cho các con leo đến phẩm vị tối cao, tối trọng là ngang bực cùng Thầy hay là Thầy còn hạ mình cho các con cao hơn nữa.

Vậy Thầy lại dặn các con: Nếu kẻ không tu, làm đủ phận người, công bình chánh trực, khi hồn xuất ra khỏi xác thì cứ theo đẳng cấp gần trên mà luân hồi lại nữa, thì biết chừng nào đặng hội hiệp cùng Thầy; nên Thầy cho một quyền rộng rãi, cho cả nhơn loại Càn Khôn Thế Giới, nếu biết ngộ kiếp một đời tu, đủ trở về cùng Thầy đặng;

Thầy khuyên các con nhớ hoài rằng: Thầy của các con là ông Thầy Trời; nên biết một ông mà thôi, thì đủ, nghe à!

Cái tình cảm hóa của con người là tình thường ứng hiệp Trời Đất, cho nên khi tâm tịnh thường cảm hoài, hằng tìm nơi u huyền mà nghĩ nghị trong trí khôn ấy là kẻ có sẵn tình ý thiên nhiên Tạo Hóa; còn có một hạng người cũng có tánh thiêng liêng ấy, nhưng lại không để trí khôn vào búi cao thượng, mà cứ quen thói hung hăng, nghĩ những việc bạo tàn làm những điều tội lỗi; ấy là những kẻ nghịch Thiên, không biết luân hồi là chi cả. Chúng nó lại tưởng rằng kiếp người là kiếp sống chỉ có giây giờ rồi tiêu mất, nên tìm những chước sâu, kế độc cho đặng của nhiều, no lòng sướng dạ, trối kệ luân hồi.

Thầy hỏi: Vậy chớ cái trí khôn của con người biết thương ghét, vui, buồn mà toàn trong nhơn loại đều có; khi rốt cuộc thì trí khôn ấy đi đâu? Không lẽ cái trí khôn ngoan đường ấy mà cũng mất đi đặng sao các con? Thầy hỏi như vậy đặng cho các con mỗi đứa về suy nghĩ mà trả lời cho mình.

Hễ trả lời phù hợp thì dễ biết Đạo, còn ngu xuẩn cũng hườn ngu xuẩn...

Thầy dạy Nữ phái biết trọng Tam Tàng Tứ Đức; Nam phái Tam Cang Ngũ Thường. Hễ nhơn đạo thành thì là phù hợp Thiên đạo, nghe à!

Vậy Thầy dạy: **Đạo là nơi các con nên quý trọng đó vậy.**

Thi:

Mối Đạo từ đây rán vẹn gìn,
Tu là khổ hạnh khá đĩnh ninh.
Lòng thành một tấm Trời soi xét,
Gương rạng nghìn thu nguyệt chiếu minh.
Gai góc lằn đường công trước gắng,
Thảnh thơi có lúc buổi sau đành.
Vòng trần chìm nổi từ đây dứt,

Công quả tua bên độ chúng sinh.

Đức Hộ-Pháp là giáo chủ hữu hình của Đạo Cao-Đài Toà-Thánh Tây-Ninh, là đứng lãnh sứ-mạng thay Trời cứu thế đã lập cho chúng ta một bảng chương trình để cho người tu noi theo đó mà tự trau dồi bản thân hầu khỏi phải lo lạc đường :

**3 –Phương luyện kỹ đặng vào con đường thứ Ba
Đại-Đạo**

a -Phải biết thân-thích cùng cả nhân vật tức là tìm nguyên-do của Vạn-linh cùng Chí-linh.

Phải ân-hậu và khoan-hồng.

Phải thanh-nhàn, đừng vị-kỷ.

Phải bình-tĩnh, nghĩa là đừng chịu ảnh-hưởng của hoạ, phước, buồn, vui (Tập tánh không không đừng nhiễm, vui cũng vui, buồn cũng buồn, nhưng đừng để nọc vui buồn thấm vào chơn Tánh).

Phải độ-lượng, khoan-dung, tha thứ.

Phải vui-vẻ, điều-hoà, tự-chủ và quyết-đoán.

Giữ Linh-tâm làm căn-bản, Hiếu-hạnh với Chí-tôn và Phật-mẫu.

b - Phương pháp trị tâm vì tâm là hình ảnh Thiên lương.

Đức-tin và khôn-ngoan là kho chí bửu ngoài ra là của bỏ, là đồ vô-giá.

Ai đã cố oán kẻ thù của mình thì khó giữ thanh tâm công-chánh cho đặng.

Ai chẳng oán-hận mới thắng đặng kẻ thù-nghịch cùng mình.

Sự cừu-hận là khối thâm-khổ đệ nhất của non-sanh, nên người Hiền thì không biết đến, hay là từ bỏ cừu-hận oán-ghét.

*Thắng dựng khí nộ mình, thì không chọc ai giận-
dữ.*

Lấy thiện mà trừ ác.

Lấy nhơn-nghĩa trừ bạo-tàn.

Lấy lòng quảng-đại dựng mở tâm-lý hẹp-hòi.

Lấy Chánh trừ tà.

Ấy là đường thương huệ-kiếm.

c – Luyện thân, luyện trí.

Ấm-thực tinh-khiết

Tư-tưởng tinh-khiết.

Tín-ngưỡng mạnh-mẽ nơi Chí-tôn, Phật-mẫu..

Thương-yêu vô-tận.

Ấy là chìa khoá mở cửa Bát-Quái-Đài tại thế này.

**d – Tự định Thiên vị cho mình bằng con đường Tam-
lập.**

Đêm 19 tháng 4 năm Tân-Mão (1951) tại Đền-Thánh.

**Muốn định thiên vị của mình, quyền Thiêng-
Liêng đã buộc hẳn mà chớ (!), phải có tam -lập của
mình mới được.**

*Đêm nay Bàn-Đạo giảng “**phương-pháp lập
thiên-vị mình**”. Ngày Bàn-Đạo đến tại Trí-Huệ-Cung có
đặng nhiều bức thư của mấy Bạn chúng ta cầu xin nhập
vào Trí-Huệ-Cung một lượt với Bàn-Đạo, nhiều lắm!...*

*Ngày giờ ấy chính mình Bàn-Đạo cũng chưa biết
thế nào tuyển chọn những chơn-linh đem vào ả thiêng -
liêng ấy đặng, đang lo không biết giải quyết thế nào về
phương pháp nhập Trí -Huệ-Cung nên chưa quyết -định,
nhứt là về **mặt tuyển chọn** không biết trả lời làm sao (?) .
May duyên thay, Đức Chí-tôn thấy không phương thế giải
quyết đặng, mới cho hội-diện cùng các đấng cam quyền*

thiên-liêng của Đạo. Khi đặng hiểu rõ rồi, Bàn-Đạo lấy làm hân-hạnh thấy rằng: “ **Cái nền Chơn-giáo của Đức-Chí-Tôn vẫn là đường đường ngay chính , nhứt-định về thể-pháp chơn-truyền không hề mê-hoặc ai cả thấy**”, và Bàn-Đạo cũng quả-quyết rằng: “ **Những phương-pháp mê hoặc của thiên-hạ về đạo-lý sẽ bị chơn truyền của Đức Chí-Tôn từ từ tiêu-diệt hết**”.

Muốn định thiên vị của mình, quyền Thiên-Liêng đã buộc hẳn mà chớ (!), phải có tam-lập của mình mới đặng. Gọi là nhơn-luân, lập điều ấy Bàn-Đạo có truyền cho chức sắc Hiệp-Thiên Đài hay trước và d ường như đức Trần Khai-pháp đã có thuyết minh điều ấy rồi, Bàn-Đạo không cần luận thêm nữa , chỉ nói tại làm sao phải có tam-lập ấy (?) .

Nếu người nào không có tam-lập thì không ở chung với ai đặng hết, chính mình đối với cơ thể hữu vi của đời, tức nhiên thể pháp , mà không có bằng cơ chi hết thì ai tin rằng có bí-pháp, đạt pháp, đạt đạo .Thể-pháp mà họ không làm đặng, bí pháp vẫn khó làm sao cho rồi, nếu mà không rồi thì hành tàng của họ hành đạo về bí pháp tức nhiên mê-hoặc chúng sanh mà thôi...**Phải có hình mới có Bóng, khi nào thấy bóng tức nhiên chúng ta quyết-định có hình; bóng, hình phải tương-liên mới đặng.**

Ấy vậy tam-lập là: lập ĐỨC, Lập CÔNG, lập NGÔN; con người khi sanh ra nơi mặt địa cầu này không có tam lập thì giá trị của con người không có gì hết , tam-lập ấy quyết-định cho ta, ta phải có mới sống chung với xã hội nhơn quần đặng.

Nếu con người không có ĐỨC thì làm sao xử sự trong gia đình, ngoài xã-hội đặng.

Con người **không có CÔNG** thì ở với ai cũng không được, người ta làm ngã-ngửa còn mình ngồi đó há họng hưởng, không làm gì có nghĩa với người , với đời thì sống với ai (?).

Cũng như người ta thì chơn-chất thật-thà, hiền-lương, đạo-đức, còn mình thì xảo-ngữ lường-gạt, không chút dạ nơn từ dẫu cho con người có tài tình thế mảy mà thiếu ba điều đó thì không thể gì sống với ai được hết , như vậy thì địa-vị mình tại mặt thế này chưa rồi .

Bây giờ làm thế nào để lập ĐỨC ?

Lập Đức với vợ con mình được không ?...Không được. Lập Đức với anh em Tông-đường mình được không ?...cũng không được . Lập Đức với quốc-gia xã-hội mình được không ?...Hơi khá khá chút... nhưng mà cũng chưa đủ, phải lập đức khắp mặt địa-cầu này... và phải lập-đức với toàn thể nơn-loại. Nếu muốn được vậy , không ở cửa nào hơn là cửa Đạo; nếu cái đó không ần ích thì Đức Chí-Tôn không ần lập giáo .Phương -pháp ủa Ngài lập Đạo Cao-Đài là ốt yếu để cho chúng ta lập Đức mình, không đến ở trong cửa Đạo này thì không thể gì lập ĐỨC với toàn thể thiên-hạ được.

Bây giờ đến lập CÔNG:

Chén cơm, manh quần tấm áo, ngọn rau tác đất đều là nợ của chúng ta, nếu không trả được tức nhiên còn thiếu nợ , muốn trả thì lập Công với ai ?... vì tôi chưa biết làm ra chén cơm cho tôi ăn, manh áo tôi mặc và tôi cũng không biết rõ người ơn của tôi , thì đưng ai tôi trả nấy, tức nhiên tôi phải phụng-sự cho toàn thể nơn-loại nơi mặt địa-cầu này. Bởi nhờ ơn của họ đã làm cho tôi sống, tôi mới trả công ơn cho cha mẹ tôi được. Cha mẹ tôi cho tôi xác thịt chớ không cho tôi manh-quần tấm áo . Cha mẹ tôi có thể cho tôi trí não chớ không cho tôi sống ở xã -hội

nhơn-quần , xã hội dạy khôn cho tôi . Cha mẹ tôi có thể nuôi tôi khi còn thơ ấu chứ không thể nuôi tôi cho đến chết ; như vậy xã hội nuôi tôi , tôi phải trả ơn ấy.

Muốn trả ơn ấy tôi phải lập **CÔNG** , nhưng không biết lập công với ai, buộc tôi phải trả công cho toàn thể nhơn-loại, không còn có nơi nào khác hơn cửa Đạo, phải vô cửa Đạo mới phụng-sự cho toàn thể nhơn-loại được, vì có ấy cho nên Đức Chí-Tôn mới lập giáo.

Bây giờ tới lập NGÔN:

Tôi đi học của đời , tôi bị họ lường-gạt nhiều quá, họ chỉ giành-giữt với nhau mà thôi , chưa khi nào để Thánh-ngôn lụng lại cho tinh-thần tôi mở-mang , phát huệ, không khi nào họ để lại một chơn-chất ngôn, chỉ nguy-biến mà thôi . Vậy bây giờ tôi biết khôn rồi , tôi không để họ nguy-biến với tôi nữa , tự-ên tôi kiếm những Thánh-ngôn của các bậc tiền-bối để lại coi cái gì hay, cái gì thiệt, cái gì đáng, cái gì không đáng.. Quyền sách của các vị ấy để lại cho tôi, Tôi tạo dựng ngôn-ngữ cho tôi. Tôi kiếm Thánh-ngôn nào phải hiền từ, phải chí thánh, chí thiện đặng chi ?.... Dám chắc, muốn đặng tôi bắt chước mà lưu lại cho đời cái thiện ngôn ấy, cái đạo ngôn ngữ ấy kiếm Đạo-ngôn và thiện -ngôn ấy không phải vào hàng cá, hàng tôm, hàng thị mà có, cũng không phải vào xóm đời mà có được.

Cả một đời kiếm thiện ngôn ấy cũng không khi nào có nếu không phải trong cửa Đạo, nếu không vào cửa Đạo Cao-Đài này. Thánh-ngôn Đức Chí-Tôn đến đã để lại từ từ mà thôi và cả Tam-Giáo nữa. Phải vào Đạo Cao-Đài này mới kiếm được thiện -ngôn ấy, tôi kiếm được rồi tôi có thể lập ngôn-ngữ của tôi mà lưu chiếu lại cho con cháu tôi . Chúng ta khi nào mà được ba điều ấy rồi , mới gọi rằng đã phụng-sự cho nhơn-loại.

Tôi lập ĐỨC, lập CÔNG, lập NGÔN tại mặt thế này được thì nơi cửa thiêng-liêng kia tôi mới có thể lập vị của tôi được. Hễ thiêng-hạ đã nhìn nhận cho tôi có đủ ba điều đó, thì tôi có thể lập-vị của tôi được.

Ấy vậy, khi muốn bước vô Trí-Huệ-Cung phải có đủ tam-lập là: “TU THÂN”, nhưng làm sao biết họ đã lập CÔNG, lập ĐỨC, lập NGÔN của họ rồi, dầu giao cho Bộ Pháp-Chánh cũng chưa chắc điều tra được, bởi nó thuộc về nửa Bí-pháp, nửa thế-pháp.

Bây giờ Bàn-Đạo có một điều : “Những người nào xin đến Trí-Huệ-Cung , Bàn-Đạo coi màng màng được thì Bàn-Đạo trực thân của họ cho hội-diện cùng quyền năng thiêng-liêng , nếu có tam-lập thì vô, không đủ thì ra”.

e -PHẠM-MÔN LÀ GÌ

Bài Thuyết Đạo của Đức HỘ-PHÁP
Ngày 30 tháng 5 năm Quý-Tỵ (1953).
Hộ-Pháp giảng hai chữ Phạm-môn

(梵門)

Phạm-môn là gì ?

Do nơi đâu mà nảy sanh ra Phạm-môn ?
Phạm-môn là cửa Phật, Phạm là Phật, Môn là cửa, tức là cửa Phật, thật hành là nhà Phật.

Trong “Thánh-ngôn Hiệp-tuyển” trang thứ 119 về khoản thi văn dạy Đạo có một bài thi tứ-tuyệt, chính mình Đức Chí-Tôn giảng cho như vậy:

“ Tỉnh ngộ xá thân tại Phạm-môn,
Khuyến tu hậu nhưt độ sanh hồn,
Vô lao bất phục hồi chơn mạng,
Tỉnh thế kỳ thân đắc Chánh-Tôn”.

Tĩnh ngộ xá thân tại Phạm-môn là nghĩa gì ?

Nghĩa là: Chí-Tôn kêu cả con cái của Đức Chí-Tôn thức giấc cho mau hiển thân vào cửa Phạm.

Khuyến tu hậu nhứt độ sanh hồn nghĩa là: khuyên chúng ta nên ráng tu hành từng khuôn viên k -luật nhà Phật thì ngày kia đặng siêu-thăng thoát-hóa.

Vô lao ắt phục hồi chơn mạng nghĩa là: Đức Chí-Tôn dạy con cái của Ngài nếu không có công lao khổ hạnh trong cửa Đạo thì không thể nào trở về ngôi xưa vị cũ cho đặng.

Tĩnh thể kỳ-thân đức chánh-tôn nghĩa là: nhằm lúc thế-kỷ 20 này thời kỳ Đức Chí-Tôn rộng mở cửa Phật độ toàn con cái của Ngài , chỉ khuyên chúng ta ráng tu Tĩnh-Ngộ, hủy cả hành-vi của thế sự, đem thân vào cửa Phạm chịu nâu sông khổ-hạnh cho đặng, thì tự nhiên đắc Đạo tại thế đó vậy.

Thưa chư chức -sắc Thiên-phong Nam Nữ, bài thi này chính Đức Chí-Tôn giảng dạy trong Thánh -Ngôn Hiệp-Tuyển hai mươi mấy năm trước song le ít ai để ý tìm hiểu nghĩa lý sâu xa có ẩn nhiều huyền-vi màu-nhiệm của Đạo.

Do bởi tám màn bí-mật nên khó nổi truy tầm, song cũng có lắm người vén màn bí-mật ấy, nên ngày nay Nhơn-sanh mới hưởng giọt nước cam-lồ của Đức Chí-Tôn rưới chan cho toàn Nhơn-loại.

Đời quá u bạo tàn, cho nên Đức Chí-Tôn mới giảng trần mở Đạo cho con cái của Ngài biết các ngôi Thần, Thánh, Tiên, Phật đều tình nguyện hạ thế cứu đời, xuống bao nhiêu lại càng mất bấy nhiêu. Trong thời kỳ ấy Bàn-Đạo vâng lệnh Đức Chí-Tôn xuống thế mở Đạo, thì Đức Chí-Tôn mới hỏi rằng: “Con phục lệnh xuống thế mở Đạo, con mở Bí-Pháp trước hay là Thê-Pháp trước ?

Bần-Đạo mới trả lời: “Xin mở Bí-Pháp trước, Chí-Tôn nói: “Nếu con mở Bí-pháp trước thì phải khổ đa. Đang lúc đời cạnh-tranh tàn-bạo, nếu mở Bí-pháp trước, cả sự bí-mật huyền-vi của Đạo, Đời thấy rõ xúm nhau tranh-giành phá hoại thì mới Đạo phải ra thế nào ?” Vì thế nên mở **Thế-Pháp trước**, dầu cho đời quá dữ có tranh-giành phá-hoại cơ thể hữu-vi hữu hủy đi nữa thì cũng vô-hại, xin miễn mặc **Bí-Pháp** còn là **Đạo** còn.

BÍ-PHÁP là Hiệp-Thiên-Đài giữ.

THẾ-PHÁP là Cửu-Trùng-Đài mở mang bành-trướng về mặt phổ-thông chơn-giáo, thì bên Hiệp-Thiên-Đài Bần-Đạo vâng lệnh Đức Chí-Tôn mở PHẠM-MÔN 梵門 dùng tám màn bí-mật bao-phủ khuất lấp cả hành-vi, khó ai hiểu đặng.

Mười mấy năm khổ-hạnh nâu-sòng trong ủa Phạm, ân nhân tạo nên cả cơ thể hữu-tướng dường ấy. Hại thay ! Chúa qui biết rõ cơ màu nhiệm nên mới tương-liên cùng chánh-phủ Pháp tìm hiểu yếu-lý huyền-vi của Phạm Môn liền ra lệnh đóng cửa thì lại này sanh ra trăm ngàn Sở PHƯỚC-THIỆN.

Từ ngày Phước-Thiện ra đời cho đến nay thì toàn cả Nhơn-sanh Nam Nữ vào cửa Phước-Thiện này và đạt vị rất nhiều, đã hiển nhiên y theo bài thi của Đại-từ-Phụ mà Bần-Đạo mới vừa đọc trên đây.

Thưa chư chức-sắc Thiên-Phong Nam, Nữ cơ Đạo của Chí-Tôn giáng lập kỳ ba là cốt yếu cứu vớt Cửu Nhị Úc Nguyên-nhân còn-lấn lộn trong hàng Tín-Đồ đang vạch lối tìm đường mở ngõ hầu trở về ngôi phẩm.

Trường xuất Thánh của Đạo, Đức Đại-Từ-Phụ mở rộng mà hại thay ! những người giữ cửa rất hẹp hòi, lại quá ư nghiêm-khắc, Phước-Thiện Phạm-Môn ra đời kêu

réo môi hơi, song hàng nguyên nhân phần nhiều bị đóng cửa chẳng đặng vào thì ngày nào tận-độ chúng sanh mới trọn câu phổ-độ ?

Trong Thánh-Ngôn Hiệp-Tuyển, Đức Chí-Tôn có nói rằng: Con người dưới thế này muốn giàu sang phải kiếm phương thế mà làm ra của. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn đắc-đạo thì phải có công-quả. Thầy đến thế này lập một Trường Công-Quả .

Vậy các con muốn đạt thủ địa-vị của mình phải đến trường Thầy mà thi-thố, chớ không đi nơi nào khác mà đắc-đạo bao giờ.

Ấy vậy cơ quan Phước -Thiện Phạm-môn là trường thi công-quả của đức Chí-Tôn đến lập sẵn đã có mỗi nơi, làng nào, ấp nào cũng có cơ-sở Phước-Thiện cho toàn đạo hữu ở thôn-quê có chỗ đến đó đặng thi -thố, lập công bồi đức hầu đạt thủ địa-vị thiêng-liêng Đức Chí-Tôn đã dành sẵn cho mỗi con cái của Ngài.

Cơ-quan Phước-Thiện Phạm-Môn là một đại danh-từ của toàn nhơn-loại chớ không riêng-biệt cho người nào, ngày nay cái màn bí-mật đã vén lên hết rồi, dòm thấy rõ-ràng chớ không còn ẩn-vi như trước nữa.

Vậy Bàn-Đạo xin chư chức-sắc thiên-phong Nam, Nữ, chư chức-sắc lưỡng phái, hãy mở hoát cửa thiêng-liêng ra cho cửu nhị ức nguyên nhân lần bước vào Trường-Thi Công-Quả của Đức Chí-Tôn.

Tóm lại, Phạm-Môn Phước -Thiện là trường học của linh-hồn, là một cái thang thiêng-liêng 12 nấc Chí-Tôn đem bắc sẵn-sàng cho thời Tam-kỳ Phổ-độ , chuyên thế kêu gọi tất cả con cái của Ngài hãy rón bước, kẻ trước người sau mà leo lên cho tột nấc thang thiêng-liêng ấy là ngày giờ chúng ta được hội-hiệp cùng Thầy và vui-vẻ nhứt hơn hết nơi cõi Hu-Linh đó vậy.

g – Dục tấn trên con đường thiêng-liêng hằng sống
Đền-Thánh, đêm 13 tháng 8 năm Mậu -Tý (16-9-1948)

Kể từ đêm nay Bàn-Đạo bắt đầu thuyết một đề-tài trọng-yếu, đề-tài này phải thuyết nhiều đêm mới hết, bởi thế cho nên cứ mỗi bốn đêm thì thuyết một lần. **Bàn-Đạo răn thúc nhứt cho con cái Đức Chí-Tôn có một bửu-bối nơi tay, để ngày kia tìm đường đoạt Đạo.**

Đề tài đêm nay là “Con đường Thiêng-Liêng Hằng Sống”.

Con đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống là gì?

- Nếu hiểu theo Chơn-Pháp của Đức Chí-Tôn thì con đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống là Con đường dành cho các Chơn-hồn khi thoát xác rồi quay về với Đức Chí Tôn để được định vị thăng hay đọa. Nhưng nếu hiểu theo Triết lý nhà Phật, thì **con đường Thiêng-liêng Hằng-sống là con đường của Luân-hồi.**

Như vậy, Con đường Thiêng-liêng Hằng-sống là một đề-tài Thuyết-pháp khó khăn, muốn cho toàn-thể con cái Đức Chí-Tôn thấu-đáo, lãnh-hội đầy-đủ nghĩa-lý sâu xa của đề-tài đó, ít ra phải viết thành sách, mà sách ấy tới mấy ngàn trang là ít.

Ấy vậy, con cái của Đức Chí-Tôn răn nghe và răn đi cũng đặng nghe, để nữa sau khỏi hối tiếc và oán-trách, nói sao Bàn-Đạo không cho hay trước, không cho biết trước, để được nghe những điều bí-yếu trong nền Đạo Cao-Đài, **những triết-lý cao siêu mà chỉ có Đạo Cao-Đài mới có.** Tuy nhiên, âu cũng là một đặc-ân của Đức Chí Tôn dành cho Đạo Cao-Đài ngày nay, nên **ta** có mấy đứa nhỏ cố gắng học được tốc-ký để ghi chép những lời

thuyết Đạo của Bàn-Đạo, vì những lời thuyết Đạo này, không phải của Phạm-Công-Tắc mà là của Hộ-Pháp, Hộ-Pháp thay lời Đức Chí-Tôn nói Đạo cho toàn thể con cái của Ngài nghe, quý hay chẳng là ở chỗ đó.

Bàn-Đạo may duyên được Đức Chí-Tôn chọn làm Ngự-Mã-Quân của Ngài để thay Ngài lập nền Chánh-giáo, tức là nền Đạo Cao-Đài này để thay thế tất cả Tôn-Giáo đã có từ trước. Vì lẽ các Tôn -Giáo ấy ngày nay không phù hợp với lương-tri lương-năng của loài người nữa. Hay nói một cách khác là các nền Tôn-Giáo ấy ngày nay đã bị bế.

Nhớ lại, từ khi Đức Chí-Tôn chọn Bàn-Đạo làm Hộ-Pháp; dạy Bàn-Đạo phò-loan và chấp bút, đặc biệt hơn hết là chấp bút, vì nhờ chấp bút, mà Bàn-Đạo được Đức Chí-Tôn dạy cách Tham -Thiền, khi biết Tham-Thiền rồi mới Nhập-định.

Nhưng Nhập-tĩnh không phải dễ, chỉ sai một tí, sót một chút là có thể hỏng cả cuộc đời, nhập-tĩnh mà không tới thì bị hôn-trầm tức là ngủ gục, còn nhập-tĩnh mà quá mức thì phải điên đi mà chớ; nhập-tĩnh mà đúng rồi, còn phải nhờ các Đấng Thiêng-liêng mở Huệ-quang-khiếu nữa mới xuất hồn ra được. Con đường mà Chơn-Thần xuất ra rồi về với Đức Chí-Tôn là con đường Thiêng-liêng Hằng sống đó vậy. Chính Bàn-Đạo được Đức Chí-Tôn mở Huệ quang-khiếu nên mới được về hội kiến cùng Đức Chí-Tôn và đã học hỏi được nơi Đức Chí-Tôn nhiều điều bí-yếu bí trọng.

Ngày nay, gặng Con đường Thiêng -liêng hằng sống là Bàn-Đạo muốn dìu dắt Chơn-thần của toàn thể con cái Đức Chí -Tôn về với Đức Chí-Tôn qua một hình thức Thuyết Đạo.

... Đè-tài **Dục tấn trên con đường Thiêng-liêng Hằng sống**: Như hồi nãy Bàn-Đạo có nói, nhờ hồng-ân đặc-biệt của Đức Chí-Tôn, Bàn-Đạo được diễm-phúc lợi-hiệp cùng Ngài và trước khi hội-hiệp cùng Ngài, Bàn-Đạo cũng đã được hội-kiến cùng các Đấng Thiêng-Liêng nơi ới Thiêng-Liêng Hằng-Sống.

Kể từ đêm nay, Bàn-Đạo không Thuyết Đạo, mà Bàn-Đạo chỉ nói lại, thuật lại những gì Bàn-Đạo đã thấy, đã nghe, đã biết, khi gặp các Đấng nơi cảnh Thiêng-Liêng kia, âu cũng là phương-pháp giúp cho toàn-thể con cái Đức Chí-Tôn biết trước cảnh đó như thế nào, để nữa có về thì không bỡ-ngờ.

Bàn-Đạo nói, con cái Đức Chí-Tôn nghe, rồi tưởng tượng như mình có một người hướng-dẫn và đi đến đâu thì người hướng-dẫn giải-thích ến đó, tỷ -dụ như người ngoại-quốc đến nước Việt-Nam được một người hướng dẫn và giới-thiệu các thắng cảnh tại Việt-Nam đó vậy”.

h –Ba cách lập vị để về với Chí-Tôn.

Bài Thuyết-Đạo tại Đền-Thánh, đêm 13 tháng 8 năm Mậu-Tý (16-9-1948)

“Con đường về với Đức Chí-Tôn không phải dễ, mà cũng không phải về là tới liền, muốn về với Đức Chí-Tôn ta phải qua nhiều Cung, nhiều Điện; mỗi Cung chúng ta gặp một sự lạ, mỗi Điện chúng ta gặp một huyền-vi khác nhau, phải đi từ Cung này đến Điện nọ, nên gọi là:

“**Dục tấn trên con đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống**”. Về được với Đức Chí-Tôn thì không còn ạnh -phúc nào bằng.

Một kiếp Tu chưa chắc đã về được với Đức Chí Tôn, muôn năm ngàn kiếp mà nếu thiếu Tu, cũng không

khi nào về được với Đức Chí-Tôn, mấy Anh mấy Chị rán nhớ điều đó, mà Tu thì sao?

Trong cửa Đạo Cao-Đài này đã dạy Tu rồi, nhưt là Bàn-Đạo đã giảng nhiều rồi, ấy là ta phải: **Lập Đức, Lập Công và Lập Ngôn** đó vậy.

Mỗi chơn-hồn nơi thế-gian này, khi thoát xác đều phải qui tựu tại Đền-Thánh này và đữttrong Đền Thánh này đến các cảnh giới khác. Tại sao phải vào Đền Thánh này, mà không vào các Đền-Thánh khác?

Tại vì Đền-Thánh này tỷ như một trường thi: Mỗi năm Chánh-Phủ mở một kỳ thi như thi Tú-Tài chẳng hạn, địa-điểm đã ấn định rồi, chỉ có thi nơi đó mới có giá-trị: Tòa-Thánh này cũng vậy, Đức Chí-Tôn lập ra để con cái của Ngài lập công, lập đức, lập ngôn mà về với Ngài.

Vào Đền-Thánh tức là vào Hiệp-Thiên-Đài, đi từ Hiệp-Thiên-Đài đến Cung Đạo, nhưng muốn vào Cung Đạo phải qua Cửu-Trùng-Đài, mỗi nấc của Cửu-Trùng Đài là mỗi lần khảo-dượt của các Đấng Thiêng-Liêng, là mỗi lần cứu-rỗi của Cửu vị Nữ-Phật, là mỗi lần cầu xin của các Đấng linh-hồn, toàn-thể con cái Đức Chí-Tôn đọc lại mấy bài Kinh từ Đệ Nhứt Cửu đến Đệ Cửu Cửu, đến Tiểu Tường và Đại-Tường thì biết.

Trong cửa Đạo Cao-Đài có ba cách về với Đức Chí Tôn, hay là có ba cách lập vị mình:

Cách thứ nhưt:

Các chơn-hồn mượn xác phàm phải đi theo phẩm trật Cửu-Thiên Khai-Hóa, tức là theo Hội-Thánh Cửu-Trùng-Đài, dùng tài ỨC mình lập công để đoạt Đạo, nghĩa là phải đi từ bậc Đạo-hữu lên Lễ-Sanh, Giáo-Hữu, Giáo Sư... Phải lập công từ Tiểu-Thừa, Trung-Thừa đến

Thượng Thừa; phải ăn chay từ sáu ngày mỗi tháng đến mười ngày, rồi ăn chay trường luôn, phải tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Các chơn-hồn đi theo phẩm-trật Cửu-thiên khai hóa còn phải có tự-tín rồi tha-tín, tức là giác-nhi giác-tha đó vậy. Có tự-tín rồi tha-tín tức là có tự độ mình rồi độ chúng-sanh. Đạo Cao-Đài khác với các nền Tôn-giáo khác là ở chỗ đó; trước hết phải độ mình, độ gia-đình mình rồi độ ngoài thân-tộc, tức là độ cả nhơn-loại vậy; mình phải học để mình hiểu Đạo. Hiểu Đạo rồi, nói sao cho thân-tộc mình hiểu Đạo, chẳng những nói Đạo cho thân-tộc mình biết mà thôi, mà phải nói Đạo cho toàn nhơn-loại nữa.

- Mình học để biết Đạo là lập Đức,
- Nói Đạo cho thân tộc mình biết Đạo là lập Công,
- Độ toàn nhơn-loại là lập Ngôn.

Có làm đủ ba điểm đó mới về được với Đức Chí Tôn bằng con đường Cửu-Thiên Khai-Hóa.

Cách thứ hai:

Lập vị mình theo Thập-Nhị Đẳng-Cấp Thiêng Liêng tức là theo Hội-Thánh Phước-Thiện, nơi đây ngoài việc ăn chay giữ-gìn luật Đạo từng theo chơn-pháp của Đức Chí Tôn còn phải dùng Đức để lập vị mình.

Muốn Lập Đức phải đi từ Minh-Đức, Tân-Dân, Thính-Thiện, Hành-Thiện, Giáo-Thiện, Chí-Thiện...

Lập đức là gì? Là dùng sự Thương -yêu để cứu độ chúng-sanh mà Đức Chí-Tôn đã có nói "**Sự Thương yêu là chìa khóa mở cửa Bạch-Ngọc-Kinh**" là vậy đó.

Các Đẳng chơn-hồn tái kiếp đang chơi-vời trong "Tứ diệu đề khô". Muốn thoát khổ họ phải thọ khổ, có thọ

khổ mới thắng khổ. Người đi theo Thập-nhị Đẳng cấp Thiêng-liêng là dạy người ta thọ khổ để thắng khổ. Muốn dạy người ta thọ khổ trước hết thì mình phải thọ khổ đã, muốn thọ khổ thì không gì hay bằng dùng đức Thương yêu. Cho nên **đệ thứ nhất của Thập nhị đẳng cấp Thiêng liêng là Minh-đức đó vậy.**

Có Thương yêu mới thọ khổ được, ta thương Cha Mẹ ta, ta mới chịu khổ mà bảo dưỡng Cha Mẹ lúc tuổi già, ta thương con ta, ta mới lo tảo lo tần nuôi nó khôn lớn, ta thương những người cô thế tật nguyên ta mới tìm phương giúp-đỡ họ, mà **tâm phương giúp họ là thọ khổ đó vậy.**

Thọ khổ rồi mới thắng khổ, thọ khổ không phải một ngày, một bữa, mà phải thọ khổ cho đến nơi đến chốn, nghĩa là nuôi Cha Mẹ cho đến tuổi già, lo cho con từ khi còn bé cho đến lúc nó tự lo cho nó được. Hai điều đó còn dễ, đến lo cho thiên-hạ hết khổ mới khó, vì khi lo người này, hết người này đến người khác và cứ như vậy trọn kiếp sanh mới gọi là thắng khổ, có thắng khổ mới về được với Đức Chí-Tôn bằng con đường Thập nhị đẳng cấp Thiêng liêng.

Cách thứ ba: Cách thứ ba là cách Tu-Chơn hay là cách Tịnh luyện cũng thế.

Những người đi trong Cửu-phẩm Thân-Tiên hay đi trong Thập nhị Đẳng cấp Thiêng-liêng; khi mình **nhận** thấy là đã Lập Đức, Lập Công, Lập Ngôn rồi. Hay là đã thọ khổ và thắng khổ rồi mà còn sức nữa, thì vào nhà Tịnh để được Tu-chơn. Nơi đây các vị đó sẽ được **học phương pháp luyện Tinh hóa Khí, luyện Khí hóa Thần, tức là Tinh-Khí Thần hiệp nhứt là Hườn-Hư đó vậy.**(Hườn hư tức là môn Thái dương học đã thành).

TAM BỬU CON NGƯỜI

Bây giờ Bản Đạo giảng về Tam Bửu, ba cơ quan tạo nên hình thể con người, **Chơn linh** ta do nguyên khí mà có, nguyên khí là Tiên thiên khí; **Chơn thần** do Hậu thiên khí kết thành, còn **xác thịt** thì do vật chất mà nên.

Chơn-linh:

Hỏi vậy ta muốn sống đây do cơ quan nào? Ấy là nhờ chơn linh mới có sự sống. Chơn linh có một quyền năng vô đoán, chưa có khoa học nào tra cứu rõ thấu được. Cái quyền năng của nó là của Đức Chí Tôn ban cho. Quyền năng của chơn linh không giới hạn, nó là quyền năng bảo trọng đường sống của vạn loại, của xác hình. Chơn thần là Hậu thiên khí, nó bảo trọng vật chất khí.

Trong ba khí ~~chất~~ ấy, tạo ra hình hài chúng ta, chơn linh là **nhứt** điểm linh quang do Chí Tôn mà có để bảo trọng cái sinh mạng, cái sống của thi hài. Đến ngày giờ nào niên kỷ đã định hết khối sinh quang rồi thì cái quyền năng ấy ra khỏi xác, thì xác phải hoại, chúng ta gọi là tử.

Ấy vậy, ta kiểm thử coi Tiên thiên khí, Hậu thiên khí và Vật chất khí là gì? **Chúng ta sẽ thấy bất kỳ vật hữu hình nào cũng có ba thể chất:**

Vật chất thì mắt ta thấy.

Mùi vị là Hậu thiên khí.

Năng lực là Tiên thiên khí.

Ba khí chất này tượng ra hình hài của con người, vật chất mùi vị, năng lực thể nào thì loài người thể ấy, vì chúng ta thấy một hạt gạo, nấu ra cơm, ăn vào để lấy cái tinh ba của nó là Hậu thiên khí phục nguyên khối sanh quang của ta được tồn tại.

Tinh ba của vật chất nó vào mình làm cho xác hài có năng lực tráng kiện. Ta thấy khi đói bủn rủn tay chơn là thiếu sanh khí đó vậy.

Chơn thân là Hậu thiên khí, ta không thấy mà chớ nên tưởng rằng không có, ta ăn hột cơm vào bụng, lọc lấy cái tinh ba làm huyết khí để nuôi lấy khối sanh vật này. Ta biết có mà không thấy được. Chơn thân chúng ta, thiên hạ kêu là phách, vĩa cả thấy đều có.

Người hay sợ ma là tại sao? Vì họ thấy hình ảnh của khí chất biến hình, năng minh năng ẩn, mà sự ẩn hiện ấy lấy làm lạ và trái với mắt phàm thường thấy, nên làm cho họ sợ.

Một khi ta thấy một vong linh hiện hình mà ta có phước gần gũi đặng họ sẽ thương yêu mình hơn kẻ phàm lắm vậy.

Kẻ phàm mang xác hài hay có thất tình, lục dục, nên có sự phân cách về thể chất hữu vi làm cho thiếu sự thương yêu vì ta sợ.

Ngày nào ta ở cảnh vô hình sống trong khối tạo đoan chừng đó ta mới biết **Đạo là có phận sự bảo trọng chúng sanh, khuyên lơn dạy dỗ và giục thúc cho các đấng linh hồn tăng tiến trên đường tấn hóa. Ta chỉ đặng phép thương yêu bình ực chớ không ai đặng mưu hại giục hư.**

Bản Đạo giảng cõi Hư linh, nếu ta đạt pháp xuất ngoại xác thân, tương hội cùng các bạn cõi vô hình thì ta thấy khác hẳn theo tánh chất phàm tâm tưởng tượng.

Cõi Hư linh các lực cao trọng, Thánh, Tiên, Phật chỉ có mơ ước thiết thực nhất một điều là làm thế nào giúp ích cho chúng sinh. Các đấng ấy rất may mắn gặp những

dịp để an ủi tâm hồn chúng sanh, hằng giờ hằng buổi không thiếu tình thương.

Chúng ta đến làm người, cốt yếu đạt cho được cơ tạo đoan trở nên Chí linh chí Thánh, một kiếp học thêm một bực, để ngày kia mong mỏi làm Trời.

Các bạn biết Phật Thích Ca xưng là Bốn Sư, người tu gọi là Thầy, nếu các chơn linh ấy gặp được, thấy được gần được Phật thì đối với Phật không ngoài mức bạn thân ái.

Ở thế này dầu một vị Phật cũng không chê ai, không hạng nào chê, hạng nào khen, vì Phật đã biết con đường đi trước kia, dầu ai phạm, dầu ai lạc hậu cũng tới sau, họ chỉ biết một điều là chỉ từ nẻo quanh co, vui vẻ chỉ cho bạn đi cùng đường đạt lên Phật vị.

Họ không dám chê ai, chẳng phải đối với loài người mà thôi mà đối với tất cả vạn loại, chúng sinh chỉ là anh em còn lạc hậu đó vậy.

Con vật mà ta thấy bị giết được là vì nó vô cô không phương bảo vệ, ngày nay giết nó mà ăn thịt, biết đâu sau này các bạn lạc hậu ấy tiến hóa đến phẩm người trở lên, rồi chúng ta sẽ gặp nó bên mình, khi ấy nó ngó ta mà cười và hỏi: "Xưa kia Đức Phật có ăn tôi một lần". Nghĩ tưởng chẳng gì sỉ hổ thẹn thường bằng. Thế nên ta phải ăn chay.

Chưa có ai nhẫn tâm giết người dặng ăn thịt, cũng không có ai dặng quyền giết các bạn lạc hậu ấy để ăn.

Ta đến đây làm bạn cùng vạn vật chúng sanh, vạn vật giúp ta học cho thấu đáo huyền vi cơ Đạo, tạo chí linh nối nghiệp Đức Chí Tôn.

Thầy có nói: Thầy dành sẵn gia nghiệp phàm vị cho chúng ta, Thầy không khi nào lấy lại, trừ ra kẻ nào từ bỏ bởi Đại Từ Phụ mà không tin sao? Ông cha phàm kia còn yêu ái con, trước buổi nhắm mắt còn tính để lại cho con một phần gia nghiệp hương hỏa.

*Một điều là ông cha phàm làm với phạm vi nhỏ phương pháp nhỏ theo phàm. Còn ông Cha Thiên Liêng không lẽ thua ông cha phàm? Thầy nói: Thầy dành sẵn gia nghiệp ngôi vị thì Thầy không quyền cho kẻ khác, trừ khi mình bỏ. Bàn Đạo tưởng, nhưt là phái Nam, thanh niên vũ chức (*1) nếu mấy em biết cơ quan ấy thì không hạnh phúc nào hơn là dám hủy mình vì Chí Tôn. Bàn Đạo dám chắc Thầy không hề chịu thiếu ai và Thầy không hề quên mối nợ tình ái của con cái của Ngài. Nếu Thầy không thường món nợ ấy thì Hộ Pháp hứa sẽ tái kiếp luân hồi bồi thường cho đủ.*

Vì những kẻ dám đem mình làm tế vật cho Thầy để lập nên một Quốc gia Thiên định tại thế này, Bàn Đạo chắc Quốc gia ấy phải thành. Đức Chí Tôn tạo cho con cái của Ngài một cửa nhỏ tuy khó đi mà Bàn Đạo chắc rằng, những hạng con cái dám chết vì Ngài thì chúng nó dám đập vỡng cửa ra chúng nó đi sứ đến. Nếu chúng ta có con mắt thiêng liêng, ngày nào họ đi ngang qua thì ta sẽ thấy các Đấng dầu chư Thần, Thánh, Tiên, Phật tức là các chơn linh cao trọng cũng phải cúi đầu.

Thầy sẽ trả bao nhiêu món nợ tình ái của con cái của Ngài thì không biết, chớ không khi nào Đức Chí Tôn trả cho một mà phải trả nhiều hơn là hẳn vậy. Xin cho toàn Đạo nam nữ sao lục nguyên văn để phổ thông chơn lý.

B -LẬP ĐẠI NGUYỆN **DÂNG TAM-BỬU LÀ LẬP ĐẠI NGUYỆN PHỤNG-** **SỰ VẠN-LINH.**

Một người tu khi đã **thực sự giác-ngộ** (Tức là trạng thái sáng-suốt không còn ối tăm, mê -muội) thì không còn nghĩ gì cho riêng mình nữa, nên họ tự lập đại nguyện là trao trọn thể xác, tinh-thần, trí não cho Đức Chí-Tôn tùy nghi sử-dụng để làm con tể vật phụng-sự vạn-linh. Đó là dâng tam-bửu cho Chí-Tôn trong thời cúng Đại-Đàn vậy.

Tam-bửu là ba món báu mà trời đã ban cho con người: Tinh tượng trưng là bông (hoa) ,Khí tượng trưng cho rượu (lập-ngôn tức lời thuyết-giáo đủ hấp dẫn người nghe như hơi ~~ou~~ vậy) Thần tượng trưng là nước trà . Người tu-hành phải biết luyện-đạo, nên người ta thường nói Tu-luyện. Tu mà không biết luyện thì sao thành đạo cho được. muốn biết luyện Đạo như thế nào ? Chúng ta hãy nghe bài thuyết đạo của Đức-Hộ-Pháp về việc thành lập Trí-Huệ-Cung sau đây:

1 -TẠO LẬP THIÊN HỈ ĐỘNG **(Đức Hộ-Pháp thuyết về ý-nghĩa sự tạo lập Thiên Hỉ** **Động – Trí Huệ Cung)**

Ngày mai *ây* là ngày “trấn pháp”Thiên -hỉ-Động , Trí-huệ-Cung,Bản-Đạo lấy làm vui mừng đã làm tròn phận-sự đặc-biệt của Bản-Đạo . Từ thử đến giờ Bản-Đạo đã có nhiều phen giảng-giải về hình thể Đức Chí-Tôn.

Bản-Đạo đã gánh vác về thể-pháp Cứu-trùng-Đài, tạo nghiệp cho Đạo, là làm giùm cho thiên-hạ chớ không phải phận-sự của Bản-Đạo. Ngày nay là ngày vui mừng của Bản-Đạo hơn hết ; là Bản-Đạo còn dặng sức khỏe

đầy-đủ cầm bí-pháp của Đức Chí-Tôn đã giao phó, ấy là phận-sự đặc-biệt của Bàn-Đạo đó vậy.

HỘ-PHÁP đến kỳ Long-Hoa Hội này cốt để rước cứu nhị ức nguyên-nhân là Bùn chí thân của người đã bị đọa-lạc nơi hồng-tàn này không phương giải-thoát. Muốn rước các bạn chí thân của Bàn-Đạo, Đức CHÍ-TÔN buộc phải lấy pháp-giới độ tận chúng sanh.

Hôm nay là ngày mở cửa thiêng -liêng và đưa nơi tay các Đấng nguyên nhân ấy một quyền năng đặng tự giải-thoát lấy mình; hai món bí-pháp ấy là:

1. LONG-TU-PHIẾN của Đức CAO THƯỢNG - PHẨM để lại.
2. KIM-TIÊN của Bàn-Đạo.

Hiệp với ba vòng vô-vi tức nhiên là diệu-quang Tam-giáo hay là hình-trạng của Càn-khôn vũ-trụ mà đó cũng là tượng ảnh Huệ-quang-Khiếu của chúng ta đó vậy. (1).

KIM-TIÊN là gì ?

- Là tượng hình -ảnh ủa điển -lực điều-khiển Càn-khôn vũ-trụ mà chính đó là điển-lực tức nhiên là sanh lực của vạn-vật đó vậy. Với nó mới có thể mở Đệ-Bát-Khiếu - trong thân con người có thất -khiếu và còn có một khiếu vô-hình là Huệ -Quang-Khiếu - vì nó là điển-lực nên nó mở khiếu ấy mới được.

Nói rõ, con người có ngũ-quang hữu tướng và lục-quang vô-hình, mà phải nhờ cây Kim -Tiên ấy mới có đủ quyền-hành mở lục-quang của mình đặng.

LONG-TU-PHIẾN, có thể vận-chuyển Càn Khôn vũ-trụ do ngọn khí đào-độn sanh ra đó vậy. Nó có quyền đào-đôn ngọn-khí, thấu-hoạch ngọn-khí để trong sanh-lực.

Con người nắm được điều ấy là kẻ đặc-pháp, nhờ nó mới có thể luyện Tinh hóa Khí luyện Khí hóa Thần được.

Ấy là Bí-pháp trấn tại Thiên-Hỉ-Động – Trí-Huệ-Cung, toàn thể ngó thấy khô ng có gì lết mà trong đó huyền-pháp vô-biên vô giới, giải thoát đặng cùng chằng là do bao nhiêu đó mà thôi.

a - . HÌNH ẢNH CÂY LONG-TU-PHIẾN

Đền Thánh, đêm 29 tháng 3 năm Đinh Hợi (1947)

Hôm nay Bàn Đạo giảng về Tam Bửu, nguyên thủy tạo thành Càn Khôn Thế Giới.

Từ trước đến giờ thiên hạ thường nói là có Đạo, tin Đạo, nhưng Bàn Đạo tưởng chắc chưa có ai hiểu Đạo là gì cả, nên Bàn Đạo lần lượt giảng cái chơn nghĩa của chữ Đạo, giải rõ cái liên quan giữa Đạo và con người cùng vạn vật do nơi đâu mà có, rồi sẽ giảng về nguyên căn của Tam Bửu, là một nguyên căn, là một bốn nguyên Tinh, Khí, Thần. Đức Chí Tôn là Đấng tự hữu hằng hữu, mà từ thử đến giờ bất kỳ một Đấng Thiêng Liêng nào cũng không hiểu rõ nguyên căn của Người đặng.

Theo lời Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn nói thì chính Ngài cũng không hiểu rõ nguyên căn của Chí Tôn, chỉ biết cái quyền năng vô đối của Người mà thôi. Bàn Đạo đã vấn nạn Đức Chương Đạo Nguyệt Tâm Chơn Nhơn một vấn đề khó giải mà từ xưa đến nay chắc chưa có vị Giáo Chủ nào đã lời như Bàn Đạo. Bàn Đạo hỏi nguyên căn của Đức Chí Tôn và quyền năng của Người, thì Đức Chương Đạo có tả một bài văn chữ Pháp dịch ra Quốc Ngữ; nhưng chính Đức Nguyệt Tâm cũng đã thú thật rằng: Không biết nguyên do của Chí Tôn là thể nào, chỉ biết quyền năng vô đối của Người mà thôi.

Nay thuyết về vấn đề ấy, Bàn Đạo chỉ nói Đấng Chí Linh lừng hững ấy là Đức Chí Tôn, là Cha cả chơn linh vạn vật mà nhứt là chúng ta đây đã biết với một cách thâm thúy khối linh ấy thế nào hơn hết, biết bao nhi êu Đấng, biết bao nhiêu người từ xưa đến nay thường tự xét, tự hỏi, vì có nào ta có một cái linh tâm cao trọng hơn cả vạn vật? Tìm tòi với chẳng biết bao nhiêu sự khôn ngoan hiểu biết, và cũng vì tại nơi ấy mà buổi nào loài người cũng chẳng hề quên Đạo. Nhìn biết và hiểu hay không hiểu, dầu muốn từ chối hay không, chúng ta cũng tự xét có vật tối linh trong thân thể ta, mà vật ấy là gì, từ trước đến giờ loài người tìm kiếm mãi nguyên do của nó.

Tiếp khai các nền Tôn Giáo hiện hữu không một nền Tôn Giáo nào nói nức thước và có một chơn lý cao siêu hơn là Phật Giáo, nhưng cũng chưa giải rõ. Ta chẳng cần tìm đâu xa xuôi làm chi, chúng ta thấy hiểu con người có tâm linh chúng ta có quan sát cả chơn lý của Phật Giáo từ buổi sơ khai, nên chúng ta dám nói chắc rằng: Chúng ta có một Tôn Giáo mà Tôn Giáo ấy là Chúa Tế các nền Tôn Giáo khác, vì bởi nó là nguyên căn của Tôn Giáo (Đại-Đạo) và chính nó là một Tôn Giáo tự hữu, từ buổi Trời Đất biến sanh đã có (Đạo , tức nhứt âm nhứt dương chi Đạo) , cái khối chơn linh ấy là Cha của chơn linh, Cha của nhứt điểm linh quang, làm sao chúng ta hiểu linh quang ấy, vì ta xét từ trước Đức Chí Tôn dùng cái thanh khí ấy mà tạo ra loài người với đất do thanh khí ấy mà biến thành vạn vật. Loài người đến nay nhờ tấn hóa mà khôn ngoan, cũng như vạn vật nhờ tấn hóa mà được toàn năng toàn triệy. Các nhà triết học luận bàn đã nhiều, nhưng xét ra cũng chưa hiểu rõ cái nguyên căn ấy. Phật Giáo nói: Cái khối linh ấy phân tánh của mình ban bố ra cả vạn vật, khối linh ấy trước khi phân tánh thì ợi

là Brama là Phật, đến khi phân tách rồi thì Đấng thứ nhì Civa chỉ về Pháp, Đức Chí Linh cầm quyền năng biến chuyển chớ không cầm quyền năng tạo đoan. **Pháp vận hành mà sanh khí nên ta thấy mệnh mông trước mắt ta ấy là Khí, vậy Khí là gì? Khí là khối sanh quang vạn vật nhờ thờ khí ấy mà sống, cho nên chữ Khí là sự sống của vạn vật, do Khí là Pháp biến tướng ra vạn vật. Nên Đấng thứ nhì chưởng quản cái sanh khí thường gọi là "2è Logos" thuộc Âm ấy là Phật Mẫu chưởng quản cả cơ quan tạo đoan này vậy.**

Như chúng ta thấy cơ quan sanh hóa vạn vật và loài người là do âm dương phối hợp (**Biểu-tượng là hình chữ Thập + gọi tên là Hà-đồ do Vua Phục-hi chế ra**) mà biến tướng, Phật chiết tách biến ra Pháp là Ngôi thứ nhì thuộc Âm, là Phật Mẫu, nhưng chúng ta không biết cái bí mật ấy là khí âm dương phối hiệp biến hình, mà Phật Mẫu dùng gì để tạo nên cơ quan hữu vi này, vì bởi Phật Mẫu dùng khối sanh quang có năng lực vận hành trong không khí, chúng ta không thể thấy được. Khí biến ra hữu tướng là nước, lửa, gió, rồi nước, lửa, gió vận hành biến ra vạn vật, đi từ Hỗn nguyên khí, Hư vô khí đến Huyền ảnh khí rồi mới biến ra vạn vật, tức là Huyền ảnh khí biến ra như hình vậy. Khí mà khoa học gọi là Nguyên tử khí (Atome) Nguyên tử khí có năng lực vô biên mà loài người đã đoạt được để dùng, chớ không biết nguyên căn và nguyên tánh của nó đi đến mức nào. Kể từ ngày loài người tìm được nguyên tử chất và dùng được cái Nguyên tử khí ấy là cái khí sanh của vũ trụ, mà họ có biết đâu **một ngày kia phàm thế sẽ nương nhờ Nguyên tử khí ấy mà qui nguyên Thánh Thể**. Thử hỏi Đức Chí Tôn cho như loại đoạt Nguyên tử khí ấy để làm chi? Chúng ta cũng nên tìm hiểu cái huyền vi bí mật ấy, mà dẫu cho Đạo Giáo nào cũng

vẫn còn đương mơ tưởng để kiếm hiểu. Ngày hôm nay Nguyên tử khí dùng để giết người, thì biết đâu sau này nó sẽ là phương cứu tử hườn sanh cho người, và nó sẽ đem loài người đến địa vị trường sanh bất tử.

Vì bởi Nguyên tử khí là căn nguyên sự sống của vạn loại, nếu nó đã làm chết được thì nó cũng sẽ làm sống được. Cái khí ấy sanh trước hết là nước, lửa, gió vận hành tạo ra hữu hình là vạn vật, vì có mà con người đối với vũ trụ hình ảnh thế nào thì tạo đoan cũng thế ấy, nên mới lấy Càn Khôn làm Đại Thiên Địa và lấy con người mà làm Tiểu Thiên Địa. Mạng sanh của con người đồng thể cùng Càn Khôn, tức là sự sống phải tương liên với Chí - Tôn. Hỏi vậy Chí Tôn tạo ra cái đại nghiệp ấy để cho ai? Để cho Vạn Linh, mà đứng đầu Vạn Linh lại là loài người, mà loài người có hưởng được thì Đức Chí Tôn mới dành cho, nếu chúng ta một ngày kia hoặc nam hay nữ chẳng hạn, cũng sẽ có một đũa hưởng được cái quyền năng ấy.

Đức Chí Tôn lập ra đại nghiệp thì Ngài cũng muốn chúng ta làm được như Ngài, tức là đem Tiểu Thiên Địa đến Đại Thiên Địa.

Ấy vậy về cơ quan đoạt lấy đại nghiệp, Chí Tôn chỉ dặn chúng ta có một tiếng Tu. Tu cho hiền mới hưởng được, nhưng thế gian lại chưa hiền, thế gian còn dữ quá thì chừng nào mới đoạt được.

Qua ý nghĩa của bài thuyết-đạo cho ta thấy được quyền năng của bửu-pháp Long tu-phiến là tượng trưng cho chữ Đạo (là Tiên-thiên hư-vô chi khí vậy). Hình bìa “Long mã phụ Hà-Đồ” là biểu tượng chữ Đạo mà cũng là tượng trưng cho “khí Sanh-quang” vậy.

b - HÌNH ẢNH CÂY KIM TIÊN CỦA HỘ-PHÁP ?

(**LÀ BÁT-QUÁI ĐỒ THIÊN**).

Mùng Lễ Trung Thu.

Đêm 14 tháng 8 năm Đinh Hợi (1947)

ĐỨC HỘ-PHÁP THUYẾT-ĐẠO

Chúng ta hôm nay ăn lễ Trung Thu của Phật Mẫu, theo lời dạy của Đức Lý Giáo Tông. Nếu lấy theo chơn truyền thì từ Thượng cổ đến nay, tức là hồi Nhứt Kỳ, Nhị Kỳ Phổ Độ, Phật Mẫu tiếp rước tại Diêu Trì Cung lập Hội Bàn Đào, đãi những người đạt Đạo trở về cùng Mẹ. Đạo Sư nói: Phép vào Hội Yến này Chí Tôn ban cho những người ấy.

Phật Mẫu ban sơ đến Hiệp Thiên Đài làm Mẹ của chữ Khí tức là khí sanh vạn vật. Lấy Ngươn pháp trong chữ "Khí" biến thành Càn Khôn Vũ Trụ, chữ Khí tương quan trong Hiệp Thiên Đài. Nên Phật Mẫu trước đến tạo Hiệp Thiên Đài thuộc Pháp, tức là tòa ngự của Người, rồi sau mới lập Cửu Trùng Đài. Người đến gọi mình là bạn của chúng sanh, tự xưng Thiếp, đem bí mật từ thử chưa ai nghe đối với Chí Tôn thế nào, nói rõ không kiêng phép Ngọc Hư, vì để tạo gia nghiệp cho con cái của Người, thì Người có quyền nói không ai cản được nói.

Buổi nọ, Đức Phật Mẫu nói: Ngày nào Bà thân của Đức Cao Thượng Phẩm qui vị là ngày ấy thành Đạo, trước ngày Vía ấy Đức Phật Mẫu giảng Đạo có dùng tiếng Mẹ con xưng hô cùng ta tức là ngày thành Đạo nhằm Lễ Trung Thu (ngày rằm tháng tám) Trước kia Đức Lý Giáo Tông không nói rõ nhưng chúng ta cũng hiểu là: Cao Đài đã thành Quốc Đạo.

Trong giây phút đây Cao Đài đã được ghi vào Đạo Sử, toàn nhơn sanh đều thấy Phật Mẫu đến in ấn Thiêng Liêng định thành nên Quốc Đạo của chúng ta vậy.

CHƯƠNG III.

1- LUYỆN TÁNH TU TÂM

Từ thử đến giờ, chúng ta thường nghe câu nói “Luyện Tánh tu Tâm” nhưng chắc rằng chưa có ai biết được cái tâm thực của mình như thế nào ? thực hư ra sao?

Quý vị Đạo Tâm hãy thành ý để nghe Đức Hộ Pháp thuyết-giáo về:

“ SỰ KHÓ KHĂN CỦA ĐẠO TÂM.”

Đền Thánh đêm 29/5 năm Nhâm Thìn (21/6/1952)

Đêm nay Bàn Đạo giảng về sự khó khăn của Đạo tâm, chúng ta phải đương đầu với Phàm tánh. Tiếng Đạo tâm Bàn Đạo đã giải rõ, Tiên Nho chúng ta khi trước không có lấy tiếng chi mà tả được cái huyền bí Tạo Đoan nên đã dùng tiếng "Tâm" chỉ vật vô hình ấy gọi là: "Cường danh viết Đạo". Mượn danh ấy đặt chỉ vật vô hình mà thôi, thật sự Đức Chí Tôn đã đến giải rằng chữ "Tâm" thiên hạ đã dùng để chỉ cái Nguơn linh của chúng ta đó vậy. Cái Nguơn linh là Tâm thực về Đạo, là cả cơ quan tạo đoan của Càn Khôn Vũ Trụ, cái bí mật đã sanh sanh hóa hóa, vạn linh tức là nguyên linh của chúng ta, đời cũng huyền

bí của Càn Khôn Vũ Trụ, hễ chúng ta đã nói rằng: Nguồn linh của chúng ta thì hai tiếng Nguồn linh ấy, chúng ta đã tâm hiệu do Đấng Chí Linh sản xuất, mà xuất nơi Đấng Chí Linh tức nhiên nó là một phần tử vạn linh và nó đã xuất hiện trong Chí Linh mà ra, tức nhiên cả cơ quan Tạo đoan của Càn Khôn Vũ Trụ nó đã có một phần tử nơi đây, hễ chúng ta đã nói rằng nó có thể suy đoán cơ thể chủ quyền của Càn Khôn Vũ Trụ, thì chúng ta có thể nói rằng: Nó có thể làm chủ cả cơ thể tạo đoan nơi mặt địa cầu này. Càn Khôn Vũ Trụ vĩ đại thế nào thì cái nguyên linh của ta nó cũng phải đạt đặng nguồn linh nó mới chịu, vì cứ cho nên Bàn Đạo đã thường nói cái tương lai của loài người họ sẽ đi đến mục đích làm chủ tạo đoan Càn Khôn Vũ Trụ nơi mặt thế hữu hình này, hay họ sẽ làm Ông Trời tại thế này đó vậy. Hễ nói rằng có tánh chất Càn Khôn Vũ Trụ thì phải quảng đại bao la, có thể tạo đoan vĩ đại thế nào thì nguồn linh của chúng ta phải vĩ đại như thế ấy, Càn Khôn Vũ Trụ huyền bí thế nào, cái nguồn linh của chúng ta phải nương theo huyền bí ấy thế đấy.

Bởi vậy cho nên, nó tự biết phạm vi nó là Trời, nó thấy cả sự đau khổ của nhơn loại đã chịu, nó đã biết cái đau khổ của nó, mà nó hoài bão cảm cảnh yêu đương kính trọng cái khổ của thiên hạ, khổ của toàn thể nhơn loại, nó đã biết cái sống của nó rằng khổ, nó phải thương cái sống của thiên hạ, nó biết cái giả của nó khổ, nó phải thương cái giả của thiên hạ, nó biết bệnh của nó là khổ, nó phải thương cái bệnh của thiên hạ, nó biết cái chết của nó là khổ nó phải thương cái chết của thiên hạ.

Cái tánh chất Nguồn linh của chúng ta, tức nhiên Đạo Tâm của chúng ta đây vậy, nó phải quyền năng chủ định của nó,

nó phải có quyền năng làm chúa cái sở năng của nó, nó có thể cải được cái quyền lực của quả kiếp Luân hồi, nó có thể sửa cái đặng đạt cơ giải thoát đặng định chủ lấy nó. Ấy vậy cái Đạo Tâm của ta là thế đấy.

Bao giờ phàm tánh là vật tánh vẫn hoài bão tánh chất thú của nó, mỗi sự chi làm cho nó phải ham muốn, vừa ý thích của nó theo cái năng lực của nó mạnh mẽ thế nào nó thấy được sắc đẹp nó ham, nó mê. Nó nghe được một tiếng thanh tao nó biết muốn nó biết mê mẩn, nó nghe được mùi vị thơm tho ngon ngọt nó biết ham ăn, ham ngủ, nó thấy một cái địa vị sang trọng, nó biết giục tâm chiếm đoạt cho đặng, rồi nó dùng đủ phương pháp đòi hỏi cả tinh thần nó đem ra thi thố mưu thuẫn đoạt được sở vọng nó, nó ham muốn phú quý, giàu sang trên mặt địa cầu này, cái vật hình dù đã làm cho nó kích thích, nó ấy cả tinh thần làm năng lực nó làm sao đạt đặng, có nhiều khi trước cảnh ngộ ấy, chúng ta ngó thấy đời đạo đang tương đối cùng nhau. Một bên Đạo tâm giải quyết thắng Phàm tánh, mà hại thay! Không thể dễ gì thắng.

Tiên Nho của chúng ta đã nói trước một đạo binh có thể thắng một trận giặc muôn binh kia, mà ta thắng với phàm tánh của ta rất khó, không thể đoán đặng. Nếu chúng ta thắng được phàm tánh chúng ta, cái Đạo tâm chúng ta đủ năng lực thắng đặng tức nhiên là cái cơ quan tự giác chúng ta đạt đặng.

Đạt được năng lực tự giác ta, ta mới có thể giác thiên hạ, tức nhiên thức tỉnh toàn thể thiên hạ tự giác, giác nhi giác tha là thế ấy. Phương pháp tự giác nhà Phật, Đức Chúa Jésus Christ hay các vì Giáo Chủ đã tìm cái bí quyết ấy

chuyên cả các bí mật của các nền Tôn Giáo. Chử tu ta để dấu hỏi, cái thực hành tiếng tu của thiên hạ đã tìm cái cơ quan tự giác ấy họ đã đặng chưa, cả thấy chúng ta đều để dấu hỏi mờ mờ, nếu toàn thể thiên hạ đặng đặng cơ quan bí pháp tự giác ấy, thì Bần Đạo dám chắc nơi thế gian này cả thấy thiên hạ là Thánh, mà giờ phút này họ Phàm, thì Bần Đạo nói có một phần thiếu số đặng đặng chớ không phải cả toàn thể thiên hạ đặng đặng.

Đức Chí Tôn đã đến, Ngài chỉ Bí Pháp có một điều là: Các con không cần tìm kiếm triết lý cao siêu hơn nữa, các con tìm kiếm cái sống của toàn thể bạn đồng sinh của các con, rồi kính trọng phụng sự cái sống ấy. Hễ các con tận tâm phụng sự cái sống của Vạn L.inh, thì cơ quan giải thoát của các con, Thầy đã để nơi tay của các con đó vậy

Môn Thái-Dương-học cũng gọi là Trường-sanh học là pháp luyện đơn của phái tu Tiên thuộc Đạo Lão (Luyện tâm cho thuần dương). Tuy pháp này có 1200 danh gọi khác nhau, sự thực thì cũng từ Đạo phát ra, mà Đạo thì không chi khác hơn Dịch-lý. Dịch-lý là một khoa-học siêu-hình bao gồm mọi khoa học: Vật -lý, hóa-học, toán học, thiên-văn-học, Địa-lý học...không một khoa học nào ra ngoài nó được.

Tóm lại dịch-lý là khoa học, là triết-lý đại-đồng, là một chân-lý thực tại của Á-Đông nói lên được về vũ-trụ và con người đã có mặt trên sáu ngàn Năm ở Á-Đông ta từ thời vua Phục-Hy đã phát minh ra Bát-quái. Dịch-lý là Triết lý đại-đồng đó vậy.

Chúng ta đã lãng phí thời gian quá nhiều trong cuộc sống giả tạm này, giờ đã đến lúc phải trở về với chánh-đạo là Đạo Trời, tức là Đại-Đạo là gốc, là tinh ba

của Tam-giáo: (Nho, Thích, Đạo). Người Tu -hành phải biết hoàn nguyên tam bửu này thì mới đắc Đạo.

a -LUẬT NHÂN QUẢ LUÂN-HỒI (Karma)

Hay là hột “ Luru-tánh Nguyên-tử” tức là cái Tâm của con người . Tâm cũng là Thiên-nhân , là Trời ở trong ta vậy.

Khi một nguyên-tử đầu tiên vô-hình hay còn chưa thấy rõ hình tướng (tức Tiên-thiên bát-quái), được âm-dương duy-trì (nóng đnh) trong âm -hộ của giống cái (Hậu-thiên), tức là trong cái nguyên-tử đó đã được 8 quẻ hợp thành và huy-động trong khí thái-hòa của âm dương , tức là cái tiểu-thiên-địa đã thành sự vận chuyển âm dương và cái tâm Hỏa (Tâm) diu -dắt nó, cho nó cái sinh-khí để dần từ chỗ vô-hình (Tiên-thiên) đến chỗ hữu hình (Hậu-thiên) tỏ rõ ra được . Như người ta lúc trước khi có thai-nghén (Âm dương giao-phối) thì chỉ là sự cấu hợp của giống đực cái , cũng chỉ là một giọt tinh khí vô-hình (Thiên nhưt sanh thủy) dung hòa với cái âm khí (Địa nhị sanh hỏa). Một khi thai đã đậu (Thiên tam sanh một) thì dần dần thành hình (lúc bấy giờ gọi là địa bát thành chi : $(1+2)+5=8$, tức (Thủy+ hỏa)+ Ngũ -hành biến thành Bát quái) và cái nguyên tử của các thứ như : da, thịt, gân, cốt.v.v. dần-dần gặp những nguyên-tử giống với nó hợp lại cùng một loại (Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu) mà lớn lên để thành hình da thịt, gân cốt, tạng-phủ đủ đầy. Như thế là một công việc khó khăn huyền-bí của đấng Tạo-hóa đã bày ra. Tuy là một sự khó-khăn huyền-bí đối với ta , nhưng Tạo-hóa đã xếp đặt nên muôn sự trong thiên-hạ đều phải có Nhân mới thành Quả mà cái nhân đó thì: Loài nào theo loại đó mà thành quả. Nhân cây bưởi thì thành ra quả bưởi chứ không thể

nào thành ra quả dưa , quả ổi được (Đó là cái lý nhân nào quả nấy hay: “Chứng qua đất qua, chứng đậu đất đậu là như vậy). Tuy cái nhân đó nhỏ bé hết sức, nhỏ đến nỗi không có gì trong nó nữa) mà trong bao -hàm đủ các cái căn-bản (Lý-Tính) của các thứ nguyên-tử để thành cái cây toàn vẹn. (cây người). Một khi đã hấp thụ được cái khí âm dương **thành hình (Mâm)**, tức là đã được cái cây nhỏ bé , rồi các nguyên-tử của các thứ để thành cùng gặp nhau mà thành đon lên . Như vậy là việc thường hết cả trong thiên-hạ . Đó là công việc của Tạo-hóa thiên-nhiên giúp muôn vật , một công việc khó -khăn huyền-bí nhưng lại là thường tình (Đó gọi là thường đạo). **Một công việc thường nhưng không ai có thể tạo ra được, duy chỉ có Thượng-Đế sắp-đặt mà thôi.** Trong cuộc sống , các việc đều là thường cả , nhưng trong đó lại có sự rất khó và phi-thường vậy. Và cũng ở cái đạo thường đó (Nhứt âm, nhứt dương chi vị đạo) mà trăm sự từ cái căn nguyên nhỏ bé phát huy ra bao nhiêu ảnh -hưởng tốt-đẹp hay xấu-xa cho nhân loại và vạn-vật. Ta thường nói: “Cái xẩy nẩy cái ung”, ngụ-ý là cái nguyên-nhân sự vật bao giờ cũng nhỏ bé tí-tí mà sau lại nẩy ra cái quả to lớn . Với những lý-thuyết ở trên ta thấy rõ ràng cái nhân (因) cái quả của Phật-giáo : Nhân nào quả ấy không bao-giờ có sự sai lầm. Vì lẽ ấy Thánh-nhân khuyên người ta làm điều thiện, gieo hạt giống thiện (lành), tức là trồng cái cây THIÊN đê sau này có cái quả thiện mà dùng vậy. (DKTK)

Chỉ ở chỗ sâu xa thâm-thúy đi nói ở trên của Thánh-nhân tức là nói về sự học vấn uyên thâm, tham bác muôn vật, thông suốt muôn sự , từ cái nguyên-nhân giản-dị cho đến cái kết-quả rói-reng của sự vật, biết được cái nhân-quả của sự vật ắt biết cái nguyên-hình của nó . Biết nhân-quả thì ắt biết cái chí-hướng của nó , như biết cái rễ

hay cái mầm mới nhú lên như mọi cây khác . Như biết nó là loại mầm khoai lang thì nó chỉ là thứ rau bò trên mặt đất , không như mầm cây bá cây tùng & mọc lên cao và thành cây to lớn . Vậy biết được nhân-quả thì rõ được cái chỉ hướng của sự vật. Như cái chỉ của rau lang là chỉ bò sát mặt đất, mà cái chỉ của tùng bá thì mọc hướng lên cao và hùng-vĩ. **Cái chỉ là sự muốn đã thành của từng sự vật. Hóa cho nên Phạm các vật trên đời nên hiểu thấu được cái căn nguyên cho đến cái kết-quả ắt thông suốt được cái chỉ của thiên-hạ vậy . Sự thông hiểu được cái chỉ của thiên-hạ như thế là do ở cái DUY TÂM của Thánh-nhân trong dịch-lý.**

Biết được từ nguyên-nhân đến kết-quả của sự vật, ắt biết được những trạng thái biến-đổi từ cái mầm nhỏ yếu lúc đầu cho đến thành cái cây to lớn đã trải qua bao nhiêu giai-đoạn biến-hóa đổi thay , tức là biết cái CƠ của sự vật (6 hào trong **lục** quẻ Dịch). Hóa cho nên T hánh-nhân biết được cái cơ của sự vật thì biết được công việc của Thiên-hạ vậy.

Đây nói đến sự biết tột cùng của Thánh-nhân trong phạm-vi vô-vi hay Thần-linh. Đã đến chỗ hiểu-biết cùng-cực, tức là đã đến chỗ đại-quang-minh như các thần linh thì sự biết của Thánh-nhân ví như sinh-linh khí (Khí Hư-vô) của trời-đất , có cái tính cách không mau mà lẹ, không đi mà đến. Như thế chẳng qua Thanh-nhân đã đến con đường Đại-quang-minh, tức là Đắc đạo thì sống cùng thiên-lý , tâm trí lúc nào cũng được bình -tĩnh , tinh-thần được nguyên-vẹn mà tham bác được hết cả sự vật trong thiên-hạ , trong vũ -trụ. Cho nên Lão-Tử nói rằng: “Thánh-nhân không ra khỏi ngõ , cũng có thể biết được thiên -hạ . Không ngó qua ửa sổ cũng có thể hiểu được thiên -hạ . Không đi xa mà biết, không thấy mà hay.”

Trương-hoành-cử nói rằng: “**Tâm tóm cả tính tình vậy**”, và Trình-y-Xuyên cũng nói: “**Ở Trời làm Mệnh, ở người làm Tính, luận cái sở chủ thì làm Tâm**”. Chu-hối-Am nhân những thuyết ấy mà nói rằng: “**Tính giả, tâm chi lý dã, tình giả tính chi động dã, tâm giả tính tình chi chủ dã. Vị động vi tính, dĩ động vi tình, tâm tắc quán hồ động tĩnh nhi vô bất tại yên**” (**Tính là cái lý của Tâm vậy, Tình là sự động của tính vậy, Tâm là cái chủ của tính -tình. Chưa động là Tính, động rồi là Tình, Tâm thì suốt cả động tĩnh mà không đâu là không có**). Cái nghĩa chữ Tâm cốt ở sự làm chủ-tể, cho nên nói rằng: “**Lấy câu: Thiên-mệnh chi vị tính mà xem, thì Mệnh là tính, Trời là tâm. Tâm có cái nghĩa làm chủ tể**. Song không nên không phân-biệt, mà cũng không nên nói thành ra hai cái. **Chỉ nên nghĩ cho chính mà tự hiểu lấy cái ý làm chủ tể là được**”. Có người hỏi rằng: “**Có chủ thì thực, lại nói có chủ thì hư là thế nào?**”.

- Rằng: “**Có chủ ở trong, cái ngoại-tà không vào được. Lấy cái lẽ: tự có chủ ở trong mà nói thì là thực, lấy cái lẽ: tự cái ngoại tà không vào được mà nói, thì gọi là hư**.” (**Làm chủ được mình là thực, ngoại tà không xâm nhập vào được trong người mình là nói người đã đạt được Tâm Hư-Vô (hay Tâm không)**).

- Phải thế nào mới là tâm ? :-Ông nói rằng: “**Tâm phải linh-hoạt, chu lưu không cùng mà không ngưng-trệ ở một chỗ nào. Tâm nên kiêm cả cái ý quảng-đại và lưu-hành, lại nên kiêm cả cái ý sinh**. Như Trình-tử nói rằng: “**Nhân giả thiên địa sinh vật chi tâm**.” Chỉ có Trời-đất sinh ra vạn-vật thì mới quảng đại và mới lưu-hành, sinh-sinh không nghỉ.

Đã gọi là tâm là cái thống danh của tánh-tình, thì tâm cũng như tánh (Tĩnh) có phần lý và phần khí. Ông lấy cái ý ấy mà giải nghĩa chữ ĐẠO-TÂM 道心 và nhân tâm 人心 ở câu “Nhân tâm duy nguy, đạo tâm duy vi” trong Kinh Thư, và cho **cái gì do lý mà phát ra là Đạo -tâm, cái gì do khí mà phát ra là nhân-tâm**, cho nên nói rằng: “Cái tri-giác do nghĩa-lý phát ra, như biết nghĩa vua tôi, đạo cha con là đạo -tâm; cái tri-giác do thân-thể phát ra như biết đói thì ăn, khát thì uống là nhân tâm. Ông lại nói: “Gọi là người thì có hình khí, cái nhân-tâm quan-thiết với người. Đạo-tâm tuy có trước, nhưng bị nhân-tâm làm cách ra một tầng, cho nên khó thấy.” Vậy nên sự dạy của Thánh-nhân cốt lấy đạo-tâm làm chủ tế trong thân mình và để tiết chế cái nhân-tâm.

b -NGUỒN GỐC CỦA TÁNH THIỆN

Từ thời vua Phục-hi người ta đã thấy được quyền năng của Thượng-Đế là ánh-sáng Mặt Trời vì ở đâu có ánh sáng là ở đó có sự sống ở dạng hữu hình, mà hễ có hữu hình thì ắt có vô hình, cái “vô và hữu” luôn theo nhau và nương tựa vào nhau để làm nên cuộc sống và đưa cuộc sống con người đến chỗ tận thiện, tận mỹ đó là hồn và xác vậy.

Nho-giáo có câu; “Nhân chi sơ **tĩnh b thiện**”. Chúng ta thấy rằng: “con người thuở ban sơ lọt lòng mẹ thì đã có được cái bản tính Thiện 善 rồi. như vậy cái gốc thiện là gì ?

Thế nào là Tĩnh (tánh) ? Thế nào là Thiện (lành).

Chương V Hệ -từ Thượng-truyện viết: “Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo, kế chi giả Thiện dã...” (Một âm,

một Dương gọi là Đạo, tiếp nối(được cái đạo ấy) gọi là Thiện, thành (thực-hiện) được cái đạo ấy gọi là Tính).

Cái tính ủa Trời phú cho ta là Thiện, nếu có thành ra bất thiện là vì người ta không biết giữ lấy cái bản tâm, chứ cái nguồn gốc của Tính là không thể không thiện được.

Mạnh-tử nói: “Nhân giai hữu bất nhân nhân chi tâm: 人皆有不忍人之心. Người ta ai cũng có cái lòng thương người, giá bất thình-linh người ta trông thấy đứa trẻ sắp rơi xuống giếng, thì ai cũng có lòng bồn chồn thương xót. Bồn chồn thương -xót không phải là vì trong bụng có ý muốn cầu thân với cha mẹ đứa trẻ ấy , không phải là vì muốn cho người làng xóm, bè bạn khen, không phải là sợ người ta chê cười . Xem như thế thì ai không có lòng trắc ẩn không phải là người ; ai không có lòng tu-ố không phải là người, ai không có lòng từ-nhượng không phải là người ; ai không có lòng thị-phi không phải là người . Lòng trắc-ẩn là cái mối của Nhân. Lòng tu-ố là cái mối của nghĩa, lòng từ-nhượng là cái mối của Lễ, lòng thị-phi là cái mối của Trí. Người ta có bốn mối ấy như có tứ thể vậy. Có bốn mối ấy mà tự bảo không sửa mình được là tự mình hại mình vậy. Đã có bốn mối ấy ở trong mình mình mà biết mở rộng ra cho thông , thì như lửa mới bắt đầu cháy, như suối mới bắt đầu chảy .

Nói đến tính thiện là nói cái bản nguyên tinh-thần , tức là cái thiên-lý của trời phú cho, chứ không phải là nói cái tính gồm cả tình-dục người ta.

A-Đạo nhân: Trời-đất lấy sự sinh ra vạn-vật làm tâm, mà người và vật sinh ra lại đều được cái tâm của Trời đất để làm tâm vậy. Cho nên nói cái đức của tâm , tuy sự tổng nhiếp quán-thông thì không có cái gì là không đủ, nhưng

lấy một lời nói trùm cả thì nói Nhân mà thôi. Bởi cái tâm của Trời-đất có bốn đức là : Nguyên, Hanh, Lợi, Trinh mà đức nguyên thống hết cả. Sự vận-hành thì có thứ bậc là : Xuân, Hạ, Thu, Đông mà cái khí Xuân sinh là thông suốt cả . Cái tâm của người ta cũng có 4 đức là: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí mà Nhân thì bao-bọc hết cả . Sự phát-dụng thì có:Ái, Cung, Nghi, Bật mà lòng trắc ẩn là suốt hết cả. Cho nên luận cái tâm của Trời-đất mà nói : Kiền nguyên, Khôn nguyên thì cái thể cái dụng của bốn đức không đợi kể hết mà đủ; luận cái vi-diệu của tâm người ta mà nói **Nhân là cái tâm của người**, thì cái thể cái dụng của bốn đức không đợi kể hết mà gồm được suốt cả. Cái đạo của Nhân là cái tâm sinh vật của Trời đất , cứ có vật là có tâm. Lúc cái tình chưa phát ra, thì cái thể đã đủ, mà lúc cái tình đã phát ra, thì cái dụng không cùng. Nếu hiểu được mà giữ lấy Nhân thì cái nguồn của mọi điều thiện, cái gốc của trăm nét, không có điều gì là không ở đó . **Bởi thế sự dạy của người học theo đạo Khổng cần khiến các học giả phải chăm chăm ở chỗ cầu đạo Nhân vậy.** Khổng-tử nói rằng: “Khắc kỷ phục lễ vi nhân” là nói: trừ ở cái tư tâm của mình, phục lại cái thiên-lý, thì cái thể của tâm ấy ở đâu mà chẳng có, cái dụng của tâm ấy ở đâu mà chẳng phát-hành ra. **Lại** nói: “Cư -xử cung, chấp sự kính, dữ nhân trung” thì cũng là để còn cái tâm ấy vậy. **Lại** nói: “Sự thân hiếu, sự huynh đễ, cập vật thứ” thì cũng là để phát hành cái tâm ấy vậy. **Lại** nói: “Cầu nhân đắc nhân”, thì nhường nước mà trốn, can ngăn sự chinh-phạt mà chịu chết đói , là làm cho không mất cái tâm. **Lại** nói: “Sát thân thành nhân” , thì **mất** cái Nhân hơn sự sống, ghét cái bất-nhân hơn sự chết , là làm cho không hại cái tâm ấy . Cái tâm ấy là tâm gì? Ở Trời-đất là cái tâm đương-nhiên sinh vật, ở người là cái tâm hồn nhiên yêu người lợi vật,

bao cả bốn đức mà suốt cả bốn mối vậy (Bốn đức: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí. Bốn mối: Trắc ẩn, tu ố, từ nhượng, thị phi). Nhân là đầu bốn mối mà trí thì có thể thành thi thành chung, như nguyên là trên bốn đức. **Song nguyên không sinh ra ở nguyên mà sinh ra ở trình , bởi vì cái hóa của thiên-địa không tụ-hợp thì không phát tán được** (phải có tinh cho đầy-đủ thì luyện tinh mới hóa khí được, tinh ở đây ví như nước sông biển, ao, hồ nhờ mặt trời rọi ánh dương quang xuống mới biến thành hơi để rồi thành ra mưa (tức là nước đã trở về nguồn) mà nuôi sống vạn vật).

Nhân với trí giao-tế với nhau là cái cơ cái trục của vạn-hóa . Cái lý ấy tuần -hoàn không cùng, cắn khít không hở . Cho nên không có trình thì không lấy gì làm nguyên vậy.

Lấy ý trong kinh Dịch mà giải nghĩa chữ Nhân trong 4 đức : Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí. Theo thuyết của Trình tử mà nói rút cái đại yếu của đạo Nhân là: “Nhân là cái tính của sự sinh, ái là cái tình của đạo nhân , hiếu để là cái dụng của đạo nhân. Công là cái tể của đạo nhân , như nói: “Khắc kỷ phục lễ vi nhân” vậy. Học giả lấy ba điều trên thì khả dĩ biết được cái danh nghĩa của đạo Nhân, lấy một điều sau cùng, thì khả dĩ biết cái phương-pháp về sự dụng lực của đạo Nhân”.

Cái Nghĩa đạo Nhân phức tạp khó hiểu , cho nên mới ví: “Nhân như nước, Ái như cái nhuận của nước, Thứ như sự lưu -hành của nước .” Đại -ý, Nhân vẫn là một, nhưng hàm cả ái và thứ vậy.

Từ Khổng-tử về sau , các học-giả trong Nho-giáo thường nói đến chữ Nhân, nhưng chỉ hiểu mập-mờ là Ái hay là Thứ, chứ không ai giải rõ cái nghĩa chữ Nhân như Trình-minh-Hạo (Trình-tử) và Chu-Hối-Am., và **kh**

được đến chỗ sâu xa của chữ Nhân như thế. Mà chữ Nhân là cái yếu-điểm của Khổng học (Đó là Vô-cực, là Thái-cực, là Tiên-thiên Hư-vô chi khí, Là Đạo đó vậy mà Đạo là nhị khí Âm-dương), hễ không đạt được hết các ý-nghĩa, thì đạo của Thánh-nhân vẫn không được sáng tỏ.

c - CỘI NGUỒN CỦA ĐẠI-ĐẠO LÀ BÁT-QUÁI.

Ngày xưa, người tìm sư học đạo phải khổ công lặn suối trèo non mà tìm thầy, tức là trò phải tìm thầy. Ngày nay thì Chí-Tôn (Ngọc-Hoàng Thượng-Đế) đến khai “ Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ” tại nước Việt-Nam, tỉnh Tây-ninh là gốc, là vùng đất thiêng-liêng mà Ngài ngự để gieo-truyền mới Đạo. Thật là điều vạn hạnh cho dân tộc Việt-Nam ! May duyên thay cho những ai muốn tầm chơn lý giải-thoát. “Chi chi~~u~~ng t ại Tòa Thánh Tây-ninh mà thôi”.

Bát-quái là gì ? (Bát-quái-đài là nơi Thầy ngự để cầm quyền thiêng-liêng mới đạo : PCT)

Đó là 8 cái căn-nguyên hiệp lại để hình thành cái nguyên-tử đầu tiên của muôn-vật (Điểm linh-quang của con người). Tức là cái tiểu Thiên-địa thành tựu (Thánh-thai).

Theo Einstein: Một đơn-tử (Monade) tức là một nguyên-tử. Tượng một nguyên-tử thì cũng có điện-hạch là Dương điện-tử và Âm điện-tử chạy chung-quanh dương điện hạch giống như một Thái-dương-hệ có các hành-tinh chạy chung quanh mặt Trời. Hóa cho nên một vật lúc còn là cái nguyên-nhân của cái Bào-thai ắt gồm có tám thể huy-động, vận-chuyển theo như Thái-dương-hệ tức như cái Đại-thiên-địa, cơ sanh-hóa của vạn-vật dù nhỏ đến đâu mà mắt ta không thể thấy được, cũng phải có sự giao-hòa

âm-dương của tám thể với nhau mới có sự biến thành , tức thành được cái nguyên (đầu) của bào-thai nhỏ bé hết sức (vì không còn có gì ở trong nó nữa) cực-tiểu (tiểu thành). Trong sách Đại-học Đức Phu-tử có nói: “ Vật hữu bản末, sự hữu chung thủy, tri sở tiên hậu tắc cận Đạo hỹ ”(勿有本末事有終始知所先後則近道矣: Vật có gốc ngọn, việc có đầu đuôi, biết chỗ trước sau thì gần được Đạo vậy).

Bát-quái mà tiểu-thành, tức là chỉ cái nội-quái là cái quẻ ở dưới làm cái nguồn (nguyên) gốc cho cả quẻ. Thế nên biết được cái trước (nguồn-gốc) của muôn việc , biết được cái gốc của muôn vật, ắt biết cái sau chót (Cái chung cuộc, cái quả, cái thành) của sự vật, và nếu biết gốc ngọn (Trước sau, khởi Đầu và kết cuộc) của sự vật thì ắt hiểu biết những chuyện xảy ra trong vòng cái tr ớc sau của sự vật , do đó mới có thể hiểu biết được Thiên-lý tức là con đường đi (ĐẠO: 道) của từng sự vật, cho nên mới nói là gần Đạo .

Biết được sự vật, biết được số-mệnh của sự vật là bậc quang-minh sáng suốt đắ-đạo vậy. Bất cứ sự vật gì xảy ra trong cái thế-giới hữu hình hữu thể này đều phải theo Đạo luật-định của thiên-nhiên tạo-hóa mà tấn hay thoái theo thời-gian.

Thiên-văn-học cũng dựa vào những sự ảnh-hưởng của các tinh-tú mà tính. Hóa cho nên biết được cái gốc ngọn , đầu đuôi của sự vật thì biết được cái cơ-vi (hành-tàng, guồng máy thiên-cơ) của Tạo-hóa . Bởi lẽ ấy một sự vật mà tám quẻ đã thành , tức như cái tiểu-thiên-địa thì ví như cái nguyên-đơn tử (Vi-tế bào) của sự vật đã thành , hay là cái nhân đã thành của sự vật . Nên trong Dịch mới nói là tiểu-thành , là cái nhân sơ-khởi vậy.

d - PHÉP ĐỊNH TÂM

Định tâm là làm cho tâm được an ổn . Nói đến tâm là nói về chủ của tinh-thần, mà tinh-thần không có gì khác hơn là tư-tưởng vậy, tư-tưởng phải thanh-khiết, nhẹ-nhàng, không còn bị vọng-động bởi thất tình lôi kéo vào con đường truy lạc. mà phải biết hồi tâm hướng về con đường chân thiện thì lần lần **tâm sẽ được an định**.

Tư-tưởng có một sức mạnh thần giao vượt khỏi thời gian và không gian, muốn đến là đến ngay, muốn đi là đi như chớp không có vật gì ngăn cản được. Tư-tưởng và chân-linh nếu hợp được với nhau thì con người sẽ sống trong vĩnh hằng không bao giờ bị hư hoại. Vì vậy mà người tu-hành tìm cách làm cho Tinh, Khí, Thần hiệp một thì mới đắc Đạo. Tư tưởng ở dạng bán hữu hình, nó chính là cái Trí của người ta vậy. Người Phàm không ai thấy được, nhưng người tu đắc đạo thì sẽ thấy nó và biết được nó qua màu sắc của hào -quang mà nó phát ra. Nơi cổng vào Trí-hệ-Cung có câu đối liên:

Trí định Thiên-lương qui nhất bản,

Huệ thông Đạo-pháp độ quần sanh.

Cái trí tuệ của người tu cũng là cái “ Chân không diệu hữu”.

Cái “Chân-không diệu-hữu” chỉ có được, là khi nào Thân, khẩu, ý đã đạt đến cảnh giới hoàn toàn thanh-tịnh. Đạo-đức-kinh Lão-Tử cũng có câu tương tự như vậy: “ Nhân-dục tận tịnh Thiên-lý lưu-hành”. Chân-lý chỉ có một , ta có thể nói : “ Không Tôn -giáo nào qua Chân-lý”. Chân-lý là để sống chứ không phải để thuyết nghe chơi cho êm tai thì cũng không có tác dụng gì cho cuộc sống cả, mà suốt đời ta từ cái ăn đến lời nói, lúc suy-tư khi hành-động cũng phải theo chân-lý. Chúng ta sống không thể rời

xa chân-lý dù chỉ phút giây nào , vì sao vậy ? Vì Chân-lý là ĐẠO là thức ăn duy nhất để nuôi linh-hồn cũng như cơm nước là để nuôi thể xác . Cho nên, đã là người Hiền thì không thể sống xa rời Đạo-lý. Nguồn Đạo-lý là do tâm người mà phát ra, nên mới có câu nói: “Tâm tức Phật hay Tâm tức Phật” nên ghi khắc nó vào Tâm.:

Bác-nhã Tâm-kinh của Phật-giáo có câu:

“Quán tr -tại Bồ-tát hành thâm Bác-Nhã Ba-La Mật-đa thời , chiếu kiến ngũ-uẩn giai không độ nhất thiết khổ ách”

Thánh-ngôn hiệp-tuyển Đức-Chí-Tôn có cho Thi:

Thầy,

Thành tâm nệm Phật (Phật hay Trời cũng cùng một nguyên-lý).

Tịnh tịnh tịnh tịnh tịnh, (Tâm phải thanh-tịnh)

Tịnh là vô nhứt vật,

Thành tâm hành Đạo.

TÂM-ĐẠO LÀ TÂM VÔ NGÃ

Tinh-thần vô ngã: Tâm thanh-tịnh (hay tâm VÔ): là lúc trở về nguồn-cội., là cõi vĩnh-hằng, là cõi tuyệt-đối, là cảnh Niết Bàn (Nirvana).

- Yên lặng là nơi chốn của quyền năng , vì yên ặng đồng nghĩa với quyền năng. Khi con người đạt đến chỗ im lặng trong tư tưởng thì họ đã đến chỗ mà tất cả đều là sự hợp nhất với quyền năng thiêng liêng. Con người có sức mạnh tư tưởng nhưng vì vô ý thức, họ đã để cho nó hao tán. Quyền năng hao tán là Động(☰) còn tập trung là Tĩnh(☷). Khi tập trung mọi sức mạnh tư tưởng vào một trung tâm sinh lực duy nhất, con người tiếp xúc với Thượng-đế. Khi hợp nhất với đấng thiêng liêng, ta hợp

nhất với mọi quyền năng và đó là di sản tâm linh tối hậu. Phương pháp duy nhất để hoà hợp với đấng thiêng liêng, là tiếp xúc với ngài một cách ý thức, từ bỏ ngoại cảnh, để quay về với nội tâm, vì đấng thiêng liêng ẩn tàng trong tâm con người. **Khi con người từ bỏ ảo giác của kiêu mạn, bản ngã, nhận thức sự vô minh, hèn kém của mình và sẵn sàng học hỏi, sửa đổi, đó là tu thân.**

Người biết tu thân thì phải biết trau-dồi tâm của mình.

Dò theo đường chánh chớ sai lầm.

Biết đạo cần trau một chữ Tâm

Tiên Phật nơi mình đâu phải khó,

Khó do chẳng trọn tâm chơn thành.(TNHT)

Người ta không thể dạy bảo điều gì cho những cá nhân kiêu căng, ~~ư~~ phụ, vì **chỉ có người khiêm tốn mới thấy được chân lý.** Đấng thiêng liêng không nghe các lời cầu xin ồn ào, lập đi lập lại mà chỉ nghe những lời **cầu nguyện chân thành của những kẻ đến với ngài bằng trái tim, sùng kính ngài bằng tâm hồn và sự im lặng.** Kẻ nào tiếp xúc với ngài trong âm thầm sẽ nhận biết quyền năng của ngài do sự thực hiện các điều mong muốn của họ.

- Minh triết phát sanh từ sự yên lặng. Thượng đế không cần ta phải tuyên dương ngài một cách ồn ào hay bằng một ngôn ngữ gì. Khi một tín đồ thành tâm trong tĩnh lặng, y sẽ hoà hợp tư tưởng với ảnh hưởng thiêng liêng; và ảnh hưởng này chỉ có thể nhận biết được khi lòng ta vắng lặng. Khi tâm hồn hoàn toàn an tĩnh, ta có thể tự phân tích mình, trau dồi phẩm hạnh và đón nhận những mạc khải từ cõi trên. Chỉ trong sự vắng lặng, con người mới ý thức năng lực trong mình, và chung quanh mình. Chỉ trong yên lặng các quyền năng tiềm ẩn mới phát sinh và nảy nở. **Tâm có an thì việc bên ngoài mới không vọng động, đục**

vọng mới chịu yên tĩnh. Con người có giải thoát các ồn ào, náo nhiệt bên ngoài, thì mới đón nhận được các hoà âm tuyệt diệu đến từ cõi vô biên. **Con người cần khám phá rằng hạnh phúc ở trong tâm mình.** Hiện nay phần lớn đều tìm kiếm hạnh phúc bên ngoài, nhưng ngoại cảnh chỉ đem lại các giải trí trong chốc lát, thay vì hạnh phúc vô biên. Tất cả phương pháp tìm kiếm bên ngoài đều vô vọng. Con người phải biết quay về nội tâm vì mọi hình tướng, nghi thức đều là sự áp chế.

Làm sao tìm thấy điều gì khi ngồi yên lặng ?

Khi ngồi yên-lặng Con người sẽ dần dần ý thức được chính mình. Dĩ nhiên, điều này đòi hỏi một thời gian. Nhưng Họ sẽ tìm thấy ở mình một thứ hạnh phúc không lệ thuộc ngoại vật, cũng không lệ thuộc tha nhân. Một tâm trạng giải thoát không ai có thể cướp được, đó là tâm trạng “tôn giáo”, kết tinh bởi sự nẩy nở, thăng hoa các ý thức sâu kín trong nội tâm. Con người sẽ tự mình tìm thấy câu giải đáp khi họ ý thức thực chất của chính mình, và ảnh hưởng cao cả của Thượng-đế. Chỉ khi đó, mọi sự tìm kiếm ở ngoại cảnh sẽ chấm dứt.

2 - LUYỆN TAM THỂ XÁC THÂN

a -THỂ VÍA (cái Trí).

Các ông hiểu thế nào về sự cấu tạo của con người. Trong lúc tĩnh, thể vĩa là cây cầu cho tâm thức. Mọi sự va chạm, rung động, cảm xúc bên ngoài do hệ thần kinh giao cảm, được thể vĩa chuyển vào tâm thức, sau đó mới ghi nhận ở khối óc. Bằng chứng là ta suy nghĩ trước khi ta hành động có phải không ? Nguyên nhân giấc ngủ là sự mệt mỏi của thể xác. Nó cần phục hồi sức khoẻ nên nằm yên, nhưng thể vĩa lại khác. Nó vẫn hoạt động vì bằng chứng là đôi khi ngủ say nhưng ta vẫn ý thức mọi việc xảy ra chung quanh, có đúng thế không ? Thể vĩa luôn rung

động để đáp ứng với hoàn cảnh chung quanh, vì tính chất này nó rất mẫn cảm với các rung động của bản năng, ham muốn, dục vọng. Các tính xấu như giận hờn, oán ghét chẳng qua là sự cô đọng của tư tưởng mà thôi. **Sự quen của tư tưởng.**

Tư-tưởng thanh cao cũng như hèn hạ đều bị thu hút vào thể vía và trực tiếp ảnh hưởng đến cô đọng này tạo thành một lớp vỏ bao trùm lên thể vía, và ảnh hưởng của nó. Do đó, **tính tình con người chỉ là một thói** tình cảm con người. **Bằng chứng là một người có tâm hồn thanh khiết không thể hợp với những nơi ồn ào náo nhiệt, ngược lại kẻ có tâm hồn náo động không thể chịu nơi vắng vẻ, êm đềm.** Có người tự hỏi, tại sao họ không thể ngồi yên một chỗ, không thể tu tập các pháp môn thiền quán? Ấy vì thể vía họ lao chao, giao động. **Họ cần biết cách chủ trị tình cảm, thanh lọc thể vía.** Các món đồ ăn nặng trọc như thịt cá, rượu, các chất kích thích cũng đem vào thể vía những phần nặng trọc. Người tu phải triệt để từ bỏ các món ăn này, vì nó rất có hại cho việc tham thiền, quán tưởng. **Thể xác và thể vía liên lạc với nhau qua bảy trung tâm giao điểm sinh lực gọi là Luân xa (Prana)** Tại đây, có một tấm màn cấu tạo bằng nguyên tử cõi trần để ngăn chặn ảnh hưởng cõi âm. (Thể phách hay chơn-thần còn gọi là hào-quang) Vì thế, ký ức và sinh hoạt lúc ngủ không chuyển sang khối óc vật chất. Tuy nhiên, đôi khi ngủ dậy ta vẫn mừng tượng có một cái gì mà không sao nhớ được. Đối với một người bình thường thì luân xa không thức động nên tấm màn này khép chặt, nhưng rượu, thịt, các chất kích thích có thể phá hoại tấm màn này khiến nó bị rách và ảnh hưởng cõi âm có thể chuyển qua cõi trần khiến y bị điên khùng hay rối loạn hệ thần kinh. Có khi cá nhân mất tự chủ, bị các loài ma quỷ nhập vào sai khiến.

Sự khai mở quyền năng thuộc phạm vi tâm thức, trước khi mở tâm phải tinh luyện các thể đã. Nếu chưa thanh lọc được các thể thì đừng nói đến khai mở bất cứ một giác quan nào.

Vậy ta phải luyện các thể bằng cách nào ?

Tinh luyện thể trí bằng sự suy tư chân chính. (Hãy học Kinh Dịch). Trí tưởng tượng con người là một công cụ sáng tạo hữu hiệu. Khi ta suy tư, tưởng tượng, ta vô tình xây dựng thể trí. Nếu ta chỉ suy tư những điều tốt lành, cao thượng thì ta đã luyện trí rồi. Sau thể trí là thể vía, thể này chỉ luyện bằng cách ham muốn chân chính. Hãy ham mê các điều cao thượng thì tự khắc thể vía sẽ phát triển. (Thể-hiện sự thương yêu chúng-sinh). Có người hỏi:

Tư tưởng cao thượng và ham muốn chân chính là những điều trừu tượng, làm sao có thể làm được...

Đa số mọi người quan niệm như thế nên chả khi nào tiến bộ được. Con người muốn quyền năng, giải thoát nhưng chỉ chờ đợi một phép lạ, một tha lực ngoại giới, chứ không tự tin rằng mình có khả năng làm những việc đó.

- Dù tôi muốn thanh lọc các thể thì cũng phải có một phương pháp, một sự hướng dẫn, một kỹ thuật nào đó, chứ nói một cách trừu tượng thì ai nói chẳng được.

- Theo sự hiểu biết của tôi thì tôn giáo nào cũng dạy những điều cao đẹp và áp dụng những lời dạy này. Đây cũng là một phương pháp, kỹ thuật thanh lọc các thể.

- Như vậy, ông theo phương pháp nào ? Hãy nói về kinh nghiệm của ông đã...

H... trầm ngâm rồi gật đầu :

Được lắm, tôi được truyền thụ phương pháp này tại một tu viện ở Tây Tạng, nên chịu ảnh hưởng Phật giáo rất nhiều. Thứ nhất là luyện thể xác, phải biết cách

kiểm soát, kiểm chế thể xác hoàn toàn, quy định mọi hoạt động như ăn, uống, ngủ cho thật đúng. **Thức ăn được phân làm ba loại : tĩnh, động và điều hoà.** Người tập phải tránh đồ ăn “tĩnh” vì nó làm thể xác hôn mê, lười biếng, bất động. Các thức ăn có đặc tính “tĩnh” là các món đang lên men, các thứ đồ khô, các loại rượu. Các món ăn có đặc tính “động”, như thịt, cá, thường đem lại các kích thích hăng hái **nhất** thời, xác chết thú vật gồm nhiều nguyên tử nặng nề bởi các thú tính thấp hèn không thích hợp cho việc tu hành, thanh lọc. Chỉ có các món ăn “điều hoà” là thứ có khả năng tăng trưởng, chứa nhiều sự sống như ngũ cốc, vì nó đậm mầm, nảy lộc, **các loại trái cây vốn tràn đầy nhựa sống, các loại rau cỏ vốn hấp thụ khí thái dương cần thiết cho một thể xác cường tráng, nhạy cảm**

b -ĐIỀU-HÒA HƠI THỞ

Sau việc ăn uống, còn phải thở hít, hô hấp cho đúng cách. Khoa học chứng minh con người sống được là nhờ hơi thở nhưng thật ra đó nhờ sinh khí (prana). Chính các sinh khí này **thủ m** nhuận khắp cơ thể, mang sự sống đến khắp tế bào. **Prana xuất phát từ ánh sáng mặt trời, nó rung động và pha trộn trong không khí. Bằng cách hô hấp thật sâu, thông thả. Prana sẽ thấm vào thần kinh hệ và lưu thông khắp châu thân, mang sự sống khắp xác thể. Chính các Prana tích tụ trong hệ thần kinh tạo ra luồng “nhân điện”, một yếu tố quan trọng của sự sống.**

Tóm lại, dinh dưỡng đúng cách bằng các món ăn có đặc tính “điều hoà”, tập thở hít đúng cách là phương pháp tinh luyện thể xác vô cùng quan trọng. Như các ông thấy, phương pháp này không có gì trái với khoa học hiện tại. Cách thực hành có thể khác nhau tùy cá nhân, người gọi là thể dục, kẻ gọi là thiền định, điều này không quan

trọng vì **căn bản chính chỉ nhằm đem lại một thể xác lành mạnh**, cường tráng. Người luyện thể xác cần sống nơi thoáng khí, nhiều ánh sáng mặt trời để đón nhận các sinh lực prana, nhằm bổ túc luồng nhân điện. Các món ăn như thịt cá mang lại các rung động thô bạo, khiến luồng nhân điện này chạy loạn lên khó kiểm soát, gây nên các bệnh tật hoặc phá hoại hệ thần kinh. **Các món ăn “tinh” như rượu làm tê liệt bộ thần kinh khiến luồng nhân điện bị ngắt quãng không đều, ngăn trở các sinh khí prana lưu thông mang sinh lực nuôi thể xác, gây nên nhiều hậu quả không tốt.**

c –CHƠN THẦN.

Cái Vía của con người còn gọi là đệ nhị xác thân hay cái trí cũng thế. Cái vía hoạt-động như thế nào ? chúng ta nghe lời dạy của Chí-Tôn về việc:

Thủ cơ - Cháp bút

Thủ cơ hay là chấp bút phải để cho thần, tâm tịnh mới xuất Chơn Thần ra khỏi phách, đứng đến hầu Thầy nghe dạy.

Khi chấp thủ thì tay tuân theo Chơn Thần nói lại mà viết ra, dường tượng như con đặt đế, con hiểu dạng vậy.

Chơn Thần là gì?

Là nhị xác thân (périsprit), là xác thân thiêng liêng. Khi còn ở nơi xác phàm thì rất khó xuất riêng ra dạng, bị xác phàm kéo níu.

Cái Chơn Thần ấy của các Thánh, Tiên, Phật là huyền diệu vô cùng, bất tiêu, bất diệt. Bậc chơn tu khi còn xác phàm nơi mình, như đắc đạo, có thể xuất ra trước buổi chết mà vân du Thiên ngoại. Cái Chơn Thần ấy mới đứng phép đến trước mặt Thầy (Chơn-thần chính là xác thân thiêng-liêng của người tu).

Như chấp cơ mà mê, thì Chơn Thần ra trọn vẹn khỏi xác. Thầy mới dạy nó viết chữ chi đó, nó đồ theo, Thầy nói tên chữ, xác nó cầm cơ viết ra; người đọc trật chữ nó nghe đặng, không chịu, Thầy buộc viết lại và rầy kẻ đọc trật ấy.

Còn chấp bút, khi Thầy đến thì làm cho Thần con bắt định một lát, cho Thần xuất ra nghe Thầy dạy, còn tay con tuân theo mà viết, ấy là một phần của con, một phần của Thầy hiệp nhứt, mới thấu đáo Càn Khôn, tinh thông vạn vật đặng.

*Trước khi thủ cơ hay là chấp bút, thì phải thay y phục cho sạch sẽ, trang hoàng, tắm gội cho tinh khiết, rồi mới đặng đến trước Bửu Điện mà hành sự; chớ nên thiếu sót mà thất lễ. Nếu chấp cơ thì phải để ý thanh bạch, không đặng tưởng đến việc phàm. Tay chấp cơ cũng phải xông hương khử trừ, tịnh tâm một lát, rồi phải để tinh thần tinh tấn mà xuất ngoại xác đến hầu dạy việc. **Phải có một Chơn Linh tinh ẩn mới mầu nhiệm, huyền diệu, phải trường trai mới đặng Linh Hồn tinh tấn; phải tập tành chí Thánh, Tiên, Phật, mới phò cơ dạy đạo cả chúng sanh.** Kẻ phò cơ, chấp bút cũng như tướng soái của Thầy để truyền đạo cho thiên hạ. Các con đừng tưởng việc bút cơ là việc tầm thường. Còn việc tru yền thần lấy điển quang, thì ai ai cũng có điển trong mình, nó tiếp điển ngoài rồi Thần của nó viết ra, có khi trúng, có khi trật.*

Vậy khi nào chấp cơ thì phải đợi lệnh Thầy rồi sẽ thi hành.

d -HAI XÁC THÂN CỦA MỘT NGƯỜI.

(một xác phàm và một xác thánh).

Lời dạy của Chí-Tôn:

Hỉ chư môn đệ, chư ái nữ.

Đại hỉ! Đại hỉ!

Ngọc Đầu Sư khả tu truyền Pháp, thuyết Đạo.

Kẻ nào trai giới đặng mười ngày đở lên, thọ bửu pháp đặng.

Chư môn đệ phải trai giới.

Vì tại sao?

Chẳng phải Thầy còn buộc theo Cựu Luật, song luật ấy rất nên quý báu, không giữ chẳng hề thành Tiên Phật đặng.

Thầy cắt nghĩa:

Mỗi kẻ phàm dưới thế này đều có hai xác thân. Một phàm gọi là corporel. Còn một thiêng liêng gọi là spirituel. Mà cái thiêng liêng do nơi cái phàm mà ra nên gọi nó là bán hữu hình, vì có thể thấy đặng mà cũng có thể không thấy đặng.

Cái xác vô hình huyền diệu thiêng liêng ấy do nơi Tinh, Khí, Thần mà luyện thành.

Nó nhẹ nhàng hơn không khí (nó được cấu tạo o bằng chất dĩ thái tức khí Éther) Khi nơi xác phàm xuất ra, thì lấy hình ảnh của xác phàm như khuôn in rập. Còn khi đắc đạo mà có Tinh-Khí, không có Thần thì không thể nhập mà hằng sống đặng.

Còn có Thần không có Tinh-Khí thì khó hườn đặng Nhị xác thân.

Vậy ba món báu ấy phải hiệp mới đặng.

Nó vẫn là chất tức hiệp với không khí Tiên Thiên, mà trong Khí Tiên Thiên ~~thần~~ có điện quang. Cái Chơn Thần buộc phải tinh tấn trong sạch mới nhẹ hơn không khí ra khỏi ngoài Càn Khôn đặng.

Nó phải có bốn nguyên chỉ Thánh, chỉ Tiên, chỉ Phật, mới xuất Thánh, Tiên, Phật đặng.

Phải có một thân phàm tinh khiết mới xuất Chơn Thần tinh khiết.

Nếu như các con còn ăn mặn luyện đạo rủi có ẩn chứng thì làm sao mà giải tán cho đặng?

Như rủi bị huồn, thì đến khi đắc đạo, cái trọc khí ấy vẫn còn, mà trọc khí thì lại là vật chất tiếp điện (bon conducteur d'électricité) thì chưa ra khỏi lần không khí đã bị sét đánh tiêu diệt. Còn như biết khôn thì ẩn núp tại thế mà làm một bậc Nhân Tiên thì kiếp đọa trần cũng còn chưa mãn.

Vì vậy Thầy buộc các con phải trường trai mới đặng luyện đạo.

e -THỰC-HÀNH

Sau khi thanh lọc thể xác, ta bắt đầu luyện đến thể vía. **Thể vía là trung tâm của tình cảm**, một khi tình cảm trong sạch, vị tha, bác ái, đương nhiên các chất thanh nhẹ sẽ được hấp thụ vào và các chất nặng trọc, xấu xa sẽ bị đào thải ra ngoài, theo một nguyên lý giống như sự thẩm lọc (osmose). Khi thể vía thanh cao, nó sẽ rung động với các tư tưởng cao thượng mang tâm thức lên một bình diện cao hơn. Khi ~~x~~ rung động đến một chu kỳ nào đó, các giác quan thể vía bắt đầu khai mở tự nhiên, con người sẽ bắt đầu có quyền năng đặc biệt. Nói một cách khoa học hơn, các giác quan thể vía chỉ hoạt động ở một chu kỳ và chỉ khi nào thể vía rung động đúng chu kỳ này nó mới được đánh thức để hoạt động. **Thể vía chỉ có thể rung động ở chu kỳ này vì nó được cấu tạo bằng những nguyên tử thật thanh, nhẹ, khi những nguyên tử nặng trọc bị khu trừc hết.** Điều này chỉ xảy ra khi con người chỉ có các tình cảm cao thượng, lòng bác ái tốt lành bao trùm mọi vật. Đó là bí quyết cách luyện thể vía.

Khi bảy giác quan của thể vía hoạt động, nó sẽ khai mở một số bí huyết để luồng hoả hần Kundalini thức giấc. Khi luồng hoả hần này chạy dọc theo xương

sống lên đỉnh đầu, nó sẽ thúc đẩy, khai mở thể trí khiến nó khai triển để hợp nhất với chân thân. Khi thể trí khai triển, mở lớn ra nó sẽ khởi sự tiêu diệt cái phàm ngã ích kỷ của con người để hướng đến các điều thánh thiện. Đây là một giai đoạn vô cùng khó khăn, rất ít ai vượt qua nổi. Danh từ Phật giáo gọi là Phật tánh biểu lộ, danh từ Thiên chúa giáo gọi là quên mình để hoà nhập với đáng cứu thế, danh từ Ấn giáo gọi là sự hợp nhất với Chân Ngã. (theo công-thức tính năng-lượng: E (energie) = m (masse). C^2 thì : khi $m=1$ thì $E=C^2$). Nói một cách giản dị thì đây là lúc trí tuệ quy kết các tư tưởng và hoạt động về tình huynh đệ, bác ái nhu thuận, từ bi, trí tuệ, vị tha, hỷ xả để kết tinh thành chân ngã. Khi phàm ngã (tức khối $m=3$ ở một người phàm phu đã nói ở trên) hoàn toàn bị huỷ diệt (tức $m=1$) là hạt nhân nguyên tử, là proton là chất thuần dương) các thể cũng hoàn toàn được thanh lọc thì không còn sự phân biệt giữa ta và tha nhân, giữa chủ thể và đối tượng mà **tất cả đều là một**. Thể trí không còn tính cách cá nhân mà đã thành “đại trí”, hay trí tuệ “bát nhã”. Tâm thức cũng không còn là tâm cá nhân mà thành tâm thức “bồ đề”, hoà hợp hoàn toàn với tâm thức vũ trụ. Cả tâm lẫn trí mở rộng đón nhận ánh sáng chân lý mà không còn phải học hỏi, lý luận gì nữa. Đây chính là giai đoạn giác ngộ của người tu. Họ trở nên một đáng siêu nhân, một vị Tổ, một vị Thánh (Đó là “Nguyên-tử phụng-sự hòa-bình” theo đúng lời thuyết Đạo của Đức Hộ-Pháp)...

Các kinh nghiệm quý báu, thiêng liêng đó chỉ có các bậc giác ngộ rồi mới hiểu được. Không một vị thánh nào vô ngược tự xưng đã đạt quả vị này hay quyền năng nọ. Khi đã giác ngộ thì chức tước, danh vọng, địa vị đâu có nghĩa lý gì nữa, vì họ đâu còn bản ngã thấp hèn như chúng ta để phân biệt. **Chỉ có các “bậc lừa bịp”, các tu sĩ**

giả mạo (chỉ có lột đạo) mới thích danh vọng, chức tước, vì bản ngã họ còn to lớn và cần các danh xưng, địa vị để lừa bịp tín đồ nhẹ dạ..

- Trên nguyên tắc thì như vậy, nhưng còn phương pháp, kỹ thuật thì sao ?

- Phương pháp, kỹ thuật thì rất nhiều, con đường đến chân lý cũng thế, tùy theo nhân duyên, căn cơ cá nhân không thể áp dụng một kỹ thuật nào cứng nhắc được. Phương pháp, kỹ thuật có thể khác nhau, nhưng nguyên tắc chỉ có một. Sự thật là chân lý luôn luôn được truyền dạy dưới hình thức này hay hình thức khác., tùy theo điều kiện, hoàn cảnh và phương tiện. Phương pháp tuy khác nhưng chân lý vẫn là một giống như nước suối hay nước sông vẫn là nước mà thôi. (Tùy duyên bất biến).

3- ĐỨC-TIN VÔ-ĐỐI.

*Kinh điển hay tôn giáo có thể khác nhau về hình thức nhưng vẫn có điểm tương đồng mà ta phải chấp nhận. Đó là **chân-lý giải-thoát**. Một vị chân-tu nào cũng muốn đạt được chân-lý giải-thoát cho mình trước hết rồi mới có thể giải-thoát cho chúng sanh sau.*

Con đường đạo đòi hỏi một đức tin, nhưng không phải nhắm mắt tin tưởng bừa bãi. Đức tin chỉ đến sau khi người tìm đạo tự mình nhận thức rõ ràng, sau khi hiểu biết chứng nghiệm nó một cách rõ ràng. Các ông là những khoa học gia, không đòi nào các ông tin tưởng một sự kiện gì nếu không kiểm chứng rõ ràng. Sự nghi ngờ là một điều cần thiết, nhưng nếu có những sự kiện mà khoa học không thể chứng minh hay chưa thể chứng minh được, các ông sẽ phải làm gì ? Phủ nhận chẳng ? Nếu phủ nhận, các ông đã bỏ qua một cơ hội tìm hiểu nghiên cứu. Nếu chấp nhận mà không kiểm chứng thì các ông đã mù quáng

tin tưởng bừa bãi. Tôi không mong các ông ~~ph~~tin tưởng những điều tôi trình bày, nhưng mong các ông hãy suy gẫm, nghiên cứu nó. Nếu chưa thể sử dụng các dụng cụ khoa học thực nghiệm để chứng minh thì hãy sử dụng lý trí, trực giác, vì sự nghiên cứu cõi âm là một khoa học, chứ không phải một sự tin tưởng bừa bãi. Kiến thức về cõi giới này sẽ giúp đỡ nhiều người, tôi tin rằng trong một ngày không xa sẽ có nhiều cuộc nghiên cứu về đối tượng này (điều này ngày nay đã được thể hiện qua Cơ-bút của Đạo Cao-Đài).

Khi trình độ con người chưa đến lúc, thì có những điều chưa thể công bố được. Các bậc giáo chủ ngày trước đã giảng dạy chân lý làm thành hai phần, Công truyền và Bí truyền. Tại sao các ngài lại dạy riêng cho một thiểu số môn đồ giáo lý Bí truyền? Phải chăng các ngài biết chỉ một thiểu số người mới có thể lãnh hội được những điều ngài giảng dạy. Khoa học nghiên cứu về cõi âm cũng có những sự nguy hiểm riêng của nó, không thể truyền dạy bừa bãi cho tất cả mọi người.

- Xin ông giải thích rõ hơn về việc này, tại sao lại nguy hiểm?

- Tôi vừa trình bày cho các ông một phương pháp tinh luyện các thể như tôi đã được truyền dạy. Dĩ nhiên, còn có nhiều phương pháp khác cũng mang lại các kết quả tương tự nhưng cứu cánh lại khác hẳn. Có hàng trăm phương pháp phát triển năng khiếu thần thông, nhưng người tu phải hiểu rằng quyền năng chỉ là những phương tiện thấp thôi, giúp ta mở rộng kiến thức. Quyền năng không bao giờ là một cứu cánh, một mục đích. Sự tham luyến, vọng tưởng sẽ đưa người có quyền năng vào ma đạo. Người tu hành cần ý thức rõ rệt rằng chỉ khi nào phạm ngã hoàn toàn ~~h~~tiêu diệt thì con người mới

thoát khỏi ảo ảnh của màn vô minh và thực sự chứng nghiệm chân lý (coi như mình đã chết Đòi để hoàn toàn sống Đạo). Quyền năng càng cao ta càng phải lập hạnh, nghiêm khắc giữ gìn đề cao cảnh giác các ảo ảnh của vô minh...

Ảo ảnh vô minh là sao ? Ông nói đến vô minh như một cái gì trừu tượng, liệu ông có thể lấy một thí dụ dễ hiểu hơn không vì danh từ này còn xa lạ với chúng tôi ?

*Hãy lấy thí dụ một người tu hành công phu khổ luyện đã bắt đầu khai mở vài quyền năng thô thiển như Thân Nhân chẳng hạn. Vì số người có quyền năng này ở cõi trần rất ít, người đó tưởng mình tiến bộ vượt bậc, đã trở nên một đáng này, đáng nọ. Lòng kiêu căng phát triển xúi dục họ nghĩ rằng mình đã đắc quả vị lớn lao, đã được giao phó các sứ mạng cao cả. Họ tự phong cho mình những chức tước, danh vọng hoặc đôi khi tin đồ xưng tụng cho họ là đáng này, đáng nọ, thì họ cũng chấp nhận tuốt. Họ nghĩ mình đã sáng suốt, cao cả thì còn làm lạc thế nào được nữa... **Họ đâu hiểu rằng trong cõi âm có rất nhiều vong linh bất hảo hay tìm cách hướng dẫn sai lạc những người non nớt vừa bắt đầu khai mở quyền năng** (chính vì chỗ này mà Chí-Tôn cảm Cơ-Bút). Dĩ nhiên với trí tuệ nông cạn, họ không có một tiêu chuẩn nào để xét đoán, hiểu biết những hiện tượng, những điều họ nhìn thấy và trải nghiệm xem điều đó có hợp với chân lý hay không ? Bởi thế họ dễ bị lung lạc để trở nên một tay sai đắc lực của các vong linh, ma quỷ, các sinh vật vô hình. Như các ông đã thấy những pháp sư, thầy phù thủy, các tu sĩ thiếu sáng suốt, thiếu công phu tu hành, thiếu trì giới, đều rơi vào cạm bẫy của vô minh cả. Họ có một vài quyền năng thật nhưng không sử dụng nó vào mục đích giúp đời mà sử dụng vào các việc ích kỷ hại nhân...*

- Nhưng làm sao tránh được các điều này ? Làm sao một người mới bắt đầu có quyền năng biết được những điều mình nhìn thấy không phải là ảo ảnh của vô minh, những điều mình chứng nghiệm không phải sự truyền dạy vu vơ của loài sinh vật vô hình ?

Người nào sống một đời tinh khiết về tư tưởng và hành động, không bị ô nhiễm bởi ích kỷ thì sẽ được che chở. Với các rung động thanh cao, các ảnh hưởng xấu không thể xâm nhập, các vong linh bất hảo thấy người đó không có gì để chúng lợi dụng được. Trái lại, một người còn nhiều tham vọng, thiếu công phu trì giới thì chính sự rung động bất thiện phát xuất từ nội tâm người đó, sẽ hấp dẫn các vong linh, ma quái đến quanh. Trong họ còn đầy đủ các khí cụ như Tham, Sân, Si, ích kỷ, mê muội thì quá dễ dàng để các vong linh lợi dụng. Một tu sĩ bất cứ tôn giáo nào cũng đều phải giữ giới, tuân các điều răn vì các bậc giáo chủ sáng lập tôn giáo đã đi qua con đường đó, đã biết các hiểm nguy và đặt ra cấm điều để cho người theo sau biết đường mà tránh. (Điều này có liên-quan đến Cơ-bút của Đạo Cao-Đài).

Nhưng các lối tu luyện thần thông vào mục đích nhất định như chữa bệnh thì sao ?

Điều này tùy tâm thức người luyện, nhưng theo sự hiểu biết của tôi thì bất cứ lối tập luyện nào thiếu sự đứng đắn đều đưa vào con đường nguy hiểm. Các ông nên biết một khi có quyền năng, dù là một quyền năng hạ cấp rất thô thấp, kẻ sử dụng nó đều có thể làm nhiều việc mà người bình thường cho là “phi thường”.

4 –CHÁNH TÂM VÀ TÀ TÂM.

Làm thế nào phân biệt được hai nẻo chánh tà?

Ông nói điều xấu, điều tốt như có một tiêu chuẩn rõ ràng vậy. Tại sao ông không nghĩ xấu hay tốt chỉ là những điều tương đối. Một điều người Âu cho là vô lý có thể người Á châu lại chấp nhận như một sự kiện hữu lý.

Đúng thế, quan niệm xấu tốt, thiện ác ít nhiều chịu ảnh hưởng xã hội, nhưng vượt lên cao hơn nữa, chúng ta vẫn có luật vũ-trụ kia mà.

Theo sự hiểu biết của tôi, thì có hai con đường: **Chánh đạo và Tà đạo.** Con người làm chuyện tà đạo là khi y dùng quyền năng tiềm tàng của mình để mưu lợi riêng cho sự phát triển cá nhân, và sẵn sàng hy sinh hạnh phúc của kẻ khác. Phát triển cá nhân ở đây có nghĩa là sự bành trướng về giác quan, cảm xúc hay tri thức của cá nhân, mà không kể gì đến sự thiệt hại cho kẻ khác. Một người lợi dụng sự ngu dốt, yếu đuối của kẻ khác để thu lấy ít lợi lộc về tiền bạc hay thoả mãn tham vọng cá nhân tức là đang đi trên con đường tà đạo. Nếu y có chút quyền năng, y sẽ trở nên ghê gớm như thế nào. Trong khi phụng sự, con người sẵn sàng hy sinh? **Chánh đạo cũng là việc sử dụng những quyền năng của mình, nhưng để phụng sự nhân loại, hy-sinh mọi tiện nghi, tham vọng cá nhân mình để làm việc hữu ích cho kẻ khác. Kẻ phụng sự dứt tuyệt các thú vui về giác quan, từ bỏ mọi tôn kính chính đáng mà y có quyền hưởng thụ, dẹp bỏ cái phàm ngã cá nhân, chỉ nên chú trọng đến mục đích đạt đến sự toàn thiện.** Tà đạo sử dụng quyền năng qua các hình thức lễ nghi, cúng bái trợ lực để tạo nên các đoàn thể hình thức. Các hình thức này có thể là vật chất hay một tổ chức mà công cụ của nó không phải lo cho đời sống hay một lý tưởng cao thượng mà chỉ là một hình thức phát biểu cho quan niệm riêng của mình. Chánh đạo là sử dụng các quyền năng cố hữu của bản chất con người để vượt qua

mọi hạn định của hình thức. Để giải thoát tâm hồn khỏi các trói buộc của cảm giác, của sự tưởng tượng hay xu hướng nhất thời. Để tránh các cảm dỗ, lừa gạt của vô minh, để phục vụ cái phần tử thiêng liêng của bản thể vũ trụ. **Một người nghiên cứu huyền môn có thể đi trên đường chánh cũng như tà. Họ có thể tìm cách phát triển cá nhân qua sự tự chủ gặt gao để khai mở các quyền năng, thu thập kiến thức. Họ cũng có thể ao ước cõi thiên đàng mở rộng trong lòng mọi người, và chính trong họ, qua các hành động bác ái, vị tha. Trong hai trường hợp, hạng đầu cầu mong kiến thức, quyền năng; hạng sau muốn trở nên người hữu dụng. Càng đi xa thì sự tiến bộ càng khác biệt. Người sử dụng kiến thức, quyền năng để phụng sự, sẽ trở nên một bậc “Bồ Tát” (Bodhisattva), và chỉ có trái tim Bồ Tát mới là ánh sáng soi đường, chỉ lối giúp họ đi trọn vẹn con đường đạo. Người cầu trí thức cho mình chỉ quanh quẩn trong phạm trù cá nhân một lúc, thiếu từ bi, trí tuệ, y rất dễ bị sa ngã vào ma đạo lúc nào không hay. Không có trí tuệ bát nhã soi đường, y dễ trở thành nạn nhân của vô minh. Điều này cũng như một người đi biển mà không có bản đồ, la bàn định hướng, mà đi bừa bãi thì làm sao đến nơi được. Đường đạo cũng thế, một tu sĩ phải trì giới nghiêm minh để tu thân, nhưng vẫn chưa đủ, mà còn phải lập những hạnh nguyện, xác định mục đích rõ ràng để hành động. Có tu thì phải có hành, phải biết đem kiến thức của mình ra để giúp ích cho những người khác. Trí tuệ phải đi đôi với Từ Bi. Có “Trí” mà thiếu “Tâm” chỉ là mở kiến thức vô dụng, một cái xác không hồn. Có “Tâm” mà thiếu “Trí” cũng không được vì sẽ dễ sa ngã, đi lầm vào tà đạo. Đó là điều đã xảy ra trong quá khứ, các tu sĩ thiếu kiến thức, trí tuệ, đã bị vô minh che phủ. Họ coi Thượng-đế như một đấng thần linh**

để thờ phụng, tách ngài ra khỏi tín đồ và dạy bảo rằng Thượng-Đế cao siêu quá, không thể nói chuyện với những người tầm thường được, mà phải qua trung gian của giới tăng lữ. Họ đặt đủ các ngôn từ hoa mỹ, thêu gấm dệt hoa vào giáo điều để tín đồ quay cuồng trong ngôn ngữ, mà xa lánh chân lý thực tế. Dần dần các chân lý cao đẹp bị bao phủ bằng các hình thức mê tín dị đoan, các điều xằng bậy, và đưa đến chỗ suy tàn.... Đó là điều đã xảy ra cho tôn giáo Ai Cập. (Hành-trình về phương Đông).

CHƯƠNG IV

A - DỊCH-LÝ LÀ BÍ-PHÁP CỦA ĐẠO CAO-ĐÀI.

1 - SỰ THƯƠNG YÊU

LÀ NGUYÊN DO CỦA VẠN-LINH CÙNG CHÍ-LINH.

Lời dạy của Chí-Tôn:

“Thầy thường nói với các con rằng: Các con là cơ thể của sự thương yêu, mà các con không còn hiểu sự thương yêu là gì, bởi nơi nào đó?. Kiểm coi..

Sự thương yêu là gềng bảo sanh của Càn -Khôn thể-giới. Có thương yêu nhân-loại mới hòa-bình, Càn-khôn mới an-tịnh.

Đặng an tịnh thì mới không thù nghịch lẫn nhau, mới giữ bền cơ sanh-hóa.” (TNHT).

ĐẠO

Đạo là do âm dương hoà-hợp mà thành hình tướng

Kinh Dịch nói rằng: “ Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo”.

Vạn vật hữu hình đều do sự cấu-hợp của hai nguyên lý, nguyên-khí Âm Dương mà thành sự sống có hình thể. Sự sống đó là do hai đấng Chí-Tôn và phật Mẫu đào tạo mới thành hình thể. Ấy vậy hai ĐÁNG TỐI CAO ấy là

chúa tể của càn khôn thế giới là cha mẹ của muôn loài vạn vật.

Kinh cúng Phật-Mẫu có dạy:
Tạo-hóa thiên huyền vi Thiên-Hậu,
Chưởng Kim-Bàn Phật-Mẫu Diêu-Trì,
Sanh-quang dưỡng-dục quần nhi,
Chơn-linh phối nhứt thân vi Thánh-hình,
Thiên-cung xuất vạn-linh từng pháp,
Hiệp âm-dương hữu hạp biến sanh

Cái thân xác phàm-tục hữu hình hữu hoại này của ta là do sự phối hợp của cha mẹ mà thành, điều này nói ra thì ai cũng biết . Dịch gọi Lý hòa hiệp âm dương này là Đạo: “Nhất âm nhất dương chi vị Đạo” là vậy. Biểu-tượng của Dương là một nét sổ thẳng từ trên xuống | , là số 1 còn gọi là số Cơ, là Cha .

Hai gạch nằm ngang: — — là số 2 gọi là số Ngẫu, là Mẹ.

Hai nét Âm Dương cơ ngẫu giao-hợp lại với nhau thành ra hình chữ thập + . Khi một khí âm và một khí dương đã hòa hiệp với nhau làm một thì phàm THA đã thành. Đó gọi là thai-nhi. Lấy theo số ta sẽ có biểu thức sau:

1+2 = 3 . Con số 3 này tạo nên Thánh-thai, nó là con số Tham-Thiên

Con số 3 là lý Tam-ngôi: số 1 là ngôi Phật, số 2 là ngôi Pháp, số 3 là ngôi tăng là hàng phẩm của chúng sanh. Bởi lẽ đó mà người Miền nam VN gọi cha sanh ra mình là BA. Đạo Cao-Đài gọi Đấng Chí-Tôn là cha, là Đại-từ-Phụ cũng từ cái lý Tam-ngôi này vậy. Con số 3 là đầu mối cơ sanh hóa của càn-khôn vũ-trụ.

Thánh ngôn dạy :Sự thương yêu là chìa khóa mở Tam-thập-lục Thiên, Cực-lạc Thế-giới và Bạch-ngọc-Kinh.

“Nếu các con không biết thương yêu thì cơ đạt Đạo cũng đừng mong nắm đặng.

...Thầy dạy con, thà là con mịch lòng một đứa mà đặng bụng muôn người. Thầy chỉ xin con lấy CHON TÂM mà định-đoạt. Các địa-vị yếu trọng nơi thế này chỉ hướng về sự công bình . Nếu dưới mắt các con còn thấy một điều chẳng công thì là ĐẠO chưa thành.

...Đứa biết chẳng nhắc đứa dốt, đứa Trí sợ sút đứa Ngu ấy là CỐ hại đạo. Ngày nay Thầy đã đến cầu khẩn xin thương Thầy để cho thân Già này đặng toàn-vẹn, đặng đủ sức dìu dắt các con và lập cụ-vị cho mỗi đứa đặng thỏa mãn, thì các con mới mong độ tận CỨU NHỊ (92) Nguyên -nhân đương bị trầm-luân nơi khổ hải.

....Cũng có nhiều đứa vì hờn riêng mà gây nên ác cảm, nhưng nhiều hơn hết là kẻ vì Đạo mà tìm chước Phàm đặng tính răn nhau, nào dè những sự toan-tính ấy làm bình-khí Tà-quyền, trở lại hại bản mà không hay” (TNST).
“ Đạo Trời khai ba lượt, nguồn Thánh độ muôn người, thìn lòng để bước vào nẻo thẳng đường ngay, mà kiếm cho thấu đáo mỗi huyền vi. Tọa Hóa đã sắp bày độ dẫn, nhuần gội ân huệ cho sanh linh, đương buổi hạ nguơn này.

“Ai là khách ừu phần, ai là người vô quả, tánh thiêng liêng đã vì công lý mà ra tay ế độ, vớt kẻ giữa bển trần, khá bắt thời thế lặn vào nương dựa bóng Thái Dương, để bước vào con đường minh huệ, tìm suối lặng, non Thần rửa chút bợn nhơ đã vì phong trào mê muội, mà cam chịu lấp kín gót trần . Ta vì lấy đức háo sanh, mượn giọt từ bi, hội Tam Giáo mà rưới khắp càn khôn, để

độ rước những bậc chí Thánh đọa trần, trước kỳ Thiên điều hành phạt.

“Họa Âu, tai Á, sẽ vì nơi Thiên thơ mà sát phạt, gieo sầu để thảm cho những giống dân nào đã vì hung bạo mà gây nên điều thán oán khắp cả càn khôn này.

‘Ai mau bước đặng gặp mới chảnh dẫn truyền, mà lần lập công chiết quả, để lánh cả muôn điều phiến nảo về sau. Chúng sanh khá biết cho!

“Thầy mừng cho các con có phúc hạnh mà biết để ý vào đường chánh giáo. **Thầy khuyên các con phải chung lưng đấu cật mà bước đến cảnh nhàn. Cảnh ấy, tuy các con không thể thấy đặng, nhưng mà các con có thể đến đặng, là ngày nào các con rõ đặng lẽ đạo mà Thầy đã đem chỉ cho tận nơi, nếu các con phấn chí về Đạo, thì ngày đạt mục đích ấy cũng chẳng xa chi.**

2 - Sự thương yêu là chìa khóa mở cửa Bát-Quái-Đài tại thế.

Hà-Đồ là một bản đồ số học, phỏng tác theo lý giao-hòa của hai nguyên-khí âm dương ới nhau , lấy biểu-tượng hình Thập-Tự Giá 十 là nhất khí Hư-Vô , là Đạo đúng với câu: “Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo”. Đây là biểu tượng của **khí sanh-quang** , là cội nguồn của sự sống , vì không có khí sanh quang thì không có sự sống. Biểu hiện của sự sống là sự vận-chuyển của Bát-hồn (Bát hồn vận-chuyển hóa thành chúng sanh) .Vạn vật hữu hình trong vũ trụ mà không có hai khí âm dương này thì không thành hình thể được . Sự sống khởi nguyên trong vũ trụ là do Đấng Tạo-hóa, là Đấng chúa-tể của Càn-Khôn thế-giới mà loài người tôn kính Ngài là Ngọc-hoàng Thượng-đế là

đấng Chí-tôn. Người theo Đạo Cao-Đài hằng ngày cúng
lạy rất tôn nghiêm.

3-Thượng-Đế là ai ?

**Thần là ánh sáng Tâm-linh của con người đồng thể với
Thượng-Đế, Nó là chiếc áo giáp che thân thể chúng ta
chống lại mọi tà khí xâm nhập. Thần thì thích yên tĩnh,
không thích ồn-ào náo nhiệt. Thần mới thực là sự sống
vĩnh cửu vậy.**

**Tâm thanh-tịnh (hay tâm VÔ) là tâm đ
“ĐỊNH”. Tức tâm đã đến chỗ yên-lặng hoàn toàn, là
Tâm đã hiệp với Thượng -Đế làm một .Tâm này là
Tâm-Đạo thực sự đó vậy.**

**Nơi phía trước cổng Trí Huệ Cung hay còn gọi
là Thiên Hỉ Động có đôi liễn:**

Trí định Thiên-lương qui nhứt bản,

Huệ thông đạo pháp độ quần sanh.

(Cái trí là đệ nhị xác thân của người tu phải được
an định và cái Thiên-lương là của Trời ban cho người phải
hiệp làm một thì con người mới thông Đạo-pháp, bấy giờ
người Tu mới có thể độ được chúng sanh).

**Muốn có được cái Tâm Đạo , chúng ta không thể
không biết đến Sự Yên-lặng, vì:**

*- Yên lặng là nơi chỗ của quyền năng , vì yên lặng đồng
nghĩa với quyền năng. Khi con người đạt đến chỗ im lặng
trong tư tưởng thì họ đã đến chỗ mà tất cả đều là sự hợp
nhất với quyền năng thiêng liêng. Con người có sức mạnh
tư tưởng nhưng vì vô ý thức, họ đã để cho nó hao tán.
Quyền năng hao tán là Động, còn tập trung là Tĩnh. Khi
tập trung mọi sức mạnh tư tưởng vào một trung tâm sinh
lực duy nhất, con người tiếp xúc với Thượng-đế. (Lúc
ngồi cúng , chúng ta tập-trung tinh-thần nhìn vào Thiên-
Nhãn). Khi hợp nhất với đấng thiêng liêng, ta hợp nhất với*

mọi quyền năng và đó là di sản tâm linh tối hậu. Phương pháp duy nhất để hoà hợp với đấng thiêng liêng, là tiếp xúc với ngài một cách ý thức, từ bỏ ngoại cảnh, để quay về với nội tâm, vì đấng thiêng liêng ẩn tàng trong tâm con người. **Khi con người từ bỏ ảo giác của kiêu mạn, bản ngã, nhận thức sự vô minh, hèn kém của mình và sẵn sàng học hỏi, sửa đổi, đó là tu thân.** Người ta không thể dạy bảo điều gì cho những cá nhân kiêu căng, tự phụ, vì chỉ có người khiêm tốn mới thấy được chân lý. Đấng thiêng liêng không nghe các lời cầu xin ồn ào, lập đi lập lại mà chỉ nghe những lời cầu nguyện chân thành của những kẻ đến với ngài bằng trái tim, sùng kính ngài bằng tâm hồn và sự im lặng. Kẻ nào tiếp xúc với ngài trong âm thầm sẽ nhận biết quyền năng của ngài do sự thực hiện các điều mong muốn của họ.

- Nhưng nếu không cầu nguyện theo mọi sách vở, thánh kinh làm sao tín đồ có thể hiểu biết về tôn giáo mà họ đang theo đuổi ?

Chúng ta nên biết rằng: **Minh triết phát sanh từ sự yên lặng.** Thượng đế không cần ta phải tuyên dương ngài một cách ồn ào hay bằng một ngôn ngữ gì. Khi một tín đồ thành tâm trong tĩnh lặng, ý sẽ hoà hợp tư tưởng với ảnh hưởng thiêng liêng; và ảnh hưởng này chỉ có thể nhận biết được khi lòng ta vắng lặng. Khi tâm hồn hoàn toàn an tĩnh, ta có thể tự phân tích mình, trau dồi phẩm hạnh và đón nhận những mạc khải từ cõi trên. Chỉ trong sự vắng lặng, con người mới ý thức năng lực trong mình, và chung quanh mình. Chỉ trong yên lặng các quyền năng tiềm ẩn mới phát sinh và nảy nở. **Tâm có an thì vật bên ngoài mới không vọng động, dục vọng mới chịu yên tĩnh.** Con người có giải thoát các ồn ào, náo nhiệt bên ngoài, thì mới đón nhận được các hoà âm tuyệt diệu đến từ cõi vô

biên. Con người cần khám phá rằng hạnh phúc ở trong tâm mình. Hiện nay phần lớn đều tìm kiếm hạnh phúc bên ngoài, nhưng ngoại cảnh chỉ đem lại các giải trí trong chốc lát, thay vì hạnh phúc vô biên. Tất cả phương pháp tìm kiếm bên ngoài đều vô vọng. Con người phải biết quay về nội tâm vì mọi hình tướng, nghi thức đều là sự áp chế.

Làm sao tìm thấy điều gì khi ngồi yên lặng ?

Khi ngồi yên -lặng Con người sẽ dần dần ý thức được chính mình. Dĩ nhiên, điều này đòi hỏi một thời gian. Nhưng Họ sẽ tìm thấy ở mình một thứ hạnh phúc không lệ thuộc ngoại vật, cũng không lệ thuộc tha nhân. **Một tâm trạng giải thoát không ai có thể cướp được, đó là tâm trạng “tôn giáo”, kết tinh bởi sự nảy nở, thăng hoa các ý thức sâu kín trong nội tâm.** Con người sẽ tự mình tìm thấy câu giải đáp khi họ ý thức thực chất của chính mình, và ảnh hưởng cao cả của Thượng-đế. Chỉ khi đó, mọi sự tìm kiếm ở ngoại cảnh sẽ chấm dứt.

B -TÌM VỀ THƯỢNG-ĐẾ.

Pháp-môn Kriyâ Yoga là ột phương -pháp hồi-thức sự tiến-hóa của con người (Đó chính là Dịch-lý).

Kinh Thánh nói: “Bởi vậy, nếu mắt ngươi trụ vào một chỗ, toàn thân ngươi sẽ tràn đầy ánh sáng.” (Mathieu 6 – 22).(khi đi cúng nên tập -trung tinh-thần vào Thiên-nhãn). Câu ấy có nghĩa là: **Sự tập-trung tinh-thần vào nhãn-quang tâm-linh (Hà-đồ) giúp cho người Đạo-sĩ tiêu-diệt tất cả những ảo giác về vật-chất và trọng-lượng của nó.** Y nhìn thấy Vũ -trụ như Thượng-Đế đã sáng-tạo, tức là một khối ánh sáng Tiên-thiên chưa phân-hóa thành hình thể , sắc tướng.

Định-luật phép lạ có thể thực-hiện được bởi bất cứ người nào đã nhận-thức rằng Tinh-hoa của Vũ-trụ là Ánh-Sáng.

Phần tư-liệu này tôi đã trích lại từ quyển Á-châu Huyền-bí trong ấy có ghi một đoạn như sau:

Tài-liệu khắc trên những bia đá cổ:

“Câu chuyện xoay chiều đến một điểm, khi có một bạn tôi hỏi **địa ngục ở tại nơi đâu**, và ác quỷ có nghĩa là gì ? Đức Jesus phản ứng mau lẹ đáp:

- **Địa-ngục và ác quỷ không có nơi chốn nào nhất-định ngoài ra trong tư-tưởng phạm-tục của người đời** . Cả hai đều ở đúng vào nơi mà con người đặt ra cho chúng . Các bạn là những người có học thức, các bạn có thể nào tìm thấy chẳng một vị-trí địa-dư nào cho địa -ngục và ác-quỷ trên quả địa-cầu? Nếu cõi Trời là tất cả và bao trùm tất cả, làm sao người ta có thể tìm thấy trong chất dĩ-thái bao la một nơi chốn nào nhất-định cho địa-ngục hay ác-quỷ ? nếu chúa Trời là tất cả mọi nơi và cai quản tất cả mọi sự , thì còn có chốn nào đâu nữa cho địa -ngục hay ác quỷ trong cái thiên-cơ toàn diện của ngài? Bây giờ chúng ta đã lục-soát khắp cả vũ-trụ và không tìm thấy chốn nào là nơi trú ẩn của ác -quỷ. Như vậy, chúng ta bắt buộc phải nhìn nhận rằng ác quỷ ở chốn nào có người ta và nó chỉ có những quyền-năng mà người đời đã gán cho nó. Các bạn tưởng tượng rằng tôi có thể đuổi tà ra khỏi bất cứ một người nào , rồi sau đó để cho nó nhập vào một bầy heo, rồi bầy heo này sẽ đâm đầu xuống biển? **Tôi không hề thấy tà ma hay quỷ quái nhập vào một người nào , trừ phi người ấy đã tự-ý đem nó vào mình**. Cái quyền năng duy nhất của tà ma mà tôi nhìn nhận thấy là cái quyền năng mà chính người đời đã gán cho nó.

Một lúc sau, câu chuyện xoay chiều đến vấn đề Thượng-Đế, và một bạn tôi hỏi:

Con muốn biết chúa Trời là ai và bản chất thật sự của Ngài là như thế nào?

Đức Jesus đáp:

Tôi hiểu tầm mức quan-trọng của câu hỏi đó . Anh muốn xác định vấn đề ấy cho rõ ràng. Ngày nay, thế-giới đang bị xáo trộn bởi nhiều tư-tưởng trái ngược . Người ta không tìm đến nguồn gốc của danh từ. **Thượng-đế hay Chúa Trời là cái nguyên-lý cai quản mọi vật. Cái nguyên-lý nó ngự-trị trong một sinh vật là Tinh-thần, và Tinh Thần vốn toàn năng , toàn tri và toàn thông . Chúa Trời là Tư Tưởng duy nhất của cái nguyên nhân trực tiếp và chỉ đạo của tất cả mọi sự tốt lành ở quanh chúng ta . Chúa Trời là nguyên nhân của mọi sự sống mà ta thấy ở chung quanh ta. Chúa Trời là nguồn gốc của tình bác-ái bao la nó duy trì và ~~đ~~ nhất tất cả mọi hình thể sinh hoạt . Chúa Trời hay Thượng-đế là một cái nguyên-lý vi-diệu, chứ không phải là một đấng có cá thể riêng biệt . Chúa Trời không bao giờ là một nhân vật riêng rẽ, trừ phi khi nào người trở nên là một đấng Cha Lành , đầy tình thương và có cá tính ~~h~~ với quan -niệm riêng của mỗi người . Thật vậy, đối với mỗi người, Chúa Trời có thể trở nên một bậc Phụ Mẫu , đầy bác-ái và ban rải tất cả. Chúa Trời không bao giờ là một đấng cao cả ngự trị ở một nơi nào đó trên Trời, ở một cõi giới gọi là Thiên -đàng , nơi đó Ngài ngồi trên một chiếc ngai vàng và xử xét người đời sau khi họ chết . Vì Chúa Trời là sự sống vậy, và sự sống không bao giờ mất . Cái hình ảnh nói trên chỉ là một quan-niệm sai lầm nảy sinh trong trí của kẻ ngu dốt..**

C-THỰC-HÀNH ĐẠO VÔ-VI

(*Bí-pháp Cao-Đài.*)

Kinh Phật-Mẫu có câu:

.....
Hiệp qui Tam-giáo hữu cầu chí chơn
Phục Nguyên Nhơn hườn tôn Phật tánh
Giáo hoá Hồn hữu hạnh, hữu duyên.
Trụ căn huỷ khí cửu tuyên,
Quảng khai Thiên tượng tạo quyền Chí-công.

*Chúng ta hãy đọc lại bài Thánh-giáo của Chí-Tôn trước
khi nghiên-cứu bản Hà-Đồ dưới đây:*

Thầy

*Thành tâm niệm Phật,
Tịnh tịnh tịnh tịnh tịnh.
Tịnh là vô nhứt vật,
Thành tâm hành Đạo.*

I - HÀ-ĐỒ

(*cũng có tên là Hư-vô chi khí*)

**Hà-đồ là nguồn gốc của sự thương yêu, là chìa
khoá để mở cửa Bạch-Ngọc-Kinh và Bát-Quái-Đài tại
thế.**

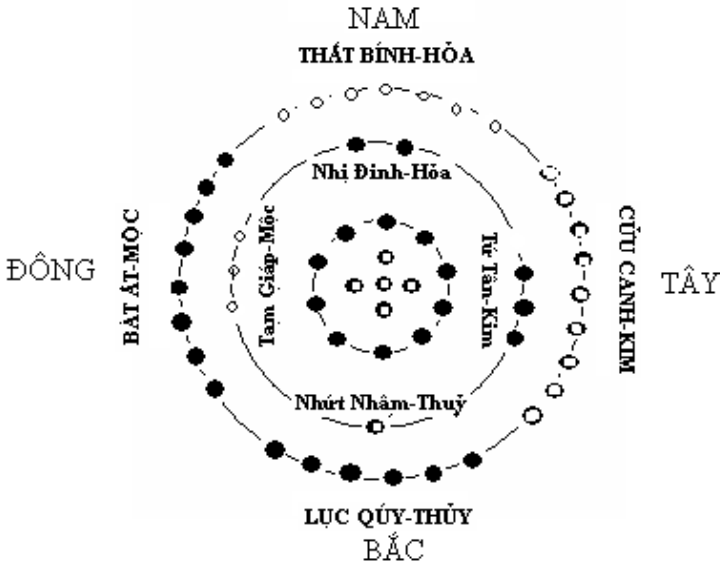
Hà-đồ là đầu mối của Kinh-Dịch, có Hà-Đồ rồi sau này Thánh-nhân mới vẽ ra Bát-quái. Hà-Đồ là phần cao cấp của kinh-Dịch, là quyển kinh nói về Bí-pháp của Phật-gia, đó cũng là con đường thứ ba của Đại-Đạo, là biểu-tượng của Tiên-thiên hư-vô chi chí, là triết-lý đại-đồng đó vậy.

“Theo truyền-thuyết kể rằng: Đời Vua Phục-Hi, Ngài thấy con Long-mã nổi lên trên sông Mạnh-Hà, trên lưng nó có nhiều điểm :

***Hai điểm** với **bảy điểm** phía trước (số hai và số bảy ở trên).

***Một** với **sáu** phía sau .(Số 1 và số 6 ở dưới)

I-CỒ HÀ-ĐỒ



***Ba** với **tám** bên trái .(Số 3 với 8 ở phía Trái)

***Bốn** với **chín** bên mặt .(Số 4 với 9 ở phía bên phải)

***Năm** với **mười** chính giữa. (Số 5 và số 10 thì ở giữa còn gọi là trung ương).

Cả thầy là năm ngôi **tượng** -**hình** cho khí **Ngũ - Hành**:

Các số ở vòng trong: 1,2,3,4,5 gọi là số sinh (thuộc tiên-thiên) là Dương ngũ-hành.

Các số ở vòng ngoài: 6, 7, 8, 9, 10 là số thành thuộc Âm ngũ-hành.

Hai vòng tròn âm dương ngũ hành hợp nhau thành những cặp số được định -vị theo các phương hướng như sau:

*1 với 6 phía sau, tượng hình Bắc-phương **Nhâm-Quý Thủy**. (Thiên nhứt sanh thủy, địa lục thành chi).*

*2 với 7 phía trước, tượng hình Nam-Phương **Bính-Đinh Hỏa**. (Địa nhị sanh hỏa, thiên thất thành chi)*

*3 với 8 bên trái tượng hình Đông-phương **Giáp-Ất Mộc**. (Thiên tam sanh mộc, Địa bát thành chi)*

*4 với 9 bên mặt, tượng hình Tây-phương **Canh-Tân Kim** (Địa tứ sanh kim, thiên cửu thành chi).*

*5 với 10 chính giữa, tượng hình Trung-ương **Mô-Kỷ Thổ**. (Thiên ngũ sanh thổ, địa thập thành chi).*

*Năm điểm ở chính giữa cũng tượng hình **Thái-Cực hàm nhứt-khí**. Tổng cộng hết là **55 điểm** mà kỳ thiết là nhị ngũ, ($1+2+3+4+5+6+7+8+9+10 = 55$) bởi vì nếu tính hàng ngang là hai con số ngũ đứng liền nhau (gọi đó là Âm ngũ -hành và Dương ngũ -hành). Tuy là nhị ngũ mà kỳ thiết là nhứt ngũ. Tuy là nhứt ngũ mà cả tượng là một điểm. (trong **Sám Trạng-Trình** có nói đến con số nhị ngũ: “*Cơ nhị ngũ thư hùng vị quyết, đảo Hoành -son tam-liệt ngũ-phân*”.*

A-KHÍ HU'-VÔ.

Quá trình hình thành và biến-hoá của khí Hu-Vô

1-Kiên khôn giao-phối.

(Dịch gọi “thiên nhứt sanh thủy”, thủy này không phải là nước mà là **thể khí** (Một chữ KHÍ: đó là khí-sanh-quang hóa sanh ra muôn loài -vật, Ở bên trong tòa thánh Cao-Đài Tây-Ninh , phía sau tượng Hộ -Pháp có hình chữ khí này; Trong Thánh-Ngôn Hiệp-Tuyên Thầy có dạy: “*Khi chưa có chi trong càn khôn Thể-giới thì **Khí Hu-vô** sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là **Thái-Cực***

(Ngôi Thái-cực hay là tiên-thiên hư-vô chi khí là con số nhị ngũ đó). Thái-cực hàm chứa hai khí âm dương ngũ-hành là đầu mối phát sinh ra muôn-loài vạn-vật, Con người gọi đó là khí sanh-quang, là Trời, là Đại-từ-Phụ, là Cha. Kinh-Dịch lấy biểu-tượng bằng quẻ CÀN có ba vạch liền ☰. Có trời rồi mới có Đất (tượng bằng quẻ Khôn ☷, là do Càn tự phân cực nên Dịch mới nói Thái cực sinh lưỡng nghi là vậy). Trời đất giao hòa với nhau mới sanh ra muôn loài vạn-vật, mà con người là giống linh hơn nên đứng đầu trong muôn vật. Nếu lấy số mà nói thì quẻ Càn có 3 nét, Quẻ Khôn có 6 nét. Khi Càn phóng 3 nét dương của Trời vào 3 nét âm của Đất thì Khôn mở rộng cửa mà đón càn vào trong, (tức âm bao dương) ta thấy hiện-tượng:

Số 3 bên trái tượng là Nhựt ☲, là dương. Số 3 bên phải là Nguyệt ☾, là âm. Số 3 giữa là Tam thiên là phần hành của Trời. Diễn số như sau: Càn (số 3) + Khôn (số 6)
Biểu tượng của sự hòa hiệp hai quẻ Kiên-Khôn :

☰ ☷ ☷ tức là (6+3) có thành số là 9.

3+3+3 hay (3 + 3)+ 3 cũng là số 9.(Số 3 chính giữa là Càn, số 3 ở hai bên là thuộc quẻ khôn. (Âm bao dương hay Trời ở trong Đất, là quẻ Địa-Thiên Thái).

Mà : (3x2) +3 hay 3^2 (đọc là ba bình-phương) thành số 9. Con số 9 là Thánh-thai, là Kim-đơn 金丹 hay gọi: Cửu Thiên khai-hóa cũng là một tên gọi của số 9 mà thôi .

Kinh cúng Phật-mẫu có câu:

**Kể từ hôn-độn sơ-khai,
Chí-Tôn hạ chỉ trước đài Linh-Tiêu,
Lưỡng-nghi phân khí hư-vô,
Diêu-Trì Kim-Mẫu nung lò hóa sanh.
Âm dương biến tạo Chơn-thần,
Lo cho nhơn vật về phần hữu-vi,**

.....
**Cần khôn sản-xuất hữu hình,
Bát hôn vận-chuyển hóa thành chúng sanh.**

Khổng truyện nói; “Thiên nhất, Địa nhị; Thiên tam, địa tứ; Thiên ngũ, Địa lục; Thiên thất, Địa bát; Thiên cửu, Địa thập”. Như vậy ta thấy Các **Thiên số** 1, 3, 5, 7, 9 là các số lẻ còn gọi là số CO và **Địa số** là các số chẵn 2, 4, 6, 8, 10 còn gọi là số NGÃU. (Thiên số là dương số, Địa - số là âm số).

Vì **Đạo tạo hỏa** (cung Ly ☲ tượng trưng cho sự sáng chói, sự đẹp đẽ...) của trời đất chẳng qua là một cái **Dương ngũ-hành** và một cái **Âm ngũ-hành**, một cái sanh một cái thành mà thôi.

Tuy phân ra ngũ -hành mà kỳ thiết là một Âm một Dương vận dụng cái Đạo “Nhất âm nhất dương chi vị Đạo”.

Tuy âm dương vận dụng mà kỳ thiết là **một khí qua lại** vận-dụng cái Đạo. Nên:

Tượng-hình cái **ĐẠO** như thế này: ⊕

-Ngũ-Hành thuận sanh: Thổ sanh Kim, Kim sanh Thủy, Thủy sanh Mộc, Mộc sanh Hỏa, Hỏa sanh Thổ, Thổ trở lại sanh Kim.

Phát ra tại **trung-ương** theo vòng trong -sanh rồi trở vào dứt cũng tại trung-ương. Ra vào thì **chỉ** khác hơn là **một khí** (thổ khí), chẳng chi khác hơn là một

trung. TRUNG này là một cái gốc lớn của thiên-hạ, ấy là **Thổ cư Trung** (Đất ở chính giữa) hòa-hiệp hết tứ-tượng. **HÒA** là con đờng suốt chung cho thiên -hạ. Ấy là Tứ-Tượng tại ngoại (chạy ra bên ngoài) **chỉ một khí lưu-hành**. Trong **và Hòa** vừa là một khí, cả thấy đều là **Thái-Cực**.

Duy có con người vin lấy khí Âm-Dương ngũ-hành của Trời Đất mà sinh thân mình, cho nên **trong thân mình có đủ khí âm-dương ngũ-hành**. Nhưng ngũ-hành này có Tiên-Thiên, Hậu-Thiên. Tiên-Thiên Ngũ -Hành **thuộc** Dương. Hậu-Thiên Ngũ-Hành **thuộc** Âm.

Các số: 1, 3, 5, 7, 9, số lẻ, hay **cơ** là Dương ngũ-hành **thuộc** Tiên-thiên.

Các số: 2, 4, 6, 8, 10, số chẵn hay số ngẫu là Âm ngũ-hành là Hậu-thiên.

2-TIÊN-THIÊN DƯƠNG NGŨ-HÀNH

Như trên đã nói các dương số là 1, 3, 5, 7, 9 gọi là tiên-thiên dương Ngũ-hành; ấy là ngũ nguyên khí của Trời ban cho mỗi con người:

1- Là nguyên TINH thuộc Thủy là **Nhâm** thủy.

3- Là nguyên TÁNH thuộc Mộc là **Giáp** mộc

5- Là nguyên KHÍ thuộc thổ là **Mồ** thổ.

7- Là nguyên THẦN thuộc hỏa làm **Bính** hỏa.

9- Là nguyên TÌNH thuộc kim làm **Canh** kim

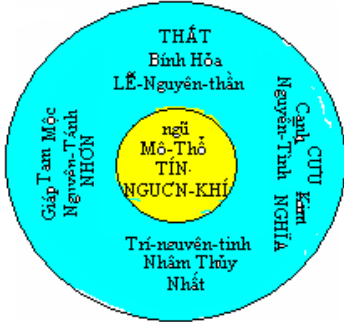
Đó là ngũ nguyên. Hễ ngũ nguyên đủ rồi thì có ngũ Đức ở trong. Đó là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí, Tín.

-Nguyên TINH là **th** tin h **ch**ẳng phải tinh. **Th**ể của nó **thu**ần-túy **ph**át ra thành **TR**Í.

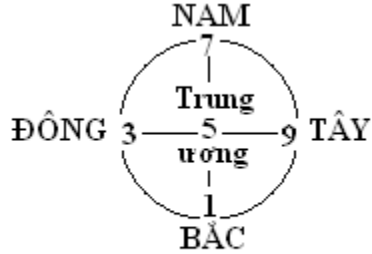
-Nguyên TÁNH là **th** tánh không, có tánh thể của nó **nhu** từ (chiều-chuộng hay thương xót) **ph**át ra thành **NH**ÂN.

-**Ngươn TÌNH là thứ tình không**, cái tình thể của nó can liệt (cứng cõi, ngay thẳng) phát ra thành NGHĨA.

-**Ngươn KHÍ là thứ khí không**, cái khí thể của nó thuần-nhất (ròng là một) phát ra thành TÍN.



tiên-thiên DƯƠNG NGŨ-HÀNH



Dương ngũ-hành

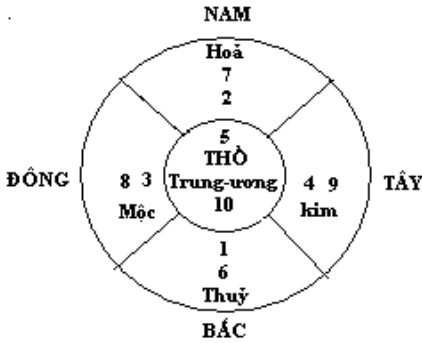
Ngũ Ngươn là khí của ngũ-hành, ngũ Đức là tánh của ngũ-hành. Ngũ ngươn ngũ-đức sanh tại lúc tiên-thiên ẩn trong khí hậu-thiên.

(Đương lúc con người ta thai bào còn hỗn -hỗn độn-độn, một khí hỗn luân, hình tích tuy chưa lộ, mà cái lý của nó có sẵn đủ rồi, chỗ gọi “vị sanh xuất” nghĩa là chưa sanh ra như trong họa-đồ ở chính giữa có số 5. Năm điểm tụ lại một chỗ mà tượng hình Thái-Cực.

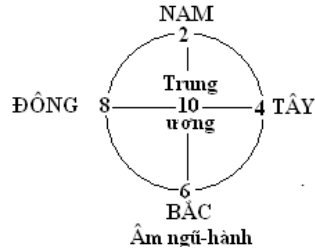
Cổ nhân dạy người phải tìm giữ cái diện-mục của mình trước khi cha mẹ sanh ra là chỉ vào đây, do bởi việc này xảy ra trước khi sanh thân, nên gọi là tiên-thiên.)

3-HẬU-THIÊN ÂM NGŨ-HÀNH

BẢN ĐỒ ÂM DƯƠNG NGŨ HÀNH (SỐ-HỌC)



(Tiên-Thiên Hư-vô chí-khí)



Các số chẵn là số âm
ngũ-hành sẽ tạo thành
ngũ vật:

2- Là **ÚT** -THẦN

thuộc hỏa làm **Đinh hỏa**.

4- Là **QUỈ PHÁCH** thuộc Kim là **Tân kim**.

6- Là **TRƯỚC TINH** thuộc thủy là **Quý thủy**.

8- Là **DU-HỒN** thuộc mộc làm **Át mộc**.

10- Là **VỌNG Ý** thuộc thổ là **Kỷ thổ**.

Đó là ngũ-vật. Hễ ngũ vật đủ rồi thì có ngũ-tặc ở trong đó. Ngũ-tặc là: Mừng, Giận, Buồn, Vui, Muốn. (Hi, Nộ, Ai, Lạc, Dục) Du-Hồn chủ sự ứng có tánh lành nên xúc động đến thì thành **giận** (nộ).

Thức-Thần rất linh-thiên, có tánh tham, xúc động đến thì sanh **muốn** (dục) thuộc hậu-thiên ngũ-vật. Ngũ-tặc tuy là do ngũ-hành hóa ra mà trong đó có **chỗ** phân biệt. Trong ngũ-vật Tinh, Thần, Ý đều sanh sau, duy có Hồn, Phách sanh ra trước hết. Hồn lại còn sanh trước Phách nữa,

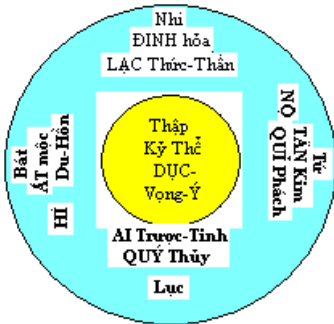
HỒN là **hột giống luân-hồi** đời đời kiếp kiếp (hằng sanh), làm người hay làm quỷ là nó; làm Thánh, làm Hiền cũng là nó; làm lành làm dữ cũng là nó, mang lông đội sừng cũng là nó. **Thân này tuy chưa sanh chớ nó đã có trước rồi**, còn khí tuy chưa tuyệt chớ nó đã đi trước rồi.

(Trong lúc con người vừa xé bọc chui đầu ra, oa oa tiếng khóc chào đời, là lúc Hồn nhập khiếu.)

Hồn vừa nhập khiếu thì nó thọ hậu-thiên-khí; một khí hiệp cùng tiên-thiên Nguơn-tánh. Cái giả mượn cái thiệt mà tồn tại. Cho nên, anh nhi xỏ ra mà không có tiếng oa oa thì chẳng thành con người, vì du-hồn chưa nhập. Tuy là có nguơn-tánh mà một mình đâu có tồn tại được.

Cái giả nhờ cái thiệt mà tồn tại. Cái thiệt nhờ cái giả mà hơn lên. Còn Phách thì lấy phần linh của khí huyết thọ kim khí mà đoàn kết.

Sanh rồi bảy bảy là bốn chín ($7 \times 7 = 49$) ngày mới tiêu-diệt thể tục. (Phật-giáo làm tuần cho kẻ chết bảy cái thất là 49 ngày là vì cơ đó).



Hậu-Thiên ÂM NGŨ-HÀNH

thần tuy thọ hỏa khí mà sanh chớ cũng ở trong hồn mà ra. Trục tinh tuy thọ thủy mà sanh chớ cũng do phách mà thành, Ý là tr lực động tác dùng nó mà xử khiến. Tinh, Thần, Hồn, Phách cũng là tứ-vật.

Ngũ-vật, ngũ-tặc đều có sau khi sanh thân này nên gọi là “dĩ sanh xuất”, nghĩa là đã sanh ra rồi. Do bởi việc này xảy ra sau khi sanh thân nên gọi là **hậu-thiên.** Còn Tâm, Can, Tỳ, Phế, Thận đã trước mà lại có hình chất nên không được kể vào đây.

Lúc ban sơ **vừa** sanh, **hậu-thiên ngũ -hành với tiên-thiên ngũ-hành hai cái hiệp chung làm một.** Ngũ-vật

nhờ ngũ-nguon dẫn dắt, còn ngũ-tặc nhờ ngũ-đức kèm chế, mỗi khi cử-động đều là tiên-thiên làm chủ -tể, hậu-thiên chẳng qua là tay sai mà thôi.

Cho nên **lời** anh -nhi vô-thức, vô-tri thì ốt lành, chẳng có một máy dữ là chí **Nhân** (nhân cùng bực). Nhân ấy là mối manh của nguon-tánh. Nhân ngãđều quên là chí **nghĩa**, nghĩa ấy là mối manh của **nguon-tinh**. Thế nên, sách Tam tữ kinh khởi đầu bằng câu “Nhon chi sơ tánh bổn thiện” (con người mới sinh ra ra cái bổn tánh vốn hiền lành).

Thinh sắc cũng mê là **chí Trí**, ấy là mối manh của nguon-tinh.

Tâm khí bình-hòa là chí **Lễ**, Lễ ấy là mối manh của nguon-thần.

. Một lòng thành chẳng dối hay là chí **Tín**. Tín ấy là mối manh của nguyên khí.

Lúc nó **ình** là ngũ nguon khí , nó **động** là ngũ đức. Mà động tịnh đều là tiên-thiên hành sự. Trong lúc đó dẫu mừng, giận, buồn, vui nhưng đều vô-tâm cả.

Mừng mà không giữ lâu (bám chặt)

Giận mà không đối đạc (giận lâu)

Buồn mà không xót-xa (đau đớn)

Vui mà không thái-quá (dâm dật).

Mừng, Giận, Buồn, Vui chưa phát thì gọi là TRUNG, chừng nó phát ra rồi trúng tiết (nhâm lễ) thì gọi là **HÒA**. Trung với Hòa có ý-nghĩa là không dục vọng, không dục-vọng ắt là tinh, thần, hồn, Phách, ý mỗi thứ đều yên ngôi, vâng theo mạng lệnh tiên-thiên. (Đức Hộ-Pháp có dạy trong phương luyện kỹ: vui cũng vui, buồn cũng buồn, nhưng đừng để nọc vui buồn thâm vào chơn tánh là vậy)

Tiên-Thiên, Hậu-Thiên, Âm dương giao-phối tinh-hoa trong nhị ngũ mà hiệp đúng phép mới đoàn-kết. Hoặc **Tiên-thiên động thì Hậu-thiên thành**, chơn không rời giả, giả chẳng rời chơn. Chơn nhờ giả mà vẹn toàn, giả nhờ chơn mà tồn tại. Trọn hết là một khí không chút nào tổn-thương; tròn đầy; đầy-đủ như ngũ-hành trong họa-đồ. **Âm dương đồng ở một chỗ, tượng hình một khí lưu-hành.**

Cổ-nhân dạy người phải nương lấy cái “**sinh diện**”, nghĩa là cái diện-mục của mình khi mẹ sanh ra là chỉ vào đây.

Đến năm 16 tuổi (nhị bát) tiên-thiên khí đầy đủ, Dương cực thì Âm lần sanh và giao tiếp với hậu-thiên nên hồn phách chẳng định, Thức-Thần nổi lên thì khai tinh khiếu (cửa lọc tinh ba) , ý loạn, tâm mê, ngũ-vật đều dấy lên, ngũ-tặc phá hại, ngũ-nguơn, ngũ-đức tiêu mòn dần. Như vậy ngày này qua ngày kia, năm kia tới năm nọ, âm khí thuần rồi dương khí tận, thì không chết sao được !?

Đây là **Đạo đi thuận thì sanh ra con người**. Duy bực Thánh-nhơn có ~~hoc~~ phép tiên -thiên nói biết bảo dưỡng lúc tiên-thiên chưa tuyệt, mới **biết thối âm khi hậu-thiên khởi sanh**. Thánh-nhân lấy cái hậu-thiên mà hàm dưỡng tiên-thiên, lấy cái tiên-thiên mà chế hóa hậu-thiên, Chánh đạo vô-vi thẳng vào cội Thánh (Xem hình Bát-quái Đồ-Thiên sẽ thấu triệt cái lý nghịch chuyển này).

Cái Đạo vô-vi chẳng ra ngoài cái diệu-lý của Hà-Đồ bắt từ trong mà sanh ra âm-dương Ngũ-hành, tức là đạo “thuận-sanh”, sanh ra con người. Còn ngũ -hành âm-dương trong Hà-Đồ hiệp nhau trọn hết là một **khí**, tức là đạo “nghịch -vận” sanh ra Thánh-nhân.(Bát-Quái Đồ -Thiên).

Nghịch-vận không phải lấy nghĩa phản huơn, ấy là đem ngũ -hành tàng ẩn như trước (t rả lại) nơi TRUNG-

HUỲNH THÁI-CỰC (Tâm). Đây cho thấy trở lại cái diện mục hồi lúc cha mẹ chưa sanh.

Mạnh-Tử nói rằng: **Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí bốn đức tánh này căn cứ tại Tâm.** Cái sắc anh-hoa của nó hiện nơi mặt đầy đặn, hình ra sau lưng, oai-nghi bày ra tay chân. Tay chân chẳng đợi mình bảo mà tự-nhiên hiểu biết cử-động hiệp nghi (như cái tay chẳng đợi bảo phải cung khoan mà tự-nhiên biết cung kính; cái chân chẳng đợi bảo trung hậu mà tự-nhiên biết trung hậu (Tận-Tâm thượng /Mạnh-Tử).

Nguyên-nhân là tâm làm chủ cả cái thân có đủ các đức là Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí. Nếu lấy một cái Tâm mà vận Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí rông là Thiên-chơn hành-sự. Ngũ-vật, Ngũ-Tặc đều theo lệnh nó, khiến ngũ-hành đoàn-kết, tứ-tượng hòa hiệp thì TÁNH tức là MẠNG; MẠNG tức là TÁNH. Tánh Mạng một nhà, âm dương trọn hòa. Hình Thần đều đặn huyền-diệu cùng Đạo hiệp một lẽ Chơn, căn cứ tại Tâm mà sanh sắc anh-hoa. Chẳng đợi bảo mà hiểu biết tự-nhiên, như thế cái tâm đó mới gọi là **tâm không** (không phải cái tâm không biết rung động), mà gọi là “thiên địa chi tâm” (**tâm của trời đất**), ngũ hành không sao đến đó được, tứ đại khó xông pha vào đấy, chỗ mà Thánh-nhân gọi là **Huyền-tân** là nó đây vậy.

Cái “không phương-hướng”, “không định chỗ nơi”, “nghĩ ra ắt sai”, “bàn lại thêm quấy”, “chẳng thể lấy lời mà dạy”, “lấy bút mà tả”, “khép mở có giờ”, “động tịnh như chẳng chấp chẳng lịch”, “tột trùng tột linh gương kêu là THÁI-CỰC, gương vẽ ra cái này: không (0). **Ấy là một điểm ở chính giữa Hà-Đồ.**

Nhưng bởi cái tâm này là gốc rễ của Trời Đất, cội nguồn của Tánh-mạng, chỉ có người Tu-Chơn mới có được Tâm này. Ai có thường đến cúng ở điện thờ Đức

Phật Mẫu trong nội-ô tòa-thánh tây-ninh , rieu biết chữ Hán sẽ đọc được câu liễn treo trước đền thờ , theo cách đọc chữ Hán từ trên xuống và từ phải qua trái như sau:

BÁT phẩm chơn-hồn, tạo thế-giới, hóa chúng-sanh, vạn vật hữu-hình tòng thủ ĐẠO.

QUÁI hào bác-ái, định càn-khôn, phân đẳng-pháp, nhưt thân phi tướng trị kỳ TÂM.

Nói liền Hai chữ đầu đôi liễn là: **BÁT QUÁI**

Nói liền hai chữ cuối đôi liễn : ĐẠO TÂM.

Nhìn hai câu **ễn** treo trước đền thờ Phật -Mẫu, chúng ta thấy rõ rằng: Nơi đây là chủ cơ Đạo-Tâm.

Đức PHẬT-MẪU có cho bài Thi:

Gắng sức trau-giồi một **chữ Tâm**

Đạo đời muôn việc khỏi sai lầm

Tâm thành ắt đạt đường tu vững

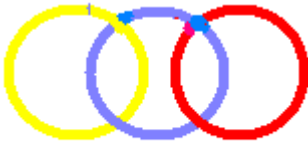
Tâm chánh mới mong mới Đạo cầm

Tâm ái nhơn sanh an bốn biển

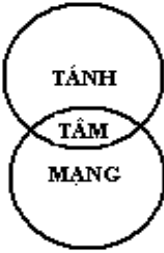
Tâm hòa thiên hạ trị muôn năm

Đường tâm cửa Thánh dầu chưa vẹn

Có buổi hoài công bước đạo tâm



BA VÒNG VÔ-VI



Nơi mặt hướng Đông ngôi nhà Trí-Huệ-Cung có ể đ thể pháp: **Ba vòng vô-vi đặt nằm ngang** gắn liền nhau như mắc xích bêu-tượng cho tam giáo, tam-bửu, tam thể xác thân.

Người tu đắc đạo là lúc ngũ-khí trừu nguyên, **tam huê ụ đảnh** (Đây chính là tôn-chỉ của Đạo Cao-Đài: “Tam-Giáo qui-nghuyên Ngũ -Chi phục nhứt”. Phật -mẫu chơn-kinh có câu: “~~H~~ qui Tam -giáo hữu cầu chí chơn”. Đây là chỗ hiệp-đồng của toàn nhân-loại, chính là Đạo vậy). gương vẽ như hình liên hườn bên dưới đây làm cho người tự tỉnh, tự ngộ lấy. Do thần lãnh-hội mà thôi.

Cái Tâm đó bn không có chi lọt ra ngoài, mà nhỏ thì không có chi xen vào trong. (Cái tâm này là chỗ Trời -đất giao-hòa, là chỗ Đại -đồng của nhân-loại, người tu theo đạo Tiên gọi đó là KIM ĐƠN, Phật gọi là **Chơn-như** Thánh là **Tâm thiện** hay **chơn tâm**, Người tu theo tôn -giáo Cao-Đài thì đây là ngôi của **Chí-Tôn** vậy. Tuy danh gọi có khác nhau ,mà rồi hiểu ra thì chỉ là một mà thôi. (người Đạo Cao-Đài đều tôn thờ. Đó là Thiên-Nhân, là điểm Linh-Quang, là trí Bác-Nhã...)

Đức Chí-Tôn có cho thi:

Chẳng quản đồng tông mới một nhà
Cùng nhau một Đạo tức một cha
Nghĩa-nhân đành gởi thân trăm tuổi
Dạy lẫn cho nhau đặng chữ **HÒA**.

II.-LẠC-THO

Lạc-thơ là do Hà-đồ mà ra: nói về sự biến-hoá của phần hữu hình, tức là khi con người đã có hình thể.

Phật-mẫu chơn-kinh có câu:

Càn-khôn sản-xuất hữu-hình,

Bát hồn vận chuyển hoá thành chúng sanh

Lạc-Thơ là Đạo hữu-vi biến-hóa thuộc về Âm-Dương thố tổng (nghĩa là trong cảnh loạn mà xếp yên) và ngũ-hành nghịch vận. (Ngũ-hành tương khắc).

Hồi thuở vua ĐAI-Vũ trị nước lụt bên Tàu, có một con **thần qui** (là muốn nói về cơ phản bản hoàn nguyên chỉ nẻo đường về với cội nguồn) nổi lên tại sông Lạc (Lạc-hà) trên lưng có nhiều vạch :

9 vạch ở gần đầu - 1 vạch ở gần đuôi.

3 vạch ở gần sườn trái- 7 vạch ở gần sườn mặt.

4 vạch ở gần vai trái - 2 vạch ở gần vai mặt.

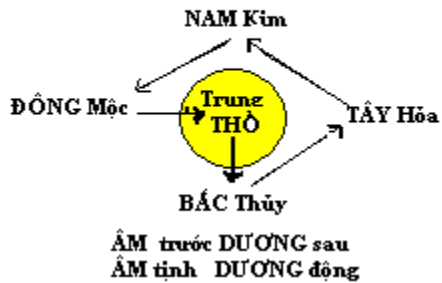
6 vạch ở gần chơn mặt- 8 vạch ở gần chơn trái.

5 vạch ở chính giữa lưng cộng là 9 ngôi tượng hình đủ cửu cung.

Năm vạch ở chính giữa cùng tượng hình ngôi Thái-cực; một vạch ở chính giữa lại cũng tượng hình nhút khí. Bảng đồ này hình vuông, mà **vuông tượng hình đất.** (cũng có ý nói về bản thể hữu hình của con người là một tiểu-thiên-địa)

Lại cái lý Lạc-Thơ ở nơi nghịch khắc. Nghịch khắc nghĩa là lấy âm khắc dương vận qua phía bên hữu. (xem Hậu-thiên ngũ hành đồ theo chiều mũi tên là nghịch khắc). (Con người chìm đắm trong Danh, Lợi,

HẬU-THIÊN NGŨ-HÀNH ĐỒ
(Tương khắc)



Tình mà không biết tĩnh ngộ thì tình, khí, thần bị hao mòn, điểm Linh-quang bị lu mờ. Đó là âm khắc dương. Nếu biết thức tĩnh lo tu-hành thì cuộc -sống mới được an vui, tinh thần mới được tự-tại, đó là giải-thoát vây.).

Thế nên:

Trung thổ khắc Bắc phương thủy.(Âm thổ khắc dương thủy).

Bắc phương thủy khắc Tây phương hỏa.(Âm thủy khắc dương hỏa)

Tây phương hỏa khắc Nam phương kim.(Âm hỏa 2 khắc dương kim 9)

Nam phương kim khắc Đông phương mộc.(kim âm 4 khắc mộc dương 3).

Đông phương mộc khắc trung -ương thổ.(Âm mộc 8 khắc thổ dương 5). (xem hình Hậu-thiên ngũ-hành đồ). **Bản đồ nghịch khắc dùng để Tu Tĩnh.**(Đòi là bẻ khổ, chúng sinh khổ là do cái vô minh, muốn giải thoát cái nghiệp vô - minh thì không có cách nào hơn là phải TU, muốn tu-hành được tinh-tấn thì phải học đạo, mà đạo ở đâu ? Đạo ở trong Tâm của mỗi người. Tâm là ngôi Trời vậy).

Tĩnh dùng chế Động, lấy khắc làm gốc, ấy là công phu thâm liễm thành tựu.Thâm liễm thành tựu là **công phu của kim hỏa.**(Số 9 là kim dương phải về ở ngôi của hỏa âm là số 2) là vì :

HỎA dùng mà luyện Rèn

KIM dùng mà Sát Phạt

Cho nên kim ở ngôi hỏa, hỏa ở ngôi kim.(Dương ở ngôi Âm để luyện rèn, vì trong âm mới sinh ra dương, khi âm cực thì dương mới sanh).Kim Hỏa đồng cung thì muôn vật chẳng có món nào không nhờ nơi đó mà đặng đức un. Thành tựu ấy là kim hỏa âm dương đều do thổ thủy mộc sanh khí thâm liễm.

Khắc là cốt để trọn sanh .

Nghịch là cốt để thành thuận(vì có nghịch rời làm cho con người tỉnh thức mà hồi đầu tức biết sống thuận theo lẽ Đạo) cho nên ở ngoài thì thổ khắc loạn khắc) mà ở trong có tống sanh (thuận sanh).Thổ là thổ loạn (lộn xộn). Âm dương thổ loạn ở ngoài nên tương khắc.Tống là tống chinh (xếp yên). Âm-Dương tống chinh ở trong (Trung) nên trường sanh. Trong cái **thổ có cái tống** .Mượn âm mà phục dương thời cái Đạo **đổi hậu-thiên lại tiên-thiên** không phải ở trong đó sao ? (Con người từ lúc sanh ra về sau dương cực âm sanh, ngũ-hành thổ loạn, âm dương chẳng giao hai bên phải hại nhau . Cái **CHÂN (Chân âm và chân dương)** bị chôn lấp , cái gia lại buông lung, cho nên thất-tình lục-dục trở ra đủ mặt, ngũ-uẩn bát thức hiện chẳng sót một chỗ nào.Trăm việc nó cắm vào lòng ,muôn điều nhọc nó lao hình thể, lấy khổ làm vui, lấy giả làm thiệt, **bản lai diện mục** lu mờ mất sáng), cũng như Lạc-Thơ tượng hình:

-**Âm thủy khắc Dương hỏa** (Quý thủy số 6 khắc Bình hỏa số 7)

-**Âm hỏa khắc Dương kim** (Đinh hỏa số 2 khắc dương kim số 9).

-**Âm kim khắc Dương mộc** (Tân kim số 4 khắc dương mộc số 3).

-**Âm mộc khắc dương thổ** (Âm mộc số 8 khắc dương thổ số 5).

-**Âm thổ khắc Dương thủy** (Âm thổ số 10 khắc dương thủy số 1).

Trong LẠC-THO có số 5 ở giữa mà không có số 10 là vì âm thổ làm loạn chạy ra ngoài mà khắc thủy.

Trời có đức háo sanh, mượn con “Thần-qui” mà tiết lộ đạo phần hườn cho người biết “Qui gia ịnh tổ” (Nghĩa là về nhà mình, nhận ông cha

là gốc sanh thân của mình, ý nói trở về căn-bản là ngôi trung-ương Mồ thổ biểu tượng là con Số 5 (Xem đề hình VI).

VI - ÂM DƯƠNG NGŨ-HÀNH TÓNG CHÍNH

| | | |
|---|---|--|
| 4 - TÂN KIM QUI PHÁCH NỘ - NỘ HÓA Qui Nghĩa | 9 - CẢNH KIM NGUƠN TINH NGHĨA KHÁC HỈ | 2 - ĐINH HÒA THỨC THẦN LẠC LẠC HÒA QUI NGHĨA |
| 3 - GIÁP MỘC NGUƠN TINH NHƠN KHÁC NỘ PHẦN TIN | PHẦN KHÔN MỒ - NGUƠN KHÍ TIN KHÁC AI PHẦN TRÍ | 7 - BÌNH HÒA NGUƠN THẦN LỄ KHÁC MỘC PHẦN NGHĨA |
| 8 - ÁT MỘC DU-HÒN HỈ - HỈ HÒA QUI NHƠN | 1 - NHÂM THỦY NGUƠN TINH TRÍ KHÁC LẠC PHẦN LỄ | 6 - QUI THỦY TRƯỚC TINH AI AI HÒA QUI TRÍ |

Qui gia: căn lớn tánh mạng của mình .Căn bản tại chỗ nào ? Ấy là tại một vạch tại trung-ương của số 5, chỗ gọi Huyền-Tản là nơi đó.(Cái ả này sống cũng tại đó ,chết cũng tại đó ,mà nghịch cũng tại đó. Ngũ-hành thổ loạn phân tán cũng tại đó.Mà ngũ-hành tóng chính qui tụ cũng tại đó. Bởi vì tại đó có một “cái gốc của Trời đất”(thiên-địa chi căn),có chữ TÍN của Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí nên thổ nhờ đó mà được tóng lại; tán nhờ đó mà được tụ lại.)

Hễ mất chữ Tín đó thì ngũ-nguon đều bị tổn thương. Ngũ-vật cả thấy dấy lên, tánh Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí biến ra tánh mừng , giận, buồn, vui. Giữ lại được chữ TÍN đó thì ngũ nguon trở sanh, ngũ-vật tiêu-diệt. Tánh mừng, giận, buồn, vui biến ra tánh Nhân-Nghĩa-Lễ-Trí.Trong lục thể có số 5 ở chính giữa là vì: Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí đều căn cứ ở chữ TÍN. Còn số 10 ở ngoài dùng chữ Tin mà vận nhân, nghĩa, lễ, trí.

- Tin tại nhân ất đặng NHÂN. (Con số 3)
- Tin tại nghĩa ất đặng NGHĨA. (Con số 9)
- Tin tại lễ ất đặng LỄ. (Con số 7)
- Tin tại trí ất đặng TRÍ. (con số 1)

Đặng một chữ TIN đó thì nhân, nghĩa, lễ, trí không thứ nào mà chẳng biến hóa theo Tâm. Đạo biến hóa là đạo đổi hậu -thiên lợi tiên-thiên, ấy là tại Lạc-Thơ,(trong thố loạn mà có tống chính, tượng hình tam-ngũ hiệp nhất. Xem hình Bát-quái Đồ-Thiên thì sẽ thấy rõ tôn-chỉ của Đạo Cao-Đài ở ngay con số Tam-Ngũ, thể hiện bằng hình Thiên-Nhân trước mặt tiền Tòa-Thánh phía trên bao lơn-đài có 35 tia). Ng -hành có Âm có Dương nên chỉ có nhị ngũ chứ không có tam ngũ. Nhưng vì sao gọi tam-ngũ ? Là bởi lấy số 5 của tam gia (mỗi nhà có một số 5 : Thiên số ngũ, địa số ngũ, Nhân số ngũ) mà luận:

Số 5 ở chính giữa có 5 vạch:

1. Vạch thứ nhất ở phía Bắc là Thủy
2. Vạch thứ hai ở phía Nam là Hỏa.
3. Vạch thứ ba ở phía Đông là Mộc.
4. Vạch thứ tư ở phía Tây là Kim.
5. Vạch thứ năm ở chính giữa là Thổ.

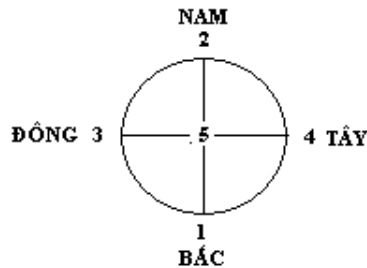
a/ **Mộc sanh hỏa hiệp thành nhứt gia :**

.-Số 2 với số 3 cộng thành nhứt ngũ (2+3=5).

b/ **Kim sanh thủy hiệp thành nhứt ngũ :**

.- số 1 với số 4 cộng thành nhứt ngũ(1+4=5).

c/ **Thổ ở tại Trung-wong (số 5) cũng là nhứt gia:**



- Một mình số 5 cũng đủ nhứt ngũ.

“**Tam-gia tương kiến**” đó là nói ba nhà, 3 ố ngũ hiệp nhứt.

“ **Tam-ngũ hiệp nhứt** cũng là nhứt Âm nhứt Dương, tinh-hoa của nhị-ngũ hiệp đúng phép mà thành một (Tôn-chỉ của Đạo Cao-Đài:Tam-giáo Qui-nguyên ngũ-chỉ Phục-nhứt). Xem bản đồ Lạc-thơ dưới đây:

-(Nhị-ngũ hiệp nhứt xét lại cũng là trong âm mà phản lại dương, nhứt ngũ qui tụ mà thành một. Nhứt ngũ qui tụ hồn hồn, luân luân, tuần hườn không cùng, không tiếng không hơi thì đâu có nhứt ngũ, đâu có nhị ngũ hay là tam ngũ nữa.)

Cái đạo đổi hậu-thiên lại tiên-thiên là trong âm ngũ-hành phản hườn dương ngũ-hành trở lại làm một khí. (Trong đạo phản hườn đây chẳng có chi mà trước hết không phản về chữ TIN.(Đức tin tuyệt-đối). Đức Lão-Tử nói: “hoảng vậy, hốt vậy”(Hoảng-hốt có nghĩa là trong chỗ chỉ Tin lại có vật động sanh , tức là dương mà sanh sản được nên làm cho hành-giả giệt mình). Trong đó có vật yển vật minh vậy, trong đó có Tinh), Tinh này rất thiệt (Tinh-thần do Tam-bửu đã qui-tụ khi mà tinh đã hóa Khí) trong đó có TIN

Chữ TIN này là Tinh của tiên-thiên lại phục. Hễ tin này thì mờ kỹ phát hiện, trong đó có chủ tử, muôn việc hóa không, tư-lự cũng dứt thì “**Tâm chẳng buồn**” mới sanh Trí. Trong chữ Tin mà sanh ra trí ấy là mờ thổ khắc quý thủy làm cho thủy phản lại dương. Thủy phản lại dương thì trí có gốc tại TIN.

Trí không vọng động, không còn tham cầu, tâm khí bình-hòa ắt vui mến việc phải thì có Lễ. (Trong chữ trí sanh ra lễ ấy là Nhâm thủy khắc Đinh hỏa thì hỏa phản lại dương. Hỏa phản lại dương thì Lễ có gốc tại Trí. Hòa

mà chẳng đồng, tránh những điều phi lễ. Khí nóng tiêu hết ắt chẳng giận mà sanh Nghĩa.)

Trong chữ Lễ sanh ra nghĩa ấy là Bính hỏa khắc Tân kim thì kim phản lại dương. Kim phản lại dương thì Nghĩa có gốc tại LỄ (kim dương số 9, hỏa dương số 7, bây giờ thì kim ở ngôi hỏa tức Cửu ly và hỏa ở ngôi kim hay thất Đoài). Nghĩa chẳng quá thiên-vị, biết từng quyền biến, noi theo qui củ ắt vui mển điều lành thì có Nhân. **Trong chữ Nghĩa sanh ra Nhân ấy là canh kim khắc ắt mộc, thì mộc phản lại dương thì Nhân có gốc tại Nghĩa.** Nhân chẳng quá nhu nhược, tốt lành không chút ác, một lòng chẳng đôi hai ắt không sinh DỤC thì có TIN. **Trong chữ Nhân sinh ra tin ấy là giáp mộc khắc kỷ thổ thì thổ phản lại dương.** (Thổ phản lại dương thì Tin có gốc tại Nhân. Tin mà ững chánh trở về ngôi mình, không động không lay thì chơn Thổ hiện hình, ắt gia thổ tự Tin.)

Mô kỹ hiệp nhau, mừng giận buồn vui đều qui về vô dục. Nhân-Nghĩa -Lễ -Trí đều qui về một chữ TIN thì “Ngũ Khí triều nguyên”, Hậu thiên ngũ vật điều vận”Linh ngũ nguơn” thì tứ-tượng hòa-hiệp. Ngũ-hành thành ra một khí thì tam ngũ hiệp nhứt, kết thành “**Thánh-thai**” thì chỉ có một: Thiên-lý.)

Nhơn dục chẳng sanh “huồn-nguyên phản-bổn”, Qui căn phục mạng giống y “Bổn-lai diện mục”hồi mới sanh vậy.

Như trong Lục -Thơ, Dương ngũ -hành ở tại ngôi chánh, Âm ngũ hành ở tại ngôi phụ. Ấy là tượng hình trong thổ loạn có tổng chính không đồng nhau. Trong thổ loạn có tổng chính trong âm trở lại sanh dương thì “**Kim-đơn**”(金丹) hiện hình.

Tại Nho gọi là “**Minh-thiện phục sơ**”.

Tại Thích gọi là “**Ma-ha bát-Nhã ba-la-mật**” (Ma-ha nghĩa là bốn; Bát-Nhã nghĩa là Trí-Huệ; Ba-la-mật nghĩa là đấng bi-nạn: “lên bờ bên kia” là bờ của Phật (giác-ngộ), bờ giải-thoát, trái với chỗ của người thế-gian ở (cõi phiền-não) gọi là thứ nạn là bờ bên này.

Dùng **Đi trí -huệ** mà đấng **b-nạn** cũng là nghĩa “**Minh thiện phục sơ hèn nguyên phần bản**”(Trở lại tánh lành ban sơ). Tam-Giáo Thánh-Nhơn cũng đều dạy một cái diệu lý “**ngịch-vận**” đó mà thôi. Đạo Kim-Đon hữu-vi toàn bằng nghịch-vận, cho nên nói “**Thất phần cửu hườn**”. Kim dịch đại hườn đon.)

V - ÂM DƯƠNG NGŨ-HÀNH THỜ LOAN

| | | |
|----------------------------------|-----------------------------------|----------------------------------|
| 4 - TÂN Kim Quý Phách NÔ | 9 Canh Kim Nguơn-Tinh NGHĨA | 2 - ĐINH Hỏa THỨC-THẦN LẠC |
| 3 Giáp mộc Nguơn-tánh NHƠN | 5 MÔ-KỶ THỜ 10 | 7 - BÌNH HÒA NGUƠN THẦN LỄ |
| 8 - ẤT Mộc. DU-HỒN HỈ | 1 Nhâm thủy Nguơn Tinh TRÍ | 6 - QUÍ Thủy TRƯỚC-TINH ÁI |

Thất là số dương hỏa, (hỏa ở tại ngôi kim). Hỏa gặp kim thì nhập khó phản chơn. Cửu là số Dương kim, (kim ở tại ngôi hỏa) kim gặp hỏa thì sanh **minh** hườn nguyên. Hỏa phản chơn thì khí hậu-thiên tiêu lết. Kim hườn nguyên thì khí tiên-thiên lộn về sanh sanh chẳng dứt. Nhân, Nghĩa, Lễ, Trí gốc tại chữ TIN thì kim, mộc, thủy, hỏa qui trung thổ. Ngũ-hành qui-tụ thì Lạc Thơ trở lại thành Hà-Đồ. Phép - hữu-vi hết thì tới phép vô-vi còn phải gia công TU ới nữa.) **Tâm cái diệu lý trong Hà-Đồ rồi thì nhớ công phu tự-nhiên tiên-thiên vô-vi mà THẦN có thể biến-hóa vô cùng.**

(Người luyện-đạo nơi chỗ thổ tiến biến hóa trong Lạc-Thơ mà xoi phá được lỗ khiêu tại chỗ trung tâm một vạch động, nên căn cứ nghịch lại mà tu thì có lo chi là ngũ-hành không qui tụ, Âm dương không hòa -hiệp, kim đon không đoàn kết, Tánh Mạng không tu xong).

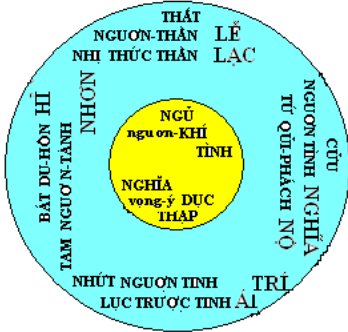
III.- ĐỒ-THƠ HIỆP-NHỨT

(Hà-Đồ và ạc L -Thơ ệphi làm một)

Hà-Đồ hình tròn, âm dương hiệp thành một, năm hành chung một khí là Đạo tự-nhiên vô-vi. ạc -Thơ hình

III.-SƠ-SANH

ÂM-DƯƠNG NGŨ-HÀNH HỖN-HIỆP



vuông, âm dương có thể tổng (ngoài lạn mà trong xếp yên). Năm hành kác chế nhau là đạo biến-hóa hữu-vi nghịch vận. Hình tròn tượng hình Trời là một khí lưu hành hoàn toàn là thiên-lý. Không tu không chứng ; Đặt mình yên trong Thái-cực cốt để tu Tánh .Hình vuông tượng hình đất là hai nghi

(âm và dương) biến hóa, Trời người hiệp phải có thêm có bất động túc ở trong âm dương cốt để tu mạng.

Vô-vi nghĩa là thuận dương chưa bị phá (chưa hao), người bực thượng đức tu theo đó.

Hữu-vi nghĩa là đã giao với Hậu-thiên, người bực trung hạ tu theo đây.

Luận riêng về người thượng đức thì năm hành hiệp thành một Tiên-thiên Tổ-khí chưa bị phá, Tánh mạng chung một nhà, khỏi phải nhọc công phản hườn (quày trở lại, trở về), chỉ dùng chân hỏa thiên-nhiên mà ôn dưỡng nó khi nó chưa bị hậu-thiên khuấy hại. Thần đầy Khí đủ, hễ có thành (chơn thiệt) thì dạng Minh (sáng suốt), từ trong phát ra ngoài , lộ xuất pháp thân đời đời bất hoại, muôn kiếp hằng còn (đệ nhị xác thân hay Pháp-thân cũng chính là nó (Spirituel).

Đạo gia gọi thân ngoại hữu thân (ngoài cái thân này có cái thân khác).Thích gia gọi là “Khiên xuất luân -

hồi”(ra khỏi vòng luân hồi).Nho gia gọi “Thánh nhi bất khả tri chi, chi vị thần”(Phần thiêng-liêng sáng-suốt mà không thể biết nó được, đó gọi là **Thần**).

Còn những kẻ bực tưng hạ hoặc bị khí chất câu thúc, hoặc bị tập quán buộc ràng, tiên-thiên đã bị phá thì hậu-thiên hành sự, Tánh mạng chia ra làm hai chỗ. Nếu không có Đạo hữu-vi thì cái chi đã mất rồi khó mà gặp lại được, đã đi rồi khó mà quay về được. Tuy có người chí-sĩ nhân nhơn cũng không làm sao thành công được.

Cho nên tại **sông Hà** hiện ra bản đồ, nơi **sông Lạc** hiện ra bức thơ (gọi chung là **Đồ-Thơ**, tức là Hà-đồ và Lạc-thơ)

Hãy xem thi-văn dạy Đạo: (TNHT).

“Dò đon cho rõ nẻo Thiên-Thai,
Cái tiếng tài khen chẳng phải tài,
Mình Thánh, mình Hiền, mình biết lấy,
Tặng phong quá tiếng chớ nhờ ai.

“Người đâu biết đặng tác lòng mình
Họa hỏi đến Trời mới biết linh,
Thiệt-thiệt hư-hư vì mắt thịt,
Thôi thì đợi chết biết tiên-trình.”

“Tiên-trình Thầy dạy trước con tường,
Đợi hạ sang năm mới tuyển lương,
Năm bảy năm sau nên nghiệp lớn,
Đến chừng ấy khá Đạo lo lường,”

Lo-lường cho rõ thấu thiên-cơ,
Biết đặng thì tua tính kịp giờ.
Khuyến-thiện đã nhiều công cực-nhoc,
Toan lo cho vẹn đạo Đồ-Thơ.

. Thánh-Nhân chép truyền lại cho đời. Tìm xét ý nghĩa của nó được rồi thì ai ai cũng hiểu lý tánh mạng.

Lời truyền của quẻ Khôn nói rằng: “Kính dĩ trực nội”, nghĩa là lấy kính phương ngoại (Dùng Kính Lễ để tụng đọc hằng ngày). để sửa bên trong cho ngay thẳng.

Lấy nghĩa để cầu bên ngoài đặng vuông vức. Kính là cần cố đặt để, **trực là tột trung , tột chính, chẳng chệch chẳng lệch.**(Lễ bái thường hành Tâm-Đạo khởi là vậy).

Lấy kính trực nội là “xuất tánh chi vị Đạo”(nghĩa là noi theo tánh mà ở thì gọi là Đạo), tức là đạo tự nhiên vô-vi của Hà-Đồ. Nghĩa có nghĩa là biến hóa, chế giảm phương là chẳng động chẳng lay nói gìn qui củ.

Lấy nghĩa phương ngoại là “Tu đạo chi vị giáo”(Nghĩa là chỉ cách sửa sang cái Đạo thì gọi là giáo) tức là đạo biến hóa hữu vi của LẠC-THO.

Vô-Vi để tu bên trong (tu Bí-pháp), **Hữu-vi** để tu bên ngoài (theo thể-pháp).Tu bên trong là tu Tánh, Tu bên ngoài là tu Mạng,

Người bực thượng đức tu tánh và mạng cũng đặng lập ngay tự cơ thành (chơn thiết) rồi đặng MINH (sáng suốt).Người bực hạ đức, trước tu mạng rồi sau tu tánh tự đặng Minh mới có thành. **Tự có thành mà đặng Minh gọi đó là Tánh (nói ra để dẫn người thượng đức, tức người có căn lành) tự đặng minh mà có thành gọi đó là giáo,(nói ra để độ người hạ đức còn tính phàm-phu).**

Nay vẽ **bản đồ trong tròn ngoài vuông** để chỉ rõ người thượng đức tu bên trong để chế bên ngoài, Trước tròn sau vuông. Còn người hạ đức tu bên ngoài cho yên bên trong, **trước vuông sau tròn.** Tuy nói như vậy, chỗ người hạ bực phải lấy cái tròn bên trong làm gốc. Bất quá

là về cái vuông bên ngoài phân dụng công có nặng hơn mà thôi.

Hai chữ vuông tròn rất có hiệu dụng, Tròn chẳng phải vắng lặng vô-vi, trong đó có công phu phòng hung lự hiểm (ngừa chừng các sự nguy hiểm). Vuông chẳng phải là tuyệt hết việc đời, trong đó có **công-phu nương thể-pháp mà tu đạo-pháp**. (Biết được năm hành hiệp làm một khí, một điểm trung-huỳnh trong Hà-Đồ thì tròn mới dựng tròn chẳng đến đối làm lạc về lối học tịch-diệt trước **không**. (Vắng lặng thiên về không tướng, tức chưa đắc được cái Diệu-hữu thì làm sao có được cái Không này ? vì đó chỉ là lối tu theo mê-tín, tức tu vô-minh đó vậy). như vậy là tu không thành tựu tức không tinh-tấn .

Rõ được năm hành dương thổ mà có tống (trong khắc mà có sanh, ngang dọc thuận nghịch, rút cuộc **chỉ qui về trung huỳnh thì vuông mới dựng vuông**, chẳng đến đối làm lạc về lối học miễn cưỡng chấp tướng (cưỡng cầu thiên về hình tướng), dầu tròn dầu vuông đều ở trong một điểm trung huỳnh. Vuông cũng do đó mà vuông, Tròn cũng nhờ đó mà tròn. Không dựng chỗ **Trung-Huỳnh** thì vuông cũng không phải vuông, tròn cũng không phải tròn.

Thi:

Nguyệt đảo thiên tâm xứ
Phong lai thủy diện thì
Nhứt ban thanh ý vị
Liễu đặc thiếu nhơn tri.

Nghĩa là:

Trăng tới chỗ thiên tâm
Gió lai rai mặt nước
Một mùi hứng thú riêng

Thi văn dạy Đạo (TNHT):

Đồ-Thơ oản-ọai gánh nghiêng vai,
Mặc khách làng văn nhọc chớ nài ,
Nghiệp nước nổi nhà còn bận-bịu,
Thanh-nhàn chưa phải buổi xem mai.

Xem mai trông gặp trở hai lần,
Như Đức Không xưa muốn thấy Lân,
Hồn gió giật mưa hoài trí tỉnh,
Thâu niên chẳng đoái chút tinh-thần.

Tinh-thần đầy xác mới tinh-anh,
Đừng vương nẻo công với mối danh,
Thường hứng gió đông tua biết gió,
Đừng trương cánh nhận bị tan tành.

Tan tành khó nổi kết làm nguyên,
Như chõ non cao muốn quá thuyền,
Mình biết phận mình an thú-vị,
Chẳng phen bằng Phật cũng là Tiên.

IV.-TIÊN-THIÊN HOÀNH-ĐỒ.

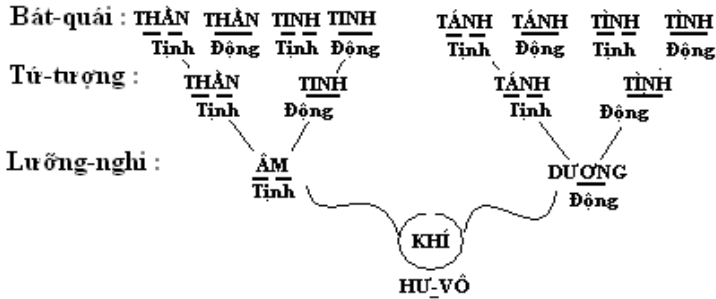
Tiên-thiên hoành-đồ là quá trình biến hóa từ chỗ không (vô-Vi chi khí) mà sinh ra cái có (chơn không mà **đĩ - hữu) tức Ngôi Thái-cực sanh ra lưỡng-nghi(một âm, một dương đối chọi nhau).**

Chúng ta đọc lại bài Kinh cúng Phật -Mẫu để có nhận-xét đúng **đến** về cơ sanh -hóa vạn-linh thì sẽ hiểu được quyền-năng sản-xuất hữu-hình của Phật-mẫu:

“Kể từ hôn-độn sơ khai
Chí-Tôn hạ chỉ trước đài Linh-tiêu.
Lưỡng-nghi phân khí Hư-vô,
Diêu-Trì Kim-Mẫu nung lò hóa sanh,

Âm-dương biến tạo Chơn-thần,
Lo cho nhơn-vật về phần hữu-vi... ”
Tiên-Thiên hoành đồ là thứ-tự của vua Phục-Hi vẽ
ra bát quái. Đương lúc chưa có quẻ mà sắp ra quẻ thì số 5

9 - VÔ-TRUNG SANH HỮU ĐỒ
(TRONG CÁI KHÔNG SINH RA CÁI CÓ)



ở chính giữa bản đồ tức là ngôi THÁI-CỰC.

Trước vẽ một vạch liền — (gọi là cơ) để tượng
hình Dương nghi, kế vẽ một vạch đứt — — (ngẫu) để
tượng hình Âm nghi.

Thái-cực sanh lưỡng nghi tức là cái vạch liền và cái vạch
đứt ở trong bản đồ.

Lại trên lưỡng nghi mỗi bên có một vạch liền và
một vạch đứt chồng lên hai nghi đó tạo thành **Tứ-tượng**:

**Thái-Dương số 1, Thiếu-Âm số 2, Thiếu-Dương số 3,
Thái-Âm số 4.**

Lưỡng nghi sanh tứ-tượng là: KIM, MỘC, THỦY,
HỎA.

Tứ-Tượng sanh **Bát-Quái** là: **Kiên số 1, Đoài số 2,
Ly số 3, Chấn số 4, Tốn số 5, Khảm số 6, Cấn số 7, Khôn
số 8.** Vẽ Tứ-Tượng mà không nói tới Thổ là bởi **Thái-Cực**
tức là **Thổ** đó.

Âm dương đối ứng nhau, giao-hợp nhau mà thành
quẻ cũng là **thổ** (— — — — — : vì nó sanh sanh lẫnngọt nên

gọi là **thổ**). Vì nó có một khí vận chung nên gọi là **Thái-Cực**. **Thái-Cực và Thổ là một mà thôi**.

Cho nên không nói **Thổ** mà chỉ vẽ **tứ - tượng**. Trong **Tứ-Tượng** đã có **Âm-Dương** giao nhau: trong âm có dương (thiếu-âm), trong Dương có âm (thiếu -dương). Bởi thế mới có **tứ-dương** và **tứ -âm** kết hợp với nhau mà tạo thành **Bát-Quái (hột nguyên-tử tánh)**. **Bát-quái** cũng có âm dương và quái này lại đặt chồng lên với 8 quái kia mà biến thành 64 quẻ kép ($8 \times 8 = 64$) biến-hóa vô cùng mà tạo nên vạn-vật.

Một quẻ đơn có ba vạch, một quẻ đôi có 6 vạch, dầu trên hay dưới là lấy ý tam tài: **Thiên-Địa-Nhân** cho có cặp, mỗi tài đều có **Âm Dương** của nó.

Bát-Quái chính là **Âm Dương** của **Tứ -Tượng** (mỗi thứ trong **tứ-tượng** đều có âm dương). **64 quẻ tức là khí do âm dương của tứ-tượng phối hiệp mà sanh ra**.

Bát Quái áp rồi chồng lên với nhau tức là âm dương tương giao thì sự sanh sanh chẳng ngớt, há chỉ có 64 quẻ mà thôi đâu! Thế nên mới nói rằng “**Bát-quái biến-hóa vô cùng mới thành ra càn-khôn thế giới**”(**Biến hóa vô cùng – Lũ truyền bửu kinh dĩ giác thế linh oai mạc trắc (Kinh Thiên-Đạo – bài Đại-la)**

Vẽ quẻ mà dùng ở 64 quẻ là vì **đạo của Trời đất chẳng qua là âm dương của Tứ-tượng biến-hóa ra đó mà thôi**. **Tứ- Tượng** hiệp lại do âm và dương thì gọi là **Bát quái**. Một quẻ đi khắp các ngôi chọi với 8 quẻ. 8 quẻ đi khắp các ngôi chọi với 64 quẻ, ngàn quẻ, muôn quẻ đều chẳng ra ngoài 64 quẻ đó được.

Vậy lấy cái gì mà **hành khí**, có phải là 64 quẻ đó chăng? Và 64 quẻ là do 8 quẻ đặt chồng lên nhau thành ($8 \times 8 = 64$) quẻ. Tám quẻ là do **tứ-tượng** sanh ra ($4 \times 2 = 8$). **Tứ-Tượng** là do lưỡng nghi sanh ra ($2 \times 2 = 4$). **Lưỡng-Nghi**

chỉ là một khí **THÁI-CỰC** (O) lưu-hành. Thế thì **Thái-Cực** là căn bản của muôn sự biến-hóa, là **Tổ-Khí** sanh ra muôn vật. Vì:

Có **Thái-Cực** (ngôi trời, thái dương) này mới có âm dương.

Có âm dương (ngôi Hai) mới có tứ-tượng.

Có tứ-tượng (Trời Đất hợp nhau) mới có bát-quái (8 quẻ).

Có tám quái mới có 64 quẻ.

Nếu không có Thái-Cực thì âm dương ở đâu mà có, tứ-tượng ở đâu nảy sanh, tám quẻ ở đâu sắp thành, 64 quẻ ở đâu mà vận hành.

Vua Phục-Hi vẽ họa-đồ quẻ sanh quẻ có phải là chỗ huyền-diệu của số sanh trong Hà-Đồ không? Sách "Tham-Đông-Khế" có câu:

Nhứt tự Hư-Vô triệu chất
Lưỡng-Nghi nhân nhứt khai căn
Tứ-Tượng bất ly nhị thể
Bát-Quái hộ vi tử-tôn.

Nghĩa là:

Nhứt Khí Hư-Vô lộ chất
Lưỡng-nghi do một chia đôi
Tứ-Tượng không lìa hai thể
Bát-Quái lẫn làm cháu con

Muôn hình tượng sanh ra từ trong chỗ biến-động. Có biến-động rồi mới có Kiết, Hung, Hối, Lẫn (hối-hận). Thiên-hạ vận-dụng hằng ngày theo đó, thế mà không rõ Thánh-nhơn đã tìm ra được cái bản-nguyên (cái gốc ban đầu) Tiên-Thiên sanh ra các ụ nên cái nghĩa mâu-nhiệm nhờ đó mà phát lộ trọn hết cái "bản lai chơn-tâm" của người rỗng tuếch, không mang theo một mảy lông, một sợi tơ nào. Tột Trống (không), VÔ (無, không) tức là

Thái-cực, ấy chỗ gọi “Vô danh thiên địa chi thủy”. Nghĩa là cái không tên kia là **đầu** mối của Trời Đất, nhưng cái “**Hư-Vô Thái-Cực**” này **chẳng** phải là một vật bất động mà là một vật sống, linh -động, trong đó có **ẩn** một điểm (o). Sanh cơ **để** này gọi là **khí Tiên-Thiên chơn nhất**, là cội Tánh-mạng của con người, là nguồn của Tạo-Hóa, là gốc của sanh tử.

trong Thánh-Ngôn Hiệp-Tuyển có bài thi:

Khuya sớm tương đưa hết dục lòng,
Lòng dầu toan kế, kế sao xong.
Xong bề nhơn-đạo tua gìn trước,
Trước cửa không rồi mới Đạo thông.

Kinh Kim-Cang Đại định hay Bát-Nhã Ba-La Mật Đa Tâm Kinh có câu:

Quán tự tại Bồ-Tát hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời **chiếu kiến ngũ-uẩn giai không độ nhất-thiết khổ ách**.

Trong hư-vô có ngậm chứa (tiềm tàng chưa phát lộ) một khí **chẳng** có **chẳng** không (lúc chưa có sự tư-tưởng hay ý-tưởng), **chẳng** phải HỮU (sắc) **chẳng** phải VÔ (không), rất là hoạt bát, lại cũng gọi là **chơn không**. Ấy là chỗ gọi “Hữu danh vạn vật chi mẫu” nghĩa là cái có tên kia là mẹ sanh của muôn loài (Đó là lời nói phát sanh từ cái miệng).

Một khí Hư-vô đã có một điểm sanh cơ ở trong đó (tượng là vòng tròn có một điểm tâm ⊕) là Thái-Cực ngậm chứa một khí, tức là câu: “Nhứt tự hư-vô triệu chất”

一字虛無兆質. Một khí đã lộ chất thì không thể **chẳng** động **chẳng** tịnh. **Động làm Dương, Tịnh làm Âm**. Cái động cái tịnh này sanh ở trong một khí chánh là: “Lưỡng nghi nhân nhất khai căn”. Đã có động có tịnh; động hết sức rồi tịnh, tịnh hết sức rồi động thì Tánh, Tình, Tinh,

Thần có ngụ ở trong đó là “Luỡng nghi sanh tứ-tượng” 兩儀生四象.

CHÁNH là “tứ-tượng bất ly nhị thể” 四象不離二體

Đã có tứ-tượng là Tánh, Tình, Tinh, Thần thì mỗi tượng đều có động tịnh, đó là tứ-tượng sanh Bát-Quái. Bát-Quái sanh khắc lẫn nhau mà “hộ vi tử-tôn” (cái này sanh cái kia, cái kia sanh cái khác nữa làm con cháu lẫn cho nhau).

Sáu mươi bốn quẻ bởi đó mà nảy sanh muôn hình vạn trạng, biến động cũng từ đó mà hóa ra, bởi vì:

Muôn hình gốc ở tám quẻ (gọi là bát-hồn).

Tám gốc ở Bốn (tượng)

Bốn tượng gốc ở hai (nghi)

Hai gốc ở một (khí)

Một gốc ở HƯ (vô)

Hư-vô là mối đầu của (Khí chi thể). Một là mẹ sanh của khí (khí chi mẫu). **Hư-Vô là THỂ, một Khí là DỤNG.** Thể Dụng như một, hai chia bốn hoặc tám hoặc muôn, đều vận-dụng ở trong một khí hư-vô thì có gì Kết, hung, Hối, Lẫn được? Bằng một khí hư-vô thì động tịnh chẳng hợp thì bốn khí chẳng còn điều-hòa, tám quẻ thổ loạn, muôn hình biến-động thì chừng đó mới có phân ra kiết, hung, hối, lẫn. Cái chỗ bí-mật này ai không biết nó mà thuận theo khí âm-dương (tức là sống theo lối nhị-nguyên, tâm bất chánh, tâm thiên-lệch còn gọi là tâm tà là tâm mất quân-bình) thì có sống có chết, muôn kiếp trầm-luân. Cho nên nói thiên hạ vận dụng hằng ngày theo đó mà chẳng rõ: Ai biết nó mà nghịch với khí của dương thì: RA chết, trở VÀO sống, lên ngay cõi Thánh. Cho nên nói Thánh-nhân tìm ra được

cái bốn-nguyên (dụng nó hằng ngày mà chẳng rõ là nói chẳng hiểu thấu, rõ biết **một khí hư-vô**. Tìm ra được cái bốn nguyên là nói **gìn-giữ được một khí Hư-vô là chân tâm mình đó vậy**.

Trời đất sử khiến được vật có hình chớ không thể sử khiến vật không hình, sử khiến được kẻ có tình chớ không sử khiến kẻ vô tình. Sử khiến được kẻ hữu-tâm chớ không thể sử-khiến kẻ vô tâm.

Tìm ra được cái bốn -nguyên, đặt cái tâm mình ở hư-vô, dưỡng tâm ở một khí, tuy rằng có: **Lưỡng-nghi**, **Tứ-Tượng**, 8 quẻ, 64 quẻ nhưng cả thấy đều vận dụng tại chỗ căn bốn là **HU-VÔ**, chẳng hề sanh ra bao giờ, muôn hình đều không, duy có một cái không đó (o).

Thử hỏi cái đó là sự vật trong một khí hư-vô thì làm sao kết hung gia cho mình, hối lẫn gần bên mình được?

Cách sanh **quẻ** và sắp quẻ của **Phục -Hi** rất hay thay. Hay là ở chỗ tám quẻ sắp thành:

Kiên dương kiện lúc đầu tiên. Khôn âm thuận lúc cùng cuối. Khi âm dương mới sanh thì cả hai đều ở trung-ương.

Kiên đầu tiên là **Kiên dị-tri** (dễ biết).

Khôn cùng cuối là **Khôn giản-năng** (gọn làm).

Đứng về một Trời Đất thì gọi là **dị tri giản năng**. Theo đạo người mà gọi (thì gọi là) **Lương-tri lương-năng hoàn-toàn là thiên-lý**. Cho nên **một động một tịnh** đều lấy một điểm hư bạch (một vòng trắng 0) ở chính giữa mà lập căn cơ. Ở chỗ không quẻ mà sanh quẻ, nếu con người tìm ra được bốn-nguyên thì bỗng nhiên sẽ thấy cái bốn lai diện mục (chơn-tướng) mới là biết một khí hư-vô ngậm chứa sự vật.

Tột không mà ngậm chứa tột có.

Tột trống mà ngậm chứa tột đặc.

**Không hình mà hay biến hóa,
cho nên biến-hóa vô cùng.**

Trong tâm tự nhiên có một ông vua Phục -Hi
.Trong thân ta tự nhiên có Đạo sanh sanh chẳng ngừng .

Kinh Thiên-Đạo có câu:

Bất ngôn nhi mặc tuyên đại-hóa
Thị không thị sắc
Vô-vi nhi dịch sử quần-linh.

V- TIÊN-THIÊN PHƯƠNG-VIÊN ĐỒ (Bảng đồ vương tròn thuộc Tiên-Thiên).

Vương và tròn là để nói về sự động và tĩnh: tròn chủ về động hay biến-động, bị động là thuộc về dương. Vương chủ về phần tĩnh, là thuộc về âm.

Ngôi các quẻ trong bản đồ Bát-quái tròn của Phục -Hi là ngôi ủa Trời (☰: Càn) đất (☷: Khôn) sắp thành theo thứ-tự trên dưới. Mặt Nhật (☲: Ly), Mặt Nguyệt (☾: Khảm) vận hành tại khoảng chính giữa Trời đất.

Chấn ☳ (lôi) tức là sấm động ở dưới đất.

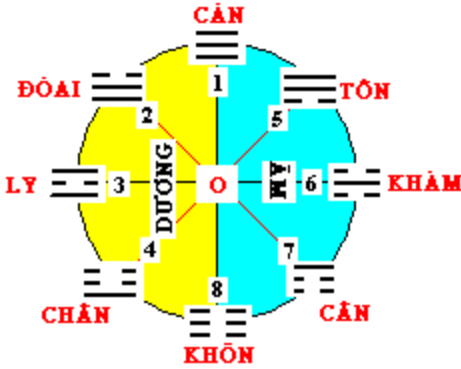
Tôn ☱(phong) là gió thổi ở trên Trời.

Đòai ☱(Trạch) là cái miệng, ao) ngẩng lên

Cấn ☶(son) là núi bám vào đất.

Trời Đất phản phúc (điên đảo) mới có âm có dương. **Son trạch** thông khí mới có sanh có thành. **Phong lôi** đặng (xâm lấn lẫn nhau) mới có lên có xuống. Đó là biểu-tượng của bát-quái.

Trời đất bao trùm khắp nhật, nguyệt, tinh... tạo-hóa.



TIÊN-THIÊN BÁT-QUÁI

A - Mặt Nhật bắt từ bên trái mà **âm** thì khí dương lên, cho nên quẻ Chấn ☳ có một dương, quẻ Đoài ☱ có hai dương, quẻ Kiền ☷ có ba dương đều ở bên trái.

B - Mặt Nguyệt bắt từ bên phải (mặt) mà **thối** thì khí âm sanh,

cho nên quẻ Tốn ☱ có một âm, quẻ Cấn ☶ có hai âm, quẻ khôn ☵ có ba âm đều ở bên mặt. (Xem hình đồ Tiên-thiên bát-quái).

Đây là khí vận của bát -quái. Khí hành thì 64 quẻ hóa-sanh.

64 quẻ tức là 8 quẻ thúc đẩy nhau biến-hóa mới có sanh sanh, hóa hóa...

Khí vận thì chạy bên trong, biểu-tượng thì chạy bên ngoài.

Như thứ -tự của khí hành theo bát-quái cũng là nghịch đạo. Có nghịch thì mới có sanh, không nghịch thì chẳng sanh., được vậy thì thuận sanh tức là ở trong nghịch thối mà ra.

Bản-đồ tròn là lý ý : Tròn là để tượng hình trời, mà trời vận-hành một khí lên xuống, giáp vòng rồi trở lại mỗi đầu. Tuần-huòn không biết đầu là manh mối, đó là biểu-tượng của Thái-cực lúc chưa sanh ra (vị sanh xuất).

Cái Đạo chưa sanh không làm sao mà thấy nó được. Thấy là thấy cái quẻ sanh ra kia. Đã sanh ra rồi mà

ngịch vận trở lại thì cái chưa sanh tức còn ẩn ở trong đó. Cho nên theo ngôi vị của quẻ thì quẻ Chấn ☳ có một dương ở bên trái, phía dưới hết; quẻ Ly ☲ có hai dương một âm, ở bên trái phía chính giữa. Quẻ Đoài ☱ có hai dương ở bên trái gần trên; quẻ Kiên ☶ có 3 dương ở bên trái phía trên hết. Kể theo thứ-tự thì:

1: Kiên ☶ nhứt, 2: Đoài ☱ nhị, 3: Ly ☲ tam; 4: Chấn ☳ tứ.

Theo ngôi vị của quẻ thì bắt đầu từ dưới đi lên, còn theo thứ-tự quẻ thì bắt đầu từ trên đi xuống.

1 – PHỤC-HY BÁT-QUÁI PHƯƠNG-VỊ SƠ-ĐỒ (Tiên-Thiên Bát-Quái)

Đủ thấy ở trong nghịch có thuận, ở trong thuận có nghịch. Còn cái đi nghịch lại với kiên ☶ nhứt, Đoài ☱ nhị, Ly ☲ tam, Chấn ☳ tứ đó là : 5: Tốn ☴ ngũ, 6: Khảm ☵ lục, 7: Cấn ☶ thất, 8: bát khôn. ☶

Trong bát-quái Phục-Hi tuy có thuận có nghịch nhưng lúc nào cũng hợp nhau từng cặp âm dương: Kiên-Khôn, Khảm -Ly, Đoài-Cấn, Chấn-Tốn. Trong đồ Tiên-Thiên đã đặt để rõ -ràng từng cặp đối nhau nhưng hòa nhau:

-Kiên ☶ hiệp Khôn ☷ : (1+8=9) ngược lại Khôn hiệp Kiên.

-Đoài ☱ hiệp Cấn ☶ : (2+7=9) và ngược lại

-Ly ☲ hiệp Khảm ☵ : (3+6=9) và ngược lại

-Chấn ☳ hiệp Tốn ☰ : (4+5=9) và ngược lại

Một khí đi thuận lên là khí dương của quẻ Chấn, Ly, Đoài, Kiền.

Một khí đi nghịch xuống là khí âm của quẻ Tốn, Khảm, Cấn, Khôn. Dương thối tức là âm sanh. Dương tiến tức là âm thối.

Tóm lại âm dương chỉ có một khí biến-hóa chứ không phải ngoài một khí ra lại có âm dương riêng biệt. Nhưng cái máy sanh hóa (sanh cơ) ủa một khí đặc diệu là tại chữ nghịch đó. Duy có nghịch khí mới lại, nếu đi nghịch lại thì khí dương thâm-liễm qui-căn rồi cũng sanh lại như trước. Vậy cho nên hệ-từ tuyệt nơi này .

“Số vãng giả thuận, truy lai giả nghịch”. Nghĩa là đếm xét cái qua rồi là thuận, biết việc sẽ tới là nghịch. Vì có mà dịch tức là nghịch-số là thấy Tiên-Thiên thái-dịch hoàn-toàn ở chỗ nghịch.

Ngôi-vị của “thuận sanh thứ-tự quẻ” nghịch sanh cái ý tứ này thâm-thúy biết mấy. Chẳng những trong tám quẻ như thế mà trong bản đồ phương viên có 9 quẻ cũng y như thế.

Bản-đồ tròn thuộc về phép 8 quẻ phối-hợp nhau; phối-hợp nhau là một quẻ đầu mà vận-hành khí của 8 quẻ kia. Tám quẻ đẩy nhau mà vận hành khí của tất cả 64 quẻ, chứ không phải ngoài 8 quẻ ra riêng biệt có 64 quẻ khác nữa. 64 quẻ chẳng qua là 8 quẻ vận-dụng với nhau mà thành. Tám quẻ chỉ là một âm một dương vận dụng. Một âm một dương chỉ là một khí thuận nghịch vận dụng mà thôi.

Bản-đồ tròn, bản-đồ vuông cũng là khí-vận của tám quẻ. Dụng theo bản-đồ vuông thì:

Quẻ Kiền ☰ ở Tây-Bắc, Quẻ Tốn ☴ ở Đông-Nam là bởi Kiền nhứt, Đoài nhị, Ly tam, Chấn tứ, Tốn ngũ, Khảm lục, Cấn thất, Khôn bát là hành (nghĩa là đi) theo lối chẵn chẵn). Hai bảng đồ thiết là chẳng đồng nhau.

TRÒN tượng hình Trời.

VUÔNG tượng hình Đất.

Cái TRÊN là DƯƠNG làm Trời.

Cái DƯỚI là ÂM làm Đất

Tây Bắc cao còn đông-nam thấp; cao tức là dương, thấp tức là âm. Bản-đồ vuông cũng lấy Kiền nhứt, Đoài nhị làm thứ tự, tức là nghịch đạo của Kinh-Dịch. Thiên biến vạn hóa đều là một chữ nghịch, không có hai lý, hay thay! Cho Thệu-Tử đem bản-đồ vuông đặt trong bản-đồ tròn, thiết là hiểu hết cái tâm-truyền của Phục-Hi đó.

Nguyên-nhân là bản-đồ tròn của Phục-Hi ngưỡng lên xem thấy Trời mà vẽ. Còn bản-đồ vuông thì cúi xuống đất mà vẽ. Đất vốn vô-vi nhờ thọ khí của trời mà ra hữu-vi.

Khí của trời là ngũ-vận (Là vận-hành) tức là Thập thiên-can: (Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý).

Khí của đất là lục -khí (Phong, Hạ, Thử, Thấp, Táo, Hàn) tức là Thập nhị địa chi: (Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi).

Vận của Trời nhập vào khí của đất thì: Giáp, Ất, Bính, Đinh, Mậu, Kỷ, Canh, Tân, Nhâm, Quý vận-hành ở ngôi Tý, Sửu, Dần, Mão, Thìn, Tỵ, Ngọ, Mùi, Thân, Dậu, Tuất, Hợi. Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ là khí ngũ-hành hóa làm phong (gió), hàn (lạnh), thử (nóng), thấp (ẩm ướt), táo (khô ráo), hỏa (lửa).

2- PHỤC-HY TIÊN-THIÊN LỤC THẬP TỬ QUÁI PHƯƠNG ĐỒ

(64 quẻ trên đồ hình vuông của Phục-hi)

Bản-đồ tròn là vận ở ngoài, bản-đồ vuông thì vận ở trong là chỉ Trời ĐỘNG Đất TĨNH. Một khi đi đi lại lại, lấy Kiên-Khôn làm bao la (bao-quát). Lấy lục thiếu (6 quẻ nhỏ) Chấn-Tốn, Khảm-Ly, Cấn-Đoài làm biến-hóa.

Dương nghịch thì Âm sanh.

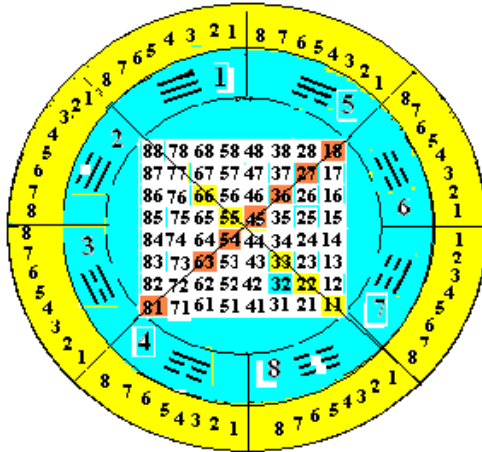
Dương thuận thì Âm thối.

Tử thời hành thì trảm vật sanh.

Cái đạo Tiên-Thiên tạo-hóa tới đây là rõ ràng rồi. Nhưng cái đạo trong vuông ngoài tròn, trời động, Đất tĩnh lại còn ở chỗ bí-mật khó nói. Phục-Hi không thể chỉ rõ cho người biết, chỉ lấy 64 quẻ sắp làm hai bảng đồ vuông tròn mà thôi. Thệu-Tử cũng không thể viết ra cho người thấy, chỉ lấy hai bản-đồ vuông tròn hiệp làm một bản-đồ trong vuông ngoài tròn mà thôi. Phục-Hi chẳng phải là không muốn dạy, nhưng dạy chẳng qua là vẽ các quẻ làm bản đồ, còn phần nào không thể vẽ quẻ làm bản-đồ thì không dạy được.

Thiệu-Tử chẳng phải là không muốn viết ra, chẳng qua là làm bản-đồ trong vuông ngoài tròn, còn phần sở dĩ nhiên (lý-do làm sao mà ra vậy) không ở trong vuông, không dính với tròn vuông thì không viết ra được. Nhưng có quẻ có bản-đồ, những chỗ không dạy không viết ra được, ta có thể suy tìm ở trong quẻ trong bản đồ.

3-THIỆU NGHIỆU-PHU PHƯƠNG VIÊN NỘI NGOẠI HIỆP NHỨT ĐỒ.



THIỆU NGHIỆU PHU
PHƯƠNG VIÊN NỘI NGOẠI HIỆP NHỨT ĐỒ

Trong bản đồ vuông, 8 quẻ giao thế chỗ chính, ngay giữa chữ thập 16 quẻ tức là Thái-Cực. Làm cửa cho âm dương ra vào. Âm dương sanh ra ở đó, Dương cũng sanh ra ở đó. Tứ tượng hòa-hiệp ở đó. Ngũ-Hành qui tụ ở đó. Cho nên quẻ chẵn quẻ tón có một âm một dương ở tại giữa như nghĩa số 5 chính ngay giữa Hà-Đồ Lạc-Thơ. Duy nhờ có Thái-Cực này mà âm dương có sanh có thành, có chia có hiệp, có động có tịnh.

Dương từ Tây-Bắc mà nghịch thối về trung-ương là sanh khí ở chính giữa. Âm từ trung ương mà thuận vãng về Đông Nam là âm khí ở phía ngoài.

Âm là khách Dương là chủ. Lấy dương thống (trị) âm. Lấy âm thuận dương. Âm tùng dương tiến hay thối, mà theo tiến thối. Đó là nghĩa chữ vuông.

Trong bảng đồ tròn, dương bên tử đi lên, âm bên hữu đi xuống. Âm lại giao cùng dương thì một âm sanh trên trời. Dương lại giao cùng âm, thì một dương sanh dưới đất. Dương sanh hay là âm sanh đều là ở tại chính giữa của bảng đồ.

4- TIÊN-THIÊN ÂM-DƯƠNG HỒN-THÀNH ĐỒ

Cái tròn tượng hình một khí của trời lên xuống: Lên là dương ,xuống là âm tượng hình một khí vận âm dương. Ở tại đây chỗ âm dương giao cùng nhau tức là một khí Thái-Cực.

Thái-Cực tức là một khí. Một khí tức là Thái-Cực.
Luận về Thể thì gọi là Thái-Cực .Luận về Dụng thì gọi là một khí.

Lúc nào phải dương thì dương, .Lúc nào phải âm thì âm. Lúc nào phải lên thì lên lúc nào phải xuống thì xuống. Dương mà âm, âm mà dương .Một khí hoạt bát không định có không, tự nhiên đóng mở đều là vận dụng ở một điểm tại chính giữa. Đó tức là một điểm do thọ hóa-lư âm dương khối. Phục-Hi không thể dạy rõ được tức là cái đó. Thiệu-Tử không thể viết rõ được tức là cái đó.

Học -gia biết được căn do của nó ở trong bản-đồ vuông tại chỗ chánh ngay chữ thập. Hiểu thiết xứ của nó ở trong bảng đồ tròn tại chỗ Kiên-Khôn giao ải, tiếp và thay thế nhau thì tại chỗ chánh ngay chữ thập, lập định căn-cước tại chỗ điểm chánh giữa đó mà tu trì tánh mạng. Vuông để trị trong, tròn để ứng ngoài (Trời người hiệp một).Táng Thái-cực một khí làm thể ,lấy tứ-tượng bát quái làm dụng. Trong tròn có vuông ,ngoài vuông có tròn.

5- NGHỊCH -VẬN TIÊN-THIÊN KIẾT-ĐƠN ĐỒ

• Vuông tròn đùng câu nệ thì trong thân mình ta tự có 64 quẻ của Phục-Hi..

Trong hai bản đồ vuông và tròn chẳng cần phải nệ văn chấp tượng có thể đặng ý rồi quên lời hoạt hoạt, bát bát. Nhưng chỗ quan trọng nên chú ý trong hai bản đồ vuông và tròn là loại nghịch vận cho được.

Hễ nghịch thời sanh mà thuận thì chết. Trong cái thuận mà sanh thì sanh này có hạn . Còn trong cái nghịch mà sanh thì sanh này không cùng.

Nghịch là nghịch làm sao ? Tức là nghịch hồi (trở lại) cái TÁNH bốn chơn trước khi cha mẹ sanh ta đó thôi.

Con người chịu khí âm dương ngũ hành của Trời-Đất mà sanh ra, khí dương của Trời tốt cương kiện kết tinh làm MẠNG. , Khí âm của đất tốt nhu thuận trọng đại làm TÁNH .

Lúc mới sanh ra thì kiện và thuận hiệp nhau, Tánh Mạng chung một nhà. Tánh chẳng lìa mạng, Mạng chẳng lìa tánh. Tánh tức là mạng, Mạng tức là tánh . Đó là chỗ gọi “Thiên mạng chi vị tánh”, nghĩa là (cái điểm Linh-Quang của trời phú cho ta thì gọi là TÁNH.).

Đương lúc này thì hoàn toàn là thiên-ly (không có gì khác nữa) lưu hành chẳng ngớt ,Tiên -Thiên làm chủ mỗi việc, Hậu-Thiên chưa có phát lộ, muôn vật đều không bụi trần, không thể nhiễm . Một động một tịnh đều là vận dụng nơi trong Thái-cực . Cho nên tánh mình động mà chẳng đến đổi sanh ra tảo bạo. Động mà khiêm hòa . Khiêm mà chẳng hóa nhu nhược ,khiêm mà làm việc quả quyết, khiêm và động hiệp làm một thì cũng như lôi phong tương đảng (gió sấm xâm lấn nhau).

Lại mình mà chẳng tới mức tự dụng (1), mình mà tự như hãm dưới thấp, hãm mà chẳng tới mức mục tánh, hãm

mà hại mình. Minh mà hãm hiệp làm một thì cũng như thủy-hỏa chẳng tương hiệp (nước lửa xô sát nhau).

Hòa mà chẳng xuống mức nguy vọng, hòa mà có chỉ số (có chỗ ngừng có ranh hạng). Chỉ mà chẳng lạc vào nẻo không tịch (vắng lặng). Chỉ mà hay hòa. Hòa mà chỉ hiệp làm một thì cũng như sơn trạch thông khí (núi ao thông hơi nhau).

6- LUYỆN THẦN HUỒN HƯ' ĐỒ

Trong dương có ẩn âm, trong âm có ẩn dương. Dương thì kiện, Âm thì thuận . Âm dương hỗn thành một cảnh rỗng tuếch, trong đó có treo một hạt thử mẽ bửu-châu tròn dĩnh, sáng rỡ, trong sạch , đồ chói, chẳng biết chẳng hay y phép Thượng-Đế. Đó là chỗ gọi “suất tánh chi vị đạo”(帥性之謂道).Nghĩa là noi theo bản tánh (mà cư xử) thì gọi là Đạo . Đạo là cái gì ? Tức là Thái-Ất hàm (bao gồm)chơn khí chẳng dùng tư vị, thung dung mà trung đạo ,chơn không mà diệu hữu, ý nói chí thiện vô ác. Chí thiện vô ác là lãnh lên cực điểm không sấm lậu, chẳng trong ngoài, không như ngã ,chẳng tu chứng, không phối đối chỉ có một Linh-Chơn Tánh **chí** sáng chẳng tối, chẳng phải sắc chẳng phải không .tức sắc tức không (mà nhập với không mà sắc).chẳng phải có chẳng phải không có, tức có tức không có, sắc không như một, chẳng định không hay có.(Tâm đã trở về vô-vi tuyệt đối , **đây mới gọi là chí-thiện (lãnh đúng mực)**. Ròng là Thiên-cơ, tuyệt không nhưn, cơ sanh khí hãn còn tuy là có cái tánh Nhân, nghĩa , lễ, trí, tín.

Bất nhân mà chí nhân
Bất nghĩa mà chí nghĩa
Bất lễ mà chí lễ
Bất trí mà chí Trí

Tức là nhân ,tức là nghĩa, tức là lễ, tức là trí. Một tánh thiện mà có thể gồm đủ 4 đức. Một khí mà có thể gồm đủ muôn pháp thì làm sao có ~~đất~~ cặn bã như ngũ vật, ngũ tặc .Đó là chỗ gọi chưa sanh ra vậy. Chưa sanh ra nghĩa là thiên chơn ở bên trong chưa phân tán ra ngoài, tức là “Bổn lai diện mục”tức là hột giống sanh Thánh-Hiền, tức là phôi thai của Tiên Phật (tức là Thiên-Thai). Người hành Đạo đắc được quả vị này mới được về châu đức Phật-mẫu để được dự lễ Hội-Yến Diêu-Trì.

Cái diện mục hột giống phôi thai này người nào cũng có đủ, kẻ nào cũng hoàn thành. Dầu bực Thánh không thêm ,dầu người phàm chẳng bớt .Cho nên Thánh Phàm đồng chung một con đường.

Đến khi khí Tiên-Thiên đủ, khí lậu -Thiên ỉn sanh, khí âm chủ động mỗi việc.Tinh, Thần, Hồn, Phách, Ý đều khởi thì Thánh Phàm mới chia ra hai ngã.

Tới đây chỉ có bực Thánh-Nhơn tự trời sanh mới giữ được cái “bổn lai diện mục” đó mà thôi. Còn cả thầy thường nhơn chưa từng có ai bỏ chơn theo giả tự tổn thương Tánh mạng .mình.

Từ xưa các vị thánh sư đại từ đại bi đem cái đạo bảo nhứt vô-vi mà lưu truyền cho đời sau , đó là muốn cho người người thành đạo, ai ai cũng rõ LÝ- CHƠN.

Nhứt là khí Tiên-Thiên chơn nhứt tức là khí do âm dương hỗn hiệp, chẳng phải chia hai ,tức là cái khí của Tánh-Mạng đoàn kết không tan vậy .Cái khí này ở trong mình người, từ đại chẳng dính dấp, ngũ hành chẳng ngũ tới, không hình không tượng, tốt trong tốt linh, có cái dáng hoạt bác (linh động lanh lệ) hiệu là Cốc-Thần. Cái thần này chủ tế muôn hình trạng, cầm quyền khí âm dương đây là chỗ gọi “CỐC THẦN”bất tử thị vị Huyền-Tấn.(Người

đắc được Cốc-thần là người đã làm chủ được mình , người tự-chủ được mình mới là người tự-do thật sự vậy)

“HUYỀN-TÂN chi môn thị vị Thiên-Địa căn dã”.

Nghĩa là cốc thần chẳng chết gọi là Huyền-Tân. Cửa huyền-Tân này gọi là gốc sanh ra trời đất.

Bảo 保 nghĩa là ôm ấp, nắm giữ. Bảo nhưt (càn ☰ vi thiên) nghĩa là nắm giữ một khí này hằng còn mãi mà chẳng lạc mất. Đây là chỗ gọi: “Thủ Huỳnh-Đình dưỡng cốc-thần dã”. Nghĩa là giữ cung Huỳnh-Đình là nuôi nấng Cốc-Thần vậy.

Nhưng bảo nhưt chẳng phải nói là không không, vô-vi ấy là nghịch thối. Tiên-Thiên chơn dương tự nhiên. Chơn dương khởi bị hậu-thiên âm giữ làm lụy. Nếu nghịch thối chơn dương tự nhiên có chân âm ôn dưỡng. (Ở Bát - Quái Đồ-thiên thì vị trí của quẻ Càn nằm ở vị trí của quẻ Khôn trong Hậu -thiên Bát-quái, tức là Chân âm chân dương lẫn hiệp với nhau kiện thuận chung huyền -tân giao). Động chẳng lìa tịnh, tịnh chẳng lìa động tự nhiên có tiên-thiên chơn hỏa ở trong LƯU phát ra đở rắn luôn luôn, thì tiên-thiên lần kết ,Hậu-Thiên lần thu, Cốc-Thần bền vững tức là thành bực Vô-Lậu Chơn-Nhơn. Đây là chỗ gọi:

**Yếu đắc Cốc-Thần trường bất tử,
Tu bằng Huyền-Tân lập can ky
Chơn tinh ký phản huỳnh kim ốc,
Nhứt phá Linh-Quang vĩnh bất ly.**

Nghĩa là:

**Muốn đặng cốc-thần thường bất-tử,
phải dùng huyền-tân lập căn-cơ
Nhà vàng đã thấy Chơn-tinh lại.
Một điểm Linh-Quang mấy thuở rời.**

CHON-LINH hay LINH-QUANG đều là tên khác của Cốc-Thần. Linh-Quang chẳng rời tức là cốc thần chẳng chết. Cốc-Thần chẳng chết thì đặng trường sanh (Đây cũng là con đường Thiêng-liêng hằng sống).

Cái cốc thần này ở trong bản đồ tròn tức là chỗ giữa kiền khôn trống không. Ở trong bản đồ vuông tức là chỗ chữ thập giao tiếp. Ở trong mình người tức là chỗ tứ tượng động tịnh.

*Có hay (khấn trống không lặng lẽ) thì thần còn ở .Không có hay thì thần đi mất. Sống tại đó, chết tại đó. Âm sanh tại đó, âm trưởng tại đó. Người xưa gọi nó là SANH MÔN -TỬ-HỘ lại cũng gọi là “**Tạo HỎA-LƯ Âm-Dương đó.***

Nho gọi nó là Đạo-Nghĩa chi môn.

Thích gọi nó là Bất Nhị Pháp môn

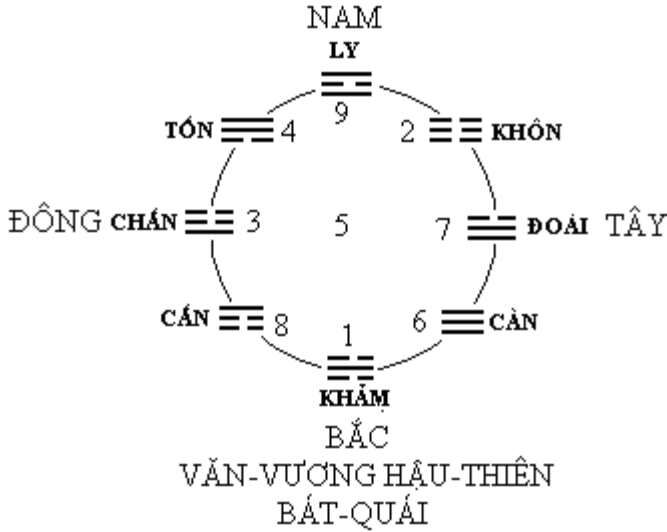
Đạo gọi nó là Chúng Diệu chi môn.

Nói gọi chung (nói chung cái đó gọi là giả cả). Nếu có người thượng-trí đặng mình sư chỉ bày mối manh của cái đó, nghịch lại mà tu, THÁNH-THAI hiện thành ; chẳng để cho dương cực âm sanh thì sẽ bước ngay lên bờ bên kia, rồi gia công tu tới: Luyện Thần huàn hư trở ngược về diện mục (tình trạng lúc cha mẹ trước khi chưa sanh) đánh phá hư không nảy ra ngoài vòng âm dương tức là câu “Thánh nhi bất khả tri chi chi vị Thần”. Cái chi thông-linh sáng-suốt mà không thể biết nó được thì gọi đó là THẦN”. Y theo xuôi thì chết, vận nghịch thì sống. Lý này thường có đem dạy người mà không ai tính ra mối manh .Nếu chẳng gặp Chơn-Sư để dầu chi biết một chữ NGHỊCH đó.

VI - VẤN-VƯƠNG HẬU-THIÊN BÁT-QUÁI

(Bát-Quái Hậu-Thiên của vua Văn-Vương)

Nhơn-luân chi đạo: (đạo vợ chồng).



Bát-Quái Hậu-Thiên của vua Văn-Vương cũng là quẻ của vua Phục-Hi đã vẽ ra, chớ chẳng phải là một Bát -quái khác.

Khác là trong các quẻ đã thành lập mà lại nhận thấy một thứ đạo-lý riêng biệt cho nên đổi nghĩa quẻ và khí của quẻ mà phát-minh điều vua Phục-Hi chưa phát-minh chớ không phải cượng cầu bịa đặt.

Như Càn ☰ là lão dương, tổ-tông của các khí dương, làm cha. Khôn ☷ là lão âm, chủ tổ của các khí âm, làm mẹ.

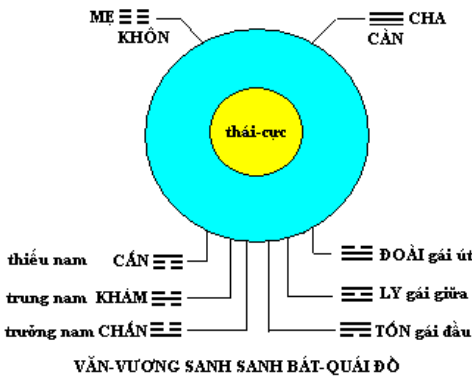
Cha Mẹ phối nhau, âm dương hiệp nhau, tất nhiên sanh ra con trai con gái. Cho nên khi Kiền đi lại với Khôn, gặp được cái vạch dưới cùng (sơ hào) của khôn thì sanh ra Tốn ☰ làm trưởng nữ (con gái lớn).

- Khi Khôn đi lại với Kiền, gặp được cái vạch dưới của (Càn) Kiền thì sanh ra Chấn ☳ làm trưởng nam (con trai lớn))

- Khi **Kiền** đi lại với **Khôn** lần nữa, gặp được cái vạch giữa (trung hào) của **Khôn** thì sanh ra **Ly** ☲ làm trung nữ (con gái giữa).

Khi **Khôn** đi lại với **Kiền** nữa, gặp được cái vạch giữa của **Kiền** thì sanh ra **khâm** ☱ làm trung nam (con trai giữa).

Khi **Kiền** đi lại với **Khôn** lần thứ ba, gặp được cái vạch trên (thượng hào) của **Khôn** thì sanh ra **Đoài** ☱ làm thiếu nữ (con gái út).



1- VẤN-VƯƠNG SANH-SANH BÁT-QUÁI ĐỒ

Khi **Khôn** đi lại với **Kiền** lần thứ ba, gặp được cái vạch trên của **Kiền** thì sanh ra **Cản** ☶ làm thiếu nam (con trai út).

Quẻ **Kiền** gặp được ba hào âm của **Khôn**, thì dương biến làm âm bèn sanh ba gái.

Quẻ **Khôn** gặp được ba hào dương của **Kiền**, Âm biến làm dương bèn sanh ba trai.

Trai gái đã sanh thì trai theo cha, gái theo mẹ. **Kiền** coi hết ba trai ở hướng Tây-Bắc.

Khôn coi hết ba gái ở hướng Tây-Nam, **Kiền** là Lão phụ (cha già), ba hào khí dương ột về tay của ba con trai nên **kiện đức thâm liễm** phải ẩn núp cảnh Tây-Bắc là hướng rất lạnh.

Khôn là lão mẫu (mẹ già), ba hào khí chân âm đã lọt về tay của ba gái nên **thuận tánh thất thường** phải dời qua cánh Tây-Nam là nơi sát cơ (chỗ sát khí).

LY ☴ được cái vạch âm ở giữa của Khôn, âm nhất trong dương, âm mượn sức dương mà phát ra sáng, cho nên ở chánh Nam là hướng hỏa vượng.

KHẨM ☵ Được cái vạch dương ở giữa của Kiền, dương ra trong âm, dương lọt vào âm mà làm ra thủy-triều (nước lớn nước ròng) cho nên ở chánh Bắc là hướng thủy vượng.

2- VẤN-VƯƠNG HẠU-THIÊN BÁT-QUÁI PHƯƠNG VI.

CHẤN ☳ được cái vạch dương ở dưới của Kiền, hào dương đầu, chủ về sanh trưởng cho nên ở chánh Đông là hướng cây cỏ vượng.

ĐOÀI ☱ đặng cái vạch âm ở trên của Khôn, hào âm cuối cùng chủ về tiêu-hóa, cho nên ở chánh Tây là hướng Kim (là hướng thuộc các loài kim) vượng.

CÁN ☶ được cái vạch dương ở trên của Kiền, hào dương cuối cùng chủ về tịnh-dưỡng nên ở Đông-Bắc là hướng khí dương yếu.

TỐN ☷ được cái vạch âm ở dưới của Khôn, âm hào là hào âm đầu chủ về tiệm tiến, cho nên ở Đông-Nam là hướng khí dương thanh. .

Kiền, Khảm, Cấn, Chấn thuộc về dương tạo sanh muôn vật.

Tốn, Ly, Khôn, Đoài thuộc về âm, dưỡng thành muôn vật. Cha mẹ, trai gái, tự nhiên phối-hợp với nhau để vận-hành

khí của các quẻ. 64 quẻ Hậu-Thiên cũng sanh ra tại đây. 64 quẻ sanh ra rồi thì có tạo có hóa, có sanh có thành.

Tạo rồi lại hóa, hóa rồi lại tạo; sanh rồi lại thành, thành rồi lại sanh. Khi lớn, khi mòn, khi đầy, khi vơi không có lúc nào ngừng nghỉ. Đây là nói lúc sanh ra rồi cho nên gọi là Hậu-Thiên.

3- HẬU-THIÊN THUẬN HÀNH TẠO HÓA ĐỒ

Hậu-Thiên là Đạo thuận sanh mà đạo nghịch vận. (Bát-quái Đồ-Thiên của Toà thánh tây-ninh) cũng ẩn trong đó.

Quẻ LY vốn thuộc dương mà trở lại là con gái là ý nói ngoài dương mà trong âm. Âmngôi giữa tức là **Chon Âm**.

Quẻ KHẨM Vốn là âm mà trở lại làm con trai là ý nói ngoài âm mà trong dương, Dươngở ngôi giữa tức là **chân dương**.

Dương ở ngoài là dương hậu-thiên, âm ở trong là âm tiên-thiên. Âmở ngoài là âm hậu -thiên, dươngở trong là dương tiên-thiên. **TIÊN-THIÊN là chủ. HẬU-THIÊN là khách**. Khảm ly qua lại, nước lửa trợ nhau, lạnh nóng có giờ cho nên đủ sức thay thế cho Kiền-Khôn mà vận hành tạo hóa.

QUẻ CHẤN âm nhiều dương ít, làm con trai là ý nói Chấn là khí dương vừa mới thay, mà khí dương thay thì đủ sức phù khí âm.

Quẻ ĐOÀI dương nhiều âm ít, làm con gái là ý nói Đoài là khí âm hiện phía ngoài, mà khí âm hiện thì đủ sức diệt khí dương. Chấn là sanh cơ (tức là Dương làm chủ), Đoài thì sát cơ.(Âm vi chủ).

Kim Mộc hiệp nhau (Chân Đồi hiệp nhau) có sanh sát thấy rõ ràng cho nên đử sức thay thế cho Kiên-Khôn mà đoạt thành Tạo-Hóa.

NGHĨA-LÝ CÁC QUẾ TRONG

HẬU-THIÊN THUẬN-HÀNH TẠO HÓA ĐỒ

CÁN Chơn kiện do giả kiện xuất.

KHẨM Nguơn-Tinh hãm, trược tinh sanh, Trí biến Ấ

CÁN Chơn dương chỉ, giả dương hiện.

CHÁN Nguơn tánh khai, khí tánh phát, Nhơn biến Hỉ

TỐN Chơn âm phục, giả âm tấn.

LY Nguơn-Thần hội, Thức-Thần minh, Lễ biến LẠC.

KHÔN chơn thuận thiên, giả thuận hội.

ĐOÀI nguơn tình tòng vọng tình diệt, Nghĩa biến NỘ.

Từ Khảm qua ly theo chiều thuận: Hữu sanh hữu tử, nhi bất dĩ giả, Tiên-Thiên thối vị, hậu-thiên chủ sự.

Từ Kiên đến Ly theo chiều nghịch: Kiện thuận thất thường, chơn vi giả mai dương vi âm yển, Thuận kỳ hậu-thiên âm dương ngũ-hành

4- HẬU-THIÊN NGHỊCH VẬN BIẾN HÓA ĐỒ.

Kiên với Tốn giao mà chẳng hiệp. Khôn với Cán giao mà không chánh. ~~Khôn~~: lão dương ; Khôn: lão âm chẳng thể sanh dục.

Cán vừa giao tiếp với khí dương kia (của kiện). Tốn chỉ thuận sanh khí âm nọ của Khôn . Cho nên theo ngôi hướng của 8 quẻ thì Kiên Khôn Cán Tốn ở 4 chéo góc , còn khảm ly chân đồi ở 4 hướng chánh.

Đạo vận nghịch thuận của Hậu-Thiên là “Tận tánh chí mạng” của Thánh-Hiền đều không ra ngoài chỗ đó.

Cái bốn lai (gốc gác) của con người do âm dương hỗn hiệp mà thành tánh mạng chung một nhà, kiện thuận

gồm đủ ,ròng là Tiên-Thiên khí nó giao với hậu -thiên thì trong cái chơn lại có cái giả, nên cái chơn kiện thì có hao thuận thì bị hại tánh mạng mới chia riêng hai chỗ.

Tới đây các đức kiện không hiện bày ,tuy linh minh mà có lỗi sai lầm, Nguơn thân mê muội thì thức thân chường mặt, cái đức thuận không phải thiệt tối tăm mà có chỗ nguy hiểm .Nguơn tinh ẩn tàng thì trược tinh phát sanh như trong bản đồ.

5- KIM MỘC GIAO-TIN ĐỒ.

KHẨM-LY ở ngôi trung chánh còn **KIÊN** dời về Tây-Bắc ,**KHÔN** đổi lại Tây-Nam ,nên tinh thần hậu-thiên hành sự.

Động mà táo bạo là khí tánh .Phát hòa mà phe đảng là vọng tinh sanh như trong bản đồ.

CHẤN ở chánh Đông.Ngôi meo dương biến làm âm.Còn **ĐOÀI** ở chánh Tây ngôi Dậu hòa biến làm sát (giết hại).Tinh-Thần Tinh-Tinh biến khí âm lẫn nhập mà tiến mãi .Khí dương lần suy rồi tuyệt vọng như trong bản đồ.

TÓN ở Đông-Nam là chỗ dương vượng.

CẤN ở Đông-Bắc là cảnh dương tối .

Ôi ! Hễ hậu-thiên phát rồi, âm lẫn lớn, dương lẫn tiêu đến chừng nào sanh hết khí dương mới thôi.

Tại vậy mà trong bản đồ có **Kiên gặp Tốn** mà thành quả **Cầu**, **Khôn gặp Cấn** thành quả **Bác**.**Khảm** ở trên hỏa ở dưới thành thủy hỏa **Ký-Tế** .**Chấn** ở Đông , **Đoài** ở Tây thành **Lôi-Trạch Qui-Muội**.

Cái đạo này là Đạo Trời Đất tự nhiên thuận hành . Khí dương lên tới độ thì phải sanh âm .Khí âm lên tới độ thì phải chết .Thế thì con người ta cũng không biết làm sao được. Chỉ có bực Thánh-nhân có cái đạo nghịch vận, hay

trộm được khí âm dương đoạt Tạo-Hóa, chuyển kiên-khôn, vận khí cơ trong chỗ hậu thiên mà phản lại tiên-thiên, trong chỗ chết mà làm ra sống.

6- KHẨM-LY ĐIÊN-ĐẢO ĐỒ (Đạo-tâm và Nhân-tâm)

Cái Đạo này ở đâu? Cũng không ra ngoài cái lý Bát-Quái Hậu-Thiên trong bản đồ: Khảm ly chấn đoài ở 4 hướng chánh .Kiên Khôn Cấn Tốn ở 4 hướng chéo góc. Cái máy Thiên-cơ ẩn trong đó .Nếu không có thầy truyền thì không sao mà biết được.

Một hào âm ở trong quẻ Ly là nhân tâm đó .Một hào dương ở trong quẻ Khảm là Đạo- tâm đó . Đạo-Tâm vốn là khí dương của nhà Kiên vì giao với hậu-thiên mà phải lọt vào cung khôn .Dương hãm trong âm, kiện mà hết kiện.

Nhơn Tâm vốn là khí âm của nhà Khôn ,vì mất Tiên-Thiên mà phải lọt vào cung Kiề n . Âm giành ngôi dương thuận mà không thuận.

Nếu ai hay giữ được trong lòng của mình (Hư-Tâm) thì nhơn-tâm hóa .Nhơn-tâm hóa thì âm thuận trở về cung Khôn như xưa.Lửa quay lại tánh chơn của nó. Nếu ai hay giữ được đầy bụng của mình (Phật-Pháp) thì Đạo-Tâm sanh. Đạo-Tâm sanh thì dương kiện trở về cung Kiên như xưa .Nước quay lại cội nguồn của nó. (tức là chiết Khảm điền Ly phản vị Càn).

7- KIÊN KHÔN ĐIÊN-ĐẢO ĐỒ

Đoài ☱ là kim khách khí ở nhà người.

Chấn ☳ là mộc khách khí ở nhà ta.

Chấn vốn là dương mà ở trong có âm . Đoài vốn là âm mà ở trong có dương. Chủ khí bị khách khí trộm thì **hướng Đông trống mà hướng Tây đầy**. Nếu ở trong sự sát mà cầu sanh, khí sát biến làm khí hòa. Kim tính luyến mộc từ nhân thì kim trở lại gốc của nó. Một tánh á-i-kim thuận nghĩa thì mộc trở lại cội của nó.

Lấy Khảm đáp ly thì đức kiện phục bốn mạng như xưa.

Mượn Ly rèn Khảm thì đức thuận rèn bốn tánh như trước.

Dùng Chấn mà cầu Đoài thì kiện động mà hay hòa thuận. Dụng đoài mà cầu Chấn thì hòa thuận mà hay kiện động. Kiện là thuận như một .Kiện và Khôn chung hiệp tứ -trượng cùng hòa.Ngũ-Hành qui tụ thì Tinh ,Thần ,Hồn ,Phách , Ý của Hậu-Thiên trở về gốc Chơn .Ngũ đức ,ngũ nguơn hoàn toàn thành tựu . Hườn nguyên phản bốn thì kim đơn lộ hình (xuất hiện).

Chánh là : Kiện Khôn giao cầu bãi.

Nhứt điểm lạc Hỳnh-Đình.

Nghĩa là : Kiện Khôn giao cầu rồi

Một giọt lọt Huỳnh-Đình.(Một giọt là Đơn-Nguơn - Huỳnh-Đình là trung -ương).

8- GIẢI THOÁT BỐN ĐIỆN (Bát-quái Đồ-thiên)

ĐƠN mà lọt vào trung ương thì âm dương thành nhứt khí trở lại cái bốn-lai diện -mục của mẹ sanh thì cơ sở mới được chắc chắn.

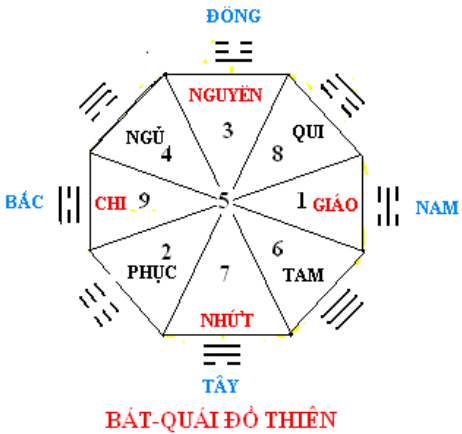
Đây là chỗ gọi :

Nhứt liệp Kim-Đơn thâm nhập phúc.

Thĩ tri ngã mạng bất do thiên .

Nghĩa là :

**Một hột Kim – đơn nuốt xuống bụng.
Mới tường bốn mạng chẳng do Trời.**



Ồi! kiện thuận một khi
mất đi rồi thì tánh
mạng chia lìa, ìng
hành lộn lạc, kiện
thuận vừa được lập lại
thì tánh mạng đoàn kết
, ngũ hành qui tụ.

Cái đó cũ nát
thì cũng có cái gì
không nát . Cái đó
phục lại (trở về gốc)
thì chẳng có gì không

phục lại.

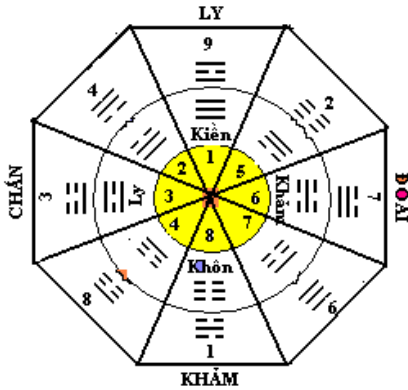
Cái đạo hữu vi biến hóa theo hậu-thiên Ớn lăm
thay! chỉ HUỒN NGUYỄN phản bốn, KIỂN KHỒN chung
hiệp đó là công phu phân nửa đầu làm trọn hết rồi, còn lại
phân nửa sau chưa xong.

Số là đạo tới kiện khôn chung hiệp là mới đổi
hậu-thiên lại thành tiên-thiên (xem kỹ lại Bát-quái Đồ-
Thiên). Đã đổi lại thành tiên-thiên thì từ đây phải còn một
lập đánh lư nữa . Đặt kim chùy ở chỗ khác . Dùng cái đạo
nghịch vận vô-vi điên đảo kiện khôn.

KIỂN nghịch thối mà Khôn thuận sanh, nên mượn sức âm
mà bảo toàn dương, vừa ôn vừa dưỡng .Hãy dùng chơn
hỏa thiên nhiên (số 7) nấu cho tiêu hết khí hậu-thiên âm
trước trong cả thân thể đúc thành một KIM CANG BẮT
HOẠI (số 9).

Vật này do chổ hư-vô mà Ợ ra ,nhập vào cảnh
không hơi không tếng, hườn lại cái diện mục chưa sanh

thân ta về trước. Đ ặng vậy mới thiết “Đại -giải-thoát”,
tiêu-diêu tự-tại trên tầng trời không cản không thúc.



TIÊN HẬU-THIÊN HIỆP NHỨT ĐỒ

VII - TIÊN HẬU THIÊN BÁT QUÁI HIỆP NHỨT . (Bát-Quái Tiên-Thiên và Hậu- Thiên hiệp một).

*Tiên-Thiên Bát-
Quái* là nhưt khí tuần
hườn hoàn toàn thiên-lý
phát ra do Thái-Cực
động nói về chân thể
chưa phá òi(đồng
chơn).

Hậu-Thiên Bát-Quái là âm dương chia ẽ, có dữ
có lành biến động trong cơ tạo-hoá. Đây nói về chân thể
đã hao (đã lậu tinh).

*Lúc chơn thể chưa phá là “vị sanh xuất”,thì phải
tu vô-vi. Chỗ huyền diệu của vô-vi là Trong cái nghịch mà
đi thuận, đem dương tiên-thiên ngược về âm tàng. Dẫn âm
hậu-thiên thuận cho điều-hòa, phục lại diện mục cha mẹ
chưa sanh về trước chẳng cho khí âm làm hại chơn thể.*

*Khi chơn thể bị hại là “ dĩ sanh xuất” thì phải tu
hữu-vi là trong cái thuận mà dùng nghịch. Thuận để thối
hết âm hậu-Thiên trở ngược về dương tiên-thiên, phục lại
cái diện mục ban sơ của cha mẹ chưa sanh, khiến khí
dương hườn lại thành chơn thể .*

*Nhưng trong Tiên-Thiên vị sanh xuất, không còn
phân biệt. Trong hậu-thiên dĩ sanh xuất tự nhiên có chỗ
phân biệt.*

Trong lúc còn ở trong bào thai, Tiên-thiên âm dương ngũ-hành chỉ là một khí bao gồm, không thấy hình thấy dấu chi được, đó là dĩ sanh xuất. Đến khi thân này đã sanh rồi mà chưa giao với hậu-thiên thì ta cũng biết chẳng hay, y phép thương-Đế tột lành không dữ.

Tuy là cái thân đó có tánh âm-dương ngũ-hành mà chưa có chút âm dương ngũ-hành, hoàn toàn là một khí. Đây cũng là vị sanh xuất ở cảnh Tiên-thiên. Trong chỗ nghịch mà đi thuận, tức là trở ngược lại ẩn tàng trong Tiên-Thiên âm-dương ngũ-hành mà phục lại cái khí bào thai, thuận cho tiêu hóa khí âm hậu-thiên để chỉ một khí..

Lúc mới sanh thân, khí hậu-thiên âm-dương ngũ-hành nhập trong thân thể hiệp với khí Tiên-Thiên âm dương. Trong khí Tiên-Thiên có lẫn lộn khí âm hậu-thiên. Tuy khí Hậu-Thiên chưa phát mà hình tích đã lộ rồi. Cũng như lành dữ, mềm cứng của con trẻ đều gốc ở tánh thành.

Như Hậu-Thiên bị Tiên-Thiên gồm trị ấy là tánh tương cận (nghĩa là tánh lành) còn gần với nhau đó là dĩ sanh xuất. Đến khi khí dương Hậu-Thiên mạnh lên tột bậc giao với Tiên-Thiên, trí hay hết mở mang, mở mang thì cái linh khiếu bé lại, cái máy đó phát chạy rất phóng túng ngông cuồng. Đây cũng là dĩ sanh xuất. Ở cảnh tiên-thiên trong chỗ thuận mà dùng nghịch, tức là thuận để thổi cho hết khí âm bị phá phục lại chỗ chưa phát hồi ban sơ vừa sanh. Đem ngược lại cái khí Tiên-Thiên trở về chỗ ban sơ vừa sanh đó.

Hễ dương kiện âm thuận thì thấy lại cái bổn lai diện mục, ấy là nguyên vật do hai khí tiên và hậu thiên hiệp thành. Rồi từ đây lập riêng cảnh kiền khôn tạo thành **lư** (lò chao) một lần nữa làm cái đạo tiên-thiên ở trong nghịch mà dùng thuận. Đó là phép “cửu hườn thất phản” đạo hườn đơn.(1).

Ghi-chú (1): Cửu là 9, số thành của Kim ,thất là 7 số thành của hỏa .Kim hỏa quay về trở lại ngôi xưa thì thành Đạo Kim-Đơn.

Bây giờ hãy đem cái **bản đồ tiên-thiên đặt trong bản đồ hậu thiên**, khiến người nào chơn thể chưa phá làm đạo tự nhiên vô-vi , đó là lấy làm đạo tàng hình.

Trong nghịch dùng thuận để tiêu hóa khí âm hậu-thiên.Còn cái chơn thể đã hao rồi thì làm đạo biến hóa hữu vi .Phải dùng phép Diên-mạng, trong thuận dùng nghịch để trở lại khí dương tiên-thiên (nghịch lại cử chỉ của thể tình là gần ngôi Tiên Phật).Tiên và hậu hiệp làm một dùng luôn cái có cái không, cửu huồn thất phản để trở về ngôi đại giác thì việc tu Kim-Đơn đã trọn vậy.

VIII – ĐỒ THƠ TIÊN HẬU HIỆP-NHỨT.

(Bát-quái ĐỒ-THIÊN của Tòa-thánh Tây-ninh).

(Hà-Đồ Lạc-Thơ Tiên-Thiên và Hậu-Thiên hiệp một.)

Hình của Hà-Đồ tròn, âm dương hiệp một là đạo tự-nhiên vô-vi. Hình của Lạc -Thơ vuông, âm dương chia ngôi là đạo biến hóa hữu-vi.

Hình của Tiên-Thiên tròn, âm dương chung một khí, dùng nghịch mà toàn thuận, cũng là đạo tự-nhiên.. Hình của Hậu-Thiên vuông, âm-dương đã chia đôi, trong thuận lại dùng nghịch cũng là đạo biến hóa hữu-vi.

Hà-Đồ Tiên-Thiên chủ về việc dùng phép diên mạng ,tiên-thiên và hậu thiên là phần hà -đồ lạc-thơ chủ thích. **Hà Đồ và Lạc-Thơ là số của tiên -thiên và hậu -thiên.** Tiên-thiên và hậu thiên là lý của hà -đồ lạc thơ. Số nhờ lý mới dựng rõ ràng. Lý nhờ số mới có căn bản.

Hà-Đồ Lạc-Thơ làm biểu lý (trong ngoài) lẫn cho nhau .Không có Lạc-Thơ thì hà-đồ không biến hóa. Không có Hậu-thiên thì Tiên-Thiên không trọn thành.

Hà-Đồ là bản thể của Lạc-Thơ. Lạc-Thơ là cung dụng của Hà-Đồ. Tiên-thiên là bản thể của hậu thiên. Hậu-thiên là công dụng của Tiên.-thiên.

Thể và dụng có đĩ lý và số gồm trọn thì cái đạo song tu tánh mạng chẳng còn chi là dấu diếm nữa. Bây giờ hĩy bắt chước theo cái bản đồ trong vương ngoài tròn của Thiệu-Tử mà đem đặt Hà-Đồ trong Lạc-Thơ. Tiên-Thiên trong Hậu-Thiên.

Hà-Đồ Lạc-Thơ là một bản -đồ. Tiên thiên .Hũ - Thiên là một bản đồ khác, thành ra hai bản -đồ trong vương ngoài tròn (ĩy cái nghĩa biến hóa trong vương ngoài tròn).

Lại đem 4 bản đồ hiệp làm một bản đồ để chỉ: “cái bản đồ này là bản đồ sống,cái lý là cái lý sống”. Chẳng đặng lấy bản đồ mà nói bản đồ, lấy quẻ mà nói quẻ.

Lấy đạo toàn hình là công phu trọn thành không thiếu hụt , đủ phòng nguy hiểm thành chí (Nội thành nội minh là tự nhiên thành minh, còn nói thành chí minh chỉ là phải gắng sức mới đạt tới thành minh.) là Tánh vậy. Dùng phép Diên mạng là đạo âm dương thổ tĩng phản bốn hườn nguyên minh chí (2) là GIÁC vậy.

Trong vương ngoài tròn là tự thành mà mình tu vô-vi mà hữu vi. Còn ngoài vương trong tròn là tự minh mà thành tu hữu vi để qua vô -vi thì liễu Tánh, tu hữu-vi thì liễu Mạng. Liễu tánh là để thành công phu tiên-thiên. Liễu mạng là đổi hậu thiên ra tiên-thiên .

Tiên-Thiên toàn hậu thiên hóa, có và không bất luận tánh mạng (tánh và mạng) đều xong thì hiện ra cái diện mục hồi cha mẹ chưa sanh , lộ rõ chơn tướng lúc vô thĩ, Ngũ-hành không đi tới đó được (không xen lẫn được).

Hà-Đồ và Lạc-Thơ bát-quái tiên-thiên và **đ**u thiên chỉ có một lý quán xiển tất cả hoàn-toàn là Thái-Cực. Tới đó muôn hình tượng đều ra không âm dương , cả hai hiệp hòa , không tiếng không hơi thiệt là tột bực .

IX-TRUNG ĐỒ.

(*Chân-tâm, chính tâm*)

Nho giáo nói chấp trung 執中

Đạo giáo nói thủ trung 守中

Thích giáo nói hư trung 虛中

Chữ TRUNG 中 là Tâm-Pháp của Thánh -Nhơn trong Tam giáo để tu -hành cả tánh mạng mới thành Đại-Đạo.

Ngũ-kinh muôn đẽ lập đi lập lại chỉ nói có một chữ này theo triện văn (một thứ chữ xưa hình vuông). Chữ Trung do một vòng tròn và một số xuống hiệp lại mà thành (中). Ở trong thân người nó là cái tánh luân-lý đạo-đức và vật tốt lành nghĩa là không dữ, cực sáng nghĩa là tan đi bóng tối. **Chỗ người ta gọi khí Tiên-Thiên chọn nhưt tức là nó vậy.** Ở giữa là vòng tròn có một số, nghĩa là hoàn-toàn thiên-lý. Một khí xuống lên lưu hành chẳng ngớt.

Một số ở giữa, trung tim của vòng tròn, bên trái là dương, bên phải là âm, tức là cái dấu riêng của một khí lên xuống trong Hà-Đồ. Bên trái là dương, bên mặt là âm.

Có thi rằng:

Hữu vật tiên thiên địa
Vô sanh bốn tịch liêu
Năng vi vạn tượng chủ
Bất trụ tứ thời diêu

Nghĩa là :

Có một vật kia trước đất trời
Không tin vốn thiết bất tằm hơi.
Cầm quyền chủ tể sanh muôn vật.
Tám tiết tro tro chẳng đổi đời .

“Tro tro chẳng đổi đời” tức là vòng tròn. Làm chủ tể muôn vật tức là một nét số xuống. Cái đó tốt không mà tốt có, tốt trống mà tốt đầy cho nên gọi là TRUNG. Chữ trung này không chênh không lệch, không trước không sau, không trái không mặt, không đầ u không đuôi. Chẳng phải có chẳng phải không có. Chẳng phải Sắc chẳng phải không. Trống mà tròn không đo lường được. Không vạn bóng mà hay làm chủ muôn vạn bóng. Không có hình mà hay tạo-hóa vật có hình. Sanh trời, sanh đất, sanh người và vạn-vật. Ở trong thân người không phải là tứ đại hiệp thành thân thể.

Nó cũng chẳng phải thứ trung lấy nghĩa trong (trung- ương). Đối với ngoài không chỗ, không hướng, không định ngôi. Ta nhìn thì không thấy nó. Ta lóng thì không nghe nó. Ta rờ thì không đụng nó.

Người xưa lấy lý mà suy rồi vẽ một cái hình tương tự. **Gắng gượng mà đặt tên cho nó là Thập-tự-Nhai, Tứ hội điền, Thông cù lộ, Mồ kỹ môn, Huyền Tản môn, Huyền-quang khiêu, Sanh sát xá, Hình đức môn, Sanh tử quan, Huyền thai dẫn, Tạo hỏa lu...**

Danh hiệu biết bao nhiêu mà kể, nhưng tóm lại có thể gọi chung một chữ là TRUNG.

Trung là gốc lớn của thiên -hạ từ xưa đến nay. Thánh Hiền Tiên Phật đều do một chữ trung ấy mà ra. Cái lớn của nó không có chi lọt ra ngoài, cái nhỏ của nó không có chi xen vào trong. Hễ phát nó ra thì nó tràn đầy sanh tướng, còn thu nó lại thì nó rút ẩn trong nơi kín. Ai

biết được nó thì lập tức về cõi Thánh. (Thánh-thai) Ai không biết nó thì muôn kiếp chịu trầm luân.

Ngôi trung này là cội của tánh mạng ở cảnh tiên-thiên. Tánh mạng chỉ có Một hiệp ngôi trung.

Ở cảnh hậu-thiên ngôi trung chia ra làm hai: Tánh và Mạng. Kỳ thiết trong hậu thiên phần lại tiên-thiên, tu Tánh trọn rồi mạng cũng ngưng. Tu tánh mạng trở về cội huồn lại ngôi Trung như xưa. Lão-Tử nói “Cốc thần bất tử thị vị Huyền-Tân”. Huyền-Tân chi môn thị vị thiên địa căn”. Nghĩa là cốc thần chẳng chết thì gọi là cửa huyền-tân. Cửa huyền-tân tức là gốc sanh trời đất

Tử-Dương nói “Yếu đắc Cốc-Thần trường bất tử, Tu bằng huyền tân lập căn cơ”. Nghĩa là muốn đặng Cốc-Thần thường chẳng chết, phải dùng huyền-tân (âm dương) để làm nền.

Cốc thần tức là ngôi Trung. Huyền tân tức là âm dương là tánh mạng, **Cốc thần chẳng chết là ngôi trung ngậm chứa tánh mạng.** Huyền-Tân làm nền là tánh mạng hiệp huồn thành ngôi Trung.

Giữ ngôi Trung này là Thánh-Nhơn; mất ngôi trung này là phàm nhơn. Thánh khác với phàm chỉ tại khoảng còn hay mất ngôi Trung đó mà thôi. Ắt thấy những kẻ phàm phu bị khí chất buộc ràng, bị tập nhiễm lem-luốt, nếu tánh mạng chia hai nơi mà ở riêng.

Ngôi trung có chỗ hao kém, càng ngày càng hao kém thì tánh rối loạn, mạng động lay. Thần hôn ám, Khí trọc nhờn làm cho ngôi trung tán mất. Ngôi trung đã mất, tánh mạng không gốc, hình tuy động chớ thần đã tan thì sao cho lên bờ được ?! (Người đắc được ngôi Trung là người đã sạch nợ tiền Khiển thì sẽ được tự-tại, hưởng phúc an-nhàn).

Thánh-Nhơn trong Tam giáo *ấy* ngôi Trung làm gốc là ý muốn cho người ta nắm giữ ngôi Trung *ấy* để bảo-tồn được tánh mạng mà thôi.

Một chữ Trung này sau như trước là việc quan-trọng nhứt cho kẻ tu-hành. Trú� cơ tại đó, thể được tại đó, phan luyện tại đó, ôn dưỡng tại đó, tiến dương tại đó, thối âm tại đó, kết đơn tại đó, thoát đơn tại đó. Trong phép “**thất phản cửu huần**” chẳng có một việc gì mà không ở tại đó.

Nhưng chữ Trung này người không dễ thấy cũng không dễ biết, chẳng khá dùng hữu tâm mà cầu, chẳng khá lấy vô tâm mà giữ. Hữu tâm mà cầu nó thì ngã về nẻo sắc tướng. Vô tâm mà gồm nó thì đọa vào chỗ lặng không. Cả hai đều chẳng phải là Trung đạo, mà là ngôi Trung chơn-chánh.

Nó chẳng phải có chẳng phải không mà tức có, tức không. (Chữ tức này nghĩa là không ra ngoài, như có một, ý nói chẳng phải có mà không ra ngoài cái có. Chẳng phải không mà không ra ngoài cái không). Nó chẳng phải sắc chẳng phải không mà tức sắc tức không. Bác-nhĩ tâm-kinh có câu:

“Sắc tức thị không, không tức thị sắc”

“Sắc bất dị không, không bất dị sắc”

Nó chẳng chệnh-lệch theo mặt nào. Phải cầu nó trong cảnh hoảng-hốt. Phải tìm nó trong chỗ yếu mình mới là mong gặp nó được.

Thiên hạ học đạo mà chẳng biết chữ Trung này là vật gì. Hoặ� gọi là huyết Huỳnh-Đình, hoặ� gọi là huyết thiên-cốc, hoặ� gọi là huyết Bá-Hội, hoặ� gọi là Giáng Cung, hặ� gọi là Minh-Đường, hoặ� gọi là Yết-Hầu. Hoặ� gọi là khoảng giữa hai thận (Mệnh -Môn).

Họ nắm giữ huyết khiêu ở trong huyền thân mà gọi là “Bảo-trung thủ nhất”, họ mong đặng trường sanh mà chẳng những không đặng sống lâu lại còn chết gấp là khác, buồn thay!

Nho-Giáo nói “Hĩ, Nộ, Ái, Lạc, chi vị phát vị chi Trung” (Mừng giận buồn vui chưa phát ra gọi là trung). Lại nói “bất thiên bất ý vị chi trung (Chẳng chênh lệch, chẳng dựa nương gọi là Trung).

Đạo-Giáo nói: “Tền huyền chi hậu, hậu huyền tiền. Dược vị bình bình khí tượng tuyền (toàn)”. Nghĩa là tiền-huyền là trăng mông 8. Về sau hậu huyền (là trăng 23 về trước). Trong lúc đó mùi thuốc bình bình (vừa phải) thì khí tượng toàn vẹn. Lại nói “Âm dương đắc loại qui giao cảm. Nhị bát tương đương tự hiệp thân”. Nghĩa là âm dương gặp đồng loại (tiên-thiên như nhau) thì giao cảm; hai bên đủ 8 cân bằng nhau thì tự nhiên mền nhau, hiệp nhau (8 lượng bằng nửa cân, trời người hiệp một).

Thích giáo nói “Ngô ithub nhưt vật, thượng trụ thiên hạ trụ địa, vô đầu vô vĩ, vô bối vô diện”. Nghĩa là Ta có một vật trên chống trời, dưới chống đất, không đầu không đuôi, không trái không phải.

Lại nói “Xá-Lợi-Tử”, “sắc bất dị không không bất dị sắc, sắc tức thị không không tức thị sắc”. Nghĩa là Nây xá-lợi-tử sắc tướng chẳng khác chơn không; chơn không chẳng khác sắc tướng. Sắc tướng tức là chơn không, chơn không tức là sắc tướng (sắc tướng và chơn không chỉ là hai phương diện của một vật, chớ không phải riêng biệt nhau).

Những câu nói như vậy đó đều chỉ chỗ thiệt xứ của ngôi trung. Nếu có người để ý tới mấy chỗ này hết lòng nghiên-cứu tự thành với các bậc chơn-sư. Nhận cho ra ngôi TRUNG chân chánh, đem cây Thiền-Trượng xỏ vô

lỗ mũi con trâu, thì lập tức lên bờ bên kia mà chẳng hao một tí lực-lượng nào cả.

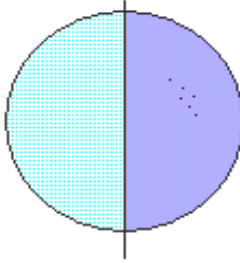
Rồi từ đây tiến thẳng trên con đường cái, chầm rãi mà bước, rốt cuộc có ngày tới nhà (gốc đạo).

Kinh nói “Đắc kỳ nhất, vạn sự tất”. Nghĩa là đặng ngôi nhất rồi (ám chỉ ngôi trung) thì việc chi cũng xong, có phải là lời phỉnh gạt ai đâu !?

TRUNG-ĐỒ

(Mô-Kỷ môn)

THẬP-TỰ NHAI
TỬ HỘI ĐIỆN
THÔNG CỬ LỘ
HÌNH ĐỨC MÔN
SANH TỬ QUAN
ÂM DƯƠNG HỘ
TÁNH MẠNG KHIẾU
THIÊN ĐỊA CĂN



HUYỀN TÂN MÔN
HUYỀN QUANG KHIẾU
DANH SÁT XÁ
HỮU VÔ ĐỊA
HƯ LINH KHIẾU
NHƠN THỦ QUAN
TẠO HÒA LƯ
HUYỀN THAI ĐÁNH
CHUNG ĐIỀU MÔN

TRUNG-ĐỒ & MÒ KỶ MÔN

Nhìn nó không thấy, Lóng nó không nghe, Nắm nó không đặng. Chí-linh, chí thánh, chí thần. Nghĩ nó thì hỏng, bàn nó thì sai, tìm nó thì không có. Sanh thiên, sanh địa, sanh nhơn.

X- KIM-ĐƠN ĐỒ

Sách Ngộ-Chơn nói rằng :

Đạo tại hư-vô sanh nhưt khí

Tiền tàng nhưt khí sản âm dương

Âm dương tái hiệp thành tam thể

Tam thể trùng sanh vạn-vật trương.

Nghĩa là :

Đạo ở hư-vô sanh một khí

Rồi do một khí rẽ âm dương

Âm dương hiệp lại thể ba hiện

Cứ hiện thể ba vật phát trưng
Chỗ gọi **Hư-Vô Nhứt Khí** đây là cõi TRỜI ĐẤT là nguồn
âm dương, là tổ muôn vật, tức là KIM-ĐƠN đó.

Đức Chí-Tôn cho Thi:

Tường quang nhứt khí chiếu minh đông,
Tam giáo qui nguyên dĩ cộng đồng.
Phật pháp khuyến nhơn qui mỹ tục,
Nho Tông phục thể hưởng thuần phong.
Diệu huyền chơn đạo tu tông hướng,
Mê hoặc tà mưu khả tự phòng.
Thế thượng dục tri Thiên sử đáo,
Tam Kỳ Phổ Độ lập kỳ công.

Bay đến Hồ Dương phụng gáy chiêu,
Thần Tiên giảng thể biết bao nhiêu.
Trở chơn ít kẻ lo đi ngược,
Bước đọa xem qua dấu dập diu.

Kẻ thế không rõ Kim-Đơn là việc gì, là vật chi, nên
độ chừng nó ở trong thân thể, có hình có dạng của ta đây,
Hoặc tưởng nó là loài kim, loài đá luyện thành .Hoặc
tưởng nó là khí huyết của con trai con gái kết nên. Hoặc
tưởng nó là cái tâm giao cùng cái thận mà động kết lại
.Hoặc tưởng nó là do tinh thần qui tụ mà có. Hoặc cho nó
ở tại đơn điền khí hải. Hoặc cho nó ở tại huỳnh đình ,nê
huồn. Hoặc cho nó ở minh-đường ngọc chẩm. Hoặc cho
nó ở khoảng giữa hai thận. Những điều sai lầm như thế
không sao kể xiết , đều là chuyện đưa gạch mà gạt là ngói,
nhìn giả mà gọi là thiệt (Chơn). Cho nên nói : “ người học
đạo như lông trâu mà kẻ thành đạo như sừng lân” là vậy
(lân chỉ có một sừng).

Kim có nghĩa bền bỉ, chẳng hoại (như ngọc Kim - cương). Đơn có nghĩa sáng suốt không tối .(Hình chữ đơn (丹) như chữ minh (明)do hai họ nhưt nguyệt hợp thành).

Sao mà chẳng biết Kim-Đơn tức là cái khí bốn lai Tiên-Thiên chơn nhưt vậy kia .Cái khí nhờ lửa trui rèn rồi thì dầu trải muôn ngàn kiếp cũng không hoại.Cho nên gọi là KIM-ĐƠN.

Thứ đơn này tốt không mà ngậm tốt có. Tốt trông mà ngậm tốt đây.Không hình không dạng. Bốn thể của nó ở trước trời, còn sau trời là công dụng của nó.

Chẳng thể lấy trí biết mà biết được nó, lấy sức hiểu mà hiểu nó. Càng nghĩ càng sai càng bàn càng trật .Người xưa gắng gượng vẽ ra hình O .Gắng gượng đặt tên là đạo HU-VÔ , Tiên-Thiên nhưt khí ,vô -cực, Thái-Cực .Người ta gọi Đạo là chỉ một cái tên mà không tên .Gọi hư-vô, vô-cực là nó, là lúc chưa sanh vật .Gọi Thái-Cực, nhưt khí là nói về lúc vừa sanh vật.

Kỳ thiệt hư-vô, vô-cực, thái-cực, nhưt khí đều chỉ một việc, một vật là Đạo mà thôi .Chớ không phải hai việc, hai vật khác nhau .Cái việc cái vật này là Kim-Đơn. Ở trong Hà-Đồ Lạc-Thơ tức là một điểm ở trong số 5 tại giữa (là Bát-Nhã hoàn, là nơi kết tụ của khí Âm Dương ngũ-hành)

Theo Tiên-Thiên, Hậu -Thiên nó là cái khí ở giữa hai khí âm dương tương hiệp cùng nhau (Huyền - quang Khiếu). Cái khiêu này người người đều sẵn có, ai ai cũng trọn đủ ,chẳng phải ở bực thánh mà thêm, chẳng phải ở người phàm mà bớt. Chỉ vì con người bị khí chât buộc ràng, tập quán lem luốc nên thuận theo khí âm hậu thiên mà quên tông tổ, trôi nổi mà quên trở về ,chẳng còn biết đâu là bờ bến.

Từ xưa những bực thánh-hiền từ-bi độ thế, bày ra đạo hữu-vi Kim-Đơn để thức tỉnh người đời . Đó là muốn cho mọi người đều biết rõ về gốc để phục mạng .(qui căn phục-mạng). Dem cái vật buổi ban sơ kia trở về chỗ củ mà thôi. Cái phương pháp này có hai đoạn:

1 -là hữu-vi.

2.- là vô-vi.

VÔ-VI: Tức là cái Lý nhưt khí hồn nhiên (không xen lộn thứ khác) của âm dương cùng giao trong Tiên-Thiên đồ.

Người bực thượng trí hành đạo vô-vi để ôn dưỡng cái này (O) .cái này tức là “Diệu-quang tam-giáo” : Tinh-thần vô-kỹ ,vô-công ,vô-danh, tượng trưng bằng 3 vòng tròn dính liền nhau (Nơi Hộ-Pháp tịnh-đường ở Trí-giác-cung có thờ 3 vòng Vô-vi này còn ở Trí-huệ-cung thì treo ở trước mặt tiền tầng 3 và ở phía trên cùng)..

Còn kẻ bực trung, bực hạ hành đạo hữu-vi ,theo chỗ không mà giữ cái có để phục lại cái này “O”(bậc chí-nhân thì vô-kỹ ,thần-nhân vô công ,thánh-nhân vô-danh). Kỳ thiệt cái này đến lúc phục lại được rồi thì qui về vô-vi như trước. Vô-vi đến mức cuối cùng của nó thì có một điểm tròn dình , sáng ỡ ,sạch tốt , đồ tươi ,chắc chắn ,vững - vàng lâu dài không hại, vọt khỏi ngũ -hành ra ngoài âm dương thì mạng ta do ta cầm chưởng còn do trời nữa. (cái trí Bát-nhã).

Nhưng Đại-Đạo của Thánh-Hiền , môn học “cùng-lý tận tnh” chỉ mạng có công trình,có thứ tự,có văn phanh ,có võ luyện ,có gấp huởn, có trước sau ,có lúc đủ thì phải nghỉ v.v.. Nếu sai một mảy lông thì lạc xa ngàn dặm .

Vậy muốn làm đạo thì trước phải học cho biết .Biết một phần thì làm một phần ,biết mười phần thì làm mười phần .

Kẻ thế gian còn mê muội ,gắng gượng hành động trên cái bị da đựng đồ thúì (khu xác hữu hình) mà gọi là tu trì tánh mạng , đó chẳng phải là tu dưỡng tánh mạng, mà là phá hại tánh mạng .Tánh mạng còn không biết mà vọng tưởng trường sanh có phải là ngu dại không ?!

MẠNG là Tiên-Thiên chánh khí ;TÁNH là Tiên-Thiên nguơn-thân. Mạng thuộc dương, Tánh thuộc âm .Tánh -Mạng hiệp nhau , âm dương chung một, ấy là KIM-ĐƠN. Kim-Đơn là tên riêng của tánh mạng kết tụ trong chỗ hư-vô (Hư-vô là Đạo vì: “ Đạo sanh-nhứt, Nhứt sanh Nhị, Nhị sanh Tam, Tam sanh vạn-vật) chớ không phải là một vật do thân thể con người sản xuất.

Chẳng biết Tánh-Mạng là gì thì làm sao tu-trì tánh mạng được ? chẳng biết Kim-Đơn là chi thì làm sao đoàn kết kim đơn được? Cho nên cái công phu cùng lý cần phải lo đầu tiên.

Nếu quả thiệt tìm thấy chỗ ảo diệu của Hà-Đồ Lạc-Thơ và cơ bí mật của tiên-thiên ,hậu thiên thì võ trụ ở trong lòng bàn tay ta. Muôn ẽc hóa sanh ở tron g thân thể ta ,nơi cõi đời này. Đại-Địa Huỳnh nha này lớn cùng khắp Kiên Khôn, Kim hoa nở hoát .Mỗi lần bước, mỗi lần chạy (mỗi cử chỉ) đều là Đại-Đạo .

Khi qui tụ ngũ-hành, hòa hiệp âm dương, phục lại cái “Bản-lai diện mục” của ta lúc mới sanh ; Kim-Đơn kết tụ thì công phu hậu-thiên hữu vi theo Lạc-Thơ đã xong.Lại còn tu thêm phép ôn dưỡng cho trọn cái đạo tiên-thiên vô-vi theo Hà-Đồ ;phục lại cái diện mục của cha mẹ ta chưa sanh ta về trước. Phải đánh phá hư không cho tới chỗ không hơi ,không tiếng (vô thình vô xú).Thì bốn phận của người Đại Trượng phu mới trọn vẹn.

Ôi ! Tánh do nơi mỗi người tìm hiểu , còn Mạng thì
cậy phải có thầy truyền. .Nếu ai chẳng đặng khẩu khuyết
(quyết) mà cưỡng nghĩ bàn thì cũng vô ích thôi .

Hữu vật tiên thiên-địa
Vô sanh bốn tịch liêu
Năng vi vạn-tượng chủ
Bất trụ tứ thời diêu.

Đồng hành đồng tọa hiệu đồng miên
Hoảng hốt yếu minh tại diện tiền
Nhân đắc thân qui lư nội luyện
Công hoàn thập ngoạt, hỏa kim thiên.

XI - ĐẢNH LƯ DƯỢC VẬT -HỎA-HẬU.

(Lục thập tứ quái toàn đồ)

“Giai-đoạn này gọi là “Luyện khí hóa Thần”

-Đạo Kim-Đơn hữu vi tức là đạo Tiên-Thiên biến
dịch. Đạo biến dịch lấy Kiên Khôn làm bản thể (Thân thể
của con người, vì người là Tiểu Thiên-Địa), lấy khảm ly
làm công dụng (Hai khí âm dương tứ khí nóng và khí lạnh
trong mỗi người), lấy quẻ truân quẻ móng ,60 quẻ làm khí
hậu.(học cho thông 64 quẻ Dịch) Đó là khí lưu hành, đi
giáp vòng rồi trở lại y chỗ cũ (châu nhi phục thủy).

Đạo Kim-Đơn lấy Kiên Khôn làm đánh lư (Đánh
là cái Đỉnh có công dụng như cái nồi để nấu chín vật, Lư
là cái lò lửa) lấy Khảm Ly làm dược vật, lấy Truân Mông
,60 quẻ làm hỏa hậu. Đó là hai khí âm dương luân phiên
vận chuyển . Âm rồi dương , Dương rồi âm mà cũng là
một khí lưu hành.

Cuốn “Tham-Đồng Khé”, tiên chú của Từ-Chơn-
Nhơn soạn nói rằng :Kiên Khôn là nhà của Dịch học , Là
cha mẹ của các quẻ, còn khảm ly như vòng lớn bao vây bề

ngoài; *Kiên Khôn tịnh tí như chánh trực . Khâm lý động tí như tum xe ,bốn quẻ tẩu mẫu (âm dương) là thác được (là ống bẻ thông khí) bao trùm cả đạo âm dương .*

Lại nói mỗi tháng có 5.6 lần (5x6=30 ngày) , đường kinh đường vĩ (quái-tượng) theo mặt nhật điều khiển ,cộng chung là 60 cang nhu có trong có ngoài .Ngày sớm mai mừng một quẻ truân trị-sự, tới chiều tối quẻ môn mới lãnh việc .

Ngày đêm hẹp thành hai quẻ, dùng nó phải theo thứ-tự: ký-tế vị-tế...tới hết tối lại sáng. Rốt cuộc cũng trở lại ban sơ .Mặt nhật mặt nguyệt làm chừng mực , động tịnh có sớm chiều.

Mùa xuân mùa hạ hãy căn cứ vào một thể, từ giờ tý cho tới thìn tỵ (thuộc giờ Dương cai-quản); mùa thu mùa đông thì công dụng phải ở ngoài từ giờ ngọ cho tới tuất hợi (là giờ thuộc Âm ngự trị).

Thường phạt ứng với Xuân –Thu .sáng tối thuận theo lạnh nóng .Trong hào từ có nhân nghĩa tùy thời mà phát, Hỷ nộ ứng theo bốn mùa, như vậy thì mới đúng lý của ngũ-hành.

Đây là nói đạo kim-đơn ,chẳng ra ngoài đạo biến dịch .Còn đạo biến dịch chẳng ra ngoài đạo tạo hỏa của trời đất, nhật nguyệt , âm dương.

Người thường lấy cang kiện làm đánh, nhu-thuận làm lư ,thì kiên khôn , đánh lư đã lập rồi.Người hay giữ nơn tâm được trống thì linh tánh không mê,phát khởi Đạo-Tâm. Hễ chánh khí thường gìn giữ thì khâm lý được vật đã dựng rồi .

Đánh lư đã lập, được vật đã dựng, tự nhiên y theo trời đất ,noi theo nhật nguyệt .Hễ đáng cang kiện thì cang kiện hẳn, mà cang kiện phải qui về trung chánh.

Còn đáng nhu -thuận thì nhu thuận ngay, mà nhu thuận phải qui về trung chánh .

Nhân-nghĩa đồng hành, động tịnh như một., Ngày tự cường đêm nơm nớp (tịch) công phu chớ thiếu sót, đi cặp với thời tiết tùy cơ mà ứng biến .**Tức là dùng 4 quả Kiền –Khôn ,Khảm ,Ly làm ống bể đó.**

Khởi đầu ở truân môn, rút dứt nơi kỳ-tế vị tế, tức là thưởng phạt ứng với Xuân Thu, sáng tối thuận theo lạnh nóng .Trong hào từ có nhân nghĩa ,tùy thời mà phát hỉ nộ.

Một bộ Dịch-Lý nằm trong tác lòng của ta thì có lo gì Đại-Đạo không thành, tánh mạng chẳng tu xong vậy.

Tử-Dương Ông nói :

Tiên bả Kiền Khôn vi đánh khí
Thứ đoàn ô thố dược lai phanh
Kỳ xu nhị vật qui Huỳnh-Đạo
Tranh đắ Kim-Đơn bất phát sanh.

Nghĩa là :

Trước dụng Kiền Khôn làm cái đánh (đỉnh).
Kế đem qua thổ thuốc chưng phanh.
Đã xua hai vật về Huỳnh-Đạo
Không lẽ Kim-Đơn chẳng phát sanh?

Bài thi này tiết lộ hết cái bí pháp thiên cơ của phép luyện đơn , không còn chi dấu diếm nữa.

Nay lập cái bảng đồ chung cho đánh lư,dược vật hỏa hậu .Lấy quả Kiền ở trên làm đánh .Lấy quả Khôn ở dưới làm lư.Hai quả Khảm Ly ở giữa làm dược vật.

Bốn quả sắp để phía ngoài là tượng hình ống bể của âm dương .Còn kỳ dư là 60 quả khởi từ quả truân ,môn .Dứt ở quả Kỳ-Tế ,Vị-Tế sắp để phía trong là tượng hình hỏa hậu buổi mơi buổi chiều.

Truân là dương khí động ở trong âm khí; Mông là dương khí hãm ở trong âm khí. Ký-Tế nghĩa là âm dương đã hiệp trợ nhau.

Vị tế nghĩa là âm dương chưa giao tiếp nhau.

Khi dương khí mới động thì phò dương, cho nên phải tiến dương hỏa là công phu buổi mai .

Khi dương khí bị hãm thì dưỡng dương , cho nên vận âm phù là công phu buổi chiều.

Ký tế là âm dương đã hiệp thì phải tùy thời mà giữ hai bên hiệp. Giữ hai bên hiệp là mượn khí âm để dưỡng trọn khí dương.

Vị tế là âm dương chưa giao, thì phải chờ thời mà giúp hai bên giao .Giúp hai bên giao là mượn khí dương để bổ trợ khí âm.

Mượn khí dương để bổ trợ khí âm tức là tiến dương hỏa từ quẻ truân cho tới quẻ ký-tế , cộng là 30 quẻ cốt để đạt tới ký tế.

Mượn khí âm để dưỡng trọn khí dương tức là vận âm phù từ quẻ mông cho tới quẻ vị tế ,cộng là 30 quẻ cốt để phòng ngừa bất tế.

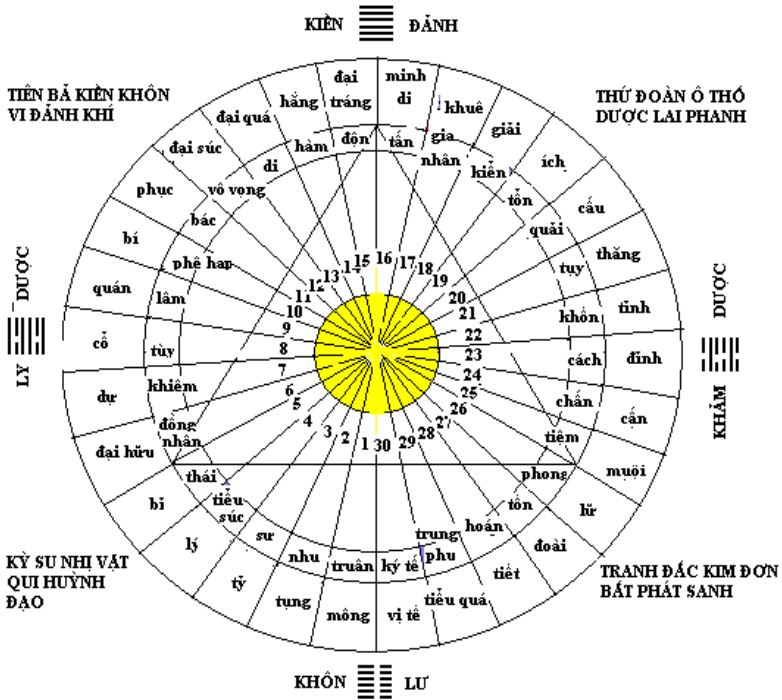
Khởi ở quẻ truân quẻ mông ,dứt ở quẻ ký tế quẻ vị tế. Kỳ dư 56 quẻ giữa đều là công việc của âm phù, dương hỏa cả. Hãy lại suy thì rõ.

Nhưng chỗ diệu dụng của các quẻ đều ở tại khảm ly , âm dương kiện thuận mà qui về trung chánh đó thôi.

Kiện thuận mà trung chánh thì trước là Truân Mông ,sau là Ký tế, Vị tế đều là hành động tự nhiên .Nhu vậy chẳng chút chi gắng gượng cả .

XII - DƯƠNG HỎA ÂM PHÙ.

(Lục âm lục dương toàn-đồ).









Đạo Kim-Đơn chia làm hai đoạn công phu:

- 1-Tiến dương hỏa .
- 2-Vận âm phù. (Cũng gọi là thối âm phù).

Tiến dương hỏa nghĩa là trong khí âm (☷) trở lại sanh khí dương (☰), tiến thêm đức cang kện ngũ hầu phục lại khí tiên-thiên.(theo bản hà -đồ: ☰ ☰ ☰ là quẻ Địa-thiên Thái, theo số thì : 6+3 = 9 , số 9 này có tên là Cửu-trùng-Thiên (Đạo Cao-Đài).







Vận âm phù nghĩa là trong khí dương dùng khí âm vận giúp đức nhu thuận ngũ hầu nuôi lớn khí tiên thiên .

Tiến dương hỏa thì phải tiến dương cho tới 6 hào dương đặng thuận toàn tốt bực cang kiện mới là rồi công phu dương lửa. (Xem 64 quẻ kép trong “ Dịch -lý Cao-Đài” của nữ soạn -giả Nguyên-Thủy). Sáu hào Dương trong Kinh-dịch tương trưng bằng quẻ Thuận cần:

6  Quẻ Thuận-cần có 6 hào dương là 6 khí
5  lưu-hành khắp cùng Trời-đất để sinh-hóa
4  muôn loài. Kinh-dịch gọi 6 hào dương này là
3  **Lục-long** (6 rồng). Trong Kinh Ngọc-Hoàng
2  Thượng-Đế có câu:
1  **THUẦN-KIỆN**

Thời thừa Lục long,
Du hành bất tức.
Khí phân Tứ-tượng,
Hoát truyền vô biên.
Cần kiện cao minh,
Vạn loại thiện-ác tất kiến,

Vận âm phù thì phải vận âm cho tới 6 hào âm (Quẻ Thuận-Khôn có 6 hào âm) đặng thuận toàn tốt bực nhu thuận mới là rồi công phu âm phù.

6 
5 
4 
3 
2 
1 

THUẦN-KHÔN

Quẻ Thuận khôn là đầu mối của 6 khí âm (Lục-khí): **Phong, Hỏa, Thử, Thấp, Táo, Hàn..** Sáu khí này còn có tên gọi Khác là:

- 1- **Quyết-âm** Phong Mộc
- 2- **Thiếu-âm** Quân Hỏa
- 3- **Thiếu dương** Tướng Hỏa.
- 4- **Thái-âm** Thấp Thổ.
- 5- **Dương-minh** Táo Kim.
- 6- **Thái-dương** Hàn Thủy.

Công phu của dương hỏa và âm phù đã tới cùng cực rồi thì cang nhu bằng nhau, kiện thuận gồm đủ, trong dương có âm, trong âm có dương. Âm dương duy **một** khí hoàn toàn là thiên lý, toàn vẹn ,sáng rõ ,sạch tốt, đồ tươi. Tới đây Thánh-Thai đã trọn thành .Một hột thử mẽ bửu châu treo ở giữa thái hư, không trung lặng lẽ chẳng động, nhưng xúc đến liền hay. Xúc đến liền hay, nhưng lặng lẽ chẳng động. Thường ứng thường tịnh, thường tịnh thường ứng thì bốn lai, lương tri, lương năng đã lộ diện mục hoàn toàn.:(Sáu-khí này tạo nên Chơn-thần là đệ-nhi xác thân của con người, nó bao bọc thể xác và giữ gìn thể xác. Tà khí khi nhập vào người là ta có cảm ứng ngay).

Đó là chỗ gọi:

Nhứt liệp kim đơn thâu nhập phúc,
Thỉ tri ngã mạng bất do thiên.

Nghĩa là :

Một hột kim đơn nuốt xuống bụng,
Mới hay bốn mạng chẳng do trời.

Rồi tu thêm một tuần công phu tới nữa: Luyện thân hườn hư , đánh phá hư không , đem cái chơn thần xuất ra ngoài , đòi đòi chẳng hư hoại . Đó là chỗ gọi : “Thánh nhi bất khả tri chi, chi vị thần”. Đặng vậy thì đã tới cảnh : “Hình thân đều đặng huyền diệu, cùng đạo hiệp một lẽ chơn”. Nay vẽ ra bản đồ chung cho lục dương lục âm, dương hỏa âm phù thì dùng 12 quẻ là:

Lục-Dương quái :

- 1- Địa-Lôi PHỤC
- 2-Địa-Trạch LÂM
- 3-Địa-Thiên THÁI
- 4-Lôi-Thiên ĐẠI-TRÁNG
- 5-Trạch-Thiên QUÁI (quyết).
- 6-Thuần KIẾN

Lục-Âm quái :*

7-Thiên-Phong CẦU

8-Thiên-Sơn ĐỘN

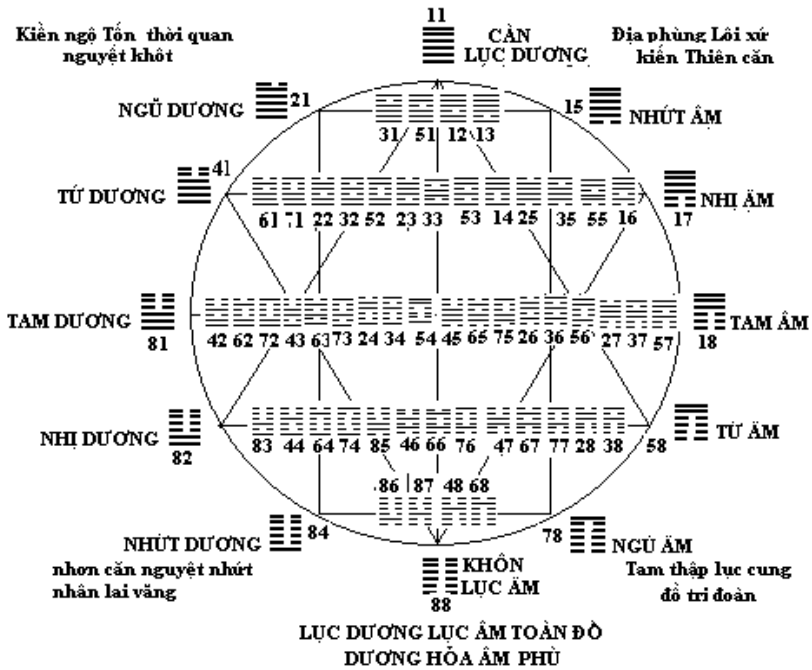
9-Thiên-Địa BÍ

10-Phong-Địa QUAN

11-Sơn-Địa BẮC

12-Khôn vi ĐỊA

12 Thiên-tử-quái: Mười hai quẻ chính thì sắp để phía



ngoài, còn kỳ dư 52 quẻ khác thì sắp để vào trong. Tuy thấy có 64 quẻ chớ rút lại chỉ có 12.

Mười hai Thiên-tử-quái này là đầu mối của Thập-nhị địa-chi, là gốc của Thập-nhị Thời-quân. Mỗi một vị Thời-quân đều có trách nhiệm riêng và phải phối hợp với

tam vị Hộ -pháp, Thượng -phẩm, Thượng -sanh mới đủ năng-lực điều-hành mới Đạo.

Kinh cúng Phật-mẫu có câu:

Thập thiên-can bao-hàm vạn-tượng,

Tùng Địa-chi hóa trưởng Càn-khôn,

Trùng hườn phục-vị Thiên-môn,

Nguơn-ling, hóa chủng, quỷ-hồn nhứt thăng.

Theo quẻ Phục có một hào dương tiến, thì những quẻ khác có một vạch dương cũng đều ở trong đó.

Theo quẻ Lâm có hai hào dương tiến thì những quẻ khác có hai vạch dương cũng đều ở trong đó, cho đến ba vạch dương, 5 vạch dương đều cũng y như vậy.

Vận âm thì cũng y như thế. **Bên trái là những quẻ dương**, trước phải tiến dương hỏa để phục lại khí tiên-thiên. **Bên hữu là những quẻ âm**, sau phải vận âm phù để nuôi lớn khí tiên-thiên.

Nhờ trước phục lại kế sau nuôi lớn mà khí Tiên-Thiên đoàn kết, Tánh mạng vững vàng thì công phu hữu-vi và vô-vi của đạo Kim-Đơn đã trọn xong rồi.

Cái bảng đồ này làm biểu lý (tuồng trong tuồng ngoài) với bảng đồ trước chỉ công phu theo hỏa hậu, còn cái bảng đồ này chỉ thứ-tự của hỏa-hậu. Dụng công cho y thứ-tự, y thứ -tự mà dụng công. Mỗi bước chơn đạp lên đất, chắc (căn cứ trên chơn-ly) mà đi tới tự-nhiên sẽ đặng thêm nhiều ích-lợi. Vậy mới là tránh khỏi cái “ Sai mảy lông, lạc xa ngàn dặm”.

PHỤ CHƯƠNG:

1-Luận về hình thể

Người ta bảm khí âm-dương mà thành hình thể, giống hình Trời-đất, thọ tư-bốn của Ngũ-hành mà làm giống linh hơn hết muôn vật vậy. Cho nên đầu tượng Trời, chân

tượng đất , mắt tượng mặt trời mặt trăng , tiếng tượng sấm-sét. Huyết mạch tượng sông ngòi, xương tư ợng kim thạch, trán mũi tư ợng núi non. Lông tóc tượng cây cỏ . Trời nên cao xa, đất nên vuông dầy. Mặt Trời mặt trăng nên sáng tỏ. Sấm-sét nên vang dậy; Sông ngòi nên nhuần trạch; Kim thạch nên kiên cường; núi non nên cao lớn ; Cây cỏ nên tốt tươi . Đó là đại khái vậy.

a-Bàn về Thần:

Hình để nuôi huyết, huyết để nuôi khí, khí để nuôi Thần. Cho nên hình toàn thì huyết toàn, huyết toàn thì khí toàn, khí toàn thì Thần toàn . Đó mới hay hình nuôi đặng Thần nhờ về khí mà an vậy. Khí chẳng an thì Thần động chẳng an. An đặng Thần thì duy có người Quân-tử.

Người ta lúc thức thì Thần qui ở mắt . Lúc ngủ thì Thần động ở Tâm. Vậy thì mắt là nơi ra vô của Thần , mà cái đồ phát biểu của hình như bóng sáng của mặt trời , mặt trăng ngoài chiếu muôn vật mà cái Thần vẫn ở trong vầng mặt trời, mặt trăng vậy.

Mắt sáng thì Thần trong , mắt tối thì Thần đục. Trong thì quý, đục thì hèn. Trong thì thức nhiều ngủ ít. Đục thì thức ít ngủ nhiều . Suy lúc thức lúc ngủ có thể biết được người sang kẻ hèn. Vậy kìa cái cảnh-giới chiêm bao nghĩa là Thần rong chơi ở lòng, mà coi thấy chỗ chơi ở xa (nó xa) chẳng qua trong lối năm tạng , sáu phủ cùng là trong lối tại mắt trông nghe đó. Cái õi mình qua chơi và cái việc mình coi thấy hoặc cảm với nhau mà ứng hoặc việc nhà tối cũng là lý do của trong thân mình vậy. Cái sự mình có thấy (coi thấy) tại trong giấc chiêm bao, tức là trong thân mình chớ không phải ngoài thân mình đâu..

Bạch-Nhân Thiển-Sư bàn mộng có năm cảnh:

Một là cảnh Linh.

Hai là cảnh Bửu.

Ba là cảnh Quá-khứ.

Bốn là cảnh Hiện-tại.

Năm là Vị lai.

THẦN thắm là mộng sanh ra. Thần tịnh thì cảnh.liệt đi này.Coi cái hình hoặc trong-trẻo, hoặc sáng-sủa , hoặc trầm-trọng là do thần phát ở trong mà hiện ra ngoài vậy.

Thân trong mà hòa, sáng mà suốt là tượng phú-quí đó. Lạnh là tịnh, là cái Thần an. Hư mà gặp là cái Thần thắm. Thần chẳng nên lộ , lộ là Thần giông đi ắt là xấu vậy.

Thần quý hồ ầu ầu thì người ta thấy có lòng kinh-sợ , gần thì Thần mừng mà tới là quý..

Phàm tượng chẳng thà Thần có dư mà hình ch ằng đủ , chớ chẳng nên hình có dư mà Thần chẳng đủ. Thần có dư là tướng sang, hình có dư là tư óng giàu. Thần chẳng nên kinh thì tổn thọ. Thần chẳng nên cấp, cấp thì nhiều lắm. Lại còn nên coi tướng khí thức người ta. Khí rộng thì dụng đặng người mà đức mới lớn. Thức cao thì hiểu đặng lẽ mà lòng mới linh. Khí nông thức thấp dầu có dư của cũng chẳng khỏi là tiểu-nhân vậy.

Bàn về hình có dư :

Hình có dư là ch ăm đầu tròn dày, bụng và lưng cao nở. Trán rộng bốn phía, môi đỏ răng trắng, tay tròn thành vòng , mũi th ầy như trái mật, mắt tròn đen tròn tr ắng phân-minh. Lông mày tốt dày mà thưa, vai nở rún đầy. Trước ngực phẳng rộng, bụng tròn buông xuống. Dáng đi, đứng ngồi đoan chính. Năm nhạc châu lại , ba đĩnh x ừng nhau. Thịt nên xương nhỏ, tay dài chân vuông , coi thấy có vẻ oai-nghiêm . Nhìn ra có ý vui vẻ. Đó đều là hình có dư vậy . Hình có dư là tư óng người trường thọ, vô bệnh mà hưởng giàu sang đó.

b-Bàn về Thần có dư:

Thần có dư là tinh mắt trong sáng , nhìn ngó chẳng nghiêng , mi tốt mà dài , tinh-thần chẳng động, dung sắc nhuận-trạch, cử chỉ ung-dung . Ngó xa thì nhấp-nhánh như mặt trời trên nhành chiếu trời sương . Nhìn gần thì tinh lung như gió lùa độn nhành hoa xuân. Tới việc chi thì cương-nghị như con thú dữ bước trong núi sâu. Xử với chúng thì tiêu-diêu như chim phụng-hoàng bay lượn trên đường mây. Lúc ngồi như hòn đá, vững chẳng động . Lúc nằm như con quạ đậu chẳng bay. Lúc đi lẹ làng như dòng nước phẳng chảy đi. Lúc đứng sừng-sững như ngọn núi cao vọi. Nói chẳng nói bậy, làm chẳng làm càn. Mừng giận chẳng động cái lòng. Vinh nhục chẳng đổi cái nét. Muôn vẻ giao-động (lộn) ở trước mà lòng thường như một mực. Đó là Thần có dư vậy.

Thần có dư là tướng người quý, sự hung tai khó phạm nóặng, được hưởng trót lộc Trời đó vậy.

c-Bàn về hình chảnh đủ:

Hình chảnh đủ là chòm đầu nhọn mỏng, vai cánh xéo lệch, gân eo thừa nhỏ mà đốt nách vắn gập. Bàn tay mỏng, ngón tay thừa, môi co, trán lép. Mi ng ữa lên , tai lật lại co thấp. ngực hãm vai cong , một vai thẳng. Một mắt ngựa, một mắt cú. Một con người lớn, một con người nhỏ . Một gò má cao, một gò má thấp ; Một tai có vắn, một tai không vắn. Trong lúc ngủ mắt mở. Trai nói tiếng gái. Răng vàng mà lộ . Miệng mụn mà nhọn; chòm đầu sói mà không có tốt to; mắt sâu chẳng thấy con người . Bước đi khập-khểnh ; sắc mặt bẻ lên . Đầu nhỏ mà mình lớn, trên vắn mà dưới dài . Đó là hình chảnh đủ vậy.

Hình chảnh đủ là tướng người nhiều bệnh mà đoán mạng. Phước bạc mà bản-tiện vậy.

Bàn về Thần chẳng đủ:

Thần chẳng đủ là chẳng say tợ say, thường như người bệnh, chẳng sâu tợ sâu . Thường như người lo. Chẳng ngủ tợ ngủ , ngay thấy như chết . Chẳng khóc tợ khóc. Xây như hôn kinh, chẳng té (ngã) tợ té. Chẳng mừng tợ mừng, chẳng sợ tợ sợ. Chẳng ngày tợ ngày, chẳng kinh tợ kinh. Duy chỉ hơn loại sắc dục nhu-nhược. Thân sắc mê sáng, thâm-thảm dường như mất vật chi. Hoảng hốt dường như sợ-sệt ; nói năng nhúc-nhác dường như mắc cỡ (xấu-hổ) . Làm-lụng rụt-rè như bị lãng-nhục , sắc trước tươi mà sau xấu . Nói trước lạnh mà sau chậm . Đó đều là thần chẳng đủ . Thần chẳng đủ là tướng người nhiều lao-tù, cường ách. Dầu làm quan cũng mất ngôi cao.

d-Bàn về Khí:

Đá chứa ngọc mà núi rạn; cát bọc vàng mà sông trong . Đó là của báu Chí-linh hiện ra sắc mà phát ra khí vậy. Ôi hình là thân-thể nhọn khí rộng ra. Thần lành thì khí khoan, Thần an thì khí tịnh. Sự được lỗi chẳng phá hoại nổi Khí; điều mừng giận chẳng lkinh-động đặng Thần đối với đức thì có dụng;; đối với lượng thì có độ., tức là người trọng-hậu có phước vậy. Người Quân-tử khéo nuôi cái Khí. Khí khoan để nuôi được vật, hòa đẽ tiếp được vật, cương để chế được vật. Trong đẽ lóng được vật, Chánh đẽ tránh được vật. Chẳng sang thì hèn ; chẳng hòa thì trái ; chẳng cương thì nhu; chẳng trong thì đ ục; chẳng chánh thì thiếu cái độ sâu hay nông. Xét cái sắc tảo hay là tịnh thì có thể phân-biệt được quân-tử với Tiểu-nhân vậy.

Khí đầy mà thủ, hòa mà chẳng dữ tướng người phước thọ . Cân-sức chẳng đều, hàm hãm hiện ra vẻ mặt; đó là tướng kẻ hèn-hạ

Ồi ! khí hớp vào phát ra ngoài mặt mà hiện làm cái triệu kết hung . Lúc tán ra như lông như tóc . Lúc tụ lại như thóc như gạo. Trong nó có hình, án vào không có tích. Nếu chẳng tinh-ý để xem ra thì họa phước chẳng lấy chi làm bằng cứ vậy. Khí ra không có tiếng , tự tai mình chẳng xét được . Hoặc nằm mà chẳng thở kêu là tượng khí hơi Rùa (qui-tức), thở ra hớp vô. Khí đầy mà mình động là triệu (Điềm) mình gần chết đó. Ông Mạnh-Tử chẳng đoái số lộc muôn chung là khéo nuôi dưỡng khí đó. Ôn như tranh cái lợi mình muốn hăm hở lộ ra sắc mặt mà phá hại cái khí , kẻ ấy sao đủ bàn thay !

Sách nói rằng: “ Khí là gốc của hình” . Xét ra thấy người Hiền, kẻ ngu , kẻ Tiểu-nhân phần nhiều cấp táo. Người Quân-tử hay khoan-thai, hễ bạo lệ thì bại dạ, khuấy rối. Thâm trầm thì phước-lộc có dư.

e-Bàn về tiếng:

Người ta có tiếng cũng như chuông trống có âm . Đồ lớn thì tiếng xa. Đồ nhỏ thì tiếng vẫn. Thần thanh thì khí hòa. Khí hòa thì tiếng nhuận sâu mà tròn hoạt . Thần trược thì khí gắt, khí gắt thì tiếng chầy gáp mà nhẹ rè. Cho nên tiếng người sang phần nhiều ra tự trong đơn-điền ở dưới rún lối hai phân rưỡi tây, thông nhau với tâm-khí hòa lộn mà đạt ra ngoài . Đơn-điền là cội-rễ của tiếng đó . Chót lưỡi là đầu máy của tiếng. Cội rễ sâu thì đầu máy nặng; cội rễ nhẹ thì đầu máy nhẹ đó. Nói hay tiếng phát từ cội rễ mà hiện ra đầu máy vậy. Còn như nhẹ mà tròn hoạt; chắc mà uốn-lượn hườn mà may mắn, cấp mà hòa đi đều , dài mà có lực, dòng mà có âm lớn như chuông cả khua vang, trống cái dậy động. Nhỏ thì như dây đàn tẩn khúc oanh vàng bay kêu côi thế , vẻ mặt thì khoan rồi mới động cùng nói chuyện với thì lâu rồi mới ứng đều là tiếng người sang vậy, tiến vậy.

Tiếng nói của kẻ tiểu-nhơn đều phát tự trên đầu lưỡi, gấp rút mà chẳng đạt, hoặc khẩn cấp âm rè , hườn mà rít, sâu mà trệ, nông mà uốn. Ôi lớn thì tan, tan thì phá hoặc nặng nhẹ chẳng điều lú lo không thành tiếng chuông bể . đục như tiếng trống nát , như quạ lạnh úm con, nhận độc gào bần. Như vượn đang kiếm lủ, chim lạc kiếm bầy (mát bầy). Nhỏ như tròng đèn ngâm thu , Cường như ruồi xanh kêu đêm. Nói như chó cắn dê gào , đều là tượng kẻ hèn vậy. Trai nói tiếng gái là tiếng bản tiện. Gái nói tiếng trai cũng là tiếng phương hại; Song mình lớn mà tiếng nhỏ chẳng đều kêu là tiếng thư hùng . Hoặc trước chầy mà sau gấp , hoặc trước gấp mà sau chầy , hoặc tiếng chưa ngưng mà khí trước tuyệt. Hoặc lòng chưa đ ộng mà sắc trước biến là tiếng hèn hạ đó. Ôi Thần định ở trong khí hòa ở ngoài rồi sau mới có thể giao-tiếp với người đặng là vì nói có thứ tự trước sau mà sắc cũng chẳng biến vậy . Nếu thần chẳng an mà khí chẳng bầy thì tiếng lỗi thứ-tự trước sau . Tì và sắc đều rối lộn hết thấy , đó là tiếng chẳng tốt vậy. Kia là người ta bảm bình năm hành thì ti ếng với khí cũng đủ tượng năm hành vậy .

Cho nên tiếng Thổ cao dày. Tiếng mộc cao xướng, tiếng hỏa chảy dữ, tiếng thủy hườn cấp. Tiếng Kim hòa nhuận. Lại nói rằng: Người tiếng lạ không có tài đoán việc . Người tiếng bé(vữ) làm việc không thành . Người tiếng đục vận chẳng phát-đạt . Người tiếng thấp lỗ độn vô năng . Tiếng trong lạnh như nước chảy trong suối là tiếng rất quý. Uồn lượn như tiếng vang trong chum là tướng ngũ phước kiên toàn.

Tiếng thiệt không có hình, thoát ở khí mà phát ra tiếng người : Hèn phù trước, tiếng người sang thì trong óng, nhu quá thì nhác, cương quá thì gãy. Tiếng như nghe

tại cách núi , tròn mà dây không khuyết không đứt; đó tức là tiếng người sang, phong tiết truyền đi xa.

Mình nhỏ tiếng rộng, ngôi tới tam công. Mình lớn tiếng nhỏ thụ mạng chết yếu.. Tiếng như lửa nóng bên ba vát vĩa. Con trai tiếng mái (tiếng đàn bà) phá hết cửa nhà. Con gái tiếng trống (tiếng đàn ông) ngôi chồng chẳng yên.

2-CHÁNH ĐẠO VÀ TÀ ĐẠO.

Chúng ta đọc lại bốn câu thi trong TNHT:

Lẽ chánh tự nhiên có lẽ tà.

Chánh tà hai lẽ đoán sao ra,

Sao ra Tiên Phật người trần tục,

Trần tục muốn thành phải đến ta.

Điều xấu, điều tốt như có một tiêu chuẩn rõ ràng.

Một điều người Âu cho là vô lý có thể người Á châu lại chấp nhận như một sự kiện hữu lý.

Đúng thế, quan niệm xấu tốt, thiện ác ít nhiều chịu ảnh hưởng xã hội, nhưng vượt lên cao hơn nữa, chúng ta vẫn còn có luật vũ trụ. (đó là Đạo).

Theo sự hiểu biết của tôi, thì có hai con đường: **Chánh đạo và Tà đạo.** Con người làm chuyện tà đạo là khi y dùng quyền năng tiềm tàng của mình để mưu lợi riêng cho sự phát triển cá nhân, và sẵn sàng hy sinh hạnh phúc của kẻ khác. **Phát triển cá nhân ở đây có nghĩa là sự bành trướng về giác quan, cảm xúc hay tri thức của cá nhân, mà không kể gì đến sự thiệt hại cho kẻ khác.** Một người lợi dụng sự ngu dốt, yếu đuối của kẻ khác để thu lấy ít lợi lộc về tiền bạc hay thoả mãn tham vọng cá nhân tức là đang đi trên con đường tà đạo. Nếu y có chút quyền năng, y sẽ trở nên ghê gớm như thế nào ? **Chánh đạo cũng là việc sử dụng những quyền năng của mình, nhưng để phụng sự nhân loại.** Trong khi phụng sự, con

người sẵn sàng hy sinh mọi tiện nghi, tham vọng cá nhân mình để làm việc hữu ích cho kẻ khác. Kẻ phụng sự dứt tuyệt các thú vui về giác quan, từ bỏ mọi tôn kính chính đáng mà y có quyền hưởng thụ, dẹp bỏ cái phạm ngã cá nhân, chỉ nên chú trọng đến **mục đích đạt đến sự toàn thiện**. Tà đạo sử dụng quyền năng qua các hình thức lễ nghi, cúng bái tỵ lực để tạo nên các đoàn thể hình thức. Các hình thức này có thể là vật chất hay một tổ chức mà công cụ của nó không phải lo cho đời sống hay một lý tưởng cao thượng mà chỉ là một hình thức phát biểu cho quan niệm riêng của mình. Chánh đạo là sử dụng các quyền năng cố hữu của bản chất con người để vượt qua mọi hạn định của hình thức. Để giải thoát tâm hồn khỏi các trói buộc của cảm giác, của sự tưởng tượng hay xu hướng nhất thời. Để tránh các cảm dỗ, lừa gạt của vô minh, để phục vụ cái phần tử thiêng liêng của bản thể vũ trụ. **Một người nghiên cứu huyền môn có thể đi trên đường chánh cũng như tà. Họ có thể tìm cách phát triển cá nhân qua tự chủ gặt gao để khai mở các quyền năng, thu thập kiến thức.** Họ cũng có thể ao ước cõi thiên đàng mở rộng trong lòng mọi người, và chính trong họ, qua các hành động bác ái, vị tha. Trong hai trường hợp, hạng đầu cầu mong kiến thức, quyền năng; hạng sau muốn trở nên người hữu dụng. Càng đi xa thì sự tiến bộ càng khác biệt. **Người sử dụng kiến thức, quyền năng để phụng sự, sẽ trở nên một bậc “Bồ Tát” (Bodhisattva), và chỉ có trái tim Bồ Tát mới là ánh sáng soi đường, chỉ lối giúp họ đi trọn vẹn con đường đạo.** Người cầu trí thức cho mình chỉ quanh quẩn trong phạm trù cá nhân một lúc, thiếu từ bi, trí tuệ, y rất dễ bị sa ngã vào ma đạo lúc nào không hay. **Không có trí tuệ bát nhã soi đường, y dễ trở thành nạn nhân của vô minh. Điều này cũng như một**

người đi biển mà không có bản đồ, la bàn định hướng, mà đi bừa bãi thì làm sao đến nơi được. Đường đạo cũng thế, một tu sĩ phải trì giới nghiêm minh để tu thân, nhưng vẫn chưa đủ, mà còn phải lập những hạnh nguyện, xác định mục đích rõ ràng để hành động. Có tu thì phải có hành, phải biết đem kiến thức của mình ra để giúp ích cho những người khác. Trí tuệ phải đi đôi với Từ Bi. Có “Trí” mà thiếu “Tâm” chỉ là mớ kiến thức vô dụng, một cái xác không hồn. Có “Tâm” mà thiếu “Trí” cũng không được vì sẽ dễ sa ngã, đi lầm vào tà đạo. Đó là điều đã xảy ra trong quá khứ, các tu sĩ thiếu kiến thức, trí tuệ, đã bị vô minh che phủ. Họ coi thượng đế như một đấng thần linh để thờ phụng, tách ngài ra khỏi tín đồ và dạy bảo rằng thượng đế cao siêu quá, không thể nói chuyện với những người tầm thường được, mà phải qua trung gian của giới tăng lữ. Họ đặt đủ các ngôn từ hoa mỹ, thù gấm dệt hoa vào giáo điều để tín đồ quay cuồng trong ngôn ngữ, mà xa lánh chân lý thực tế. Dần dần các chân lý cao đẹp bị bao phủ bằng các hình thức mê tín dị đoan, các điều xằng bậy, và đưa đến chỗ suy tàn.

4-TRÊN ĐƯỜNG PHỤNG-SỰ.

Sống đạo (hành đạo vô-vi):

Lời dạy của Đức Lý :thành tâm hành chánh đạo miễn làm xong phận sự là đủ, còn nét vạ tà của ai , mặc ai.

Nền Đạo lập nên là nhờ có lòng đạo đức và tánh khiêm cung của mỗi môn đệ của Đức Từ Bi. Nếu đạp vào nẻo Đạo mà còn bôn chôn tranh lướt theo thói thường tình thì đâu có bao nhiêu đạo hữu, bao nhiêu công quả đi nữa, mỗi Đạo chẳng qua là một trường ngôn luận của thế gian đó thôi, chớ công quả đạo đức mong chi thấy sự kết quả xứng đáng đặng? Phần nhiều đạo hữu vì tánh

tình phạm ực mà làm cho gay tử bước Đạo, lại e chẳng khỏi sanh ra một trường não nhiệt trong Đạo về buổi sau này. Đức Từ Bi đã lấy lòng quảng đại mà gieo giọt lành dương để rửa lỗi phạm gian, hầu đem mình giá trắng gương trong vào nơi Cực Lạc; **đã chẳng biết tự cải lại bợn thêm tánh ực mà để cho cả muôn người phải chịu khổ tâm; hành đạo như vậy có giúp đặng ai chăng?** Chư đạo hữu mưa chớ luận bàn để phải quấy Lão cũng ra tay sửa trị được vậy; **miễn làm xong phận sự là đủ, còn nét vạ tà của ai, để mặc ai.** Lão cũng hết lòng chiêu theo tánh từ bi của Đức Thượng Đế, bằng chẳng, thì Lão xuống tay bôi xóa hết trường công quả Đại Đạo, thì chúng sanh hết trông mong, mà kẻ chác tội lỗi cũng khó bề lấy sức phạm phu để gây nên rối rắm nữa. Đen trắng hai màu, chánh tà đôi ~~eo~~, mạnh sức tr ì chí thì ~~nh~~, yếu tâm loi bước thì chịu; Ma Ma Phật Phật hai chón riêng phần, thường phạt rồi đây cũng tới.

Láo-tử bảo: “ lời nói và việc làm của người ta đều có gốc. Bởi không biết được cái gốc ấy , nên không hiểu được ta. Vậy tâm điểm của học-thuyết Trang-tử như thế nào ? Phùng hữu Lan nói: **“Hết thấy vạn-vật đều do Đạo mà ra, và mỗi vật đều có cái Đức của nó”** . Nghĩa là hết thấy vạn-vật, mỗi vật đều có cái **tánh tự-nhiên** của nó. Nếu biết thuận theo “tánh tự-nhiên” của mình thì hạnh-phúc có ngay trong lúc đó không cần phải cầu cạnh đâu khác ở ngoài nữa. Nói thế là biểu-lộ được tất cả mọi yếu-điểm của học-thuyết Trang Châu rồi vậy.

Quan-niệm về Vũ-trụ của Trang-Châu ? Theo Trang-tử có một cái chân-lý tuyệt-đối , vô-hạn, toàn mãn...tức là cái lý sống chung của Trời-đất ; cái sống ấy gọi là **Đạo**.

Bất kỳ là vật nào trong Trời-đất đều có cái Đạo ấy ở trong, gọi là Tánh (性). Hay nói một cách khác, Tánh ấy cùng với Đạo là một thể : “Thiên-địa dữ ngã tịnh sinh, nhi vạn-vật dữ ngã vi nhất” .

Vậy, phận-sự duy nhất của mỗi vật là trở về với cái **chân thể** ấy, tức là trở về với cái tánh của mình để sống theo nó. Đó gọi là “**Phản kỳ chân hay là phục kỳ bản**”Mà để sống thuận với nó là sống thuận với Đạo, vì **nó và Đạo là một**, và để sống thuận được với Đạo rồi, thì cái mà mình gọi là “**Làm**”(為)không còn phải là mình làm (Ngã vi) nữa. Mà chính là cái “**Đạo nơi mình**” làm. Cái làm (vi) ấy là cái làm của “Đạo nơi ta”, nghĩa là cái “làm” của cái “vô ngã”. Cho nên hành-động ấy gọi là hành-động vô-vi. (無為).

Vô-vi tức là hành-vi của vô ngã , của **Chân thể**, của **Bản-tánh** . Cái hành-vi của vô-ngã ấy gọi là **Đức** (德).

Theo Trang-tử : Sống hòa làm một với Đạo tức là sống **theo chân-thể**, theo **Bản tánh** nên gọi là **Thiên** (天) .

Trái lại, sống trong sai lầm của quan-niệm nhị nguyên, thấy mình riêng biệt với vạn-vật, tức là sống theo tư-ngã , sống theo cái sống giả tạo, ước lệ của xã hội chung-quanh của cái người mẫu lý ở theo xã-hội , chế-độ, luân-lý ước-định , đó gọi là **Nhơn** (人).

Thiên “Đại-tông-su” nói: Biết được cái hành-động của Trời (天), biết được hành-động của người (人), đó là biết đến chỗ cùng tột rồi vậy.

Kẻ nào sống được trong cái sống thật của Tánh mình , Trang-tử gọi là người thật hay **Chân nhân**. Người chưa sống được trong cái sống của chân thể chưa phải là chân-nhân. Cái sống **vô-ngã** ấy là mục-đích cuối cùng của đời người .

Vậy, tất cả một nền Triết-học của Trang-tử có thể tóm lại trong một câu này trong thiên “Tiêu-diêu-du”: “**Chí nhân vô-kỷ, Thần-nhân vô-công, Thánh-nhân vô-danh**”.

Hành vi kẻ “ Vô kỷ, vô công, vô danh” là vô-vi. Vô-vi không phải là không làm, mà là làm theo Trời (天) , không làm theo người (人). Làm theo Thiên-tánh, không làm theo tư ngã .

Vô-vi có hai nghĩa:

- 1- **Tiêu-cực:** không làm những gì trái với tự-nhiên của mình.
- 2- **Tích-cực:** Là phá hoại những gì có thể trở ngại cho sự phát triển tự-nhiên bản **tánh**, chính là chỗ mà thiên “Từ vô quý” bảo: “Cái đạo trị thiên-hạ không khác nào việc chặn ngựa , chỉ nên trừ khử cho nó những gì có hại đến nó thôi . Bởi vậy, những cái mà Trang-tử cho là có hại đến sự phát-triển tự-nhiên của bản tánh con người , Ông đều cực-lực bài bác như : Tất cả mọi lối chánh-trị, chế-độ, luân-lý...đương thời vậy.

Giáo-dục mà không hiểu biết chân-lý là đào tạo ra những kẻ trí-thức tội lỗi .

Làm chính-trị mà không hiểu biết luật Vũ-trụ là khai thác mồ hôi nước mắt và xương máu của đồng-bào .

Công-lý của con người thiếu đạo-lý âm-dương là công-lý của bạo-lực (Thiết câu giả trụ, thiết quốc giả hầu). Trộm cái móc thì bị xử tử , còn trộm cả nước thì được làm Vua chư-hầu.

Một nền văn-minh căn-cứ trên nền tảng lạc-lâm của bản ngã , xa lià chân tánh, quên lãng luật âm dương, kết quả là đưa nhân-loại vào cuộc đời giả trá , lừa-bịp nhau, khuynh-loát nhau, đàn-áp nhau bằng bạo-lực gây thành một trường đấu-tranh thù-hận liên miên bất tận để kết cuộc bằng chiến-tranh tàn-sát lẫn nhau thảm tuyệt nhân-loại.

Hạnh-phúc hay sự bất-hạnh của cuộc đời chúng ta chỉ hoàn toàn tùy thuộc vào kiến-giải của ta. Mọi vấn đề, mọi bệnh-tật, tai ương , hiểm-họa, tội ác.v.v...của con người đều phát-sinh từ sự vô-minh, sự không thấu hiểu chân-lý.

Nói tóm lại, theo Dịch-lý tất cả những hiện-tượng của cuộc sống tương-đối đều phát sanh từ sự sai-biệt của một Thực tại DUY-NHẤT gọi là ĐẠO. Đạo sinh ra vạn sự vạn-vật bằng cách tự phân-cực ra dưới hai hình trạng Âm Dương biểu thị dưới hình tượng Nam Nữ, động tịnh, tâm vật, tối sáng, nóng lạnh v.v...Đây là hai hình tượng đối diện nhau và bề ngoài có vẻ tương-phản, đối nghịch nhau, nhưng thực ra bổ túc cho nhau vì cùng phát sinh ở tại một nguồn gốc: Vô-song nguyên-lý. Hai hình tượng này không lià nhau, trái lại cùng nương nhau mà có, cho nên chúng có thể biến đổi hình tượng của nhau . Sự phân đôi trong vũ-trụ không phải là nhị-nguyên duy-nhất.Tuy nghe ra thì có vẻ mâu thuẫn. Đối tính tùy thuộc vào một và vì lẽ một mà thực tại cứu cánh nên ta phải xem những mâu thuẫn không phải như những tương phản hay địch thù mà như

những gì bỏ tức hay những người bạn vì cái này cần thiết cho cái kia .

Thực tế do sự vô minh sâu sắc của chúng ta , do cái nghiệp của chúng ta nên chúng ta không hiểu ý nghĩa của hiện tượng phân cực này để rời khỏi tâm bỉ ngã, phân biệt, chia rẽ, độc đoán, tranh đấu, hận thù... con người tự mình tạo ra ý thức nhị nguyên . Khách quan mà nói thì nhị nguyên vốn chẳng có mà chỉ có đối tính phát sinh từ nhất nguyên không có tranh đấu cũng như không có hận thù thực sự bất kỳ ở mức độ nào.

Nhị nguyên là một sự giả tạo, mơ hồ, chủ quan của nội tâm chúng ta. Giải thoát ảo tưởng đó, có một chánh kiến, đôn ngộ lý nhất như của pháp giới. Siêu việt mọi sai biệt đối đãi của vạn sự vạn-vật ấy là GIÁC-NGỘ.

CHƯƠNG V.
PHẦN LUYỆN ĐẠO
1-THÁNH-GIÁO DẠY THỌ TRUYỀN BỬU-
PHÁP VÀ LUYỆN ĐẠO



NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ VIẾT CAO ĐÀI
TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT
GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG

Hỉ chư môn đệ, chư ái nữ.

Đại hỉ! Đại hỉ!

Ngọc Đầu Sư khả tu truyền Pháp, thuyết Đạo.

Kể nào trai giới đặng mười ngày đổ lên, thọ bửu pháp đặng.

Chư môn đệ phải trai giới.

Vì tại sao?

Chẳng phải Thầy còn buộc theo Cựu Luật, song luật ấy rất nên quý báu, không giữ chẳng hề thành Tiên Phật đặng.

TẠI SAO PHẢI HIỆP TAM BỬU

Thầy cắt nghĩa:

Mỗi kẻ phàm dưới thế này đều có hai xác thân. Một phàm gọi là corporel. Còn một thiêng liêng gọi là spirituel. Mà cái thiêng liêng do nơi cái phàm mà ra nên gọi nó là bán hữu hình, vì có thể thấy đặng mà cũng có thể không thấy đặng.

Cái xác vô hình huyền diệu thiêng liêng ấy do nơi Tinh, Khí, Thần mà luyện thành. Nó nhẹ nhàng hơn không khí.

Khi nơi xác phàm xuất ra, thì lấy hình ảnh của xác phàm như khuôn in rập. Còn khiế ắc đạo mà có Tinh-Khí, không có Thần thì không thể nhập mà hằng sống đặng.

Còn có Thần không có Tinh-Khí thì khó huồn đặng Nhị xác thân. Vậy ba món báu ấy phải hiệp mới đặng.

Nó vẫn là chất tức hiệp với không khí Tiên Thiên, mà trong Khí Tiên Thiên thì hằng có điện quang. Cái Chơn Thần buộc phải tinh tấn trong sạch mới nhẹ hơn không khí ra khỏi ngoài Càn Khôn đặng.

Nó phải có bốn nguyên chí Thánh, chí Tiên, chí Phật, mới xuất Thánh, Tiên, Phật đặng. Phải có một thân phàm tinh khiết mới xuất Chơn Thần tinh khiết.

Nếu như các con ờn ăn m ặn luyện đạo rũi có án chứng thì làm sao mà giải tán cho đặng?
Nhu rũi bị huồn, thì đến khi đắ đạo, cái trượ khí ấy vẫn còn, mà tr ợc khí thì lại là vật chất tiếp điện (bon conducteur d'électricité) thì chưa ra khỏi lần không khí đã bị sét đánh tiêu diệt. Còn như bi ết khôn thì ẩn núp tại thể mà làm một bậc Nhân Tiên thì kiếp đọa trần cũng còn chưa mẫn.

Vì vậy Thầy buộc các con phải trường trai mới đặng luyện đạo.

2-TƯỢNG SỐ HỌC.

SỰ QUAN-TRỌNG CỦA TƯỢNG-SỐ HỌC.

Trong “Dịch-Học Tinh-Hoa” bàn về con số trong Hà-Đồ có ghi: con số của Dịch, số nhỏ là con số mạnh, con số

lớn là con số yếu về tinh-thần (vì đứng xa con số Huyền của Thái-cực). Con số 3 vì vậy được xem như là con số căn-bản của Đạo, con số sáng chói nhất, tượng trưng sự huy-hoàng của Đạo .

Con số 3 mà nhơn cho 3 ($3 \times 3 = 9$) là chỗ mà sách Thái-Huyền bảo: “ Phân khí dương làm 3 chặ, chòng lên 3 lần đến 9 doanh là đến chỗ cùng-cực”. Đó là con số của cực dương(Thái-dương), sắp trở về với hư-vô hay côi Huyền. Con số 9 vì vậy được xem như là con “số căn” để thực-hiện viên-mãn công-phu “Tinh hóa khí, khí hóa Thần, thần hườn Hư của Đạo-gia, cũng như trong tất cả mọi công-phu tu-luyện của Đạo-giáo.

Tượng-số-học là cái học huyền-nhiệm căn-bản của khoa Huyền-bí, khó học nhất của Dịch-học. Người ta bảo rất đúng: “**Không học Dịch làm gì rõ được chỗ đầu mối của Tạo-Hóa**”. Dịch mà thông thì sự lý trong vạn-vật tự-nhiên được thông. Chưa từng thấy “ kẻ chưa thông Dịch” lại thông được sự lý của vạn-vật. Dĩ nhiên, ở đây người ta muốn nói đến cái học về tượng-số của Kinh-Dịch, vì Dịch gốc nơi Tượng và Số.(Hà-đồ và Lạc-thư ,nói chung một tên là Hà-Lạc).

Cái học “Hình-nhi-Thuợng” của Dịch là ở các con số và hình tượng của nó : Mỗi con số đều có hình -tượng đặc-biệt của nó. **Hình thể của mỗi con số có tác -dụng như một “Trường-lực” đủ sức tạo-tác từ cái “Không” đến cái “Có**”. Con số, tự nó không khác nó , như con số 3 có khác gì **những** con số 3 khác. Nhưng hình tam -giác tượng-trung con số 3(là một đơn vị hình-học) lại có nhiều hình thức khác nhau (như tam -giác đều hay tam -giác vuông). Cho nên, những hình khối do tam-giác tạo ra đều có một trường -lực đặc-biệt (Champ de forces) của nó.

Người nắm được sự bí-mật của con số và những hình-thức của nó, có thể tạo cho mình một quyền-lực huyền-bí phi-thường đáng nể của một đẳng tiếu “Tạo-hóa”.

Con số, như ta đã thấy là cái học căn-bản của môn huyền-học và huyền-bí học thượng-thừa; không hiểu nổi huyền nghĩa của nó thì đọc sách về huyền-học Trung-hoa hay cả Thánh-kinh Thiên-Chúa-Giáo sẽ không làm sao hiểu được đến chỗ tinh thâm diệu nghĩa của nó.

Thánh Augustin ãng đã có nói: “ không hiểu ý nghĩa của các con số, không sao hiểu nổi nhiều đoạn bí-hiếm trong Thánh-Kinh” Ông lại quả-quyết: “nhờ con số ta mới hiểu được ý Trời.

Đạo là lý sống tự-nhiên mà con người cần phải thấu triệt cái lý đó để sống cho thuận với đạo thì mới tồn tại.

Đạo là Lý, có lý rồi mới có tượng, có Tượng rồi mới có số. Kinh-dịch nhân tượng để biết số, hễ hiểu được nghĩa của nó thì số sẽ ở bên trong.

Lý là vật vô-hình, cho nên nhân tượng để rõ lý, Lý hiện ở lời, thì có thể do lời mà biết Tượng. Vì vậy mới nói rằng: “Hiểu được nghĩa của nó, thì số sẽ ở bên trong.

Kinh-dịch là sách dạy về LÝ-SỐ, nói về lý tương-đối trong vạn-vật hay nguyên-lý âm-dương, Kinh-dịch đã nói: “ Nhất âm nhất dương chi vị Đạo”.

Âm dương là Khí, hễ có khí ấy thì có lý ấy; hễ có lý ấy thì có khí ấy. Muôn vật, muôn việc ở gầm trời, cái gì không ở lý ấy mà ra? Cái gì không ở âm dương mà ra:

Một 1 (thái-cực), mà Hai 2 (Lưỡng-nghi). Hai (lưỡng-nghi) mà Một (thái Cực). Có hiểu được cái lý “ Một mà hai, hai mà một” ấy thì mới có thể hiểu được tinh-hoa của Dịch -lý: “Thái-cực mà là lưỡng-nghi; Lưỡng -

nghi mà là Thái-cực. Dương và âm vì thế không phải là danh-từ tuyệt-đối, chỉ có Thái-cực là tuyệt-đối thôi. Dịch-học là 'NHẤT-NGUYÊN-LUẬN', hay nói cho đúng hơn: " NHẤT NGUYÊN LƯƠNG -CỰC ĐỘNG "(Monisme dynamique polarisable).

Đức Ngọc-hoàng Thượng-Đế khai Đại-Đạo Tam-Kỳ Phổ-Độ này là muốn dạy cho các Môn-đệ về môn lý-số, nên mới có sự sắp xếp và định-vị cách trưng bày các cúng phẩm trên "Thiên-Bàn" ững như cách lạy các đấng thiêng-liêng đều biểu thị bằng các con số... Như Thầy dạy cách cúng lạy sau:

25 Février 1926, TNHT/ I trang 10 sau đây:

Trung vô giữa bái lễ cho Thầy coi...

Con làm lễ trúng, song mỗi gập, con nhớ niệm câu chú của Thầy: "Nam Mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát".(12 chữ).

Đại Lễ là làm lễ ba lần:

Lần đầu dâng hương và hoa,

Lần giữa dâng rượu,

Lần chót dâng trà.

Phải chính mình con dâng các lễ ấy.

Khi bái Lễ, hai tay con chấp lại, song phải để tay trái ấn Tý, tay mặt giữa ra nằm dưới, tay trái chup lên trên.

Từ đây (25-2-1926) 13 tháng Giêng năm Bính Dần, con phải may riêng bộ áo lễ, tay rộng, cổ trịch như áo đạo, nhưng **giải gài chín mối**, màu xanh da trời. Con nhớ mang giày gai đặng hầu Thầy, còn nhứt nhứt đều để **chơn không hết**.

Lạy là gì?

- Là tỏ ra bề ngoài , lễ kính trong lòng.

Chấp hai tay lại là tại sao? Tả là Nhứt, hữu là Nguyệt, vị chi Âm Dương. Âm Dương hiệp nhứt phát khởi Càn Khôn, sanh sanh hóa hóa tức là Đạo.

Lạy kể sống thì hai lạy là tại sao?

- Là ngiờn cội của nhơn sanh lưỡng hiệp Âm Dương mà ra. Ấy là Đạo.

Vong phàm lạy bốn lạy là tại sao?

- Là vì hai lạy của phần người, còn một lạy Thiên, một lạy Địa.

Lạy Thân, lạy Thánh thì ba lạy là tại sao?

- Là lạy Đấng vào hàng thứ ba của Trời, và cũng chỉ rằng lạy Tinh, Khí, Thần hiệp nhứt. Ấy là Đạo.

Lạy Tiên, lạy Phật thì chín lạy là tại sao?

- Là tại chín Đấng Cứu Thiên Khai Hóa.

Còn lạy Thầy 12 lạy là tại sao?

- Các con không biết đâu?

Thập nhị Khai Thiên là Thầy, chúa cả Càn Khôn Thế Giới, nắm trọn Thập nhị Thời Thần vào tay. Số mười hai là số riêng của Thầy.

3-Luyện Tinh hoá Khí:

Có một Đấng xưng là Vô-danh Tiên Trưởng cho một bài thi dạy Đạo, bài Thi có ý nghĩa rất cao-siêu chỉ cách “Luyện Tinh hóa Khí” cho người nào muốn luyện Đơn nấu thuốc trường sanh.

Bài Thi:

VÔ tận kho kia mấy kẻ dò,

DANH thơm nhờ có biết lường đo,
TIÊN gia chỉ thú mùi thi Đạo,
TRƯỜNG giả đừng mong mới đến dò.

Bàn Đạo chào quý vị,

Bàn Đạo thấy lòng chư quý Vị mến Đạo thương đời, nên cũng nhân lúc nhàn du đăng để ít lời giáo huấn.

Đạo là Không, Đời là Sắc, qui bao nhiêu sắc trở lại làm không, ấy là cơ đặc đạo đó.

Sắc thành không, không biến Sắc, thật ra hư hư nên nên, thật cõi đời muôn việc có cũng như không. Nếu vì có mà quên ngôi xưa vị cũ, phải chăng hữu ích có phải ? Hay trăm năm giấc mộng của đời trả cho thế, rồi về chỉ cái hồn không , đăng hồi tiếc ăn năng đã muộn.

Bấy nhiêu lời, Bàn-đạo xin quý vị hiểu cho lắm.
Xin kiếu. Thăng. (Thánh-ngôn Suu-Tập, quyển III).

Luyện Tinh cho hoá khí, tức là luyện cái tinh hữu hình (là con số 6 biểu tượng của lục căn sanh ra lục dục). Tức là nhất bốn tán vận thù: 6 = tam âm hiệp với tam dương (☰ + ☷) thành cái tinh hữu hình . Bây giờ mới luyện sao cho cái tinh hữu hình này trở thành cái tinh vô-hình (Số 1 là ngôi thái cực), tức là vận thù qui nhất bốn, là biến lục-căn thành lục thông lúc bây giờ người tu mới thực là có trí huệ. Làm được việc này, người luyện-đạo phải lấy tâm chơn thành và một ý chí cường liệt mới có thể đắc đạo được. Chữ Tinh ở đây có nghĩa là tinh-hoa đạo-pháp trong tam-giáo đều giống nhau, chớ không phải cái tinh khí ủa trai gái tạo nên như hình mà mọi người thường hiểu, vì tinh này cũng gọi là tinh. Chữ tinh mà chúng ta cần phải luyện đây là nói về Đạo tâm của mỗi người, có hình tượng là quẻ Khảm ☵ là phân chơn dương

*nằm giữa hai âm., nó là khí sanh-quang của người ta vậy.(
xem lại bản Hà-Đồ trang 85)*

*Hào dương này khi tách rời khỏi hai hào âm bao
quanh nó (tức Thái cực sanh lưỡng nghi) sẽ gây nên tiếng
nổ (quẻ Chấn ☳) làm kinh Thiên động Địa . Do theo
hiện-tượng này mà Đạo Cao-Đài dùng âm nhạc trong việc
lễ bái hằng ngày(Nhạc là nói về sự điều-hòa).*

ÂM-NHẠC ĐẠI-ĐẠO
(Huyền âm Thượng-Đế)

Đây cũng là một thứ tinh của Thượng-Đế đã ban
cho chúng sinh (Khí sanh-quang), đó là Đạo 道, là
nguồn gốc cây Long-tu-Phiến, là bửu pháp của Đức Cao-
thượng-Phẩm .

Ý-nghĩa Lễ Nhạc: Nhạc Tấu Quân Thiên.

Đền Thánh, đêm mùng 1 tháng 8 năm Đinh Hợi (1947)

Hôm nay Bản Đạo giảng về ý nghĩa Lễ, Nhạc.

*Từ thử ai cũng cho âm thanh, sắc tướng là tà mị, mà căn
bản của Đạo Nho là Lễ Nhạc, mà chính Đạo Tam Kỳ là
Nho Tông chuyển thế thì phải truy tầm nguyên lý của nó
mà xác nhận cho đúng nghĩa là thế nào? Đòi phen chúng
ta không hiểu được cho yên tâm khi dâng lễ cho Chí
Tôn lúc Nhạc Tấu Quân-Thiên, hết lớp trống, qua đến đờn
bảy bài thì lâu quá có khi phải chôn chân rồi nản chí,
chính Bản Đạo cũng vậy, vì nghĩ rằng: Chí Tôn tư vị Quốc
Dân Việt Nam nên tiên định chi chi cũng làm gương mẫu
cho toàn đại đồng thế giới, mà có Lễ Nhạc này luôn luôn
khi dâng lễ thì ý nghĩa ấy ắt cao trọng lắm là phải.*

*Bởi có nên khi mới khai Đạo, Bản Đạo đến tại Thánh Thất
Thủ Đức của ông Thơ tạo lập, Bản Đạo không tin nên hỏi*

Đức Lý Giáo Tông, Ngài dạy rằng: "Trên Ngọc Hư Cung có hai câu lữ, phía hữu: Bát hồn vận chuyển ca Huỳnh Lão; phía tả: Vạn vật đồng thanh niệm Chí Tôn". Bản Đạo cũng không hiểu là gì. Lần lần Bản Đạo hỏi nữa, Bản Đạo lại được dạy mà hiểu rằng: "**Kể từ phiêu thai Càn Khôn vạn vật này, Chí Tôn, là khối sanh quang, biến thành hai khối sanh khí, hai khối ấy trụ lại thành một khối lớn tương hiệp nhau mới nở sanh tiếng âm, người ta gọi là nổ âm, hay nghe tiếng Ni, Đạo Phật sửa lại thành Úm (Úm ma ni bát rị hồng) nhờ tiếng nổ ấy Bát Hồn mới vận chuyển biến sanh vạn vật và loài người.** Tiếng ấy bay ra nghe đến đâu thì khí sanh quang đến đó, tức là có sự sống đến, bằng chẳng nghe được thì nơi ấy tiêu diệt nghĩa là chết mất mà thôi. Bởi có nên dùng đến những vật bát âm, nó đã chết đi rồi như cái trống chẳng hạn, tám da trâu ấy đã chết, mà với sự khôn ngoan loài người mà nó có tiếng kêu được, tức là làm cho nó sống lại được, nghĩa là Bát Hồn ấy vận chuyển sống lại mà đánh lễ Đức Chí Tôn, vì có nên khi nghe Nhạc Tấu Quân Thiên là có âm thanh sắc tướng, song hiểu xác lý: Khi dâng lễ Chí Tôn qui pháp định, thấy và nghe cả Bát Hồn vận chuyển dâng cái sống cho Ngài.

Nên chi từ đây khi Nhạc Tấu Quân - Thiên, chúng ta xem quý hơn dâng Tam Bửu, dầu phải lỡ đi nửa chừng trong Đền Thờ, nghe đến đó phải dừng lại, cảm không được đi lộn xộn, thì lễ ấy giảm điều kính trọng dâng cho Chí Tôn mà không nên. **Khấy** là vận chuyển Bát Hồn đánh lễ Đức Chí Tôn. Vì có Lễ Nhạc hiểu rõ lại thì Chí Tôn không phải là tư vị nước Việt Nam, mà chính nghĩa là làm cho sống lại Bát Hồn, và Ngài vẫn vui nhận lễ ấy. Ấy vậy mới có thể làm chủ và làm gương cho toàn nhơn loại được, thì danh ấy không phải là quá đáng.

Xin khuyên toàn Đạo từ đây nên để trọn tâm mà kính trọng khi Nhạc Tấu Quân-Thiên.

Nói về 5 cây nhang, từ thứ Bản Đạo để cho các Nho gia tr do giảng nghĩa sao thì giảng, còn Bản Đạo hiểu rõ là Ngũ khí. Chí Tôn dùng Ngũ khí mà biến thành Ngũ hành vận chuyển cả Càn khôn Thế giới, tức là Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ. Mỗi chất đều có mỗi sắc, mỗi sắc đều có mỗi khí. Mùi vị và sanh quang của nó chúng ta không thể hưởng được, nghe được. **Nên chi, khi làm lễ đốt đủ 5 cây hương là đúng theo phép tín ngưỡng là qui pháp lại, mọi vật trong Ngũ khí dâng lễ cho Chí Tôn chỉ có người vui hưởng qui pháp ấy mà thôi, cắt nghĩa rõ rệt ra là Ngũ khí đó vậy.** Đúng hơn nữa là trong Bát Hồn vận chuyển được phải nhờ đến Ngũ khí cùng một ý nghĩa với "Vạn vật đồng thanh niệm Chí Tôn".

Đạo Cao Đài là nền Đạo qui pháp cả cái sống của Bát Hồn mà dâng lễ trả cái sống khi mới phôi thai Càn Khôn do nơi hai khối sanh khí mà tạo thành, ngày nay lại dâng lễ trọng cho Chí Tôn tức là qui pháp cho khối sanh khí ấy, tức là Chí Tôn vui và duy nhất là thấy sự sống trả lại cho Ngài. **Toàn Đạo nên trọn tâm xét hiểu nhiệm màu Đạo lý ấy mà lần lần đạt cho được Chơn pháp của Chí Tôn.**

5-TÁC-ĐỘNG CỦA ĐỘ-SỐ ÂM-THANH LÊN CÁC THỂ CON NGƯỜI.

Các ông nên **lưu**, con người có nhiều thể bao quanh xác thân như thể phách, thể vía, thể trí... Các thể này được cấu tạo bằng những nguyên tử rất nhẹ, rất thanh gần như vô hình. Âm nhạc tự nó đã có các rung

động cùng nhịp với sự rung động của các thể, nên ảnh hưởng rất nhiều đến con người.

Âm thanh vừa qua căn bản trên “phân tư âm”, có tác động lên thể trí các ông. Các loại âm thanh dựa trên “phân ba âm” tác động lên thể vía, và “phân nửa âm” tác động lên thể xác. Điều này cũng dễ hiểu thôi, vì “phân tư âm” thanh hơn nên ảnh hưởng đến các thể nhẹ hơn. Con người chỉ biết tác động của âm nhạc ở cõi vật chất nhưng không hiểu ảnh hưởng của chúng ở các cõi trên. Âm nhạc lưu một dấu vết trên thân thể con người, và trực tiếp ảnh hưởng đến tính tình, hành động. Điều này có thể ví như khi ta ném một hòn đá xuống ao. Khi hòn đá chìm nhưng làn sóng vẫn gợn, và lan rộng ra. Một cái lá nổi trên mặt nước chắc chắn sẽ chịu nhiều ảnh hưởng. Hậu quả của âm nhạc còn mạnh hơn như vậy. Do đó, việc chọn nhạc để nghe rất quan trọng. Kinh Veda đã nói, “vũ trụ tạo lập do sự phối hợp các âm thanh”. Thánh kinh cũng ghi nhận, “huyền âm xuất hiện trước nhất, và huyền âm ở với thượng đế, huyền âm là thượng đế.”

Nhờ âm thanh mà các sinh vật thông cảm với nhau. Quyền năng này rất đơn giản ở loài thú cầm và dần dần trở nên phức tạp ở loài người. Từ ngôn ngữ đến tiếng hát thô sơ chỉ có vài bước và bước này tạo nên âm nhạc. Âm nhạc là một công thức tế nhị, kín đáo để truyền thông nhưng có một tác dụng cực mạnh, có thể làm thay đổi quốc gia, xã hội, truyền thống. Nó còn mạnh mẽ hơn các giáo điều, triết lý vì nó ảnh hưởng đến các thể vô hình. Con người chỉ hiểu rằng khi nghe nhạc buồn lâu ngày, ta sẽ trở nên u sầu. Khi nghe nhạc vui lòng ta thấy phấn khởi. Thật sự lòng ta chỉ phản ảnh một cách vô thức những đổi thay trong các thể. Từ ngàn xưa, âm nhạc đã giữ một địa vị quan trọng và ảnh hưởng rất lớn từ vua

chúa đến thứ dân. Các ông không thấy thời đại nào, âm nhạc càng thay đổi, biến chuyển nhiều thì thuần phong, mỹ tục càng suy giảm, và xã hội càng đảo lộn hay sao? Trái lại khi âm nhạc bị hạn chế thì xã hội đâm ra bảo thủ. Các ông cho rằng âm nhạc là sản phẩm văn hoá, tiêu biểu cho từng thời kỳ. Điều này không đúng lắm vì lịch sử cho thấy mỗi khi âm nhạc thay đổi là chính trị, văn hoá thay đổi theo sau. **Âm nhạc có tính cách xây dựng cũng như huỷ hoại, chỉ có các âm thanh tinh vi do sự sáng tạo chân thành của lòng vô ngã mới đưa ta trở về quê hương của linh hồn. Muốn sáng tạo các loại nhạc này con người cần phải để cho Chân Ngã sáng chói, cần trau dồi cho tâm hồn tĩnh lặng để hoà đồng với vũ trụ. Vì âm thanh của vũ trụ lúc nào cũng vang lừng cho những người thức tỉnh, người biết thưởng thức, biết yêu cái đẹp, biết nghe những huyền âm cao cả trong yên tĩnh vô biên. Hãy yên lặng, các ông sẽ học hỏi nhiều điều mới lạ. Hãy cố gắng nhìn mọi vật như một thực tại, các ông sẽ sáng tạo và khi sống trong tâm thức sáng tạo, các ông đều là những nghệ sĩ, những người biết yêu cái đẹp, biết rung động với Chân, Thiện, Mỹ.**

6-Tự kiểm soát cách thức tu hành

Tôi không quan niệm một phương pháp nào mà để mỗi cá nhân tùy theo sở thích lựa chọn. Tôi chỉ khuyên họ nên sáng suốt kiểm soát cách thức tu hành để tránh các sai lầm thông thường. Như các ông thấy, trên các con tàu lướt sóng ngoài biển khơi bao la, cứ khoảng nửa giờ, vị thuyền trưởng phải nhìn vào bản đồ, xem địa bàn, đo phương hướng để xác định vị trí con tàu. **Biết mình ở đâu và đi đến đâu là câu hỏi quan trọng của mọi người trên đường đạo**. Công việc tu hành cũng thế, người tu lúc nào cũng

phải luôn luôn tự hỏi về mình, để kịp thời sửa sai các lỗi lầm thông thường vì sai một ly đi một dặm. Khi con tàu rời bến, một lỗi lầm nhỏ từ khởi điểm có thể làm con tàu đi xa mục tiêu vài chục hải lý. **Đường tu cũng thế, một ý niệm sai lầm có thể khiến ta đi vào tà đạo lúc nào không hay.** Phương pháp tu thân không chú trọng đến hình thức, mà chỉ nhắm vào **kiểm soát thường xuyên quan niệm của người tu đối với bản thân mình, với mọi người chung quanh.** Phải tự xét mình, kiểm soát tư tưởng của mình từng ngày, từng giờ, rồi suy ngẫm về bản ngã, chân ngã. Kinh Veda đã dạy, “ta không phải là xác thân vật chất này mà là một linh hồn cao quý, trường tồn n, một điểm linh quang ủa thượng đế.” Nói khác đi, con người là một linh hồn bất diệt còn thể xác chỉ là một dụng cụ thô sơ, tạm thời. Người hiểu đạo là người ân cần lo lắng cho linh hồn hơn là cái xác thân tạm bợ. Chân lý này giúp cho người tu tránh các tội ác, các phiền não, vì đa số người đều làm tưởng mình là xác thân nên lo lắng, chịu chuộc nó đủ điều. Để cho xác thân được sung sướng họ đã không ngần ngại giết nhau, làm hại nhau, lừa bịp lẫn nhau, tóm lại tất cả những gì xấu xa, tội bại. Nếu ý thức được chân lý này thì ai lại còn vơ vét của cải, vật chất làm gì, vì các thứ đó đâu có ích gì cho linh hồn. Người hiểu biết đường đạo ý thức linh hồn là ta, là người làm chủ, còn xác thân chỉ là con ngựa để ta cưỡi đi trên đường. Người chưa hiểu biết nhận mình là con ngựa và cố gắng thoả mãn các nhu cầu của nó (thân xác hữu hình này ví như con ngựa). Họ không ý thức mình là tay kỵ mã kiêu hùng bất diệt mà cam chịu thân phận con vật yếu **hèn chịu sự chi phối của thời gian và không gian.** Căn bản đầu tiên của người đi trên đường đạo là ý thức mình, duyệt xét đường đi của mình để tìm một lối tu thân hợp lý. **Kinh Veda dạy**

rằng, “*Ta và người tuy bề ngoài khác biệt nhưng thực sự bên trong lại như nhau, bởi tất cả đều cùng chung một nguồn gốc mà ra*”. Chân lý này cho thấy chúng ta đều là hoa trái của một cái cây, cùng chung một gốc, bề ngoài tuy khác, nhưng bề trong tất cả đều là con của Thượng đế. Nếu ý thức được chân lý này thì ai lại còn giận hờn, oán thù, ghen ghét nhau. Có khi nào tay mặt lại cầm dao chém tay trái, có khi nào anh em thù nghịch hãm hại lẫn nhau. Sự khác biệt giữa con người là do mức tiến hoá khác nhau qua các kiếp sống. Có khi nào ta thù ghét một kẻ kém ta đâu? Suy luận rằng, “*vạn vật đồng nhất*”, ta sẵn sàng tha thứ cho kẻ khác, vì họ không hiểu biết, không ý thức hành động của mình, và lại họ và ta nào có khác nhau đâu. Khi hiểu rằng “*nhất bốn tám vạn thù*”, ta nhìn vạn vật như chính mình, từ loài người qua loài thú, thảo mộc, kim thạch, và ý thức rằng mọi vật đều có sự sống, đều có Thượng-Đế ngự ở trong. Ta sẽ cởi bỏ thành kiến, mở rộng lòng thương đến muôn loài. Người tu là người sống thuận hoà với mình và mọi người, sống an lạc với vạn vật trong vũ trụ, sống hoà hợp với thiên nhiên một cách ung dung tự tại. Đó là con đường tu đứng đắn nhất theo sự hiểu biết của tôi.

7-Phải biết sửa sai mới hoàn thiện được bản thân.

Nếu chúng ta tu một thời gian mà thấy lòng không vui vẻ, phấn khởi, gương mặt không thoải mái, cử chỉ không đàng, lời nói không ôn tồn, tâm hồn không thương mến thì chắc là ta đã không sống thuận lẽ đạo. Có lẽ ta đã đi vào tà đạo lúc nào mà không hay. Khi tu hành mà tâm thần rối loạn, thần trí đảo điên, tham lam, sân hận, oán thù, thì đó là triệu chứng đã đi lạc đường rồi. Nếu biết

thế phải lập tức kiểm điểm lại phương pháp tu hành để sửa đổi, và quyết tâm trở lại khởi điểm để bắt đầu lại con đường đạo. Nếu không làm như thế thì vô phương cứu chữa, cũng như bệnh đã nhập tâm mà còn mê say luyện tiếc vật chất, không cương quyết dứt bỏ thì làm sao còn chữa trị được.

THÊ-DỤC DƯỠNG-SINH PHÁP MÔN YOGA

Yoga là một khoa học, một lối tu thân cho những người muốn vào cửa đạo nhưng đây cũng không phải là một tôn giáo như nhiều người đã hiểu lầm.. Du Già (Yoga) là một khoa học bao gồm nhiều thứ từ : thiên văn, địa lý, triết học, toán học, v..v..

Phương pháp dưỡng sinh và tập Yoga có thể giúp con người vượt qua các bệnh tật. Cũng như thế, phương pháp tu thân sẽ giúp con người vượt qua các trở ngại để tiến vào cửa đạo. Có rất nhiều phương pháp tu hành tùy theo quan niệm cá nhân, hoàn cảnh xã hội chung quanh, tôn giáo... Nhưng tất cả đều nhắm mục đích chung là giải thoát.

Pháp môn tôi được truyền dạy gọi là Hatha Yoga, chỉ là một phần nhỏ của toàn bộ Yoga. Pháp môn Yoga còn gì quý lừng nên người tu chân chính không khi nào đem rao bán ngoài chợ. Kẻ nào thành tâm muốn học hỏi phải ra công tìm kiếm và đó là phương pháp duy nhất. Một danh sư không cần quảng cáo rầm rộ vì không cần các đệ tử xúm vào xưng tụng. Trái lại, ông tuyển chọn đệ tử gặt gao và chỉ truyền dạy các giáo lý bí truyền khi người đệ tử tỏ ra xứng đáng. Khoa Yoga bí mật vì cách luyện tập rất nguy hiểm đối với người non kém, chưa đủ khả năng. Khai mở các bí huyệt đầu phải trò chơi tầm thường.

Có rất nhiều môn Yoga khác nhau, nhưng tôi tu luyện theo môn Hatha Yoga, nhằm việc chủ trị xác thân trước khi chủ trị tinh thần. Lúc đầu ta phải luyện tập bấp bệch và bộ máy hô hấp cho thật thuần thục, sau đó mới đi vào thân kinh, não tủy. Nếu tập đúng cách, sức khỏe sẽ tăng cường, sống lâu và có ý chí nạnh mẽ. Đó chỉ là giai đoạn nhập môn, nó đòi hỏi ít nhất từ một đến bốn năm mới đáng kể. Thân thể có cường tráng, tinh thần có dũng mãnh mới có thể tiếp tục bước vào giai đoạn kế tiếp.

Lối luyện tập của người Á châu, vốn chú trọng từ bên trong ra đến bên ngoài. **Trước hết có bốn cách thức căn bản : Nghỉ ngơi làm xoa dịu thân kinh, cân não. Tĩnh tọa để tập trung ý chí. Điều tức để tẩy uế thân thể, khu trục các chất cặn bã, và Khí công để kiểm soát hơi thở.** Người Âu các ông tưởng mình biết nghỉ ngơi, nhưng thật ra các ông không biết gì cả.

Các ông ngồi trên ghế một lúc rồi quay bên này, ngả bên nọ. Khi thì tréo chân, lúc lại dang tay, coi thì thoải mái nhưng trí óc các ông hoạt động liên miên từ việc này đến việc nọ. Như thế chỉ là hoạt động âm thầm chứ đâu phải nghỉ ngơi.

Loài vật biết cách dưỡng sức bởi vì chúng có bản năng du đút mà bản năng là tiếng nói tự nhiên. Loài người được hướng dẫn bằng lý trí, nhưng thay vì làm chủ lý trí, họ đã không kiểm soát được bộ óc của họ, nên hậu quả là cả hệ thống thân kinh thể xác đều bị ảnh hưởng. Sự nghỉ ngơi hoàn toàn như không có.

Tôi chỉ có thể nói một vài tư thế giúp con người tăng cường sức khỏe thôi. Có hai mươi tư thế (Asana), mà ai cũng có thể tập luyện để tăng cường sinh lực. Các tư thế này có ảnh hưởng đến một số bí huyết khiến nó tác động

lên các cơ quan suy yếu, giúp nó hoạt động trở lại mạnh mẽ hơn.

Khoa học Tây phương đã chứng minh rằng ngoài các mạch máu chính, thân thể con người còn có hàng triệu các vi ti mạch chạy khắp nơi để đưa dưỡng khí nuôi cơ thể. Nếu một cơ quan hay bắp thịt ít hoạt động hay suy yếu, thì số lượng các vi ti mạch (capillaries) cũng giảm bớt đi. Tập thể thao hay bơi lội có thể làm các mạch máu nhỏ này gia tăng hoạt động, khiến cơ quan phục hồi. Cũng như thế, tập các tư thế Yoga sẽ làm luồng hoá hầu (Prana) lưu chuyển, kích động các cơ quan từ trong khiến nó hoạt động nhưng tập Yoga làm nó hoạt động đúng với hiệu năng sẵn có. Do đó, nó mang lại nhiều hiệu quả thần diệu hơn. Con người không có lo gì bệnh tật nữa, nếu có bệnh cũng sẽ khỏi hoàn toàn. Một thân thể khoẻ mạnh, cường tráng làm sao có thể bị bệnh được? Bệnh tật là do sự mất quân bình trong cơ thể. Người chỉ biết hoạt động mà không biết nghỉ ngơi, thế đã là lý do gây nên các bệnh thầnkinhrồi.

9-Phép thư-giãn

(Nghỉ ngơi hoàn toàn)

Có hai cách thư giãn: ngồi và nằm ngửa.

CÁCH THỨ NHẤT: Việc đầu tiên là phải ngồi cho thoải mái, ngồi trên ghế, nhất là các ghế bành êm ái rất có hại cho xương sống, con đường vận hành chính của luồng hoá hầu (Prana), và là nguyên nhân gây nên các chứng đau lưng, bại xuội, phong thấp. Phép ngồi thật ra rất dễ, chỉ cần ngồi xếp bằng dưới đất, không dựa vào đâu, không nghiêng ngả bên nào, giữ cơ thể thật thẳng bằng, xương sống phải thật thẳng và thở nhẹ, đều đặn. Ai cũng có thể thở nhẹ trong vài phút nhưng sau đó sẽ lại thở loạn xạ

ngay. Đó là vì bộ óc quen hoạt động, quen náo nhiệt. **Hãy giữ cho lòng yên tĩnh, vắng lặng không bận rộn vào mọi chuyện vớ vẩn.** Lúc đầu chưa quen chủ trị tư tưởng thì hãy nghĩ đến một cái gì đẹp đẽ, mỹ lệ như bông hoa, giòng suối. Đó là lúc bắt đầu ch o ội nghỉ ngơi. Khi giữ được xương sống thẳng và thở hít đều đặn, thì luồng chân khí sẽ lưu thông khắp cơ thể và từ đó sẽ điều chỉnh các chỗ bế tắc, ứ đọng trong châu thân.

CÁCH THỨ HAI: Cách thứ hai là nằm ngửa trên mặt đất, chân duỗi thẳng, đưa hai ngón chân cái ra ngoài. Hai tay buông xuôi bên thân mình, nủt nhắm lại để sức nặng toàn thân phân phối đều trên sàn gạch. Nên nhớ phải nằm trên sàn chứ không phải trên giường, nhất là giường nệm, vì giường mềm mại khiến thân thể lệch lạc không đều. Hãy nằm cho thoải mái, không nên cố gắng thái quá, đầu óc phải thanh thoi, chớ suy nghĩ hay mong mỏi điều gì.

Tư thế này sẽ xoa dịu bộ thần kinh khiến nó lấy lại trạng thái quân bình. Nên nhớ nền tảng chính của Hatha Yoga dựa trên sự nghỉ ngơi, dưỡng sức chứ không phải hành xá hơi v các tư thế vận vạo kỳ cục.

Sự tập trung ý chí để thi hành tư thế đó một cách đứng đắn sẽ thúc đẩy các mãnh lực tiềm tàng trong cơ thể con người. **Những mãnh lực này là bí mật của thiên nhiên, nó chỉ phát triển khi người luyện tập phải kèm theo một phương pháp thở (Khí công).** Tư thế giúp con người chủ trị giác quan, hơi thở giúp con người mở cửa vào thế giới tinh thần. Nên nhớ tinh thần và thể xác luôn đi song đôi. Không thể có một tinh thần bạc nhược trong một thể xác tráng kiện, hay tinh thần minh mẫn trong một thể xác bệnh hoạn. Trong giai đoạn cao của Hatha Yoga, thì

hành giả sẽ phải tham thiền nhập định rất lâu, thể ngồi của thể xác là điều quan trọng vì nó giúp sự tập trung tư tưởng được dễ dàng, giúp hành giả tinh tấn, tăng cường ý chí....

- **Nhưng tôi vẫn thắc mắc về các tư thế kỳ lạ, vận vẹo thân hình của Yoga như chống ngược đầu, vắt chân lên ổ.**

- Bạn nên nhớ, trung tâm bí mật của hệ thần kinh rải rác nhiều chỗ trong cơ thể. Mọi tư thế có công dụng riêng, ảnh hưởng đến một bí huyết nhất định. Nhờ kích động các bí huyết đó mà ta có thể ảnh hưởng các bộ phận trong cơ thể, cũng như hoạt động trí não. Các tư thế lạ lùng chỉ dùng để kích động các bí huyết mà thôi. Ngoài ra không còn gì khác nữa. **Bạn phải nhớ kỹ rằng ngoài các tư thế còn có phương pháp khí công nữa, chứ không phải chỉ vận động các bắp thịt thôi.** Người Tây phương tập thể thao, vận động thể xác mạnh mẽ, tiêu phí sức lực để làm nảy nở bắp thịt. Người Á châu tin rằng chính cái sức mạnh ở trong mới điều khiển và chỉ huy các bắp thịt. Bạn cho rằng phương pháp chống ngược chân lên trời (trồng cây chuối) là lố bịch ư? Tư thế này dồn máu xuống bộ óc do trọng lượng của nó. Bình thường máu được đưa lên óc do sức vận động của tim. Sự khác biệt ở chỗ để máu tự nhiên dồn xuống óc xoa dịu cân não rất có lợi cho ai làm việc nhiều bằng trí óc và giúp quả tim ngơi nghỉ không phải cố gắng để đưa máu lên óc. Nhờ tim được nghỉ mà tránh được các chứng đau tim. Khi thực hành các tư thế này phải cẩn thận, làm chậm rãi, từ từ, có ý thức, giữ vững tư thế trong một thời gian, không nên cố gắng thái quá. Nên nhớ chìa khoá là ở sự nghỉ ngơi thong thả, chứ không phải hùng hục. Môn Yoga giúp thân thể tự động điều hoà trong sự yên tĩnh, thăng bằng, khác hẳn các lối tập thể thao co tay, múa chân ào ạt của người Âu. Làm thể tuy bắp thịt cơ thể nảy nở, nhưng thân thể nào động, có hại cho thần kinh.

10-LUYỆN KHÍ (HƠI THỞ).

Yoga là khoa học của vũ trụ, nó không những chỉ áp dụng riêng đối với dân Á châu, mà là khắp nơi. Tôi không thể đi sâu vào chi tiết nhưng dù sao duyên hội ngộ lần này cũng tốt đẹp. Tôi giúp ông bạn một chìa khoá bí truyền này. Luật thiên nhiên định rằng trung bình con người thở với số nhịp là 21.600 lần mỗi ngày. Sự hô hấp quá nhanh làm gia tăng nhịp điệu nói trên và thu ngắn sự sống. Sự hô hấp chậm rãi, kéo dài, đều đặn là tiết kiệm sinh lực và kéo dài sự sống, đó là bí quyết khoa Khí công. Mỗi hơi thở tiết kiệm sẽ tích tụ lại thành một số dự trữ giúp ta kéo dài sự sống. Các đồ ăn có chất kích thích hay hút thuốc làm cho hơi thở dồn dập, giảm số lượng dưỡng khí vào phổi , tất nhiên làm ta giảm thọ nhanh. Có lẽ ông bạn còn nghi ngờ ? Khoa Yoga ý thức rất rõ sự liên quan chặt chẽ giữa cơ quan hô hấp và tuần hoàn. Cả hai cơ quan này liên hệ mật thiết với hệ thần kinh. Bộ thần kinh là chìa khoá vào cánh cửa tâm linh, do đó, hơi thở chính là lối vào tinh thần. Nhưng hơi thở chỉ là sự biểu lộ trên địa hạt vật chất của một sức mạnh tế nhị hơn. Sức mạnh này mới là cột trụ sinh hoạt xác thể, và chính cái sức mạnh vô hình, vô ảnh hưởng tàng trong cơ thể chúng ta (THẦN) mới thực sự điều khiển đời sống. Khi nó rời xác thân thì hơi thở ngừng lại và sự chết đến. Sự kiểm soát hơi thở giúp ta làm chủ một phần nào luồng sinh lực vô hình này. Khi sự chủ trị thân xác được thực hiện đến mức cao siêu, con người sẽ kiểm soát được sự vận động các cơ quan trong thân thể như tim, gan ,bao tử, phổi.....

11-TRƯỜNG SINH-HỌC

(Phương-pháp kéo dài sự sống).

- **Có ba phương pháp kéo dài sự sống.** Phương pháp thứ nhất là luyện tập tất cả các tư thế (asana) cùng với môn khí công bí truyền cho thật thuần thực tuyệt hảo. Phương pháp này chỉ có thể thực hiện dưới sự chỉ dẫn của một vị danh sư đã có kinh nghiệm vì sai một ly đi một dặm, đó là chưa kể người tập phải có một nếp sống tinh khiết, trong sạch hoàn toàn. Một ý niệm xấu khi thiền định có thể làm loạn động hơi thở đưa đến tình trạng “tẩu hỏa nhập ma”, điên loạn hoặc chết ngay. Phương pháp thứ hai là sử dụng dược chất, pha chế các loại thuốc đặc biệt các loại cây cỏ hiếm hoi, phương pháp này cũng chỉ một thiểu số biết cách bào chế và chỉ truyền lại cho các đệ tử riêng. Phương pháp luyện đơn này chỉ được dùng trong trường hợp đặc biệt vì nó có các hiệu quả không thể lường được.

12-HUYỀN-QUAN KHIẾU

(Khai mở Huyền-quang nhất khiếu)

Phương pháp thứ ba là lối mở các kỳ kinh bát mạch, sinh tử huyền quan rất khó giải thích theo khoa học thực nghiệm.. Tôi chỉ có thể nói như thế còn tin hay không là quyền của ông. Trong óc con người có một lỗ trống rất nhỏ nằm sâu bên trong, và có một nắp đậy bên ngoài. Nơi cuối cùng của đốt xương sống là sào huyết của luồng hoá hâu Kundalini. Sự trụy lạc, trác táng làm tiêu hao sinh lực, khiến con người trở nên già nua, cằn cõi. Trái lại, nếu biết kiểm soát ta có thể tiết kiệm sinh lực. Khi một người làm chủ toàn xác thân, y sẽ kiểm soát được luồng hoá hâu này. Chỉ những đạo sĩ Yogi thượng thặng mới dám luyện tập đến luồng hoá hâu, khiến nó thức tỉnh đi ngược lên trên theo xương sống khai mở các bí huyết, các trung tâm quan trọng nằm dọc theo lộ trình. Khi mở

được nắp đậy lỗ hồng ngay trong óc để luồng hoá hầu Kundalini chui vào cư ngụ nơi đây, ta sẽ khai mở nhiều quyền năng, cải lão hoàn đồng kéo dài sự sống. Sự khó khăn nhất là việc mở được cái nắp đậy trên óc, việc này có khi cần sự trợ giúp của một danh sư sử dụng nội lực giúp y đã thông kinh kỳ bát mạch. Việc này rất khó vì kẻ táo bạo luyện công dễ mất mạng như chơi. Người thành công có thể kéo dài sự sống như ý muốn và khi chết thể xác họ vẫn tươi tốt như khi còn sống, và không hề hư hoại...

Tôi biết ông bạn nghi ngờ vì các điều đó hoàn toàn trái với lý thuyết khoa học nhưng bạn ơi, mình triết bao trùm mọi khoa học, nó là khoa học vũ trụ, so với môn khoa học thực nghiệm thì môn này chỉ là một mảnh vụn

KINH Thiên Đạo có nói đến huyền quan khiêu:

Hồn-độn tôn-sư cần khôn chủ tế,
Qui thể giới u nhưt khí chi trung.

.....
Công tham Thái-cực
Phá nhưt khiêu chi huyền quan
Tánh hiệp vô vi

13-TỰ MÌNH CẮT BƯỚC LÊN ĐƯỜNG GIẢI-THOÁT

Tâm chưa an tịnh là tâm còn phân biệt, là tâm còn sống trong nhị nguyên, là tâm phàm, là tâm của người Duy-vật.

Tâm chưa an tịnh thì đừng mong gì giải thoát. Khi bạn chưa giải thoát được mình thì bạn còn phải khổ dài dài dù bạn là hạng người nào trong xã-hội.

Này các bạn, giáo lý nào cũng dạy phải thương yêu, tha thứ và giúp đỡ đồng loại nhưng tại sao xã hội lại không như vậy? Tại sao giữa cái biết và hành xử lại có sự

trái ngược ? Phải chăng lòng con người còn ham mê vật chất, tuy nghe điều hay lẽ thiệt nhưng ta vẫn để đó, tiếp tục làm các điều càn rỡ. Người bệnh cũng thế, khi mới mắc bệnh không lo chạy chữa mà chờ khi mạng sống bị đe dọa mới cuống lên, thuốc gì cũng uống, ai nói gì cũng làm, cố sao kéo dài đời sống. **Tại sao lại có các điểm dị biệt như thế ?** Khoa học công nhận rằng ăn uống điều độ, có thể tránh bệnh tật, nhưng biết rồi để đó, chứ có mấy ai theo ? Hình như chúng ta vẫn thèm miếng ngon, vật lạ dù biết nó là chất độc.

Nếu chúng ta chấp nhận tất cả đều là con của thượng đế, tại sao ta vẫn đâm chém, làm hại lẫn nhau ? Nếu chúng ta chấp nhận các loài cầm thú là đàn em bé bỏng, thì ta phải tránh sát sinh chứ. Tại sao ta vẫn giết hại “đàn em” qua các bữa ăn thịnh soạn ? Phải chăng miếng ăn, vì béo đã làm ta quên lét rồi ? Vấn đề của cải cũng thế, ta biết chúng chỉ là vật tạm bợ, vô thường khi chết nào có mang theo được; nhưng thực tế, **hễ đâu có của cải là nơi đó có tranh chấp lẫn nhau.**

Hãy nhìn đàn gà trong sân, chúng đang vui ở nó đùa nhưng lễ có ném cho nắm thóc, là có xô xát ngay. Hãy nhìn bày chó cùng cha, cùng mẹ âu yếm liếm nhau kia, nhưng chủ ném cho cục xương là cắn nhau tức thì. Loài người thông minh hơn loài vật nhưng của cải, danh vọng, vật chất đã làm họ bất hoà có khác chi loài thú ?

Từ mấy ngàn năm nay, con người luôn được hướng dẫn bởi các chân lý cao đẹp. Tôn giáo nào cũng dạy những điều thật tốt lành nhưng tại sao vẫn không thấy có sự tiến bộ? Phải chăng vì chúng ta chỉ nói chân lý ở đầu môi, chót lưỡi ? Ta đến các thánh đường tôn nghiêm với y phục sang trọng nhất, các lễ vật đẹp đẽ nhất, đọc thuộc lòng các lời răn chân chính nhất nhưng chúng ta

vẫn làm các điều xấu xa, bi ối nhất. Có bao giờ các ông nghĩ về những điều này không?

14- CON SỐ 7 HUYỀN-DIỆU.

Trong thân người có 7 trung tâm lực (Prana) vận hành điều khiển hệ thần-kinh của cơ thể mà ta thường gọi tên là “Luân-xa”. Mỗi luân-xa gồm các dây thần-kinh giao-cảm và đối giao-cảm từ trong tuỷ sống óc và dây chuyền hạch giao-cảm.

Các địa điểm ấy là các trung-tâm lực chỉ huy sự hoạt động, cảm-giác có ý thức và tự-đông của tạng-phủ và các bộ-phận của cơ thể..

Bảy luân-xa là 7 địa điểm thân kinh chỉ huy hoạt động toàn cơ thể. Nếu kích thích thần kinh đó chạy tốt, thì khí huyết sẽ thông, con người thơ thới, trí óc sẽ minh-mẫn, không có một chút gì bẻ tắc thì chúng ta đạt được không dám nói Thiên-nhĩ-thông...mà chỉ đạt tới minh-mẫn, sáng suốt, biết phân-biệt điều phải lẽ trái, bất thương yêu mọi người, được vậy cũng quý rồi.

Vạn vật trong vũ trụ dù ở cõi vô hình hay hữu hình đều được sắp hạng và phân loại theo quy mô của số 7. Tất cả mọi hình thức sinh hoạt trong dãy hành tinh hiện tại đều thuộc một trong 7 cung. Mỗi cung có 7 phân bộ hay 49 nhóm. Toàn thể Thái dương hệ của chúng ta đều là sự biểu lộ của Thượng-Đế, mỗi phần tử trong đó đều là một phần của ngài. Ngoài ra có 7 vị tinh quân (logo) mỗi vị kiểm soát một cung. Thật ra các vị này chỉ là những trung tâm thần lực, những con đường vận hà để thần lực Thượng đế ban rải ra. **Con người có ba thể chính là thể xác, thể vía và thể trí tương ứng với ba cõi giới: Hạ giới, Trung giới, và Thượng giới.** Thượng-Đế cũng thế, tất cả vật chất trong Hạ giới hợp thành thể xác của ngài. Tất cả

vật chất cõi Trung giới hợp thành vía của ngài, và tất cả vật chất cõi Thượng giới hợp thành thể trí của ngài. Tóm lại, tất cả đều là thành phần của Thượng-Đế từ hạt bụi đến các dãy thiên hà. Mọi nguyên tử vật chất cấu tạo nên chúng ta đều là một phần của Thượng-đế xuyên qua 7 cung – khi qua đây nó bị thay đổi ít nhiều, tùy ảnh hưởng các cung. Khoa chiêm tinh có ết phân biệt người nào chịu ảnh hưởng cung nào tùy số lượng nguyên tử cấu tạo xuất phát từ cung liên hệ.” (Trong Dịch-lý nó chính là cung Mệnh tính theo bát-quái)

Nói theo danh từ Thiên chúa giáo thì 7 vị tinh quân này đã xuất hiện trong linh ảnh (vision) của Thánh Jean. Sách khai huyền 4.5 nói rõ, “có 7 ngọn đèn thấp trước ngài, đó là 7 vị đại thiên thần của chúa trời”(thất khiêu sinh quang ở trên đầu của mỗi con người) Lúc khởi thủy, mọi người chúng ta đều là thành phần của Thượng-Đế, nghĩa là cùng bắt nguồn từ một nơi. Sau đó, chúng ta tách rời ra, xuyên qua 7 con đường vận hà này. Theo sự hiểu biết của tôi, thì 7 con đường biểu lộ 7 đức tính của Thượng-Đế, qua 7 vị tinh quân (thất tinh của con người) Vị thứ nhất là thiên thần Michael (sức mạnh), liên hệ đến hoả tinh. Vị thứ hai là Gabriel (toàn tri) liên quan đến thuỷ tinh. Vị thứ ba là Raphael (quyền năng) liên quan đến thái dương. Vị thứ tư là Uriel (ánh sáng) liên quan đến mặt trăng. Vị thứ năm là Zakiel (hảo ý) liên quan đến mộc tinh, còn hai vị kia là Jophiel và Samuel thì tôi không biết rõ hành tinh liên hệ. Khoa học thực nghiệm tin rằng các hành tinh đều là sự kết hợp ngẫu nhiên của vật chất. Nếu là ngẫu nhiên tại sao chúng nằm ở các vị trí nhất định trong vũ trụ, và di chuyển theo một quỹ đạo cố định ? Mọi vật dường như tuân theo một định luật thiên nhiên, nhưng đằng sau định luật đó luôn luôn có một sức mạnh thiêng

liêng cai quản. Tôi cố gắng dùng tên các vị thiên thần và danh từ Thiên chúa giáo để giải thích cho các ông. Điều này có thể được diễn tả khác đi tùy theo quan niệm tôn giáo, văn hoá; nhưng sự thật vẫn là một. Muốn hiểu khoa chiêm tinh phải đi ngược về nguồn cội. Con người từ một chón nguyên thủy ví như nước cùng một nguồn chảy theo bảy dòng suối khác nhau để ra biển. Mỗi dòng suối sẽ mang một tính chất khác nhau, do đó nước trong suối cũng chịu ảnh hưởng ít nhiều. Loài người có thể phân biệt ra 7 đức tính rõ rệt (Thất-tình) tùy theo con đường vận hà mà họ trải qua. Chiêm tinh nghiên cứu con người và ảnh hưởng hành tinh đến các tính nết nhất định. Cũng như khoa Sinh lý học phân biệt con người qua tính chất nồng nhiệt, lãnh đạm, bạch huyết chất hay đa huyết chất. Thực ra đó chỉ là các phương pháp khác nhau để trình bày tính chất con người. Dĩ nhiên không dễ gì tìm ra cung của mỗi người vì y đã đi sâu trong luân hồi sinh tử, tạo các nghiệp quả phức tạp, và những nguyên nhân này chế ngự, ảnh hưởng đến tính tình y rất nhiều. **Chỉ với sự khai mở các giác quan như Thần nhãn hay có một kinh nghiệm sâu xa về huyền môn, ta mới có thể biết rõ họ thuộc cung nào.** Nếu một người biết rõ cung của mình và tiếp tục trau dồi bản tính sẵn có, thì y sẽ tiến bộ rất nhanh, vì khí cụ hữu hiệu nhất là phương pháp thuộc về cung liên hệ. Thí dụ như người có khiếu về âm nhạc lại cứ học toán. Không phải y sẽ không tiến bộ gì, nhưng nếu đi về âm nhạc y sẽ tiến nhanh hơn vì hợp với khả năng hơn. Sự hiểu biết mình là ai, có những khả năng tiềm ẩn nào sẽ giúp ta định hướng đi cho chính xác. Đó mới là mục đích của khoa chiêm tinh. Đa số con người hành động không ý thức, chịu ảnh hưởng ngoại cảnh, nên luôn bất mãn, không thoả mái. Họ tự đóng kịch với chính mình, hoặc sống theo một

lề lối khuôn khổ không thích hợp. Trong Kinh thánh có câu, “nếu các người không hồn nhiên như trẻ con, các người không thể vào nước thiên đàng”. Điều này khuyên ta nên sống thật với chính mình. Chiêm tinh học có thể giúp ta biết ta là ai, thích hợp với những công việc gì? Sự nghiên cứu chiêm tinh như thế mới gọi là đứng đắn chứ không phải chỉ xem quá khứ, vị lai, may rủi.

Làm sao con người có thể biết họ thích hợp với cung nào?

Một nhà chiêm tinh giỏi có thể lấy lá số tử vi để xem cá nhân liên hệ với cung nào, điều này đòi hỏi rất nhiều thời giờ, kinh nghiệm. Một phương pháp khác là hãy nhìn hành động mỗi người. Người thuộc cung 1 sẽ đạt đến mục đích bằng sức mạnh ý chí. Người thuộc cung 2, phân tích kỹ lưỡng vấn đề để lựa chọn phương pháp nào hữu hiệu nhất. Người thuộc cung 3 nghiên cứu rất kỹ về thời gian, giờ khắc thuận lợi nhất v.v... Một thí dụ khác như trong việc chữa bệnh, người cung 2 sẽ tìm hiểu nguyên nhân và phương pháp nào thích hợp nhất để chữa bệnh, khi người ở cung 3 sẽ nghiên cứu thời gian nào thuận lợi để chữa. Người ở cung 6 sẽ tìm cách chữa bệnh bằng đức tin. Người thuộc cung 7 sẽ chữa bằng các nghi lễ, cúng tế, v.v.. Tuy nhiên, cách tốt hơn hết là tự mình, xét lấy mình. Hãy dẹp bỏ những điều mình vẫn khoác lên bản ngã như danh vọng, địa vị, ham muốn. Hãy thành thật với chính mình thì ta có thể xem được mình thuộc về cung nào.

15-THỂ PHÁCH LÀ NHỊP CẦU NỐI LIỀN GIỮA THỂ GIỚI VÔ VÀ HỮU HÌNH.

Con số 7 là thất khiếu sanh quang làm nên thể phách con người, nếu biết phản bản hoàn nguyên mà tu hành chính chắn thì con người sẽ được giải thoát khỏi kiếp luân-hồi mà về hợp nhất với Thượng-Đế.

Chúng ta thường nghe người đời hay nói đến “ tam hồn, thất phách” hay “ ba hồn chín vía”. Vậy Hồn, Phách và Vía như thế nào? Điều này nói ra thì nghe không có gì lạ nhưng hiểu nó là gì thì chắc ít có ai hiểu đặng vì nó chỉ là những con số trong Hà-Đồ. Xin được giải ra đây để nhờ quý Đạo tâm phán xét:

Số 3 là số dương, là quẻ càn ☰. 3 là thành số của 1+2, là tượng cho Trời, cha, là điểm linh-quang, là Linh-hồn của con người do: sanh hồn, giác-hồn và linh hồn hiệp làm một vậy.

Số 7: Thất-tình của con người, theo Hà-Đồ thì con số 7 là Thiếu-Dương, là phần Dương bị lộn vào âm ở trong nên không được hoàn hảo vì có chữ DỤC (dục vọng). số 7 tạo thành cái thể Phách bao bọc quanh thể xác của con người. Số 7= 2+5 (Âm dương lẫn lộn chưa phân-định).

Số 9: Cũng là một số dương, gốc nó là kim trong Hà Đồ, là thành số của 4+5= 9(là con số thuần dương) . Số chín là gương “ Thần-Huệ” cũng là thể vía của người tu đắc-đạo, phật-giáo gọi nó là Kim-thân bất hoại.

16-THỂ VÍA TỨC LÀ THÁNH-TÂM (TRÍ-TUỆ).

Người không tu thì bị thất tình sai khiến ,lục-dục níu lôi nên thể Phách phải chịu ô-trược, đến lúc chết hồn không thể siêu thăng được. Trong phép Tu hoàn nguyên phản bản: “thất phản cửu hoàn” thì linh-hồn mới được nhẹ nhàng siêu-thoát.

Các ông hiểu thế nào về sự cấu tạo của con người. Trong lúc tỉnh, thể vía là cây cầu cho tâm thức. Mọi sự va chạm, rung động, cảm xúc bên ngoài do hệ thần kinh giao cảm, được thể vía chuyển vào tâm thức, sau đó mới ghi nhận ở khối óc. Bằng chứng là ta suy nghĩ trước khi ta hành động có phải không ? Nguyên nhân gốc ngủ là sự mệt mỏi của thể xác. Nó cần phục hồi sức khoẻ nên nằm yên, nhưng thể vía lại khác. Nó vẫn hoạt động vì bằng chứng là đôi khi ngủ say nhưng ta vẫn ý thức mọi việc xảy ra chung quanh, có đúng tế không ? Thể vía luôn rung động để đáp ứng với hoàn cảnh chung quanh, vì tính chất này nó rất mẫn cảm với các rung động của bản năng, ham muốn, dục vọng. Các tính xấu như giận hờn, oán ghét chẳng qua là sự cô đọng của tư tưởng mà thôi. Sự cô đọng này tạo thành một lớp vỏ bao trùm lên thể vía, và ảnh hưởng của nó. Do đó, tính tình con người ch ỉ là một thói quen của tư tưởng. Như tôi đã trình bày, tư tưởng thanh cao cũng như hèn hạ đều bị thu hút vào thể vía và trực tiếp ảnh hưởng đến tình cảm con người. Bằng chứng là một người có tâm hồn thanh khiết không thể hợp với những nơi ồn ào náo nhiệt, ngược lại kẻ có tâm hồn náo động không thể chịu nơi vắng vẻ, êm đềm. Có người tự hỏi, tại sao họ không thể ngồi yên một chỗ, không thể tu tập các pháp môn thiền quán ? Ấy vì thể vía họ lao chao, giao động. Họ cần biết cách chủ trị tình cảm, thanh lọc thể vía. Các món đồ ăn nặng trọc như thịt cá, rượu, các chất kích thích cũng đem vào thể vía những phần nặng trọc. Người tu phải triệt để từ bỏ các món ăn này, vì nó rất có hại cho việc tham thiền, quán tưởng. Thể xác và thể vía liên lạc với nhau qua bảy trung tâm giao điểm sinh lực gọi là Luân xa. Tại đây, có một tấm màn

cấu tạo bằng nguyên tử cõi trần để ngăn chặn ảnh hưởng cõi âm. Vì thế, ký ức và sinh hoạt lúc ngủ không chuyển sang khối óc vật chất. Tuy nhiên, đôi khi ngủ dậy ta vẫn mơ màng tưởng có một cái gì mà không sao nhớ được. **Đối với một người bình thường thì luân xa không thức động nên tấm màn này khép chặt, nhưng rượu, thịt, các chất kích thích có thể phá hoại tấm màn này khiến nó bị rách và ảnh hưởng cõi âm có thể chuyển qua cõi trần khiến y bị điên khùng hay rối loạn hệ thần kinh.** Có khi cá nhân mất tự chủ, bị các loài ma quỷ(Các vong-linh bất hảo) nhập vào sai khiến.

Tuy nhiên, theo sự hiểu biết của chúng tôi thì khoa học không thể chứng minh điều này. **Lệu có cách nào khiến chúng ta khai mở các quan năng để nghiên cứu cõi giới vô hình không**

Sự khai mở quyền năng thuộc phạm vi tâm thức, trước khi mở tâm phải tinh luyện các thể đã. Nếu chưa thanh lọc được các thể thì đừng nói đến khai mở bất cứ một giác quan nào.

- Vậy ta phải luyện các thể bằng cách nào ?

- **Tinh luyện thể trí bằng sự suy tư chân chính** (tức học Đạo-Dịch). Trí tưởng tượng con người là một công cụ sáng tạo hữu hiệu. Khi ta suy tư, tưởng tượng, ta vô tình xây dựng thể trí. **Nếu ta chỉ suy tư những điều tốt lành, cao thượng thì ta đã luyện trí rồi.** Sau thể trí là thể vía, thể này chỉ luyện bằng cách ham muốn chân chính. **Hãy ham mê các điều cao thượng thì tự khắc thể vía sẽ phát triển.**

Nhưng tư-tưởng cao thượng và ham muốn chân chính là những điều trừu tượng, làm sao có thể làm được...

-Đa số mọi người quan niệm như thế nên chả khi nào tiến bộ được. **Con người muốn quyền năng, giải thoát nhưng chỉ chờ đợi một phép lạ, một tha lực ngoại giới, chứ không tự tin rằng mình có khả năng làm những việc đó.**

- Dù tôi muốn thanh lọc các thể thì cũng phải có một phương pháp, một sự hướng dẫn, một kỹ thuật nào đó, chứ nói một cách trừu tượng thì ai nói chẳng được.

- Theo sự hiểu biết của tôi thì tôn giáo nào cũng dạy những điều cao đẹp và áp dụng những lời dạy này. Đây cũng là một phương pháp, kỹ thuật thanh lọc các thể .

17-PHƯƠNG-PHÁP THANH-LỘC CÁC THỂ.

a-- THỂ XÁC

Thứ nhất là luyện thể xác, phải biết cách kiểm soát, kiểm chế thể xác hoàn toàn, quy định mọi hoạt động như ăn, uống, ngủ cho thật đúng. Thức ăn được phân làm ba loại : tinh, động và điều hoà. Người tập phải tránh đồ ăn “tinh” vì nó làm thể xác hôn mê, lười biếng, bất động. Các thức ăn có đặc tính “tinh” là các món đang lên men, các thức đồ khô, các loại rượu. Các món ăn có đặc tính “động”, như thịt, cá, thường đem lại các kích thích hăng hái nhất thời, xác chết thú vật gồm nhiều nguyên tử nặng nề bởi các thú tính thấp hèn không thích hợp cho việc tu hành, thanh lọc. Chỉ có các món ăn “điều hoà” là thức có khả năng tăng trưởng, chứa nhiều sự sống như ngũ cốc, vì nó đậm nham, nảy lộc, các loại trái cây vốn tràn đầy nhựa sống, các loại rau cỏ vốn hấp thụ khí thái dương cần thiết cho một thể xác cường tráng, nhạy cảm. Sau việc ăn uống, còn phải thở hít, hô hấp cho đúng cách. Khoa học chứng minh con người sống được là nhờ hơi thở nhưng thật ra đó là nhờ sinh khí (prana). Chính các

sinh khí này thấm nhuần khắp cơ thể, mang sự sống đến khắp tế bào. Prana xuất phát từ ánh sáng mặt trời, nó rung động và pha trộn trong không khí. Bằng cách hô hấp thật sâu, thông thả. Prana sẽ thấm vào thần kinh hệ và lưu thông khắp châu thân, mang sự sống khắp xác thể. Chính các Prana tích tụ trong hệ thần kinh tạo ra luồng “nhân điện”, một yếu tố quan trọng của sự sống.

Tóm lại, dinh dưỡng đúng cách bằng các món ăn có đặc tính “điều hoà”, tập thở hít đúng cách là phương pháp tinh luyện thể xác vô cùng quan trọng. Như các ông thầy, phương pháp này không có gì trái với khoa học hiện tại. Cách thực hành có thể khác nhau tùy cá nhân, người gọi là thể dục, kẻ gọi là thiền định, điều này không quan trọng vì căn bản chính chỉ nhằm đem lại một thể xác lành mạnh, cường tráng. Người luyện thể xác cần sống nơi thoáng khí, nhiều ánh sáng mặt trời để đón nhận các sinh lực prana, nhằm bổ túc luồng nhân điện.

Các món ăn như thịt cá mang lại các rung động thô bạo, khiến luồng nhân điện này chạy loạn lên khó kiểm soát, gây nên các bệnh tật hoặc phá hoại hệ thần kinh. Các món ăn “tinh” như rượu làm tê liệt bộ thần kinh khiến luồng nhân điện bị ngắt quãng không đều, ngăn trở các sinh khí prana lưu thông mang sinh lực nuôi thể xác, gây nên nhiều hậu quả không tốt.

b - THỂ VĨA

(hay đệ nhị xác thân)

Luyện nhị xác thân theo lời thuyết đạo của Đức-Hộ-Pháp:

Muốn cho khỏi phụ lòng Chí Tôn thì ta phải đào luyện cho đệ nhị xác thân ấy dạng tinh khiết nhẹ nhàng. Muốn được vậy, ta chỉ có hai điều là phải trai giới, chỉnh tu cho cái đệ nhị xác thân được tráng kiện hoạt bát,

tùng khôn viên thẹn đức. Đệ nhị xác thân ta khi còn sống ở quanh mình ta, bảo hộ về sanh quang tiếp với đệ tam xác thân là linh hồn. Khi lìa khỏi xác thúì hôi hữu hoại thì nó trực tiếp ngay với linh hồn nếu nó được thanh khiết. Bằng nó nghiệt ác thì nó phải dính líu với cái xác thúì hôi này mà phải chịu lìa xa cái linh hồn thì thân tử sẽ rước đi mà phải đọa là vậy. Bởi có Chí Tôn ban cho ta cái Bí Pháp (phép xác) ắt đứt dây oan nghiệt cho nó rời hẳn với đệ nhất xác thân được khinh phù nhập một với linh hồn tức là hằng sống vậy.

Loài người quá xảo quyết khôn khéo tiếm tàng sự sung sướng xác thịt này, tại do đó mà gây nên biết bao nhiêu thân sâu quỷ khóc, chiến tranh không ngớt, là do nơi lòng tham lam tến triển văn minh, cơ khí tối tân như là bom nguyên tử để giết người. Hiện tại nơi Mỹ Châu, Cổ Tăng Viện của họ có đến 200 triệu quyển sách. Cứ bỏ đồng một ngày xem một quyển thì phải sống đến mấy đời mới đọc hết được.

Chí Tôn biết rõ loài người tiến hóa tội bực mà tự đắc tự tôn, chỉ biết lo cho xác thịt mà thôi, không chuyên lo cho đệ nhị xác thân và tinh thần, nên Chí Tôn đến khai Đạo là cố ý giáo hóa cho loài người biết rõ câu tội phước, giỏi luyện cho con người tận thiện đến hiệp cùng Ngài. Nếu chúng ta biết được vậy thì toàn thể thế giới này những điều tinh ma quỷ quái sẽ tiêu diệt, thân tử không hề đến ta được.

Nếu ta thấy được cõi Hư Linh kia, cái tình của vạn loại bị giết chóc một cách tàn nhẫn, bởi loài người kết oán thù thâm với nó, chực chờ thù ghét, vì vậy mà có vay trả luân hồi mãi mãi đọa đày, bất năng thoát tục.

Mong sao chúng ta từ đây phải biết trọng lấy lẽ ấy mà luyện đệ nhị xác thân cho đi đầy sự tinh khiết, là phải

thương loài vật, phải thương tất cả để chấm dứt cái oan nghiệt ấy mà truyền bá cái hườn thuốc linh đơn này là đạo đức của Chí Tôn, để cứu vớt quần sanh thoát vòng đọa lạc hoàn toàn.

Cả thế gian này biết được vậy thì chắc chắn không còn cảnh thảm khố này tái diễn lại nữa. Loài người do một nguyên căn mà thôi, đi do tâm lý và tập quán của các nước, của các sắc dân, vì cái khác ấy mà chia phôi nhau, nghịch lẫn nhau, thù địch nhau, mà tranh tranh đấu đấu không ngừng.

Vậy Thánh Ý của Chí Tôn khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tam Giáo Qui Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhứt là muốn dung hòa tâm lý toàn cả con cái của Người để cứu vãn trọn 92 ức nguyên nhân, vì thế mà phải bị sa đọa nơi đây. Chí Tôn đã đại từ đại bi chỉ rõ căn nguyên và ban ơn cho ta, dạy dỗ cho ta để đạt ngôi vị là phải trau luyện cho Tinh hiệp với Khí, Tinh Khí hườn Thân là cơ huyền bí để mà đắc Đạo vậy.

Trọng giá của Tam Bửu mà Chí Tôn ưa chuộng để dâng Đại Lễ cho Ngài là nguyên nhân chấm dứt cái họa tranh thù gây nên trường oan nghiệt cho toàn thế giới.

Ấy vậy, muốn duy trì sự hòa hiệp đại đồng này cũng do nơi gốc Bí Pháp đó mà thôi, dầu triết lý thâm uyên đạo đức mà tôn giáo nào cũng không qua lẽ ấy; mà nếu không đạt được thì toàn lẽ ấy là đệ nhị xác thân của toàn thể ô trược tội tình, thì thế giới sẽ điều tàn tiêu diệt mà chớ.

LUYỆN THỂ VÍA

Sau khi thanh lọc thể xác, ta bắt đầu luyện đến thể vía. Thể vía là trung tâm của tình cảm, một khi tình cảm trong sạch, vị tha, bác ái, đương nhiên các chất thanh nhẹ

sẽ được hấp thụ vào và các chất nặng trọc, xấu xa sẽ bị đào thải ra ngoài, theo một nguyên lý giống như sự thẩm lọc (osmose). **Khi thể vía thanh cao, nó sẽ rung động với các tư tưởng cao thượng mang tâm thức lên một bình diện cao hơn. Khi sự rung động đến một chu kỳ nào đó, các giác quan thể vía bắt đầu khai mở tự nhiên, con người sẽ bắt đầu có quyền năng đặc biệt.** Nói một cách khoa học hơn, các giác quan thể vía chỉ hoạt động ở một chu kỳ và chỉ khi nào thể vía rung động đúng chu kỳ này nó mới được đánh thức để hoạt động. Thể vía chỉ có thể rung động ở chu kỳ này vì nó được cấu tạo bằng những nguyên tử thật thanh, nhẹ, khi những nguyên tử nặng trọc bị khu trục hết. Điều này chỉ xảy ra khi con người chỉ có các tình cảm cao thượng, lòng bác ái tốt lành bao trùm mọi vật. Đó là bí quyết cách luyện thể vía.

Khi bảy giác quan của thể vía hoạt động, nó sẽ khai mở một số bí huyết để luồng hoả hần Kundalini thức giấc. Khi luồng hoả hần này chạy dọc theo xương sống lên đỉnh đầu, nó sẽ thúc đẩy, khai mở thể trí khiến nó khai triển để hợp nhất với chân thần. Khi thể trí khai triển, mở lớn ra nó sẽ khởi sự tiêu diệt cái phàm ngã ích kỷ của con người để hướng đến các điều thánh thiện. Đây là một giai đoạn vô cùng khó khăn, rất ít ai vượt qua nổi. **Danh từ Phật giáo gọi là Phật tánh biểu lộ, danh từ Thiên chúa giáo gọi là quên mình để hoà nhập với đấng cứu thế, danh từ Ấn giáo gọi là sự hợp nhất với Chân Ngã.** Nói một cách giản dị thì đây là lúc trí tuệ quy kết các tư tưởng và hoạt động về tình huynh đệ, bác ái nhu thuận, từ bi, trí tuệ, vị tha, hỷ xả để kết tinh thành chân ngã. **Khi phàm ngã hoàn toàn bị huỷ diệt, các thể cũng hoàn toàn được thanh lọc thì không còn sự phân biệt giữa ta và tha nhân, giữa chủ thể và đối tượng mà tất cả đều là một.**

Thế trí không còn tính cách cá nhân mà đã thành “đại trí”, hay trí tuệ “bát nhã”. Tâm thức cũng không còn là tâm cá nhân mà thành tâm thức “bồ đề”, hoà hợp hoàn toàn với tâm thức vũ trụ. Cả tâm lẫn trí mở rộng đón nhận ánh sáng chân lý mà không còn phải học hỏi, lý luận gì nữa. Đây chính là giai đoạn giác ngộ của người tu. Họ trở nên một đáng siêu nhân, một vị Tổ, một vị Thánh...

Căn cứ vào đâu ta biết được như vậy ? Phải có bằng chứng gì chứ ?

Các kinh nghiệm quý báu, thiêng liêng đó chỉ có các bậc giác ngộ rồi mới hiểu được. Không một vị thánh nào võ ngực tự xưng đã đạt quả vị này hay quyền năng nọ. Khi đã giác ngộ thì chức tước, danh vọng, địa vị đâu có nghĩa lý gì nữa, vì họ đâu còn bản ngã thấp hèn như chúng ta để phân biệt. Chỉ có các “bậc lừa bịp”, các tu sĩ giả mạo mới thích danh vọng, chức tước, vì bản ngã họ còn to lớn và cần các danh xưng, địa vị để lừa bịp tín đồ nhẹ dạ.

- Trên nguyên tắc thì như vậy, nhưng còn phương pháp, kỹ thuật thì sao ?

- Phương pháp, kỹ thuật thì rất nhiều, con đường đến chân lý cũng thế, tùy theo nhân duyên, căn cơ cá nhân không thể áp dụng một kỹ thuật nào cứng nhắc được. Phương pháp, kỹ thuật có thể khác nhau, nhưng nguyên tắc chỉ có một.

Sự thật là chân lý luôn luôn được truyền dạy dưới hình thức này hay hình thức khác., tùy theo điều kiện, hoàn cảnh và phương tiện. Phương pháp tuy khác nhưng chân lý vẫn là một giống như nước suối hay nước sông vẫn là nước mà thôi. (Tùy duyên bất biến).

18-CÔI-GIỚI VÔ-HÌNH

Vấn-đề sử dụng khả năng thần nhân vào các việc khác như **thể giới bên kia cửa tử vẫn** được như thường khi nào ta tu có **đức trí -tuệ**, lúc bây giờ người tu cũng **đọc được tư-tưởng của người sống và biết được họ đang nghĩ gì**.

Bạn mến, trước hết tôi xin xác định rằng chết không phải là hết, mà chỉ là một giai đoạn di chuyển từ kiếp sống này sang kiếp sống khác. Con người chỉ rời bỏ thể xác này thôi. Sự chết không có gì đáng sợ như người ta vẫn nghĩ.

Như thế người chết có thấy chúng ta không ?

Họ nhìn thấy chúng ta qua thể vía mà thôi. Do đó, họ biết được tình cảm hoặc ý nghĩ, cảm xúc của ta mặc dù họ không còn nghe được lời nói, âm thanh cõi trần nữa.

Như vậy họ vẫn ở gần người sống ?

Lúc mới từ trần, còn quyến luyến, họ vẫn ở nguyên chốn cũ, gần nhà cửa, gia đình, những người thân. Theo thời gian, họ ý thức được cõi giới mới rồi siêu thoát, nghĩa là hoà nhập với cõi giới mới, không quanh quẩn ở cõi trần nữa. Sự quyến luyến rất có hại cho người chết, nhất là những người chết bất đắc kỳ tử. Họ còn nhiều dục vọng, ham muốn, nên cứ quanh quẩn ở cõi trần, không chịu đi đâu hết.

Số phận trẻ em khi chết ra sao ?

Chúng ít ham muốn, dục vọng, nên thành thoi, tự tại hơn. Lúc đầu chúng vẫn quanh quẩn, nô đùa quanh cha mẹ, và không ý thức sự chết của mình. Chúng tái sinh rất mau lẹ và thường hay trở lại gia đình cũ vì các nhân duyên từ trước. Thí dụ như một bà mẹ xảy thai do sự bất cẩn của bác sĩ chẳng hạn. Đứa bé vẫn tiếp tục quanh quẩn bên mẹ chúng và sẽ đầu thai trở lại khi có dịp. Trong

trường hợp phá thai lại khác, đứa bé không hiểu tại sao mẹ nó lại ghét chúng và làm hại nó như thế? Nó quanh quẩn gần đó một cách đáng thương và tìm cách hỏi mẹ chúng nhưng dĩ nhiên không tìm được câu trả lời.

Người Á châu thường tin rằng các vong linh thân nhân có thể giúp đỡ người sống và có các quyền năng đặc biệt, vì vậy, có tục lệ thờ cúng tổ tiên. Theo ông thì điều này ra sao?

Theo sự hiểu biết của tôi, con người khi sống ra sao thì chết cũng thế thôi. Không có gì thay đổi hết! Họ không thông minh hơn, ấu biết hơn. Hơn nữa, âm dương cách trở, họ khó có thể giúp gì cho người cõi trần. Dĩ nhiên, họ rất muốn tiếp xúc với thân nhân còn sống, nhưng người sống đâu ý thức gì đến sự hiện diện của họ. Đó cũng là lý do người chết rất đau khổ. Hơn nữa, **người chết đọc được tư tưởng người sống qua thể vía và đôi lúc biết rõ sự thật còn làm họ đau khổ hơn nữa.** Thử tưởng tượng cha mẹ đọc được tư tưởng đứa con mình rồi khi cha mẹ chết vì được hưởng gia tài. Người chồng mừng rỡ vì vợ chết rồi, từ nay tha hồ tự do, muốn làm gì thì làm. Người chồng thấy vợ mình chồng chết vì đã trút được gánh nặng. **Các ông nên biết, người đau khổ nhiều, phần lớn là người chết, chứ không phải người sống. Do đó, họ cần được an ủi, chỉ dẫn.**

Có nhiều cách giúp đỡ người chết: một cách tiêu cực và một cách tích cực. Đối với thân nhân người chết, họ có thể làm một cách tích cực như giúp cho người chết thấy thoải mái, nhẹ nhàng để họ mau siêu thoát. **Việc thứ nhất nên tránh** than khóc, kêu gào, để người chết khỏi xúc động, thương tiếc, và quyến luyến, khó rời cõi trần được. **Việc thứ hai là tránh** cỗ bàn, mổ gà, làm thịt vì như thế chỉ kêu gọi các vong linh bất hảo, các cô hồn đói khát kéo

đến đây nhà gây ảnh hưởng xấu đến người chết. Nên cầu nguyện trong suốt 81) ngày liền (gọi là **Tuần-cửu** vì đây là lúc người chết đang ở trong trạng thái quan trọng, sự cầu nguyện khiến đầu óc họ trở nên sáng suốt, hiểu biết để siêu thoát.) về phần cầu siêu cho vong linh thời kỳ ba này chúng ta nên theo chân-truyền của Đạo Cao-Đài Tây-ninh: làm tuần cửu thay vì tuần thất như xưa không còn phù-hợp nữa) Nên **thieu xác thay vì chôn**, để người chết không thấy đau khổ khi nhìn thể xác mình hư thối, bị dòi bọ đục khoét. Khi không còn lưu luyến thể xác, họ sẽ dễ siêu thoát hơn. Tại Ấn độ, tất cả người chết đều được hoả táng, đó là phong tục rất tốt, vì không còn các vong hồn quanh quẩn các nghĩa địa nữa. Việc tích cực giúp đỡ thường do các tu sĩ đảm trách. Họ xuất vía sang cõi chết để an ủi, hướng dẫn vong linh.

Tu sĩ đảm nhiệm việc này phải phát nguyện phụng sự hoàn toàn, phải trải qua một thời gian huấn luyện để giữ tâm trí luôn sáng suốt, vì cõi chết có nhiều cảnh ghê rợn với các sinh vật lạ lùng, một người thiếu kiến thức, hiểu biết, có thể kinh hoàng ghê sợ. Chỉ khi nào có thể tự chủ hoàn toàn, không bị ảnh hưởng bên ngoài làm giao động, tâm hồn luôn yên tĩnh không lo âu, sợ sệt và có một tình thương hoàn toàn rộng rãi đến tất cả, không còn phân biệt, thì sự giúp đỡ mới kín đáo, vô tư và có hiệu quả. Các ông nên nhớ, qua cõi này, sinh vật có thể đọc được tư tưởng lẫn nhau nên một lời nói không chân thật, tinh khiết có thể mang đến hậu quả không thể lường được.

Tại sao ông biết rõ như thế ?

Tại vì tôi đang được huấn luyện để làm việc này. Sự khai mở thần nhãn giúp tôi thu thập kiến thức về cõi giới vô hình. Từ đó, tôi nhận thức sứ mạng đức Mẹ đã giao cho tôi. Tôi đã phát nguyện dành trọn đời để thực

hiện thiên ý. Đó là lý do tôi từ bỏ đời sống quay cuồng của đô thị để đến đây. Ban ngày, tôi là một bác sĩ chăm lo săn sóc những người bệnh. Thời giờ còn lại tôi phục vụ đức Mẹ qua các công việc ngài giao phó. Các bạn thân mến, trọn cuộc đời, chưa lúc nào tôi sống thật trọn vẹn như bây giờ.

Hamud im lặng một lúc rồi thong thả :

- Cứu trợ, giúp đỡ các vong linh bên kia cửa tử là một điều hết sức cần thiết vì người chết thì nhiều, mà người hiểu biết lại chẳng có bao nhiêu....

- Nhưng đâu phải ai cũng làm được việc này, phải có các quang năng đặc biệt như ông, hay đợi lúc chết mới giúp đỡ được chứ...

Hamud lắc đầu :

- Không phải khi từ trần mới làm được việc này. Khi còn sống ta vẫn có thể làm được mà cũng không cần khai mở quang năng nào cả. Bất cứ ai biết suy nghĩ đều có thể làm được. Các ông nên hiểu rằng khi ngủ, thể vía của ta được tự do có thể hoạt động bên cõi âm. Nếu ta tập trung tư tưởng trước khi ngủ vào một sự giúp đỡ, an ủi nhằm mục đích hướng dẫn, cứu trợ tất cả mọi người không phân biệt thì điều này sẽ được thực hiện.

Dĩ nhiên, điều này không nguy hiểm gì hết vì tư tưởng có một sức mạnh thần giao đặc biệt và có một mãnh lực phi thường ở cõi âm. Nếu ta tập làm những việc này khi còn sống, ta sẽ không ngỡ, ngạc nhiên khi qua cõi bên kia vì ta đã quen thuộc với nó rồi. Ta còn gặp những người nhờ tư tưởng của ta mà được giúp đỡ, dĩ nhiên là họ sẽ đón tiếp ta nồng hậu và từ đó sẽ tiếp tục làm những công việc này...

Nghe thì dễ thật nhưng nó đòi hỏi một sự quyết tâm. Thứ nhất việc làm của ta phải bắt vụ lợi, vị tha, vô tư

vì cõi âm là cõi tư tưởng . Nếu ta có ý định mưu đồ việc gì, những người khác biết ngay và hậu quả lại chưa biết thế nào mà lường được. Thứ hai, đa số vong linh đều u mê, ngoan cố, rất khó thuyết phục, vì các nghiệp quả trói buộc hoặc lưu luyến cõi trần vì con cháu khóc than, thương tiếc quá làm họ đắm ra xúc động khó siêu thoát. Do đó, công việc này đòi hỏi sự tế nhị, khéo léo và một tâm hồn an tĩnh, không bối rối, xúc động. Nhưng khi ta đã phát tâm thì tư tưởng này sẽ là một khí cụ rất tốt giúp đỡ ta rất nhiều. Theo ý kiến của tôi, thì việc có một kiến thức rộng rãi về cõi âm là căn bản đầu tiên.

a- CÔI TRUNG GIỚI

Nếu ông nghiên cứu về cõi vô hình, xin ông giải thích về quan niệm thiên đàng, địa ngục cũng như đời sống sau khi chết ra sao ?

Vị pháp sư nghiêm giọng :

- Đó là một quan niệm không đúng, sự chết chỉ là một giai đoạn chuyển tiếp chứ không phải là hết. Vũ trụ có rất nhiều cõi giới, chứ không phải chỉ có một cõi này.
- Khi chết ta bước qua cõi trung giới và cõi này gồm có bảy cảnh khác nhau. Mỗi cảnh được cấu tạo bằng những nguyên tử rất thanh mà ta gọi là “dĩ thái”. Tùy theo sự rung động khác nhau mà mỗi cảnh giới một khác. Tùy theo vía con người có sự rung động thanh cao hay chậm đặc, mà mỗi người thích hợp với một cảnh giới, đây là hiện tượng “đồng thanh tương ứng” mà thôi. Khi vừa chết, thể chất cấu tạo cái vía được sắp xếp lại, lớp thanh nhẹ nằm trong và lớp nặng trọc bọc phía ngoài, điều này cũng giống như một người mặc nhiều áo khác nhau vào mùa ạnh, áo lót mặc ở trong, áo choàng dày khoác ngoài. Vì lớp vỏ bọc bên ngoài cấu tạo bằng nguyên

tử rung động chậm và nặng nề, nó thích hợp với các cảnh giới tương ứng ở cõi âm, và con người sẽ đến với cảnh giới này. Sau khi ở đây một thời gian, lớp vỏ bao bọc bên ngoài dần dần tan rã giống như con người trút bỏ áo khoác bên ngoài ra, tùy theo các lớp nguyên tử bên trong mà họ thích ứng với một cảnh giới khác. Cứ như thế, theo thời gian, khi các áp lực vật chất tan rã hết thì con người tuân tự tiến lên những cảnh giới cao hơn. Điều này cũng giống như một quả bóng bay bị cột vào đó những bao cát; mỗi lần cởi bỏ được một bao thì quả bóng lại bay cao hơn một chút cho đến khi không còn bao cát nào, thì nó sẽ tự do bay bổng. **Trong bảy cảnh giới của cõi âm, thì cảnh thứ bảy có rung động nặng nề, âm u nhất,** nó là nơi chứa các vong linh bất hảo, những kẻ sát nhân, người mổ xẻ súc vật, những căn bản xã hội, những kẻ tư tưởng xấu xa, còn đầy thú tánh. Vì ở cõi âm, không có thể xác, hình dáng thường biến đổi theo tư tưởng nên những kẻ thú tánh mạnh mẽ thường mang các hình dáng rất ghê rợn, nửa người, nửa thú. Những người thiếu kiến thức rõ rệt về cõi này cho rằng đó là những quỷ sứ. Điều này cũng không sai sự thật bao nhiêu vì đa số những vong linh này luôn oán hận, ham muốn, thù hằn và thường tìm cách trở về cõi trần. Tùy theo dục vọng riêng tư mà chúng tụ tập quanh các nơi thích ứng, dĩ nhiên người cõi trần không nhìn thấy chúng được. Những loài ma đói khát quanh quần bên các chón trà đình tửu quán, các nơi mổ xẻ thú vật để tìm những rung động theo những khoái lạc vật chất tại đây. Khi một người ăn uống ngon lành họ có các rung động, khoái lạc và loài ma tìm cách hưởng thụ theo tư tưởng này. Đôi khi chúng cũng tìm cách ảnh hưởng, xúi dục con người nếu họ có tinh thần yếu đuối, non nớt. Những loài ma dục tình thì quanh quần nơi buôn hương

bán phần, rung động theo những khoái lạc của người chôn đó, và tìm cách ảnh hưởng họ. Nếu người sống sử dụng rượu, các chất kích thích thì ngay trong giây phút mà họ không còn tự chủ được nữa, các loài ma tìm cách nhập vào trong thoáng giây để hưởng một chút khoái lạc vật chất dư thừa. Vì không được thỏa mãn nên theo thời gian các dục vọng cũng giảm dần, các nguyên tử nặng trọc cũng tan theo, vong linh sẽ có các rung động thích hợp với một cảnh giới cao hơn và y sẽ thăng lên cõi giới tương ứng. Dĩ nhiên, một người có đời sống trong sạch, tinh khiết sẽ không lưu ở cõi này, mà thức tỉnh ở một cõi giới tương ứng khác.

Tuỳ theo lối sống, tư tưởng khi ta còn ở cõi trần mà khi chết ta sẽ đến những cảnh giới tương đồng, đây chính là định luật “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu”.

Toàn thể phái đoàn im lặng nhìn nhau, vị pháp sư Ai cập đã diễn tả bằng những danh từ hết sức khoa học, chính xác, chứ không mơ hồ, viễn vông. Dù sao đây vẫn là một lý thuyết rất hay, nhưng chưa chứng minh được. Có thể đó là một giả thuyết của những dân tộc nhiều tưởng tượng như người Á châu chăng ?

Hamud mỉm cười như đọc được tư tưởng mọi người :

- Nếu các ông biết rằng tôi cũng là một tiến sĩ vật lý học tốt nghiệp đại học Oxford...

Giáo sư Harding giật mình kêu lên :

- Oxford ư ?

- Ông sẽ ứng du học bên xứ chúng tôi sao ?

- Chính thế, tôi tốt nghiệp năm 1864, và là người Ai cập đầu tiên tốt nghiệp về ngành này.

(Ghi chú của giáo sư Spalding : Phái đoàn đã phối kiểm chi tiết này và hồ sơ đại học Oxford ghi nhận có một tiến sĩ người Ai cập tên là Hamud El Sarim nhập học năm

1856 và ốt nghiệp năm 1864 với bằng Tiến sĩ Vật lý).

- Nhưng làm sao ông biết rõ được cõi giới này ? Ông đã đọc sách vở hay dựa trên những bằng chứng ở đâu ?

- Tôi đã khai mở các giác quan thể vía, nhờ công phu tu hành trong nhiều năm. Ngay khi còn là sinh viên tôi đã say mê môn **M** lý siêu hình (metaphysics). Tôi dành nhiều thời giờ nghiên cứu sách vở khoa học, nhưng đến một lúc thì khoa học phải bó tay. Sự nghiên cứu dẫn dắt tôi đến với Khoa Huyền Bí học.

- Tôi học hỏi rất kỹ về môn này, khi trở về Ai cập tôi may mắn gặp được các vị đạo sư uyên bác, nên sự nghiên cứu càng ngày càng tiến bộ. Sự nghiên cứu dẫn dắt tôi sang Ấn độ, và Tây Tạng. Tại đây tôi gặp một Lạt Ma chuyên nghiên cứu về cõi âm, tôi đã học hỏi rất nhiều với vị này. Sau đó, tôi tu nhập thất trong 10 năm liền, và khai mở được một vài giác quan đặc biệt.

Từ đó, tôi tha hồ nghiên cứu cõi âm vì tôi có thể sang tận đây học hỏi và cõi này trở nên quen thuộc, tôi kết bạn với rất nhiều sinh vật siêu hình, chúng giúp đỡ tôi rất nhiều.

Giáo sư Evans- Wentz ngáp ngừng - Ông muốn nói rằng ông kết bạn với ma ?

- Dĩ nhiên, vì tôi dành trọn thời giờ hoạt động bên cõi này, nên tôi có ất đông bạn bè, phần lớn là vong linh người quá cố nhưng cũng có một vài sinh vật có đường tiến hoá riêng, khác với loài người, có loài khôn hơn người và có loại không thông minh hơn loài vật là bao...

- Giao thiệp với chúng có lợi ích gì không ?

- Các ông nên biết cõi âm là một thế giới lạ lùng, phức tạp với những luật thiên nhiên khác hẳn cõi trần. Sự đi lại giao thiệp giúp ta thêm kiến thức rõ ràng-Như thế có nguy hiểm không?

- Dĩ nhiên, có nhiều sinh vật hay vong linh hung ác, dữ tợn... Một số thầy phù thủy, thường liên lạc với nhóm này để mưu cầu lợi lộc, chữa bệnh hoặc thư phù, nguyên rủa....

- Ông có thể làm như vậy không ? Vị pháp sư nghiêm mặt

- **Tất cả những việc gì có tính cách phản thiên nhiên, ngược luật tạo hoá đều mang lại hậu quả không tốt. Mưu cầu lợi lộc cho cá nhân là điều tối kỵ của ai đi trên đường đạo.** Tôi không giao thiệp với những loại vong linh này, vì chúng ắt nguy hiểm, hay phản phúc và thường giết chết kẻ lợi dụng chúng bất cứ lúc nào. Các ông nên nhớ tôi là một khoa học gia chứ không phải một thầy pháp hạ cấp hay một phù thủy chữa bệnh.
- Xin ông nói rõ hơn về những cảnh giới cõi âm.

b- NHỮNG CẢNH GIỚI CÕI ÂM

- *Các ông nên biết dù ở cõi nào, tất cả cũng không ra ngoài các định luật khoa học. Thí dụ như vật chất có ba thể : thể lỏng, thể đặc và thể hơi, thì bên cõi này cũng có những thể tương tự. Luật thiên nhiên cho thấy vật nặng sẽ chìm xuống dưới và vật nhẹ nổi lên trên thì cõi vô hình cũng thế. Nguyên tử cõi âm rung động với một nhịp độ khác với cõi trần, các nguyên tử rung động thật nhanh dĩ nhiên phải nhẹ hơn các nguyên tử nặng trước. Tóm lại, tùy theo nhịp độ rung động mà tạo ra những cảnh giới khác nhau, có bảy loại rung động nên có bảy cõi giới. Các nguyên tử rung động chậm chạp phải chìm xuống dưới vì nếu ta mang nó lên cao, sức ép sẽ làm nó tan vỡ ngay. Thí dụ ta đặt một quả bóng xuống nước nếu đến một độ sâu nào đó sức ép của nước sẽ làm nó vỡ tan. Loài cá cũng thế, có loại sống gần mặt nước, có loại sống tận đáy đại dương. Nếu loại sống gần mặt biển bị mang xuống đáy*

nó sẽ bị sức ép mà chết, ngược lại nếu loài sống ở dưới đáy cũng không thể lên sát mặt nước vì đã quen với sức ép khác nhau.

Cảnh giới thứ bảy lúc nào cũng tối tăm, nặng nề với các vong linh hình dáng ghê ợn, nhưng hoàn toàn không có vụ quỷ sứ tra tấn tội nhân. Bị lưu đày ở đây đã là khổ sở lắm rồi, các ông hãy tưởng tượng bị đục vọng hành hạ mà không thể thoả mãn thì còn khổ gấp trăm lần bị tra tấn. Vong linh thèm muốn nhưng không sao thoả mãn được, như đói mà không thể ăn, khát không thể uống. Do đó, theo thời gian y sẽ học bài học chịu đựng, nhẫn nhục cho đến khi đục vọng giảm bớt và tan ra thì y sẽ thăng lên cảnh giới thứ sáu.

Cõi giới thứ sáu, có sự rung động rất giống như cõi trần, tại đây các vong linh ít còn thèm muốn vật chất như ăn uống, đục tình, nhưng bận tâm với những nhỏ nhen của cuộc sống như thoả mãn bản ngã, ích kỷ, ghen tuông, hờn giận, v...v... Đa số có hình dáng giống như người cõi trần, nhưng mờ mờ không rõ. Vì sự rung động của nguyên tử gần giống như cõi trần nên họ hay trở về cõi này, họ thường nhập vào đồng cốt, các buổi cầu cơ, cầu hồn để chỉ dẫn bậy bạ, nói chuyện vu vơ nhằm thoả mãn tự ái, bản ngã cá nhân. Vì đa số vong linh khi còn sống rất ham mê danh vọng, chức tước, uy quyền nên khi họ nhập vào đồng cốt, họ thường tự xưng là các đấng này, đấng nọ. Theo thời gian, các rung động ham muốn, các cố chấp về bản ngã, danh vọng cũng tan biến nên họ thăng lên cảnh giới thứ năm.

CÔI THỨ NĂM

(Cõi hình thành “Hình tư tượng”)

Cõi thứ năm có sự rung động thanh nhẹ hơn cõi trần nên vong linh có ảibiến đổi sắc tướng rất nhanh

chóng. Đây là một thế giới với những âm thanh màu sắc lạ lùng dễ bị mê hoặc. Các vong linh ở đây đã bớt ham muốn về cá nhân, nhưng còn ham muốn về tư tưởng, kiến thức. Đây là nơi cư ngụ của những kẻ đạo đức giả, những kẻ bảo thủ nhiều thành kiến, những người trí thức tự phụ, v...v... Đây cũng là cõi có những sinh hoạt của loài Tinh linh. Loài Tinh linh là những sinh vật vô hình có hình dáng hao hao giống như người mà ta thường gọi là Thiên tinh (sylphs), Thổ địa (gnome), Phong tinh (elves), v...v... Một số bị thu phục bởi các phù thủy, pháp sư để làm ảo thuật hay luyện phép.

Cõi này còn có sự hiện diện của những “hình tư tưởng”. Các ông nên biết, khi một tư tưởng hay dự vọng phát sinh thì chúng sử dụng tinh chất cõi này tạo nên một hình tư tưởng thích hợp. Đời sống của chúng tùy theo sức mạnh của tư tưởng mạnh hay yếu. Vì đa số tư tưởng con người còn mơ hồ nên hình tư tưởng chỉ tạo ra ít lâu là tan rã ngay.

Một người tập trung tư tưởng có thể tạo ra một hình tư tưởng sống lâu trong vài giờ hay vài ngày. Một pháp sư cao tay có thể tạo ra các hình tư tưởng sống đến cả năm hay cả thế kỷ, không những thế hình tư tưởng này còn chịu sự sai khiến của ông ta. Các phù thủy luyện thân thông đều dựa trên nguyên tắc cấu tạo một sinh vật vô hình để sai khiến.

Hình tư tưởng không chỉ phát sinh từ một cá nhân mà còn từ một nhóm người hay một quốc gia, dân tộc. Khi một đoàn thể, dân tộc cùng một ý nghĩ, họ sẽ tạo ra một hình tư tưởng của đoàn thể, quốc gia đó. Hình tư tưởng này sẽ tạo một ảnh hưởng vô cùng rộng lớn đối với tình cảm, phong tục, thành kiến của quốc gia, dân tộc. Ta có thể gọi đó là “Hồn thiêng sông núi” hay “dân tộc tính”.

Khi sinh ra ại một quốc gia, ta ít nhiều chịu ảnh hưởng của hình tư tưởng này, dĩ nhiên chúng chỉ ảnh hưởng lên thể vía, nghĩa là tình cảm của dân tộc đó, chứ không ảnh hưởng đến lý trí.

Một người sống nhiều bằng lý trí sẽ ít chịu ảnh hưởng như người bình thường. Điều này giải thích tại sao một dân tộc có tâm hồn mơ mộng như thi sĩ khi dân tộc khác lại có đầu óc thực tế mặc dù trên phương diện địa lý, họ không ở cách xa nhau mấy và ít nhiều chia sẻ một số quan niệm về tôn giáo, phong tục, tập quán.

Cảnh giới cõi thứ tư sáng sủa hơn và dĩ nhiên nguyên tử cõi này rung động rất nhanh. Phần lớn những vong linh tiến hoá, thánh thiện, những nhà trí thức trầm mặc nhưng còn quyến luyến một ít dục vọng khi chết đều thức tỉnh ở cảnh giới này. Đa số đều ý thức ít nhiều, nên họ bắt đầu cởi bỏ những ham muốn, quyến luyến. Đây cũng là chỗ họ học hỏi và ảnh hưởng lẫn nhau, và đôi khi kết những liên hệ để cùng nhau tái sinh trong một gia đình hay quốc gia.

Cõi giới thứ ba chói sáng, có những rung động nhẹ nhàng. Tại đây có những linh hồn từ tâm nhưng vụng về, những tu sĩ thành tâm nhưng thiếu trí tuệ, những nhà lãnh đạo anh minh nhưng thành kiến. Đây cũng là một cảnh giới của một số thần linh (devas) như Cảm-dục thiên thần (Kamadeva), Hữu sắc thiên thần (Rupadeva), và Vô sắc thiên thần (Arupadeva). Các thần linh này có đời sống và tiến hoá cao hơn trình độ của nhân loại.

Cõi giới thứ hai và thứ nhất cấu tạo bằng những nguyên tử hết sức thanh thoát, rung động rất nhanh và tràn đầy ánh sáng. Đây là cõi giới mà những người tiến hoá rất cao, rất tế nhị không còn dục vọng, ham muốn, lưu

lại để học hỏi, trao đổi kinh nghiệm, phát triển các đức tính riêng trước khi siêu thoát lên cảnh giới cao hơn.

THỜI GIAN LƯU LẠI CÔI TRUNG GIỚI.

- Như thế người chết thường lưu lại ở cõi Trung giới bao lâu?

- Thời gian lưu lại đây hoàn toàn tùy thuộc vào dục vọng con người, có người chỉ ghé lại đây vài giờ, lập tức đầu thai trở lại. Có kẻ ở đây hàng năm và có kẻ lưu lại đây hàng thế kỷ. Để siêu thoát, thể vía phải hoàn toàn tan rã hết thì mới lên đến cõi Thượng thiên hay siêu thoát.

Tóm lại, danh từ như thiên đàng hay địa ngục chỉ là những biểu tượng của những cảnh ở cõi Trung giới (Kamaloka). Tùy theo sự sắp xếp của thể vía khi chết, mà ta ú tình ở một cảnh giới tương ứng.

Mọi người yên lặng nhìn nhau, những điều Hamud giải thích hoàn toàn hợp lý và hết sức khoa học, không hoang đường chút nào. Nhưng làm sao chúng mình những điều mà khoa học thực nghiệm không thể nhìn thấy được? Dù sao Hamud cũng là một Tiến sĩ Vật lý tốt nghiệp đại học nổi tiếng nhất Âu châu chứ không phải một phù thủy vô học chốn hoang vu, ít nh ông ta cũng có một tinh thần khách quan vô tư của một khoa học gia chứ không mê tín dễ chấp nhận một lý thuyết vu vơ, không kiểm chứng. Nhưng làm sao có ta thuyết phục những người Âu Mỹ vốn rất tự hào, nhiều thành kiến và tin tưởng tuyệt đối ở khoa học.

- Sự hiểu biết về cõi vô hình rất quan trọng, vì khi hiểu rõ những điều xảy ra sau khi chết, ta sẽ không sợ chết nữa. Nếu có chết chỉ là hình hài, xác thân chứ không phải sự sống, và hình hài có chết đi, thì sự sống mới tiếp tục tiến hoá ở một thể khác tinh vi hơn. Đây là

một vấn đề hết sức hợp lý và khoa học cho ta thấy rõ sự công bình của vũ trụ. Khi còn sống, con người có dục vọng này nọ, khi dục vọng được thoả mãn, nó sẽ gia tăng mạnh mẽ, đồng thời các chất thô kệch, các rung động nặng nề sẽ bị thu hút vào thể vía. Sau khi chết, dục vọng này trở nên mạnh mẽ vì không còn lý trí kiểm soát nữa, chính thế nó sẽ đốt cháy con người của ta.

Sự nung đốt của dục vọng chẳng phải địa ngục là gì ? Giống như đức tính, phạm hạnh khi còn trẻ, quyết định điều kiện sinh sống lúc tuổi già, đời sống cõi trần quyết định đời sống bên kia cửa tử. Luật này hết sức hợp lý và dễ chứng minh.

Khi còn trẻ ta tập thể thao, giữ thân thể khoẻ mạnh, thì khi về già ta sẽ ít bệnh tật, khi còn trẻ ta chịu khó học hỏi, có một nghề nghiệp vững chắc thì khi về già đời sống được bảo đảm hơn, có đúng thế không ?

Những người nào chế ngự được dục vọng thấp hèn, làm chủ được đời hỏi thể xác, thì các dục vọng này không thể hành hạ khi ta chết. Luật thiên nhiên định rằng khi về già thể xác yếu dần, đau ốm, khiến cho ta bớt đi các ham muốn và nhờ thế, dục vọng cũng giảm bớt rất nhiều nên thể vía cũng thanh lọc bớt các chất nặng nề, ô trược để khi chết, sẽ thức tỉnh ở cảnh giới cao thượng hơn. Trái lại những người còn trẻ, lòng ham muốn còn mạnh mẽ, nếu chết bất đắc kỳ tử thường đau khổ rất nhiều và phải lưu lại cõi Trung giới lâu hơn. Nếu hiểu biết như thế, ta cần phải duyệt xét lại đời sống của mình ở cõi trần để khỏi lưu lại những cảnh giới thấp thỏi, nặng nề bên cõi âm.

Những người lớn tuổi cần chuẩn bị để dứt bỏ các quyền lợi, ràng buộc, các lo lắng ưu phiền, các tranh

chấp, giận hờn, phải biết xả ly, dứt bỏ mọi phiền não để mau chóng siêu thoát.

Một sự chuẩn bị ở cõi trần sẽ rút ngắn thời gian bên cõi âm và chóng thúc đẩy thời gian lên cõi giới cao hơn.

- Nhưng ở các nhà tu sao ?

- Các ông cứ cho rằng ma quỷ là một thực thể thể nào đó, khác hẳn loài người. Thật ra phần lớn chúng là những vong linh ở cảnh giới thứ bảy, thứ sáu mà thôi. Chúng còn lưu luyến cõi trần, còn say mê dục vọng không sao thoát ra khỏi cảnh giới này... Luật thiên nhiên không cho phép chúng ở lại cõi trần, nhưng cũng có những trường hợp đặc biệt, khiến người cõi trần trong một thoáng giây có thể nhìn thấy chúng

19-PHẦN KẾT

Đến đây soạn-giả xin tạm kết thúc đề tài “Sống Đạo” mặc dù Đạo thì vô-cùng biết sao nói hết được.

Chí-Tôn nói: “Các con, Thầy cũng đã thấy rõ lòng của các con khẩn khát về nền đạo là đường nào. Trong các con, nhiều đứa muốn chừa Thần Thánh hành phật những tánh bất lương của bọn vô đạo kia đặng làm cho đường đạo vững bền, nền đạo mau thành tựu. Nhưng Thiên cơ há vị phạm phu tục tánh mà để cho các con toại kỳ sở nguyện sao. Các con khá thương hại cho lũ vô tâm ấy mà chẳng nên cư hờn. Thầy vì lấy từ bi mà dìu dắt các con, nên tạm sửa chút máy huyền vi, là để cho các con lấy chí thánh của Thầy un đúc bấy lâu, mà đối đãi với kẻ nghịch cho đến ngày mãn công quả.

“Đường đạo vững bền, chớ nên bạo tánh mà cũng chẳng nên giải đãi bần dùn, gắng công trì chí, liệu chừng

với nhau mà vệt cho sạch mấy lối chông gai, để cho dễ bước đường sau tấn bộ.

Thiên Thơ đã có đủ các máy hành tàng, nhưng Thầy vì thương các con mà phải sửa nét tân khổ ra đờ ng lo liệu.

Các con đặng tự do mà hành biến cho xong việc; kẻ lo lắng bao nhiêu, thì đường về chung hiệp cùng Thầy bước đặng bấy nhiêu, kẻ vô tâm trở lòng phá nền Đạo bao nhiêu, thì hành phạt sẽ chắt đây bấy nhiêu.

Tòa Tam Giáo đã xin ngưng phổ độ nơi đây nhiều lần, song vì Thầy thấy lòng chí đức của các con mà chẳng nỡ.

Lý Bạch và Quan Thánh cũng xin hành phạt lữ vô đạo, Thầy chẳng khứng là vì muốn để các con chịu dày thêm chút ít hạnh khổ đó.

... Trong các con nãi đưa đều lưu tâm tưởng cho nền Đạo sẽ đặng vững bền đồ sộ, là biết vì Thầy đó. Xưa các Thánh làm cho nên ới Đạo biết bao là công trình ngày tháng!

Đạo của Thầy gieo có mấy lâu, mà tình hình thế sự thế nào? Bao nhiêu cũng đủ cho các con vui lòng mà bước tới. (tiếp theo là lời của Hộ-Pháp).

“ Ngày nay Đức Chí - Tôn đã mở cho chúng ta một con đường Thiêng-liêng Hằng-sống và Bàn-Đạo đã vâng lệnh của Đức Ngài tạo dựng một bến giải-thoát cho toàn thể nhơn-loại trên mặt địa-cầu này.

Bàn-Đạo nói: “ Từ đây, kể từ ngày nay cửa thiêng-liêng của Đạo đã mở rộng, **Bàn-Đạo kêu toàn thể con cái Đức Chí-Tôn, ai hiểu biết mình đứng trong hàng phẩm**

cứu nhị ức nguyên-nhân hãy tỉnh mộng lại đặng về cùng Đức Chí-Tôn”.

“Cửa này là cửa các Người đến đạt-pháp đặng giải-thoát lấy mình, nếu không tự mình đến trong lòng Đức Chí-Tôn, vì Đức Chí-Tôn đã đưa tay ra nâng đỡ, mà chúng ta không đến, không tưởng nghĩ đến thì sau này ắt sẽ bị đọa-lạc nơi cõi Phong-đô”.

“Giờ phút ấy không còn trách Đức Chí-Tôn rằng không thương yêu con cái ủa Ngài, không đem cơ-quan tận độ chúng sanh để nơi mặt địa-cầu này cứu vớt nữa”.

Chơn pháp Đại-Đạo đã được Đức Hộ Pháp gói trọn trong bài Thi khoán thủ sau đây. Chúng ta hãy vững niềm tin vào nền chánh-giáo mà an lòng loập công bồi đức trong kỳ Ba này.

THI:

ĐẠI đồng xã hội hưởng hồng ân
ĐẠO hạnh diu nhau khá dấn lòng
TAM giáo hiệp-đồng cơ tận độ
KỶ ba trở mặt giống Tiên-Rồng
PHỔ thông Chơn-đạo nơi **HÀ-LẠC** ⁽¹⁾
ĐỘ khắp năm châu giữ thiện đồng
CAO thượng Chí-Tôn quyền chủ-toạ
ĐÀI tiền sùng bái giữ nâu sông

Đức Trạng trình Nguyễn bình khiêm cũng có nói đến hai chữ Đồ-Thơ trong bài thi “Điền viên thú” sau:

Lọ là thành thị với lâm tuyền,
Được thú thì hơn miển phận bàn.
Bởi vụng bắt tài nên kém bạn,
Âu già vô sự cũng là tiên.
Đồ-thư ⁽¹⁾ một quyển, nhà làm của;
Phong nguyệt năm hồ, khách nổi thuyền.

*Dù nhân chê khen, dù miệng thề;
Cơ mầu tạo hoá mặc tự nhiên*

Ghi chú: ⁽¹⁾ Hà-lạc; Đồ-thơ cũng là một: Hà-Đồ và Lạc-Thơ.

QUYỀN PHÁP CỨU THẾ.

Trích Thánh-giáo Sưu tập của “cơ qua n phổ -thông giáo-ly” Cao-Đài giáo Việt Nam. Đàn cơ tại Nam Thành Thánh Thất, Ngọ thời mừng 01 tháng giêng năm Kỷ Dậu (17-02-1969).

Thầy các con!

Thầy mừng các con Nam cũng như Nữ, lớn cũng như nhỏ.

Thầy vui lòng sự hành đạo của các con, dầu được ít, được nhiều cũng vậy.

Thầy vẫn ban ơn cho các con đồng đều cũng như ban ánh sáng và không khí, chẳng lựa riêng cho hàng thiên phong chức sắc.

Các con muốn Đạo sớm thành để hoằng dương độ thế thì hãy hành Đạo trong khuôn khổ “Quyền pháp”.

Thầy ban ơn toàn thể các con hãy rón thương nhau mà hành đạo. Nếu chưa được thương nhau thì cũng không được phép ghét nhau. Hễ các con ghét nhau tức là tự ghét mình và cũng là ghét Thầy đó vậy, mà hễ các con ghét Thầy là cơ hội tốt để ma quỷ đến ám ảnh, điều dẫn các con đi vào ngõ u đồ rẽ chia và hủy diệt . Thôi Thầy giả từ các con, Thầy hồi Bạch Ngọc!

LỜI GIẢNG DẠY CỦA ĐỨC GIÁO TÔNG THÁI BẠCH KIM TINH

*(Đàn cơ tại Nam Thành Thánh Thất – Ngọ Thời
ngày 01-01-Kỷ Dậu).*

*Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh,
Bản Đạo mừng chư hiền đệ, hiền muội!*

Chư hiền Đệ, Hiền Muội! Muốn chạy loạn phải lo bề trị loạn. Muốn thành công thì phải thấu triệt lý thành công . Kìa những câu: Thiên thượng, Địa hạ duy Ngã độc tôn – Thiên

nhơn hợp nhứt – Tào Tiên, tác Phật thị do Tu – Thầy là các con, các con là Thầy”. Vì sao mà nói như thế? Do đâu mà có và muốn có phải làm sao?

Đây, Bàn Đạo muốn nói đến “Quyền Pháp”.

Đại Từ Phụ nắm “quyền pháp” mới chuyển cơ sanh hoá vạn vật vũ trụ. Con người nắm được quyền pháp mới chuyển đũa vật loại vào thiên lý, và chuyển thiên lý vào vật loại. Hiệp Thiên Đài nắm giữ quyền pháp, mới đưa Cửu Trùng Đài vào Bát Quái, chuyển lý hành tàng của Bát quái vào Cửu Trùng, kẻ giác ngộ, người tu hành có quyền pháp thì mới đưa Đạo vào đời và đạt mục đích cứu nhơn độ thế.

Vậy quyền pháp là “Cơ” là “Lý”, là phương định đưa tuyệt đối vào sở vật tương đối, chuyển vô thường giả tạm vào siêu nhiên bất diệt.

Nếu không làm được Đông thành Xuân, phạm tục thành Tiên, Thánh, lạm nên trị, chiến đấu ra an bình, vị kỷ ra đại đồng, chính là chưa đạt được “Quyền Pháp” đó!

“Quyền pháp” không giao riêng cho ai, cho xã hội nào, cho tôn giáo nào. “Quyền Pháp” có sẵn có, tùy tâm ý mà đạt định, tùy sứ mạng mà nhận lãnh.

Hãy nhìn xem quả trứng gà, Chư Hiền đệ muội sẽ thấy những gì? Bàn Đạo muốn nói ở đây là “Quyền pháp” từ rất nhỏ cho đến rất lớn đều từ Thượng Đế mà sanh, từ Đại Từ Phụ mà thành.

Sở vật thực tại được tạo thành và biến sanh đều do “Quyền pháp”. Điểm Quyền pháp ở đây là cái ngòi của quả trứng. Những cái ngoại thực nội tại có đủ, nếu cái ngòi thật tốt thì quả trứng gà sẽ biến thành con gà sau một thời gian nào đó, Trái lại, nếu không có điểm “Quyền pháp” của Thượng Đế ban, dẫu có đủ điều kiện, quả trứng vẫn hư hoại.

Trong sở vật thực tại con người, điểm quyền pháp là linh hồn. Nhờ đó mà sinh ra, trưởng thành, và có thể tiến hoá đến mức đối phạm ra Thánh, thay tục hoá Tiên được. Đó là thí dụ nhỏ của quả trứng.

Còn sở vật thực tại rất to tác trước thời tạo Thiên, lập Địa là ngôi Vô-Cực Diêu-Trì, và điểm “Quyền P háp” được chứa đựng là Ngôi Thái Cực, là Thầy chính “Quyền Pháp” nằm trong sở vật thực tại, chuyển biến và hoá sanh vạn loại, cũng chính nhờ đó mà không một vật nào biến mất, cũng không có gì là tân tạo .

Một thí dụ khác: - Một toà lâu đài to tát, đó là một sở vật thực tại đẹp đẽ, vì không có “Quyền pháp” cũng như cái quả trứng không ngòì; do đó quả trứng sẽ hư hoại , lâu đài sẽ sụp đổ trong thời gian, dầu có muốn hay dầu không có muốn.

Đạo Thầy cũng thế. Hiệp Thiên Đài nắm giữ “Quyền Pháp”. Nhờ đó mà có To à Thánh, Hội Thánh, Thánh thất, Thánh Tịnh, Tân luật, Pháp-chánh-truyền lưu giáo lý Đại Đạo.

Trong hện tình nhân loại phân tranh chiến đấu, đó chính là sở vật thực tại đang biến dưỡng. Một là, nếu như quả trứng không ngòì, thì thế giới này sẽ huỷ diệt. Hai là nếu có điểm “Quyền Pháp” thì thế giới sẽ tạo một “**thiên đàng thuần chánh**”.

Con gà chỉ là con gà, sau khi tự phá vỏ trứng. Thế giới này cũng thế. Hãy suy gẫm!

Các tôn giáo hiện có chỉ là các cấu tử chớ chưa phải là “ĐẠO”, là “tôn giáo cứu thế”. Vì lẽ đó, Đại Từ Phụ mới ban “quyền pháp”.

“Quyền pháp” là Thầy, là Đạo, là động năng thúc đẩy tạo thành Thánh Đức sau Hội Long Hoa..

Bản Đạo đã nói “Quyền pháp” là Thầy, là Đạo. Nhắc lại, **Đạo chớ không phải là tôn giáo.**

Trong sở vật thực tại của tôn giáo trên thế giới, tất cả tôn giáo từ xưa nay đang biến dưỡng tranh chấp để tiến hoá. Sự tiến hoá không là hỗn tạp mà từ sự mâu thuẫn.

Đại Từ Phụ dựng Cao Đài nơi vùng Đông Nam Á này để làm “Quyền Pháp”. Chính sự mạng quyền pháp này thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành thực thể “Đạo cứu

Thế” trong Tam Kỳ Phổ Độ, cũng như cái ngòi gà trong quả trứng vậy.

Nhìn lại điểm “Quyền pháp” mà Thượng Đế đã đặt để cho dân tộc này chưa làm tròn sứ mạng của “Quyền Pháp” vì tôn giáo hiện hữu còn tranh chấp là chưa tạo được một thực thể Đạo thuần chánh để cứu thế.

Không phải Thượng Đế cấy lúa trên tảng đá, hay trao quyền binh thư cho người mù chữ. Ngoài ân ban, Đức Thượng Đế còn nhận thấy dân tộc này có thể thi hành sứ mạng “**Hảo Nam Bang! Hảo Nam Bang! Tiểu quốc tảo khai hội Niết Bàn**”.

Bản Đạo nói để chư Đệ, Muội không lấy làm buồn mà để nhận một thực tế. Dân tộc này, Đại Từ Phụ đã chọn, như Gia Tô giáo chủ đã nói trong lễ giảng sinh:

“Chỉ có tâm thức thì sáng mà ý thức còn u tối”. Chính vì vậy mà “Quyền pháp này chưa lập được”.

Ngòi gà ở trong quả trứng không là tròn trắng hay tròn đỏ. “Quyền pháp” mà Thầy đã ban không là tôn giáo này hay tôn giáo khác.

Thử đứng trên nhịp cầu nhìn dòng nước chảy, giờ này và giờ sau, cũng thành cầu đó, cũng dòng sông đó, cũng cánh vật đó, chư hèn đệ muội! nó đã đổi khác rộng lớn, voi đây. Những cái qua tất phải trôi qua! Những cái xưa cũ đều là xưa cũ. **Tiến hoá không là tổ hợp mà là khai sanh.**

Sứ mạng của dân tộc này to tát như thế; “Quyền pháp” quan trọng như thế, không phải làm không được. Chư Đệ, Muội hãy chờ đợi, việc sẽ đến và đang đến. Từ ngàn xưa, trên lịch sử đã từng được nghe và thấy rõ Việt Nam, một dân tộc mà cả thế giới đều nhìn vào, không phải nhìn vào vì nó có sự đe dọa tàn phá cả thế giới, mà nhìn vào chính nó là một động năng cứu rỗi xây dựng mới trên toàn thể nhân sinh.

Muốn được vậy, chư đệ muội phải làm sao? Làm thế nào để phát huy “Quyền pháp” được đặt để? Từ xưa, các tôn giáo được tạo lên để giải quyết tâm linh, nhưng Tam Kỳ Phổ

Độ Thầy phải trao cho chư Hiền, cho dân tộc này một “Quyền pháp Đạo” thực thể thuần chánh để cứu thế.

Tôn giáo là chiếc hoả xa, mà người hành đạo phải biết rằng mình là hành khách. Nếu chư Hiền cho rằng mình là xe hoả, thì từ đầu thời gian cho đến cuối thời gian, cũng chỉ đi lại trên con đường thiết lộ.

“Quyền Pháp Đạo” thực thể cứu thế phải có trách nhiệm trên toàn thể Nhơn loại. Không phải chỉ giải quyết vấn đề tâm linh, chính là giải quyết toàn diện cả thể con người.

Chư hiền đệ muội nên nhớ rằng: nếu một “Quyền pháp”; một phương thuốc trị dứt căn bệnh của dân tộc, giải thoát sự huỷ diệt của dân tộc, giải thoát được sự huỷ diệt cả thế giới: “Bảo sanh, Nhân nghĩa, Đại đồng”. Lý thuyết là một lẽ, mà quyền pháp có hay không để thực thi là một điều khác.

Muốn đại đồng cùng thiên hạ, hãy đại đồng với xã hội tại dân tộc này của chư Hiền trước đã.

Trong con ba đào sóng gợn thủy thủ chia phe giết giành, chính là lúc những người sứ mạng phải vượt lên trên để an trị và thăng tiến trên con đường cứu thế. **Chưa biết mà làm là nông nổi, đã biết mà không làm là hèn nhác.**

Chư Hiền hãy ghi nhận lời này: **Thiênց liêng đĩ bảo chư hiền phục vụ cho Nhơn sanh, Đạo sẽ phục vụ cho chư Hiền.** Bàn Đạo nhắc lại cho chư Hiền ghi lấy, nắm giữ “Quyền Pháp” đã ban cho, thì hành đến nơi đến chốn, thọ lấy địa linh với thiên ý; chỉ còn tùy theo Nhơn tâm sẽ cứu rồi hay tự huỷ diệt; tận độ toàn Nhơn sanh hay đọa lạc toàn thế giới.

Con ngựa hay thường khó trị. Muốn đạt đến một mục đích nào, điều tiên quyết là thấu rõ mọi khía cạnh của vấn đề trước. **Đừng đi sau con ngựa, chư hiền sẽ bị phủ bụi của nó. Đừng đi sau con voi, chư Hiền sẽ bị dơ vì phóng uế. Hãy cầm cương ngựa, hãy cỡi lưng voi, nếu chưa được, Bàn Đạo bảo cho, hãy tránh xa để khỏi bị dày đập. Tránh xa không phải là chạy trốn, mà tránh để sửa soạn sự thành công.**

Phía sau chư Hiền là chuỗi ngày lịch sử, phía trước chư Hiền là ánh sáng rực rỡ của Đức Thượng Đế, dưới chân chư Hiền và hơn loại là hố sâu, vực thẳm. Chỉ còn một việc: hãy nhìn thẳng vào thực tế để chế ngự thực tế.

Cuối cùng, Bản Đạo muốn nói rõ: “Quyền Pháp Đạo không là điều cai trị, Quyền Pháp Đạo chính là sự thương yêu giải thoát cai trị để tiến hóa.

Thăng.

Nói tóm lại:

- *Quyền Pháp là tình thương, là sự sống. Có tình thương thì “Quyền pháp” mới có giá trị. Có pháp độ thì sự sống mới an vui và vĩnh cửu.*
- *Dù hình thức có khác nhau, nhưng “Quyền Pháp Đạo” chỉ vẫn có một, cốt yếu học cho nên mình, hành cho đúng đạo lý là được.*

Trần Hưng Đạo

(Minh Lý Thánh Hội, Tuất thời – 6/7/ Quý Sửu (1973).

HẾT

MỤC LỤC

| | |
|-------------------|---------|
| Lời nói đầu | Trang 1 |
| Thay đề tựa | 3 |

CHƯƠNG I

Theo bước chân Đại Từ-Phụ:

| | |
|---|-------|
| A-Lời cảnh tỉnh của Chí-Tôn (gồm có 8 mục)..... | 11 |
| B-phải có tín ngưỡng mạnh mẽ vào nền Đại-Đạo..... | 22 |
| 1- Thời đạo loạn..... | 23... |
| 2- Người tu-hành chân chính..... | 25 |
| 3- Luyện chơn-thần cho mạnh mẽ..... | 27 |
| 4-Thờ Thiên Nhân là thờ Trời. | 29 |
| C- Càn-khôn yên tịnh là do HOÀ..... | 30 |
| 1- Đức Chí-Tôn dạy Phải hoà..... | - |
| 2- Đức Quan-Âm cũng dạy chữ hoà..... | -. |
| 3- Chơn-pháp Cao-Đài..... | 31 |
| 4- Dụng Thánh Tâm mà dẫn dắt nhân-sanh..... | 32 |
| 5- Bài thi khó buổi sau cùng..... | 33 |

CHƯƠNG II:

| | |
|--|-----------|
| A-Tự lập-vị cho mình là tìm cơ giải-thoát .. | 34 |
| 1- Tu thân là một bổn phận thiêng-liêng..... | 44 |
| 2- Linh-hồn đi về đâu sau khi rời khỏi xác trần..... | 38 |
| 3- Phương luyện kỹ (gồm 3 phần : a, b, c.)..... | 42 |
| d- Tự định Thiên-vị cho mình bằng con đường Tam-lập..... | 43 |
| e- Phạm-môn là gì..... | 47 |
| g- Dục tấn trên con đường Thiêng-liêng hằng sống..... | 50 |
| h- Ba cách lập vị để về với Chí-Tôn..... | 53 |
| B- Lập đại nguyện: | |

| | |
|---|-------|
| Dâng Tam-bửu là lập Đại-nguyện phụng-sự vạn-linh..... | 60 |
| 1- Đức Hộ-Pháp tạo lập Thiên-hỉ-Động..... | 61... |
| a- Hình ảnh cây Long-tu-phiến..... | 63 |
| b- Hình ảnh cây Kim-Tiên..... | 66 |

CHƯƠNG III:

| | |
|---|-----------|
| 1- Luyện tánh tu tâm..... | 68 |
| a- Luật nhân-quả luân-hồi (Karma)..... | 71 |
| b- Nguồn gốc của tánh thiện..... | 76 |
| c- Cội nguồn của Đại-Đạo là Bát-Quái..... | 79 |
| d- Phép định tâm..... | 81 |
| e- Tâm Đạo là tâm vô ngã..... | 83 |
| 2 -Luyện tam thể xác thân | |
| a-Thể Vía | 85 |
| b- Điều hoà hơi thở | 88 |
| c- Chơn-thần..... | 89 |
| d- Hai xác thân của một người..... | 90 |
| e- Thực-hành..... | 91 |
| 3-Đức tin vô đối | |
| | 94 |
| 4- Chánh tâm và tà tâm | 97 |

CHƯƠNG IV

A- DỊCH LÝ LÀ BÍ PHÁP CỦA ĐẠO CAO-ĐÀI

| | |
|--|-----|
| 1-Sự thương yêu là nguyên do của vạn-linh cùng chí linh | 100 |
| 2-Sự thương yêu là chìa khoá mở cửa Bát-Quái-Đài tại thế | 103 |
| 3-Thượng-Đế là ai..... | - |

B- TÌM VỀ THƯỢNG-ĐẾ

C-THỰC-HÀNH ĐẠO VÔ-VI

| | |
|----------------------|------------|
| I- Hà Đồ..... | 108 |
|----------------------|------------|

Khí hư-vô.

| | |
|---|------------|
| A- Quá trình hình thành và biến -hoá.... | 111 |
| 1- Kiền khôn giao phối..... | - |
| 2- Tiên-thiên dương ngũ-hành..... | 113 |

| | |
|---|------------|
| 3- Hậu-thiên âm ngũ-hành..... | 115 |
| II- Lạc Thư..... | 121 |
| III- Đồ thư hiệp nhứt..... | 129 |
| IV-Tiên Thiên hoành đồ | 134 |
| V- Tiên Thiên phương viên đồ..... | 140 |
| 1-Phục Hy Bát Quái phương vị Sơ đồ | 143 |
| 2-Phục Hy Tiên Thiên Lục thập tứ quái phương đồ..... | 145 |
| 3-Thiệu Nghiêu Phu phương viên nội ngoại hiệp nhứt đồ.. | 146 |
| 4-Tiên Thiên Âm Dương hỗn thành đồ | 147 |
| 5-Nghịch vận Tiên Thiên kết đơn đồ | 148 |
| 6-Luyện Thân huồn hư đồ..... | 149 |
| VI- Văn Vương Hậu Thiên Bát Quái | 153 |
| 1-Văn Vương sanh sanh Bát Quái đồ | 154 |
| 2-Văn Vương Hậu Thiên Bát Quái phương vị..... | 155 |
| 3-Hậu-thiên thuận hành tạo hoá đồ..... | 156 |
| 4-Hậu-thiên nghịch vận biến hoá đồ | 158 |
| 5-Kim mộc giao tin đồ..... | 158 |
| 6-Khảm Ly điền đảo đồ..... | 159 |
| 7-Kiền Khôn điền đảo đồ..... | 160 |
| 8- Giải thoát bốn diện..... | 161 |
| VII- Tiên hậu-thiên bát-quái hiệpnhứt..... | 162 |
| VIII- Đồ thơ Tiên Hậu hiệp nhứt..... | 164 |
| I X - Trung Đồ..... | 171 |
| X- Kim đơn đồ | 172 |
| XI- Đảnh lư dược vật Hoả hậu | 176 |
| XII- Dương Hoả Âm phù | 180 |

PHỤ CHƯƠNG

| | |
|-----------------------------------|-----|
| 1-Luận về hình thể (a-b-c-e)..... | 185 |
| 2-Chánh đạo và Tà Đạo | 191 |
| 3-Trên đường Phụng-sự | 193 |

CHƯƠNG V:
PHẦN LUYỆN ĐẠO

| | |
|--|-----|
| 1-Thánh-giáo dạy thọ truyền bửu pháp và luyện-đạo..... | 199 |
| 2-Tượng số học..... | 200 |
| 3-Luyện Tinh hoá khí..... | 204 |
| 4- Âm nhạc Đại-Đạo (Huyền âm Thượng-Đế)..... | 206 |
| 5-Tác-động của độ số âm thanh lên các thể con người... . | 208 |
| 6-Tự kiểm soát cách thức tu hành..... | 210 |
| 7- Phải biết sửa sai mới hoàn thiện được bản thân | 212 |
| 8-Thể dục dưỡng sinh..... | 213 |
| 9-Phép thư-giản..... | 215 |
| 10-Luyện khí(hơi thở)..... | 218 |
| 11-Trường-sinh học (Phương pháp kéo dài sự sống)..... | 218 |
| 12- Huyền quang khiêu..... | 219 |
| 13-Tự mình cất bước lên đường giải thoát..... | 220 |
| 14- Số 7 huyền-diệu..... | 222 |
| 15- Thể Phách là nhịp cầu nối liền vô và hữu hình..... | 225 |
| 16- Thể vía tức là Thánh-tâm..... | 226 |
| 17- Phương-pháp thanh-lọc các thể..... | 229 |
| 18-Cõi giới vô hình..... | 234 |
| a- Cõi trung giới..... | 239 |
| b- Những cảnh giới cõi âm..... | 243 |
| 19-PHÂN KẾT..... | 249 |
| BẢNG MỤC-LỤC..... | 260 |

Tài liệu tham khảo và trích đăng:

- 1- *Thánh-ngôn hiệp tuyển tập I và II.*
- 2- *10 năm thuyết đạo của Đức Hộ-Pháp*
- 3- *Châu-dịch xiển chơn*
- 4- *Á châu huyền bí, Bản dịch của Nguyễn hữu-Kiệt*
- 5- *Hành trình về phương Đông bản dịch của NP*
- 6- *Nho-giáo của Trần trọng Kim*
- 7- *Dịch kinh Tân Khảo của Nguyễn-mạnh- Bảo*

Sách in lại lần thứ III có tu bổ thêm tài liệu luyện Đạo chỉ lưu hành nội bộ.

KÍNH BIỂU.

Đêm rằm tháng 2 năm Đinh Hợi (1947) tại Đền Thánh

HAI CHỮ "TÍN NGƯỠNG".

Đền Thánh đêm 14/5 năm Nhâm Thìn (1952)

Đêm nay Bàn Đạo giảng hai chữ "Tín Ngưỡng".

Tín ngưỡng - Tiếng ngưỡng ấy Đức Đại Từ Phụ đã có nói Nguồn, thiết tiếng Việt Nam gọi là Nguồn bị cấm tự nghĩa là tên một vị Đế Vương trào nào đó, rồi mình sửa cái đọc trại lại thành ra chữ Ngưỡng (Thói tục ấy của nhà Nam không chi là lạ).

Tín là tin, Ngưỡng là cây, tín ngưỡng tức nhiên là tin cây, tiếng Việt chúng ta đã nói từ xưa đến giờ. Ngày xưa thời phong kiến danh từ tín ngưỡng có nghĩa là: "Tin cây với sự thành kính một Đế Vương hào kiệt nào?"

Chữ tin ấy trong Đạo Giáo đã tôn trọng coi nó là yếu trọng vô cùng nên để cho nó là một cái đức, gọi là đức tin. Cái đức tin Bản Đạo có dịp viết ra cho Chánh Phủ Pháp buổi nọ biết, sự tin của đức tin ấy. Bao giờ con người cũng phải có, nếu không có tức nhiên con người đó chẳng hề khi nào làm phận sự con người cho đúng đặng và cũng nói rằng không thể nào làm người nên đặng mà chớ.

Đức Tin chia ra hai giai đoạn, hai hình thức là: Tha tín và Tự tín. Tha tín là mình tin người, hay là, có những phương pháp nào tin người chủ định cho mình, buộc mình phải tin gọi là Tha tín. Còn Tự tín là ta biết lấy ta, ta hiểu sở năng của ta, ta tin lấy ta gọi là Tự tín. Con người bao giờ cũng đi trong hai giai đoạn ấy.

Khi thụ sinh chúng ta phải học, học phải hỏi, hỏi phải tin, phải biết quan tiền dĩ hậu, tiên học nhi hậu hành. Học cốt yếu để thâm đoạt cái Tha tín ấy, đặng giới mài hay là tạo dựng cho mình cái Tự tín của ta. Từ cô chí kim Tiên Nho của chúng ta đã có nói: Quan tiền dĩ hậu, ấy là một phương pháp của mình tạo Tha tín của mình đó vậy. Dầu bực Thánh Nhơn, dầu bực Phật cũng không qua khỏi khuôn luật ấy. Bản Đạo đã chỉ rõ điều ấy.

Nếu Đức Phật Thích Ca không có cái Tha tín nơi các giáo lý trước là Ba La Môn Giáo tức là Brahmanisme hay là Civaisme hay là Đạo của Krishna Vishnou, thì Bản Đạo dám quả quyết rằng: Dầu Ngài có đạt đặng giáo lý của Ngài, thì Ngài cũng chưa có biết phương pháp truyền giáo ra thế nào, hay Ngài chưa định đi truyền giáo mà chớ. Bởi cái phương pháp truyền giáo trước kia cho Ngài một bài học, đặng Ngài truyền chơn lý của Ngài cho toàn nhơn loại đều hưởng đó vậy.

Đạo của Đức Lão Tử cũng thế. Tự tín là Ngài đạt được giáo lý của Ngài về căn nguyên, võ trụ mà sanh tồn, Ngài gọi tên là Đạo, còn do nơi Tha tín Ngài mới truyền giáo.

Đức Chúa Jésus Christ thâm đoạt cơ giải tội cho thiên hạ, Ngài có phương thế Ngài biết rằng: Ngài phải trả cái ơn cho Đức Chí Tôn, cái ơn sanh thành dưỡng dục của Ngài và toàn nhơn loại, Ngài làm con tể vật đặng cứu rỗi tội tình nghiệp chướng của chúng sanh tức nhiên là tội Tổ Tông ở bên Thánh Giáo đã nói; còn ta, ta lại hiểu rằng, Ngài cốt yếu giải nợ để cho tinh thần khỏi làm tội mọi cho con thú, là thú chất vật hình của mình. Ngài làm con tể vật Ngài dâng cho Đức Chí Tôn, đặng Đức Chí Tôn nhìn nhơn loại là con cái của Ngài, chớ không nhìn nó là con thú nữa. Đạt Bí Pháp ấy do nơi Tự tín của Ngài, còn truyền giáo của Ngài, Ngài học của Moise và các tay Giáo Chủ trước Ngài, đã lập giáo. Cái truyền giáo của Đức Chúa Jésus Christ là do nơi Tha tín, còn cái chơn truyền Bí Pháp là do nơi Tự tín của Ngài. Dầu Tiên Giáo cũng vậy, nếu không có Đức Hồng Quân Giáo Chủ đã truyền giáo thì Đức Lão

Tử cũng chưa biết phải truyền bá Tiên Giáo của Ngài cho
nhơn loại là thế nào mà chớ.

Cả thầy bao giờ loài người ở nơi thế gian này cũng phải
học, có học rồi mới hành. Tiên học nhi hậu hành. Không ai
sanh ra dưới đất này là khi lọt lòng mẹ mà tự biết được.
Đức Khổng Tử có nói: Bất học nhi tri, phi thánh nhi hà.
Ngài chỉ biết nói rằng: "Dầu cho Thiên kinh vạn điển bất
vị nhi giáo nhơn nhưt ngôn thi thiên" (1*) Dầu cho Thiên
Kinh vạn điển không bằng dạy người một lời lành. Thiên
hạ đã để nơi thế gian này hai ngàn triệu cuốn sách mà ở
trong đó chỉ tổng số có một điều là: Kiếm phương pháp
dạy người đặng lành; từ thử tới giờ khuôn luật ấy vẫn một
mà thôi.

Hỏi, Đức Chí Tôn đã đến chung hiệp cùng ta đem nền
chơn giáo của Ngài để trong Thánh Thể của Ngài, để trong
cửa Thánh bây giờ đây, ta để dấu hỏi, Ngài muốn tìm gì?
Thật sự Ngài tìm lành, Ngài muốn cho con cái của Ngài
lành, sự hung bạo của thế gian đã quá lắm rồi. Ngài đến
Ngài trông giống lành, đặng làm hoàn thuốc cứu loài
người, là hoàn thuốc cứu khổ. Bàn Đạo nói: Ngày giờ nào
cả con cái của Ngài biết Tha tín và Tự tín là lấy cả gương
mẫu của tiền nhân chúng ta, bực hiền triết Thánh Nhơn,
thâu đoạt cho đặng cả tinh thần, cả hành tàng của họ, đặng
tạo dựng Tự tín của mình. Tha tín ấy cả đầu óc Nam cũng
thể Nữ cũng thế, nhưt là Thánh Thể của Ngài chiếm đoạt
cho đặng cái Bí Pháp ấy. Đức Chí Tôn muốn thế, tức là
một phương pháp cậy người tạo dựng Thánh đức cho con
cái của Ngài, hầu làm khí cụ nhiệm mầu độ rỗi Vạn Linh
sanh chúng.

Bản Đạo giảng rằng: Nếu chơn giáo của Ngài là một khối lành vô đôi của thế gian đương mơ vọng, đương khao khát đặng hưởng lấy nó. Hưởng cho đặng nó, đặng bảo vệ sanh mạng của mình. Nếu khối lành này, không hiện tượng được thì sự hung bạo của nhơn loại sẽ xô đẩy họ đi đến con đường tận diệt mà chớ.

Ấy vậy, trước khi muốn làm sứ mạng Thiên Liêng của Đức Chí Tôn đã giao phó cho ta, cái sứ mạng ấy trọng yếu thế nào Bản Đạo không cần phải nói, cả toàn thể con cái của Ngài trước qua sau đến, không biết chừng Thánh Thể của Ngài nó phải còn tồn tại mãi mãi, mới đặng chắc chắn vững bền khối lành của Ngài, ấy sẽ làm hoàn thuốc phục sanh cho thiên hạ. Muốn đặng thế ấy thì ít ra con cái của Ngài phải thâm đoạt cho được cái Tha tín của nhơn loại hay biết lành của họ, biết ác của họ, đặng tạo dựng tự tín của mình; tự tín đặng có thể tìm nên giải pháp đặng cứu vãn sanh mạng của họ, giờ phút nào hiện tượng được cái đức tin ấy, mà toàn thể Thánh Thể của Ngài phải đạt cho kỳ đặng mới có đủ năng lực cứu vãn toàn thể sanh mạng của nhơn loại, tức nhiên con cái của Đức Chí Tôn đó vậy.

Ngày giờ nào khối Tự tín trong cửa Đạo này chưa thành lập, thì nòi giống Việt Nam phải chịu tai nạn tương tàn trước nhưt hơn hết, trước các chủng tộc khác, chịu một thứ tai nạn khổ não, nếu không có phương pháp giải quyết được vì chính quốc dân Việt Nam đương làm cơ khí cho Đức Chí Tôn tạo dựng đức tin ấy. Ngày giờ này sẽ làm cho nòi giống Việt Nam tuyệt chủng trước, rồi thiên hạ sẽ tuyệt chủng sau, nếu cơ quan cứu khổ không thành, Đạo phải cố gắng mới đặng, Bản Đạo cho hay rằng: Thành tựu hay chẳng là do nơi tâm hồn thiên lương của con cái Đức

Chí Tôn đào tạo, tâm hồn Thánh của Ngài đã tạo dựng từ trước. Bàn Đạo gói gắm cả khối lành ấy trong tay toàn thể con cái của Ngài, cả Nam và Nữ làm phương châm giải khổ và gây hạnh phúc cho toàn nhơn loại.

CHỮ TU.

Tu tâm mới thật là tu chơn.

VỀ LUẬT NHƠN QUẢ.

Đền Thánh đêm 30/5 năm Nhâm Thìn (1952)(*)

Đêm nay Bàn Đạo giảng về luật nhân quả.

Hai chữ nhân quả là danh từ mà Tiên Nho đã đề: Chữ nhân quả. Nhân theo nghĩa chánh của nó là chỉnh lại hay dò lại. Nói luôn theo chữ quả thì chữ nhân ấy đồng khuôn chữ đại. Quả là chắc chắn mạnh mẽ, chúng ta thường hay dùng tiếng quả quyết lắm, dùng chữ quả quyết hay là mạnh mẽ chẳng hạn.

Chữ nhân quả dịch ra nghĩa lý tiếng Phạn là tiếng Karma, thiệt tiếng Phạn có nghĩa là làm cái chi phải trả cái nấy, phải bồi thường, ta có thể hiểu nó là khuôn luật "vay trả" đó vậy.

Khuôn luật ấy huyền bí vô cùng, tại liên hệ với chữ Karma. Quyền Chí Tôn tiếng Phạn đề "Boudha, Shama, Saya". Tức nhiên câu niệm của chúng ta: Phật, Pháp, Tăng. Tiếng Karma liên hệ với Pháp như thế ấy, có định luật thiêng liêng của nó, vì không thể lấy trí khôn ngoan của chúng ta mà suy đoán luận biện cho đặng. Chúng ta thấy cũng như cả toàn thể từ xưa đến giờ dầu cho bực Thánh Nhân Hiền Triết ta để con mắt quan sát tiềm tàng

thấy khuôn luật ấy nó vô hình mà nó quả quyết làm sao, chắc chắn làm sao. Người ta kiếm tìm khuôn luật ấy thì thấy rằng: Có một quyền năng vô đối là quyền năng của Đức Chí Tôn, tức nhiên Đấng tự hữu kia để trong tay Đấng đó mới có thể cầm quyền về khuôn luật đó mà thôi. Bởi sự quan sát ta thấy luật hơn quả ấy về cá nhân cũng thế, gia đình cũng thế, xã hội cũng thế, mà nói chung toàn thể nhân quần trên mặt địa cầu này cũng thế. Nhân quả ấy, người ta đã tìm hiểu thấu đáo, hễ càng tìm tòi càng thấy kinh khủng làm sao.

Tỉ như một gia đình, trong một cơ quan tạo dựng gia đình ấy, nó do nơi ác hành tạo dựng, thì gia đình ấy chẳng hề tồn tại. Một xã hội nào, một quốc dân nào do nơi ác mà hành mà tạo nghiệp, thì xã hội đó, quốc dân đó không bao giờ bền vững. Nếu chúng ta không nói quả quyết rằng nó sẽ bị tiêu diệt mà chớ. Hơn quần và cả hơn loại giờ phút này chúng ta thấy quả quyết làm sao không thể gì luận được.

Luận về hơn quả cá nhân ta hay một đại nghiệp ta nói: Tỉ như Tần Thủy Hoàng, muốn đem văn hiến của Ân thay thế văn hiến Nho dám dang tay khi Nho, đốt sách chôn học trò, tưởng thi hành thủ đoạn ấy tiêu diệt nhà Nho được, chúng ta thấy nhà Nho vẫn còn, còn cơ nghiệp của Tần đã tiêu diệt, Bàn Đạo không nói cả cơ nghiệp của Tần mà thôi, mà cả cá nhân của Tần Thủy Hoàng cũng vậy. Ngài Sở Bá Vương vô lấy Ly Sơn rồi biết Tần Thủy Hoàng chôn nhiều vật báu, khi đào lên thì của báu ấy đã tiêu hủy. Chúng ta tưởng coi có một đại cơ nghiệp của nhà Hón, Hón Bái Công đã lấy tính đức lập nghiệp, lấy hơn nghĩa làm căn bản tới 800 năm, khi đến nạn diệt tận rồi cũng còn Hón Hiến Đế nổi nghiệp, qua Hón Chiêu Liệt tức nhiên Lưu Bị biết khí số nhà Hón đã mãn, muốn kiếm phương

kéo dài mãi mún, tức nhiên để lại cho Hậu Chúa một đôi giáp quý vô cùng, Ngài nói với Hậu Chúa tức nhiên Á Đẩu rằng :

Vật dĩ ác tiểu nhi vi chi,

Vật dĩ thiện tiêu nhi bất vi.

Nghĩa là đừng vì ác nhỏ mà làm và cũng đừng vì thiện nhỏ mà không làm. Về cá nhân hay xã hội đều đứng trong khuôn luật ấy cả.

Bây giờ nói về Tôn Giáo, thì Đức Phật Thích Ca cầm Bình Bát Vu đi xin ăn đặng nuôi kẻ nghèo nàn đói khó nói "Cấp cô độc viên" mà cái Đạo của Ngài tới 2.500 năm vẫn còn bền vững, nó vẫn giàu có cả văn minh Phật Giáo đã truyền bá toàn cõi Á Đông này, nếu chúng ta thấy của cái vô biên vô tận của nó, chúng ta không thể gì tính toán được (vô toán).

Thêm nữa Đáng chịu khổ nhục đi ăn xin từ bữa, chịu hèn hạ ấy lại còn bị chúng bắt đóng đinh trên cây Thập Tự Giá "Lên án là kẻ côn đồ" kẻ hung bạo, cướp bóc. Đáng ấy đã tạo Đạo của Ngài. Giờ phút này nếu cả toàn mặt địa cầu này cũng chưa có ai sang cả cho bằng.

Nhơn quả của một người tạo nghiệp hay Nhơn quả của vị tạo Đạo; hai cái đó trọng yếu vô cùng không thể gì luận được.

Nãy giờ nói của người ta, bây giờ mình phải nói tới của mình. Đức Chí Tôn nói với môn đệ của Ngài, Ngài lấy kẻ nghèo khó, hạng nhứt là Ngài đến với một quốc dân hèn hạ, quốc dân còn bị lệ thuộc của người, làm tôi đòi thiên hạ, Ngài lấy phần tử ấy làm Thánh Thể của Ngài mà tạo nền Chơn Giáo, Ngài lấy quốc dân nô lệ trong giờ phút tạo nghiệp của Đạo.

Cả con cái của Ngài tạo dựng nên hình tướng của nó, không cướp bóc của ai không cầu lụy ai cho mình mà làm

cái nhân ấy quý báu làm sao, lại nữa người tượng trưng lấy nó, cơ thể hữu hình là người chủ quyền lo tạo dựng nó, thân phải hèn hạ truân chuyên, bị thiên hạ áp bức đè nén hiếp đến nỗi thân của họ bị đồ lưu, tù tội, cái nhục nhã hèn hạ của họ, ngày nay đem vô luật nhân quả thế nào? Thi toàn thể con cái của Đức Chí Tôn luận lại thì hiểu.

LỜI THUYẾT ĐẠO CỦA ĐỨC HỘ PHÁP

Dâng Tam Bửu.

Đền Thánh, đêm mùng 1 tháng chạp năm Đinh Hợi (1948)

Bàn Đạo xin nhắc lại một phen nữa, khi nào hành lễ lúc dâng Tam Bửu. Hễ dâng Bông lên là dâng cái thể hình của chúng ta đó, ta cúi đầu cầu nguyện Chí Tôn: "Con xin dâng mảnh hình hài của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng".

Khi dâng Rượu cầu nguyện: "Con xin dâng cả trí thức tinh thần của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng".

Khi dâng Trà cầu nguyện: "Con xin dâng cả linh hồn con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng".

Câu chốt nếu ta khôn ngoan nguyện như vậy: "Cả linh hồn, cả trí não, cả hình hài con, Thầy đào tạo đó là của

Thầy thì do nơi quyền hành độc đoán của Thầy định". Đó ta cầu nguyện như vậy với Chí Tôn.

Bần Đạo đã giảng Tam Bửu, tại sao Chí Tôn lấy bông tượng trưng hình hài, Ngài muốn nhìn con cái của Ngài bằng cái giá trị tốt đẹp như con mắt ngó thấy cái bông.

Ngài lấy rượu là muốn tinh thần của loài người cường liệt như rượu mạnh vậy.

Ngài lấy trà là muốn chơn linh ra điều hòa như trà vậy.
Ngài lựa ba món đó cốt yếu là vậy.

Ngày nay Bần Đạo giảng ba ngôi hiệp nhất của Đức Chí Tôn, cả thầy mỗi phen vào Đền Thánh nắm sanh khí ấy tạo cả cơ quan hữu hình này, dầu sắt đá cỏ cây, cả thú vật vạn linh hữu tướng, thuộc về Tăng.

Đứng đầu tiên hết Chí Tôn tức là Phật nắm cả cơ quan bí mật tạo thành Càn Khôn Vũ Trụ.

Đạo này luật thể này, Đạo kia luật thể khác, nhưng không khác hơn Phật Giáo.

Giả thí như Thánh Giáo Gia Tô cũng có ba ngôi (la trinité): Le Père, Le Fils et Le Saint Esprit (Đức Chúa Cha, Đức Chúa Con và Đức Chúa Thánh Thần). Đức Chúa Cha là Phật, Đức Chúa Con là Pháp, Đức Chúa Thánh Thần là Tăng.

Không Đạo giáo nào thuyết minh rõ ràng cơ tạo đoan, lấy thuyết hỗn độn sơ khai phân chia: Khí chi khinh thanh

thượng phù giả vi Thiên, khí chi trọng trực hạ ngưng giả vi Địa. (Hễ khí thanh thì lên Trời, khí trực thì hạ xuống đất).

Cả vật loại hữu tướng này có hai quyền năng sản xuất:

Ngôi Chí Tôn.

Đức Mẹ.

Cả quyền năng ông cha chúng ta đào tạo thế nào, ngày nay quyền năng Chí Tôn cũng đào tạo thế ấy, mà bà mẹ chúng ta thế nào thì mặt luật ấy không khác nào quyền năng vô tận của Phật Mẫu dùng đặng đào tạo Càn Khôn Thế Giới, chúng ta không biết, không thể đoán được, luật ấy không xa.

Chí Tôn là Phật, Phật Mẫu là Pháp, Càn khôn là Tăng, mặt địa cầu này đến 3.000 thế giới cũng là Tăng.

Nắm quyền trị thế là Hạo Nhiên Pháp Thiên chính quyền năng Chí Tôn định, địa cầu này không định khác, chỉ có một mặt Trời này không có mặt Trời khác, trong 24 giờ có một ngày, Đấng cầm quyền trong pháp giới là Hư Vô Cao Thiên vâng mạng lệnh Hạo Nhiên Pháp Thiên làm cho vũ trụ khỏi tương tàn với nhau. Địa cầu này nếu không mặt luật đạo đức thì sanh ra bậy bạ con người không chắc sống.

Bây giờ chúng ta quan sát Hồn Ngươn Thượng Thiên, ngày nay Đức Phật Di Lặc ở nơi Hồn Ngươn Thượng

Thiên cầm cả hành tàng Càn Khôn Vũ Trụ, giờ Ngài đương cầm quyền cả vật loại.

Trước khi nguyện lấy dầu và niệm: Nam Mô Phật, Nam Mô Pháp, Nam Mô Tăng, dám chắc thật đích xác ba ngôi ấy chưa ai biết rõ.

Ngày nay Bản Đạo giảng: Phật là gì? Phật là một Đấng toàn tri toàn năng, người ta lầm lạc tưởng không thấy hình dạng là không có người thể gian lầm lạc nhiều lắm. Họ quả nhiên là người sống hiện tại chỉ khác hơn chúng ta là không có thi hài mà thôi. Đấng toàn tri toàn năng ấy là Đấng đầu tiên hiệp lại với Chí Tôn.

Bản Đạo đã giải nơi Phật có ba cảnh đặc biệt:

1. Hạo Nhiên Pháp Thiên tương liên hiệp một cùng Đức Chí Tôn.
2. Hư Vô Cao Thiên thuộc về Pháp giới cầm cả luật Thiên Điều.
3. Hồn Ngươn Thượng Thiên thuộc Tạo hóa thuộc Tăng. Phật vị có ba đẳng cấp ấy đặng nắm cả quyền năng Càn khôn Thế giới.

Phi Tường Diệu Thiên nắm quyền hành tạo đoan loài người thuộc Phật, đồng thể với Phật.

Tạo Hóa Huyền Thiên thuộc Pháp và có ba quyền tạo đoan thể giải hữu hình này vô cùng tận. Tạo hóa cầm sanh khí để tạo sanh vật.

Phi Tướng Diệu Thiên, Tạo Hóa Huyền Thiên. Bây giờ tới Phi Tướng Diệu Thiên lãnh phận sự nơi Đức Chí Tôn cầm ngươn khí của con người, giữ sanh mạng vạn vật kêu là vạn linh.

Tới Tạo Hóa Huyền Thiên, Phật Mẫu cầm pháp chuyển cơ sanh hóa không cùng tận, cả loài người, cây, cỏ, sắt, đá, cũng tấn lên phẩm người nữa, là nhờ tay của Đức Phật Mẫu nắm Pháp biến xuất. Cả thi hài chơn linh trí não pháp thân luân chuyển sanh sanh tử tử. Nợ sanh tử ấy là bài học của Tạo hóa trong các cơ thể ấy, loài người học làm đặng biết, đặng chi? Đặng tạo Pháp thân huyền diệu được toàn thiện toàn mỹ, toàn tri toàn năng như Phật Mẫu đã làm, ta làm đặng học hỏi tạo Pháp thân do quyền lực thuộc Pháp, hình hài xác thịt thuộc Tăng thấy chúng ta thay đổi lẫn lóc trên đường sanh sanh tử tử cũng như Phật ở tối cao tối trọng, gần Chí Tôn là Hạo Nhiên Pháp Thiên. Các Đấng ấy hữu sanh hữu tử tri khổ nghiệp chướng vạn linh năng du ta bà thế giải độ tận vạn linh đặc qui Phật vị.

Các Đấng ấy đã chịu như chúng ta ngày nay đặng đi đến toàn thiện, đặng toàn tri toàn năng, họ đi trước, mình đi sau, họ cao mình thấp thôi, con đường họ đi mình cũng sẽ tới. Một điều ta nên để ý hơn hết là chúng ta phải hiểu rằng: Mặt thế này chưa biết ai cao ai thấp. Nơi Hạo Nhiên Pháp Thiên một vị Phật cao trọng toàn tri toàn năng gần như Đức Chí Tôn nữa mà xuống tại thế này đặng học, bài học khổ dám làm kẻ ngu dốt lắm.

Chúng ta thấy hình thể một vị Phật Mahâsarouth là một vị Chí Phật như Đức Cakya Mouni đến thế gian bung bình

Bát Du để xin com đăng nuôi kẻ khổ. Một người ăn mày ở thế gian như vậy mà nơi cửa hư không lại có quyền năng vô tận vô đối. Đến Đức Chúa Jêsus Christ là một vị Christna Vichnou đệ nhị kiếp Chí Tôn giảng linh xuống làm một vị bản hèn khổ não để đi xin từ chén com, từ miếng bánh mì đăng nuôi kẻ đói khổ. Đó là bài học trước mắt phạm chúng ta đã thấy.

Đấng Tạo Đao đưa tay xin cho loài người ăn, đó là Người cầm quyền năng nuôi khắp vạn vật Càn Khôn Võ Trụ. Thế gian chưa hề thấy và chưa hề biết.

Kỳ sau Bản Đạo sẽ giảng tiếp.

Lễ Mãn Khóa Hạnh Đường.

Trường Hành Chánh, lúc 4 giờ ngày 10 tháng chạp năm Đinh Hợi (dl. 20-01-1948)

QUYỀN ĐẠO KHÔNG THỂ LÀM NHƯ QUYỀN ĐỜI

Để trả lời Bài Diễn Văn của Nguyễn Hữu Lương thay mặt các vị Lễ Sinh tân phong cảm tạ Đức Hộ Pháp và các vị Giáo Sư.

Ấy là áng văn đầy chơn lý đi thẳng vào tâm hồn của Bản Đạo nó có mãnh lực mạnh mẽ lạ thường. Bản Đạo tưởng, nếu cả thầy đồng thật hành đúng theo lời thuyết văn mới vừa đọc đây thì mỗi đạo sẽ lan tràn tốt tươi vô đối. Bản Đạo lấy làm cảm tình, tuy vắn, mấy em nói bữa tiệc thô sơ, nhưng bữa tiệc này xem lịch sử Đạo trong các bậc Thánh Hiền nước Việt Nam từ xưa nay chưa từng có. Lịch sử của Đức Khổng Phu Tử từ nhà Châu đến giờ nay mới sống lại, nó sống với bữa tiệc này thôi.

Quả nhiên từ ngày mở Đạo thì đã tạo Hạnh Đường, nhưng nó chưa có sanh hồn, nay nhờ bữa tiệc này mà nó có sanh hồn hiển nhiên quý báu vô giá vậy. Tuy vậy, không có gì xứng đáng, nhưng Bần Đạo hưởng được một vật quý giá mà từ trước đến giờ chưa hưởng được.

Trước hết Bần Đạo giải nghĩa cái quyền đương nhiên quyền chánh trị đương nhiên là quyền đời và quyền đương nhiên của Đạo trong thế kỷ 20 này, nền văn minh của Thiên Chúa Giáo truyền khắp cả nhân gian cùng vạn quốc trong hai ngàn năm trước, Đạo Thánh Gia Tô lập quyền Đạo hồi xưa có cảnh tượng như thế nào thì ngày nay nền Đạo Cao Đài của chúng ta cũng thế.

Hiện tượng nền Tôn Giáo của Chí Tôn bây giờ nó giống theo khuôn khổ và cảnh tượng của Thánh Giáo Gia Tô đã truyền, dầu cho ai cũng phải nhìn rằng: Cái công trình của Thiên Chúa Giáo với hơn loại là vĩ đại. Có thể chia ra hai quyền:

1. Là quyền đời đương nhiên (Pouvoir temporel).

2. Là quyền năng của tinh thần (Pouvoir spirituel).

Cái quyền tinh thần ấy biến ra một nền chánh trị đặc biệt riêng của nó như Đền Thánh Vatican ở La Mã là một nước trong vạn quốc, một nước về tinh thần. Cái tương lai Đạo Cao Đài sẽ đi đến đó, không phải mơ hồ mà tưởng chắc quả quyết vậy.

Lập quyền Chánh Trị Đạo Cao Đài cũng như nền Chánh Trị Thánh Giáo Gia Tô nơi Đền Vatican 2.000 năm về trước. Lúc ấy quyền đời và quyền Đạo Thánh Gia Tô chiến đấu và phản khắc nhau trong lúc mà Đạo Thánh Gia Tô đang tạo quyền hành tinh thần đạo đức. Cái chánh trị của Thánh Giáo Gia Tô lập thành được là nhờ lấy từ mảnh mún tinh thần mà tạo nên khối đó vậy.

Cái chánh trị của Đạo Cao Đài cũng thế, nhưng chỉ có một điều khác là người ta làm trước mình làm sau, đường đi chúng ta kỹ lưỡng hơn, trước kia tôi tưởng nó phải gặp nhiều trở ngại nguy hiểm như Thánh Giáo Gia Tô đã đi. Trong hai ngàn năm mới lập quyền vững chắc và mạnh mẽ đặng.

Còn nền Chánh Giáo của Chí Tôn mới 23 năm mà đã nên hình mạnh mẽ, đó là Đức Chí Tôn ban ân huệ cho nước Việt Nam đặc biệt, từ xưa các vị Giáo Chủ trên mặt địa cầu này chưa đạt được như chúng ta bao giờ. Tuy vậy, chúng ta đã chịu nhiều phen khảo đảo ấy, ngó lộn lại đối với các nền Tôn Giáo, các vị Giáo Chủ, muôn phần không có một.

Nền móng của Thiên Chúa Giáo tạo ra khó khăn thế nào, chúng ta noi theo sự sáng tạo ấy đặng tạo nên một nền móng nữa, phận sự rất dễ dàng. Nền chánh trị ấy là một nền chánh trị để phân quyền với quyền đời, quyền đời Bản Đạo chẳng cần luận vì nó là oai quyền như trước mắt chúng ta đã thấy. Bản Đạo chỉ luận về quyền Đạo của chúng ta mới vừa đạt đặng.

Nó cũng quyền hành như ai, nhưng có một điều trọng yếu khác hẳn là quyền đời và quyền đạo cách nhau một trời một vực, như bên này và bên kia, mặc dầu không có mức chính giữa đã định, nhưng bên kia xâm lấn qua bên này một chút thì người ta đã thấy. Hai quyền đều đặc sắc không giống nhau đặng. Cây huệ kiếm của chúng ta không phải là thiết kiếm của thế gian hữu hình mà là huệ kiếm vô hình tức là tinh thần và đạo đức của chúng ta.

Bản Đạo đã nhiều dịp nói rằng: Cả Thánh Thể của Chí Tôn là trường quan lại, nếu quan lại Đạo mà bắt chước đồ theo thể pháp và hình thể của quyền đời, thì xem nó dị kỳ hì hợm lắm. Quyền Đạo nó có hình tướng khác, nó không

quái gở và dị hợm như trường đời chúng ta xem thấy hiển nhiên đó vậy.

Nếu anh họa sĩ đủ tài, đủ năng lực cầm cây bút họa cho nó nên hình tượng, tưởng không có vật báu chi ở thế gian này so sánh được, vì nó có Tiên căn Phật cốt hiện trong đó, để tạo ra hình tượng. Cái hình tượng và tinh thần của Tiên Phật tốt đẹp thế nào không nói ra ai ai cũng biết. Cái hình nó phải muông tượng như thế đó, phải làm cho nó ra hình Tiên cốt Phật các bạn thử xem Tiên, Phật tốt đẹp thế nào, thì trường quan lại của Đạo phải cầm cây viết thiêng liêng vẽ nên hình tốt đẹp như Phật như Tiên vậy.

Nếu rui có một bệt lọ, hay một chút bợn như dính vào thì nó dị hình dị dạng và ô trược lắm. Nó phải cho đẹp để khỏi ngô linh dị nguyệt xu mới đáng. Tỷ như hạng gái kia đi ra đường mà có một bệt lọ lắm trên mặt thì nó đã dị hợm khó coi rồi. Tóm lại là nó phải tinh túy, nếu dính một chút bợn như thì nó sẽ gớm ghê hình dạng mà chớ.

Tôi nói quyết một điều là Chánh Trị Đạo mà có dính một chút của quyền đời thì dị hợm xấu xa lắm vậy. Bởi tinh thần không chịu vật chất, vật chất không hề hòa thuận với tinh thần. Trường quan lại của nền Chánh Giáo Chí Tôn khác hơn đời, chúng ta chỉ lấy đạo đức hơn nghĩa làm quyền, còn ngoài kia họ lấy quyền lực cưỡng bức, hai cái so nhau khác hẳn.

Trong cửa Đạo nếu chẳng biết quyền mình là gì, lại bắt chức đồ theo tâm lý thiên hạ, cưỡng bức vô đạo đức, vô hơn tình thì quả nhiên sai hẳn. Quyền chúng ta là chỉ lấy đạo đức tinh thần của Tổ Phụ ta để lại trong 4.000 năm làm huệ kiểm đề bảo trọng quốc hồn của nòi giống thì mới đúng, còn ngoài ra dùng phương pháp khác là sai lầm.

Tôi nói ít mà các bạn nam nữ hiểu nhiều, tôi chỉ trông cậy các bạn. Vậy tôi xin để cả sự trông cậy của tôi trong tâm

của các bạn là hình thể của Đức Chí Tôn thật hành dùm
nhơn nghĩa của Chí Tôn đã để trước Đền Thánh cho đời
ngó thấy, đặng hưởng lấy hạnh phúc thiên nhiên ngàn xưa
để lại là may mắn cho tương lai con Hồng cháu Lạc.

Chúng ta hãy lấy Nho phong làm căn bản, phục sanh hồn
nước đã điêu tàn, sau 80 năm nô lệ, cho nó phục sanh lại
với cái năng lực làm sống quốc hồn của mình trong 4.000
năm về trước. Như thảng ta vẽ được khéo, được đẹp, thì
người ta đương trông mong cho nó thành tướng. Chừng đó
chúng ta không muốn bán cũng có kẻ mua, chẳng phải một
nước Việt Nam này thôi, mà toàn cầu vạn quốc nài mua
mà chớ.

Nhưng phải làm sao cho nên hình tướng để có đủ quyền
năng bảo trọng cả toàn cầu nhơn loại đặng tồn tại, sống
trong tinh thần đạo đức, trong sự công bình yêu ái của Chí
Tôn gieo trồng nơi cửa Đạo. Đến chừng ấy chúng ta có thể
trương tấm bảng lên rằng: Nền Đạo Cao Đài làm môi giới,
căn bản nền đại đồng thế giới đó vậy.

Bần Đạo tưởng ly rượu nồng ngày hôm nay là ly rượu
trường sanh bất tử, bởi đây là nơi sản xuất hột giống
trường sanh bất tử. Ly rượu trường sanh này, các bạn đừng
khinh rẻ nó.

Trước khi từ giã, cảm ơn các vị Giáo Viên và chư vị Tân
phong nam nữ đã cho Bần Đạo hưởng được mùi ngon, vị
ngọt rất hay ho.

Bần Đạo để lời cảm ơn.

TAM DỤC: THỂ DỤC, TRÍ DỤC VÀ ĐỨC DỤC.

Đền Thánh đêm 14/6 năm Nhâm Thìn (1952)

Đêm nay Bần Đạo giảng về Tam dục, dục đây là lấy chữ
dục tức nhiên là nuôi.

Vả chẳng trong kiếp sống của chúng ta nơi thế gian này, chỉ chúng ta có ba món cần ích đặng định mạng của chúng ta, sống nơi mặt thế này ba món trọng yếu ấy nó phải nuôi dưỡng ta như : Đói khát chúng ta phải ăn, phải có nó mới sống. Ba món ấy là: Thể dục, Trí dục và Đức dục. Chúng ta nói chữ dục tức nhiên chúng ta có thể nói rằng dưỡng dục. Ba món ấy có ba chủ quyền của nó đặc biệt, thân thể chúng ta đã nên người đây, đương sống đây chúng ta thọ ân vô biên vô tận trong kiếp sinh của ta là cha là mẹ. Nếu hai Đấng ấy không có dưỡng dục ta, thì ta đã chết, đã tiêu xác hòi nào rồi. Điều ấy Bản Đạo không cần phải minh biện rõ rệt cho lắm, cả toàn thể con cái Đức Chí Tôn Nam cũng vậy, Nữ cũng vậy có con có cháu điều ấy. Bởi thế Tiên Nho chúng ta đã có nói: "Dưỡng tử phương tri phụ mẫu ân". Chúng ta có nuôi con mới biết được ơn cha mẹ đã sanh thành dưỡng dục.

Ấy vậy quyền năng dưỡng dục về thể dục ta, đó thuộc chủ quyền cha và mẹ ta, nếu không có nhờ mớm cơm vú sữa thì thân ta ngày hôm nay không được làm người đây, thử lãnh đạm đi, thì hải phạm tục đã bị tiêu hủy rồi, không tiêu hủy về phương diện này, cũng tiêu hủy về phương diện khác, đừng nói chi không có nuôi dưỡng chăm nom săn sóc thì phạm chúng ta, thử nghĩ coi chúng ta có thể sống được hay chẳng. Điều ấy cả thầy đều ngó thấy dễ dàng không cần phải luận.

Trí dục, trí của chúng ta đã khôn ngoan tài tình, hễ có trí thì có tài mà ai cần dùng tài của chúng ta và ta lấy trí ấy nơi đâu mà đặng, tức nhiên ta phải nhớ đồng sống cùng xã hội nhơn quần, tức nhiên đồng sống cùng chủng tộc, ta mới có thể mở mang trí lực được. Có đồng sống với họ, họ mới mở quyển sách đòi cho ta đủ khôn ngoan tài đức, ta mới đồng sống với họ đặng. Thảng như chúng ta thiếu,

Bần Đạo nói thiếu, Bần Đạo quả quyết duyên cớ hiển nhiên rằng: Thử bỏ xã hội nhơn quần chúng ta lên non cao rừng rậm chúng ta ở tù thuở bé xuân, thì con người chúng ta sự khôn ngoan sẽ thiếu kém, trí thức chúng ta không thể mở mang đặng rộng rãi hoạt bát như chúng ta đã đồng sống trong xã hội nhơn quần. Mà xã hội nhơn quần cần yếu chúng ta có trí tài đặng chi? Đặng chúng ta mới có phương thế giúp ích cho họ, nếu không đủ trí tài thì chúng ta sẽ làm một con vật mà thôi, làm một vật ăn bám của xã hội nhơn quần không có hữu ích gì hết. Bần Đạo nói đây cả thầy con cái của Đức Chí Tôn ngó thấy một người ngờ ngờ không đủ trí, ngu xuẩn thì bao giờ họ cũng chỉ làm bậy làm quấy, không thể gì biểu họ làm điều phải với hay cho đặng. Hạng nhứt xã hội nhơn quần sợ cái đó hơn hết, nên cần nhứt họ phải giáo hóa mở mang trí lự toàn thể quốc dân của họ. Ấy vậy lập trường họ viết sách, họ luận biện họ thuyết cả lý do chia sống của chúng ta, họ đem cả phương pháp tạo cho đặng trí tài ấy hầu giúp ích cho sự sống cùng toàn thể chủng tộc của họ.

Ấy vậy về trí dục là về phần của xã hội nhơn quần, nói trắng ra thuộc về phận sự tối yếu tối trọng của quốc gia xã hội của nhà nước.

Bây giờ tới đức dục phải lập đức, họ có kiếm nơi nào không được hay chẳng, không phải do quyền thiêng liêng mà có, chúng ta tự tạo lấy mà có, chớ không hề xin ai đặng, chưa xin ai mà đặng. Nơi mặt thế này thì bao giờ cũng tranh sống thì chẳng hề khi nào chúng ta định quyết họ đã lập đức, với sự tranh đấu kịch liệt của họ, mà họ đã lập đức đặng, chữ đức ấy thiên hạ đã nói khẩu thuyết rất nhiều, mà thiết tưởng của họ tưởng cả phần đông xã hội nhơn quần nơi mặt thế này, giờ phút này Bần Đạo đứng tại

tòa giảng nói rằng: Chưa biết kiếm nơi nào cho đặt phương pháp lập đức ấy, chưa biết nơi đâu mà họ tìm. Nếu xã hội nhơn quần mà có đức, cả toàn nhơn loại mà có đức, thì trường tương tàn tương sát kia đương náo nhiệt không thể có được, bị họ thiếu đức ấy, mà thiên hạ đã điên đảo, thiên hạ đã thống khổ tương tàn tương sát với nhau, không buổi nào trên mặt thế gian này đặng hòa bình, là thiên hạ do thiếu đức. Tiên Nho của chúng ta đã có giáo hóa dân mà thôi, nói một câu rất hay: "Tích kim dĩ di tử tôn, tử tôn vị tất năng thủ; tích thốn dĩ di tử tôn, tử tôn vị tất năng độc; bất như tích âm đức, ư minh minh chi trung dĩ di tử tôn trường cửu chi kế". Nghĩa là: Chúng ta để vàng, cho con chưa biết con giữ gìn còn hay chẳng, chúng ta để sách cho con cốt yếu mong cho nó làm quan, trên thiên hạ, khôn hơn thiên hạ, giỏi hơn thiên hạ, trí tài hơn thiên hạ, chưa biết nó đọc hay chẳng, chẳng bằng chứa đức lại nó vẫn còn tồn tại mãi thôi.

Lập đức, bây giờ chúng ta để dấu hỏi đức ấy tìm đâu mà có? Bản Đạo lại giải nghĩa quả quyết rằng: Ngoài cửa tinh thần đạo đức ở đâu mà có được món ăn thiêng liêng ấy, duy có trong cửa Đạo Cao Đài này mà thôi. Bản Đạo lại còn nói quả quyết rằng: **Bất kỳ Tôn Giáo nào giúp cho ta đạt đặng cái đức, nền chơn giáo ấy gọi là chơn. Nhưng bất kỳ Tôn Giáo nào dẫu họ đem lý thuyết cao siêu bao nhiêu mà giục nhơn sanh tàn ác vô lương thất đức, thì nền tôn giáo ấy bất quá là giả Đạo.** Chúng ta thử nghĩ lại coi cửa Đạo Cao Đài chúng ta, Đức Chí Tôn lấy triết lý nó là gì, thử coi chúng ta lập đức được hay không suy đoán coi? Ông đến Ông tuyển chọn lương sanh làm Thánh Thể của Ông, mà phụng sự cho nhơn loại đương thống khổ, tương không nền chơn giáo nào tu tâm có năng lực hơn phương pháp ấy.

LỜI THUYẾT ĐẠO CỦA ĐỨC HỘ PHÁP
VÍA QUAN THÁNH ĐẾ QUÂN - QUYỀN HÀNH TAM
TRẦN OAI NGHIÊM.

Đền Thánh đêm 29/6 năm Nhâm Thìn (1952)

Hôm lễ vía Quan Thánh Đế Quân, Bàn Đạo đã có nói đến quyền hành của Ngài về Tam Trần Oai Nghiêm, có liên quan với cái lễ tối trọng tối yếu của chúng ta là phải dâng Tam Bửu cho Đức Chí Tôn. Bàn Đạo đã có dịp giảng về Tam Bửu ấy. Tỷ như một người kia tìm Đạo, người ta thấy mình dâng ba món ấy mà mình gọi là ba báu, rồi người ta để mắt thấy Bông, Rượu, Trà người ta để dấu hỏi (?), ba món ấy báu lắm hay sao? Báu ấy là báu gì ? Bàn Đạo đã giảng ba cái đó tượng trưng cho báu vật của ta là: Thứ nhứt thân phàm xác thịt của chúng ta đây, thuộc về Tinh, Bông tượng trưng xác thịt. Thứ nhì là trí não của ta, khôn ngoan hơn vạn vật gọi là Khí, Rượu tượng trưng cho trí não. Thứ ba Trà tượng trưng cho linh hồn của chúng ta là cái hàng sống thiêng liêng của chúng ta, nó mới gọi là ba cái báu. Thật ra chúng ta suy nghĩ coi không có gì quý hơn xác thịt ta, trí óc ta và linh hồn ta hơn hết.

Đức Chí Tôn đến biểu chúng ta dâng ba báu vật ấy cho Ngài, Ngài không đòi hỏi dâng cho Ngài cái gì khác. Giả tỷ như đời Thượng Cổ nhơn loại dâng cho Ngài tới sanh mạng con người, nên người ta phải giết người để làm tế vật. Sau đó thay thế mạng sống con người, nhơn loại lại dâng Tam sanh tức nhiên bò, trâu, heo và sau nữa bên Âu Châu theo Đạo Do Thái thì dâng cho Đức Chí Tôn một con chiên trắng, con chiên ấy phải trắng như tuyết mà thôi. Giờ phút này Đức Chí Tôn đến biểu chúng ta dâng Tam Bửu : Bông, Rượu, Trà; tưởng đâu là gì, thiên hạ nói báu gì đâu ba món ấy gọi là báu. Ai ngờ ba món báu ta dâng

cho Ngài là báu vật, bởi vì Ngài là Chúa của ta, Ngài tạo sinh ta, Ngài là Cha của ta về phần hồn và phần xác, Ngài đòi ba món quyền sở hữu của Ngài cho ta, lấy ba món báu của ta đó vậy.

Bây giờ nếu như người tầm Đạo kia nói: Tôi không biết Ông đòi ba món ấy để làm gì? Và tôi không biết Ông dùng ba món báu ấy là xác thịt, trí não và linh hồn của mình để Ông làm gì? Người ta để dấu hỏi, tức nhiên ta phải trả lời. Chúng ta đã thấy hiện tượng Đức Chí Tôn đến qui Tam Giáo: Nho, Thích, Đạo, lấy cả tinh thần đạo đức của ba nền Tôn Giáo ấy dựng làm môi giới chuẩn thẳng. Rồi lập thêm làm gì Tam Trấn Oai Nghiêm? Có phải chăng lập Tam Trấn Oai Nghiêm là để bảo vệ ta, và Tam Trấn Oai Nghiêm có bốn phận dâng lên cho Đức Chí Tôn, sự thật như vậy. Nếu không phải vậy Đức Chí Tôn chẳng hề khi nào sắm Tam Trấn Oai Nghiêm ra làm gì cho chúng ta thờ phượng, ấy vậy Tam Trấn Oai Nghiêm tượng trưng ba báu vật ấy.

Đức Quan Thánh tượng trưng Tinh, tức nhiên tượng trưng xác thịt của chúng ta, vì cái sống trong xã hội như quần của chúng ngày nay không có cái giá trị nào bằng giá trị Tinh, Khí, Thần, quả vậy tôi tưởng chắc rằng: Nếu chúng ta có mảnh thân phàm này mà muốn cho nên, đứng cho vững vàng, đáng giá nơi thế này, kiếp sống ta không có một kiểu vỡ nào, không một nền Tôn Giáo nào có tôn chỉ đặc biệt về xã hội như quần của chúng ta hơn là Nho Giáo.

Ấy vậy hôm kỳ vía của Ngài, Bàn Đạo đã có nói Ngài tượng trưng Tinh, tức nhiên Ngài là đại diện của Nho Tông chuyên thế đó vậy. Bàn Đạo đã có thuyết minh nêu trong cử chỉ hành tàng kiếp sống của chúng ta, chúng ta có

thê học đòi theo cả hành tàng của Ngài, lấy Xuân Thu làm chuẩn thẳng lập chí. Tưởng nếu cả toàn thiên hạ lập chí cho xã hội, phục vụ cho xã hội đường này, tôi tưởng hơn loại không hạnh phúc nào cho bằng.

Bây giờ nói Đức Lý, tức nhiên anh cả Thiêng Liêng chúng ta giờ phút này, Đấng Thiêng Liêng đến cầm quyền Giáo Tông trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ mà cũng là Nhứt Trấn Oai Nghiêm nữa, Ngài đại diện cho Tiên Giáo đó, mà Tiên Giáo chúng ta đã thấy gì? **Thấy kiểu vở Tiên Giáo trong tinh thần chữ Đạo.** Phải chăng Đức Ngài chỉ cho chúng ta thấy chữ Đạo là gì? Đạo là cái sống. Cái sống mà thiên hạ đã biết, nhưng mà không hiểu hình trạng và tướng diện của nó, bí mật của nó thiên hạ nơi thế gian này chưa biết, Bản Đạo lấy một tỷ thí như nam nữ phối hiệp nhau, sao lại sanh ra đứa bé, cái bí mật đó là gì? Trứng gà, nếu có trống khi ấp lại nở ra con, cái sống đó là gì? Đức Lão Tử gọi đó là Đạo. Đạo ấy trong cái sống tối thiểu, có cái sống tối đại của nó. Cũng như cái sống bí mật của ta, đương giờ phút này, đương nhiên sống với bạn đồng sinh của ta đây. Ngoài ra cái sống nữa, cái sống bí ẩn, sống thiêng liêng mà Đức Chí Tôn gọi là sống, hằng sống của Ngài ban cho ta đó vậy, đấy là Đạo.

Ấy vậy, Đức Lão Tử đã dạy cho trí khôn ngoan, của loài người mở rộng cái sống bí ẩn sống với vạn linh, trong sự sống của Càn Khôn Vũ Trụ. Các người bảo trọng cái sống của các người, thì các người phải cung kính thờ phụng cái sống của vạn linh. Ấy là Ngài dạy cho ta tôn sùng cái sống, tức nhiên trí não của mình mở mang, hiểu sống đã là Đạo mà người thay quyền cho Đạo Lão tức nhiên Đức Lão Tử đặt cầm giềng mỗi giữ gìn cái mực thước sống của chúng ta cho còn tồn tại đó vậy.

Ấy vậy Đức Lý tượng trưng cho cả trí não tinh thần chúng ta, bảo vệ Đạo tức nhiên bảo vệ sống còn của Nhơn loại vạn linh. Thuộc về Khí.

Về phần Đức Quan Thế Âm Bồ Tát, Ngài tượng trưng cho linh hồn chúng ta, phải chăng chúng ta sanh ở thế gian này đương mang nặng thi hài xác thịt này, cả toàn Nhơn loại trên mặt địa cầu có mặt nơi đây, phải chăng do quả kiếp của họ, Bần Đạo không nói trọn hết thầy bị quả kiếp, cũng có những Đấng lãnh sứ mạng của Đức Chí Tôn đến giáo Đạo dìu dắt Vạn linh. Hại thay! Chín mươi hai ức nguyên nhân cũng vì sứ mạng tối yếu tối trọng ấy thay vì lãnh sứ mạng của mình trọn vẹn, lại quá ham sống, gây nên tội tình phải bị sa đọa. Thành ra một ông Thầy đến giáo Đạo lại trở thành một học trò quá tệ hơn trò nữa.

Chín mươi hai ức nguyên nhân, giờ phút này có một điều thắc mắc hơn hết, chúng ta thấy trong Vạn linh, con người tối linh hơn vạn vật, mà ta ngó thấy có thứ người không phải người, họ đã mang xác thịt làm như người mình, họ tàn ác dối trá gian ngược, làm cho các Đấng Thiêng Liêng hay là người đạt Đạo ở thế gian này cũng vậy để dấu hỏi, đến phẩm người mà vậy, hỏi họ có đáng làm người không? Họ có đáng ngồi trong phẩm vị đại hội này, hay tiểu hội vật loại? Nếu chúng ta để nhóm người đó ở trong tiểu hội vật loại thì bất công, chính mình người ta đã đạt tới nhân phẩm, nếu để trong đại hội, trong nhân phẩm thì không đáng vị, bởi vì cứ cho nên Đạo giáo để phẩm Maya, tức nhiên quý vị, phẩm vị riêng biệt là "quý vị".

Ấy vậy Đức Quan Âm Bồ Tát là một Đấng Thường Du Nam Hải, các cửa Phong đô nơi Cửu tuyền đài kia, là con đường của Ngài đi lên đi xuống không biết mấy lần, không biết thế kỷ nào dứt, để tận độ cho thiên hạ, Ngài tượng trưng cho một cơ thể thiêng liêng giải cả oan nghiệt tội

tình, giải cả Nhơn quả cho chúng sanh đạt vị, tức nhiên đạt cơ giải thoát. Hỏi có người nào tượng trưng cho Đấng đó hơn Quan Thế Âm Bồ tát không? Ba cái gương ba kiểu võ kia đặc biệt chúng ta không thể gì làm được.

Kỳ tới Bàn Đạo sẽ giảng liên quan mật thiết Tôn chỉ về Tam Giáo Ngũ Chi.

LỜI THUYẾT ĐẠO CỦA ĐỨC HỘ PHÁP

LỄ HỘI YẾN ĐIỀU TRÌ KIM MẪU TỨC LÀ ĐỨC ĐẠI TỪ MẪU.

Đền Thánh ngày 14-8 năm Nhâm Thìn (1952)

Thưa cùng Chư Chức Sắc Thiên Phong, Chư Đạo Hữu Nam, Nữ Lương Phái.

Đêm mai đây là đêm thuyết Lễ Hội Yến Điều Trì. Bàn Đạo đã minh thuyết nghĩa lý cuộc lễ. Theo Cựu Luật hễ khi nào chơn thần của chúng ta, tức nhiên lời ngoài đời gọi là cái "Vía" của chúng ta đây, mà được trở về cùng Mẹ Sanh của chúng ta, tức nhiên Đức Điều Trì Kim Mẫu, thì ta đã đạt Pháp và đã thoát kiếp nghĩa là ta đã đoạt Đạo.

Từ trước biết bao nhiêu Đấng đã tìm Đạo khó nhọc gay go không biết mấy trăm kiếp đã chịu khổ hạnh, nâu sòng đã đạt Pháp, tức nhiên đạt Đạo, thời buổi đó loài người đi tìm Đạo, ngộ nghĩnh thay thời buổi này Đức Chí Tôn lại đến mở Đạo, lại để cho Đạo đến tìm ta, khi Đức Chí Tôn đến mở Đạo rồi thì Ngài đã giao cả Thánh Thể của Ngài cho Đức Phật Mẫu, nghĩa là: Đại Từ Phụ khi đã đến nhìn con cái của Ngài rồi Ngài liền giao cả con cái của Ngài lại cho Đức Đại Từ Mẫu của chúng ta đó vậy.

Hạnh phúc thay cho nhơn sanh đã có toàn vẹn Cha Mẹ, nương dưới bóng tử bi của hai Đấng ấy. Hỏi thử chúng ta còn hạnh phúc chi hơn nữa hay chăng?

Ở dưới mặt thế gian này nếu chúng ta đạt được cái đặc ân thiêng liêng ấy, hưởng lòng yêu ái vô tận của thân sinh ta là cha và mẹ, thì thiên hạ gọi là đã quá hạnh phúc rồi.

Còn hôm nay phân hồn, phân Thiêng Liêng của chúng ta đã rui sanh nơi cõi thảm khổ này mà đặng Cha Mẹ đến cùng ta, lại cùng chia sót khổ não với ta, hỏi thử cái hạnh phúc ấy dường nào.

Thưa các bạn đồng sanh cùng Bản Đạo, nghĩa lý Đức Chí Tôn và Phật Mẫu đến, chắc cả thầy các bạn cũng đã hiểu rồi, nhưng đến đặng chi? Đến đặng nhắc ta, dầu cho cảnh khổ não các con đã mang thi hài xác tục này chịu Tứ Khổ, tức nhiên Tứ Diệu Đề các con nên nhớ rằng, các anh em đồng sanh cùng các con cũng chịu trong Tứ Khổ ấy. Nếu các con biết phận sự của mình, phận sự Thiêng Liêng yếu trọng là các con nhìn nhận cả toàn nhơn loại, tức nhiên cả chúng sanh là anh em đồng khổ của các con đó vậy. Ngày giờ nào các con biết Đạo nương dưới lẽ ấy, cái lẽ trọng yếu ấy, phận các con là đặc phận ấy làm mammals thương yêu vô hạn, hầu một ngày kia các con trở về ngôi vị không thẹn nhìn nhau trong một kiếp sanh dù có sống trăm tuổi chẳng qua là một giấc chiêm bao mà thôi. Một giấc huỳnh lương thảm khổ này không vui sướng gì, chúng ta biết cả thầy đồng khổ cả.

Nếu chúng ta biết chun xuống "cái mò khổ não sâu sắc đau đớn" đặng lấy cái khối ngọc vô đối của Chí Tôn dành để

cho chúng ta, là cái khối từ bi bác ái vô tận của Ngài đã để trong tâm hồn ta đồng sống với nhau trong một khối ấy, thì kiếp sống của chúng ta nó hạnh phúc là dường nào.

Nhưng trái ngược lại, quả kiếp của kiếp sanh của chúng ta hiện nay sẽ trở nên trường tranh đấu tàn sát lẫn nhau, nếu Bản Đạo nói quả quyết kiếp sanh vô vị ấy, nó có thể nào lôi cuốn chúng ta sẽ tới tận đờ chi khổ hay là xuống cửa địa ngục luân hồi đời đời kiếp kiếp. Thử so sánh hai lẽ ấy rồi ta lựa chọn lẽ nào? Lấy trí khôn ngoan mà suy đoán tưởng cả thầy con cái Đức Chí Tôn đã ngó thấy khổ não ấy, và đã suy đoán nhiều rồi. Bản Đạo chỉ mơ ước Đức Mẹ và Đại Từ Phụ ban hồng ân cho cả thầy con cái của Ngài khôn ngoan hơn nữa, đừng định phận đối với bạn đồng sanh của mình. Tạo lập hạnh phúc của mình đừng hay chẳng, là hưởng được lòng yêu ái của hai Đấng ấy, rồi lấy lòng yêu ái ấy rải khắp cho toàn nhơn loại được hưởng. Ấy là bổn phận của chúng ta khi Chí Tôn đã nhọc nhằn đến giao phó cho chúng ta đó vậy.

Thánh giáo hỏi: Vậy chớ cái trí khôn của con người mà toàn trong nhơn loại đều có, khi rớt cuộc thì trí khôn ấy đi đâu...

Khai đàn tại Phước Long Tự,
Chợ Đệm. 1 Mars 1927
THẦY các con

Cái tình cảm hóa của con người là tình thường ứng hiệp Trời Đất, cho nên khi tâm tịnh thường cảm hoài, hằng tìm nơi u huyền mà nghĩ nghĩ trong trí khôn ấy là kẻ có sẵn tình ý thiên nhiên Tạo Hóa; còn có một hạng người cũng có tánh thiêng liêng ấy, nhưng lại không để trí khôn vào lối cao thượng, mà cứ quen thói hung hăng, nghĩ những

việc bạo tàn làm những điều tội lỗi; ấy là những kẻ nghịch Thiên, không biết luân hồi là chi cả. Chúng nó lại tưởng rằng kiếp người là kiếp sống chỉ có giây giờ rồi tiêu mất, nên tìm những chức sâu, kế độ cho đặng của nhiều, no lòng sướng dạ, trôi kệ luân hồi.

Thầy hỏi: Vậy chớ cái trí khôn của con người biết thương ghét, vui, buồn mà toàn trong nhơn loại đều có; khi rớt cuộc thì trí khôn ấy đi đâu? Không lẽ cái trí khôn ngoan dường ấy mà cũng mất đi đặng sao các con? Thầy hỏi như vậy đặng cho các con mỗi đứa về suy nghĩ mà trả lời cho mình.

Hễ trả lời phù hợp thì dễ biết Đạo, còn ngu xuẩn cũng hườn ngu xuẩn...

Thầy dạy Nữ phái biết trọng Tam Tùng Tứ Đức; Nam phái Tam Cang Ngũ Thường. Hễ nhơn đạo thành thì là phù hợp Thiên đạo, nghe à!

Thánh giáo dạy: Nếu muốn đắc quả thì chỉ có một điều phổ độ chúng sanh mà thôi.

Đại Đàn Cầu Kho 5 Mars 1927

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ VIẾT CAO ĐÀI
GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG

Chư ái nữ ôi! Các con thường để mắt dòm lên thấy kẻ cao sang thì các con cho rằng các con vô phước; còn nhìn xuống thấy đồng chủng thấp hèn thì các con lại đem lòng khi bạc. Ấy là một điều vô đạo. Thầy khuyên các con phải mở rộng trí ra mà thương nhơn loại thì mới hợp ý Thầy. Các con phải giữ gìn đức hạnh, đối với kẻ trên bằng chữ khiêm hòa, đối với kẻ dưới bằng chữ khoan dung. Nghe các con!

Nam phái... Chư môn đệ mới! Các con nghe:

Bấy lâu vì lẽ công bình Thiên Đạo nên các con chịu lắm điều đau đớn mà cũng vì không biết tu luyện cái chí cao thượng của Thầy ban cho, cứ một lối thấp hèn quanh quẩn chẳng cho trí não ra khỏi vòng mờ tối, cho nên bước đường hóa nên trở ngại mà lâu tấn bộ. Vậy từ đây các con đã nhập môn thì phải để ý vào đường chánh giáo mà cùng nhau bước tới cho khỏi lối chông gai. Các con đừng vì tư lợi mà làm mất nhơn cách thì rất uổng cái điểm linh quang của Thầy để vào xác thân của các con lắm. Các con nghe à!